

PHẦN 1: SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Giới thiệu về cơ sở đào tạo

Trường Đại học Nam Cần Thơ được thành lập ngày 25/01/2013 theo quyết định số 230/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Trường có trụ sở chính tại số 168, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài) Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ với diện tích đất được quy hoạch trên 30,8 hecta và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học hơn 62.500 m² đáp ứng được nhu cầu đào tạo học tập của trên 12.000 sinh viên.

Hiện nay, Trường Đại học Nam Cần Thơ đã xây dựng hoàn thành hệ thống cơ sở hạ tầng kiến trúc qui hoạch thống nhất bao gồm: hệ thống khu nhà hiệu bộ, khu giảng đường lý thuyết, phòng học ngoại ngữ, tin học, cùng với các phòng thực hành thí nghiệm phục vụ nhu cầu nghiên cứu và học tập của sinh viên.

Cuối năm 2014, Trường ĐH Nam Cần Thơ đã đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng Khu ký túc xá với diện tích hơn 10.000 m² được xây dựng theo mô hình khu phức hợp khép kín, hiện đại dành cho HSSV với nhiều loại hình dịch vụ như: phòng đọc sách, phòng internet... với diện tích hơn 10.000m², có sức chứa khoảng 1.500 HSSV, đáp ứng nhu cầu nội trú của HSSV tại trường.

Vào tháng 10/2015, Trường đã đưa vào sử dụng khu Hiệu bộ, giảng đường hiện đại được xây dựng trong khuôn viên rộng 50.500m², có diện tích sàn sử dụng 10.800m². Tổng vốn đầu tư khoảng 55 tỉ đồng.

Nhân dịp Lễ khai giảng năm học 2016 – 2017, công trình Khu giảng đường, phòng học khối chữ I được xây dựng với tổng diện tích sàn xây dựng hơn 10.000m², gồm 04 tầng nổi và 01 tầng hầm cũng được khánh thành đưa vào sử dụng.

Cuối tháng 9/2017 trường Đại học Nam Cần Thơ đã đưa vào sử dụng công trình Thư viện điện tử với lối kiến trúc hiện đại, ứng dụng đồng bộ các giải pháp công nghệ tự động trong quản lý, vận hành và các tiện ích sáng tạo truyền cảm hứng cho người đọc, nghiên cứu khoa học. Trung tâm Thư viện điện tử Trường Đại học Nam Cần Thơ được xây dựng với quy mô một trệt, ba lầu. Diện tích sử dụng trên 4.200m², kinh phí đầu tư trên 50 tỷ đồng, cùng lúc phục vụ 2.000 người đọc... Công trình xây dựng Trung tâm Thư viện điện tử Trường Đại học Nam Cần Thơ là dự án quan trọng góp phần phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Dự án không chỉ góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng, mà còn là bước

đi quan trọng để Đại học Nam Cần Thơ hoàn thiện mô hình xây dựng Trường trở thành Trường Đại học theo hướng nghiên cứu ứng dụng.

Để phục vụ nhu cầu đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô và ngành Kỹ thuật cơ khí động lực, trường Đại học Nam Cần Thơ cũng đã xây dựng nhà xưởng thực thành Cơ khí – ô tô tại khuôn viên nhà trường với diện tích hơn 1.200 m², công trình đã được khánh thành và đã đưa vào sử dụng trong tháng 07/2018. Mặt khác, nhà trường cũng đang xây dựng Showroom ô tô Nam Cần Thơ DNC tại đường song hành, quốc lộ 1A, khu dân cư Hồng Loan – Quận Cái Răng – Tp.Cần Thơ, diện tích sàn xây dựng 5.400m² với tổng vốn đầu tư hơn 150 tỷ đồng. Tháng 03/2020 Showroom ô tô Nam Cần Thơ DNC đã khánh thành đưa vào sử dụng. Showroom ô tô Nam Cần Thơ DNC là nơi thực hành thực tập cho sinh viên thuộc khối ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô nói riêng và các ngành thuộc khối ngành Cơ khí động lực nói chung.

Sáng ngày 24/7/2018, Trường Đại học Nam Cần Thơ đã làm lễ khởi công xây dựng Khối thực hành đa chức năng và khởi công xây dựng Hồ bơi DNC tại trường. Khối thực hành đa chức năng của Trường Đại học Nam Cần Thơ được xây dựng với quy mô 01 tầng hầm, 01 tầng trệt, 04 tầng lầu và 01 tầng thượng. Diện tích sàn xây dựng 14.800m², tổng kinh phí đầu tư 150 tỷ đồng, do Trường Đại học Nam Cần Thơ làm chủ đầu tư và Tập đoàn Nam Miền Nam là nhà thầu thi công. Công trình được thi công trong thời gian dự kiến là 18 tháng. Khối thực hành đa chức năng của Trường Đại học Nam Cần Thơ là dự án quan trọng góp phần phục vụ công tác giảng dạy, đào tạo thực hành – thí nghiệm và nghiên cứu khoa học, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng, bước đi quan trọng để DNC hoàn thiện mô hình xây dựng Trường trở thành Trường Đại học theo hướng nghiên cứu ứng dụng, mô hình thành lập doanh nghiệp trong trường học.

Để phục vụ nhu cầu học tập, thực hành – thực tập cho sinh viên khối ngành sức khỏe cũng như đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho người dân, ngày 05/12/2018, Trường Đại học Nam Cần Thơ đã khởi công xây dựng Bệnh viện Đa khoa Nam Cần Thơ tại khu dân cư Nam Cần Thơ với tổng vốn đầu tư hơn 800 tỉ đồng. Bệnh viện Đa khoa Nam Cần Thơ có 09 tầng với quy mô 300 giường bệnh (Giai đoạn 1 xây dựng 200 giường và giai đoạn 2 xây dựng 100 giường) có diện tích xây dựng gần 25.000m². Bệnh viện Đa khoa Nam Cần Thơ đã khánh thành và đưa vào sử dụng tháng 6 năm 2022.

2. Kết quả khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ đại học ngành Thương mại điện tử

2.1. Tổng quan

Việt Nam hiện là một trong những quốc gia được đánh giá có tiềm năng trong phát triển TMĐT. Theo báo cáo Digital Marketing Report 2021 của Adsota, 44% người dùng Việt Nam lựa chọn mua sắm qua các sản phẩm TMĐT. Kết thúc năm 2020, TMĐT Việt Nam tăng trưởng 18% với quy mô đạt 11,8 tỷ USD.

Theo Kế hoạch tổng thể phát triển **thương mại điện tử (TMĐT)** quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 của Chính phủ, đối với phát triển nguồn nhân lực cho TMĐT, phấn đấu đến năm 2025, 50% cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp triển khai đào tạo về TMĐT; 1 triệu lượt doanh nghiệp (DN), hộ kinh doanh, cán bộ quản lý nhà nước, sinh viên được tham gia các khóa đào tạo về kỹ năng ứng dụng TMĐT.

Tuy nhiên, hiện nay, **nguồn nhân lực** cho TMĐT ở nước ta hiện nay thực sự đang thiếu hụt cả về số lượng và chất lượng, bởi đa số các ứng viên trong lĩnh vực này chưa được đào tạo bài bản, chuyên sâu. Trong bối cảnh đó, việc đẩy nhanh đào tạo nguồn nhân lực cho lĩnh vực TMĐT trở thành nhiệm vụ cấp thiết hiện nay.

2.2. Cơ sở lý thuyết

a. Nguồn nhân lực

Theo quan điểm của Ngân hàng Thế giới, nguồn nhân lực là toàn bộ vốn con người bao gồm thể lực, trí lực, kỹ năng nghề nghiệp... của mỗi cá nhân. Như vậy, ở đây, nguồn lực con người được coi như một nguồn vốn bên cạnh các loại vốn vật chất khác: vốn tiền tệ, công nghệ, tài nguyên thiên nhiên.

Trong khi đó, theo Tổ chức Lao động Quốc tế, nguồn nhân lực của một quốc gia là toàn bộ những người trong độ tuổi có khả năng tham gia lao động. Nguồn nhân lực được hiểu theo hai nghĩa. Theo nghĩa rộng, nguồn nhân lực là nguồn cung cấp sức lao động cho sản xuất xã hội, cung cấp nguồn lực con người cho sự phát triển. Do đó, nguồn nhân lực bao gồm toàn bộ dân cư có thể phát triển bình thường. Theo nghĩa hẹp, nguồn nhân lực là khả năng lao động của xã hội, là nguồn lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội, bao gồm các nhóm dân cư trong độ tuổi lao động, có khả năng tham gia vào lao động, sản xuất xã hội, tức là toàn bộ các cá nhân cụ thể tham gia vào quá trình lao động, là tổng thể các yếu tố về thể lực, trí lực của họ được huy động vào quá trình lao động.

b. Thương mại điện tử

Theo Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), "TMĐT bao gồm việc sản xuất, quảng cáo, bán hàng và phân phối sản phẩm được mua bán và thanh toán trên mạng Internet, nhưng được giao nhận một cách hữu hình, cả các sản phẩm giao nhận cũng như những thông tin số hóa thông qua mạng Internet".

Theo Ủy ban TMĐT của Tổ chức Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) định nghĩa: "TMĐT liên quan đến các giao dịch thương mại trao đổi hàng hóa và dịch vụ giữa các nhóm (cá nhân) mang tính điện tử chủ yếu thông qua các hệ thống có nền tảng dựa trên Internet."

Quan điểm về TMĐT của Việt Nam được thể hiện rõ tại Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/05/2013 của Chính phủ về TMĐT, cụ thể: "Hoạt động TMĐT là việc tiến hành một phần hoặc toàn bộ quy trình của hoạt động thương mại bằng phương tiện điện tử có kết nối với mạng Internet, mạng viễn thông di động hoặc các mạng mở khác".

c. Nguồn nhân lực TMĐT

TMĐT là một lĩnh vực mới, dựa trên sự giao thoa và tương tác của nhiều ngành khoa học khác nhau, đó là: kinh tế, kinh doanh, quản trị, marketing, công nghệ thông tin, hệ thống thông tin, luật... Do vậy, nguồn nhân lực ngành TMĐT thường đòi hỏi kiến thức tổng hợp ngoài chuyên ngành về công nghệ thông tin. Theo đó, họ cần có kiến thức rộng trong nhiều lĩnh vực như kinh tế, công nghệ thông tin, quản trị và ngoại ngữ...

Bên cạnh đó, TMĐT là lĩnh vực có hàm lượng ứng dụng công nghệ cao, tốc độ phát triển nhanh. DN là lực lượng nòng cốt triển khai, Nhà nước đóng vai trò quản lý, thiết lập hạ tầng và tạo môi trường cho TMĐT phát triển. Như vậy, vừa xây dựng đội ngũ nguồn nhân lực có trình độ, có am hiểu cho Nhà nước làm công tác quản lý, điều hành, vừa cho DN tận dụng cơ hội để phát triển TMĐT, mang lại những giá trị kinh tế cho chính DN và nền kinh tế.

2.3. Thực trạng nguồn nhân lực

a. Thực trạng TMĐT

Theo Báo cáo TMĐT Đông Nam Á 2020 của Google, Temasek và Bain&Company, TMĐT Việt Nam năm 2020 tăng 16% và đạt quy mô trên 14 tỷ USD. Trong đó, lĩnh vực bán lẻ hàng hóa trực tuyến tăng 46%, gọi xe và đồ ăn công nghệ tăng 34%, tiếp thị, giải trí và trò chơi trực tuyến tăng 18%, riêng lĩnh vực du lịch trực tuyến giảm 28%. Báo cáo này cũng dự đoán tốc độ tăng trưởng

trung bình giai đoạn 2020 - 2025 là 29% và tới năm 2025 quy mô TMĐT nước ta đạt 52 tỷ USD. (Hình 1)

Hình 1: Tỷ lệ DN có hoạt động thương mại điện tử về TMĐT qua các năm



Nguồn: PECOM (2021)

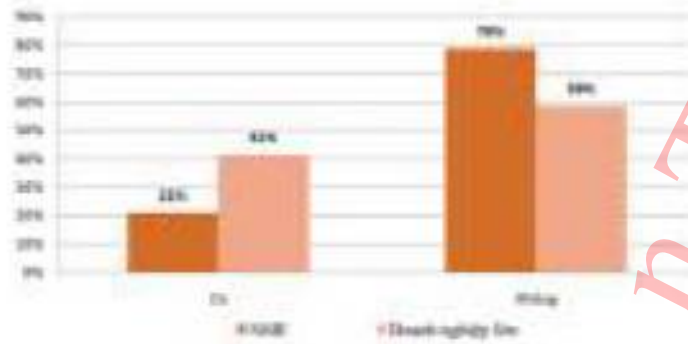
Đặc biệt, tình trạng đại dịch bùng nổ diện rộng, khiến việc giãn cách xã hội được đưa ra thì TMĐT càng có cơ hội phát triển. Theo báo cáo “Thị trường ứng dụng di động” của nhà cung cấp nền tảng di động Việt Nam Appota, TMĐT di động được dự đoán sẽ đạt doanh thu 7 tỷ USD vào năm 2021 và vượt qua TMĐT trên máy tính để bàn trong năm tới.

Theo Kế hoạch tổng thể phát triển TMĐT quốc gia giai đoạn 2021-2025 của Chính phủ, về quy mô thị trường TMĐT đến năm 2025, Việt Nam đặt mục tiêu 55% dân số tham gia mua sắm trực tuyến, với giá trị mua hàng hóa và dịch vụ trực tuyến đạt trung bình 600 USD/người/năm; Doanh số TMĐT B2C (tính cho cả hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng trực tuyến) tăng 25%/năm, đạt 35 tỷ USD, chiếm 10% so với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cả nước.

b. Thực trạng nguồn nhân lực

Tốc độ phát triển nhanh của ngành TMĐT kéo theo nhu cầu nguồn nhân lực ngày càng cao. Tuy nhiên, theo Báo cáo Chi số TMĐT Việt Nam năm 2021 của Hiệp hội TMĐT Việt Nam (VECOM), trong nhiều năm liền, nguồn nhân lực cho TMĐT và đặc biệt nguồn nhân lực chất lượng cao luôn là vấn đề lớn gây cản trở cho quá trình phát triển TMĐT trong nước. (Hình 2)

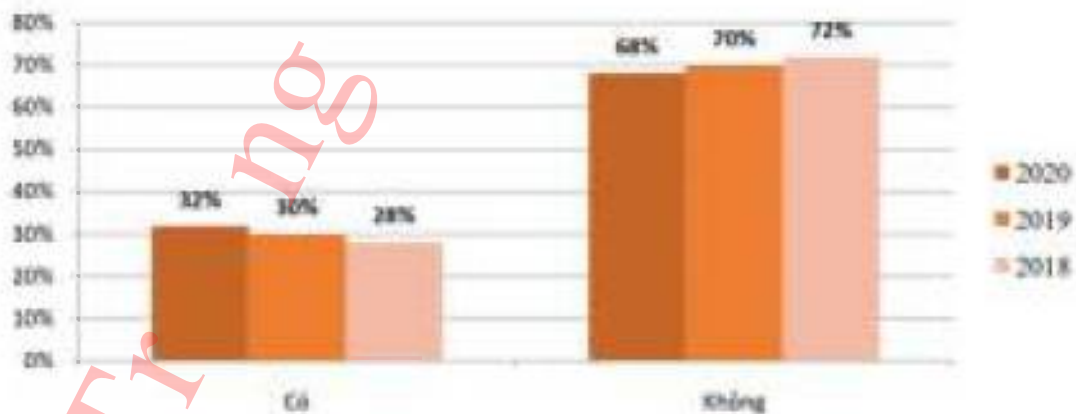
Hình 2: Tỷ lệ DN có lao động chuyên trách về TMĐT phân theo quy mô



Nguồn: VECOM (2021)

Theo các chuyên gia trong lĩnh vực TMĐT, thực tế nguồn nhân lực ngành TMĐT cần có kiến thức rộng trong nhiều lĩnh vực như kinh tế, công nghệ thông tin, quản trị và ngoại ngữ nên đòi hỏi thời gian đào tạo dài, các lớp ngắn hạn và dạy nghề chỉ giải quyết tạm thời trong thời điểm thiếu nhân lực. Do vậy, đào tạo chính quy dài hạn tại các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng trở thành “cứu cánh” cho nhân lực của TMĐT. Số liệu thống kê của Cục TMĐT và Công nghệ thông tin cho thấy, trong giai đoạn 2005 - 2015, các trường đại học và cao đẳng đào tạo có chuyên ngành đào tạo TMĐT đã được bổ sung và nâng lên trên 90 trường. Từ năm 2017 đến nay, một số trường tiếp tục mở rộng lĩnh vực đào tạo TMĐT, nâng số trường đào tạo ngành TMĐT... (Hình 3)

Hình 3: Tỷ lệ DN gặp khó khăn khi tuyển dụng lao động có kỹ năng về TMĐT và CNTT



Nguồn: VECOM (2021)

Kết quả khảo sát của VECOM tại Báo cáo Chỉ số TMĐT Việt Nam năm 2021 cho thấy, tỷ lệ DN có lao động chuyên trách về TMĐT lại giảm nhiều so với các năm trước, một phần cũng do tác động lớn của đại dịch và áp lực về tài chính nên việc cắt giảm biên chế và kiêm nhiệm nhiều vai trò được các công ty triển khai để duy trì hoạt động trong giai đoạn khó khăn. Xét về quy mô DN thì nhóm các DN vừa và nhỏ có tỷ lệ lao động chuyên trách về TMĐT chỉ bằng một nửa so với nhóm các DN lớn. Nghệ thuật - vui chơi - giải trí và Thông tin - truyền thông là hai lĩnh vực có tỷ lệ lao động chuyên trách về TMĐT cao nhất, chiếm lần lượt là 45% và 42% trên tổng số DN tham gia khảo sát trong cùng lĩnh vực kinh doanh. Tiếp theo sau đó là lĩnh vực hoạt động tài chính - ngân hàng - bảo hiểm (38%) và hoạt động chuyên môn - khoa học - công nghệ (31%).

Kết quả khảo sát của VECOM cũng cho thấy, trong vòng 3 năm trở lại đây, xu hướng DN gặp khó khăn khi tuyển dụng lao động có kỹ năng về TMĐT và công nghệ thông tin ngày càng tăng. Đẩy mạnh việc đào tạo nguồn nhân lực cho lĩnh vực này cả theo hình thức chính quy và không chính quy đều là những vấn đề lớn cần được quan tâm trong giai đoạn tới. Kỹ năng quản trị website và sản giao dịch TMĐT vẫn là kỹ năng được DN quan tâm nhiều nhất trong những năm gần đây, 46% DN cho biết họ gặp khó khăn khi cần tuyển dụng lao động có kỹ năng này.

2.4. Một số giải pháp

Trong thời gian tới, nhằm phát triển nguồn nhân lực TMĐT trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0, tới đây cần tập trung vào một số giải pháp sau:

Về phía cơ quan quản lý

- Rà soát, bổ sung, sửa đổi và ban hành mới các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật theo hướng tạo điều kiện, khuyến khích, hỗ trợ các hoạt động ứng dụng TMĐT và các mô hình kinh doanh mới trên nền tảng công nghệ số. Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp quy về quản lý hoạt động kinh doanh TMĐT, bổ sung các quy định về quản lý hoạt động TMĐT xuyên biên giới nhằm tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh trong TMĐT...

- Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức hoạt động TMĐT, đấu tranh chống các hành vi gian lận thương mại, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và cạnh tranh không lành mạnh trong TMĐT. Nâng cao năng lực cho đội ngũ thực thi pháp luật về TMĐT tại các địa phương thông qua việc thường xuyên tổ chức bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng TMĐT, trang bị các phương tiện hiện đại để hỗ trợ việc theo dõi, giám sát, giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm các hoạt động TMĐT trên môi trường trực tuyến.

- Tuyên truyền, đào tạo kỹ năng TMĐT cho người dân và DN nhằm nâng cao trình độ tham gia và khai thác các ứng dụng TMĐT của DN, tăng cường khả năng nhận biết và ứng phó của người tiêu dùng với những hành vi tiêu cực trong TMĐT.

Về phía DN

- Tăng cường hợp tác liên kết giữa DN với các cơ sở đào tạo, từ khâu tham vấn, định hướng về giáo trình, nội dung kiến thức, dung lượng đào tạo đến khâu tuyển dụng đầu ra. Từ đó, phát huy năng lực và thế mạnh của mỗi bên, khai thác và tận dụng hiệu quả các tiềm năng về cơ sở vật chất, con người, chuyên môn trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về TMĐT.

- Tăng cường việc tạo điều kiện để các cán bộ chuyên về TMĐT tham gia thêm các khóa tập huấn đào tạo thêm về các lĩnh vực liên quan như: quản trị hệ thống, quản trị kinh doanh, marketing, thương mại, pháp luật quốc tế... để phục vụ hiệu quả cho DN.

Về phía cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng

- Hợp tác với DN trong việc định hướng về nhu cầu nhân lực TMĐT, để từ đó có kế hoạch trong việc tuyển sinh đào tạo, quy mô tuyển dụng, thiết kế các môn chuyên ngành liên quan.

- Đổi mới các chương trình đào tạo, phương thức đào tạo theo hướng gắn liền với xu thế phát triển của công nghệ và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Các giáo trình cần liên tục cập nhật, kế thừa nghiên cứu mới nhất về TMĐT của các trường đại học hàng đầu thế giới để sinh viên nhanh chóng tiếp cận bức tranh TMĐT toàn cầu.

- Xây dựng các mô hình ứng dụng ảo các tình huống giao dịch TMĐT để giúp người học dễ dàng nắm vững quy trình, các vấn đề phát sinh (bảo mật thông tin, xử lý khiếu nại...). Trong suốt thời gian học tại trường, sinh viên cần dành rất nhiều thời gian học chuyên môn thực hành để trang bị cho người học kỹ năng giao dịch TMĐT.

Về phía người học

- Trang bị các kiến thức chuyên môn về luật, quản trị kinh doanh, công nghệ, kỹ thuật nghiệp vụ thương mại, quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế, quản trị khách hàng trong TMĐT...

- Trải nghiệm các giao dịch, củng cố kinh nghiệm bằng việc tham gia thực tập hoặc làm việc thực tế tại các sàn TMĐT.

- Luôn nâng cao trình độ, kinh nghiệm về các vấn đề mới liên quan đến công nghệ.

2.5. Kết luận

Thực tế cho thấy, các DN Việt Nam hiện đang cần nguồn lao động có trình độ về công nghệ thông tin và TMĐT, bởi kinh doanh trên mạng xã hội và sàn giao dịch TMĐT đang đem lại hiệu quả kinh tế cao. Tuy nhiên, trong thời gian qua, nguồn nhân lực cho TMĐT và đặc biệt nguồn nhân lực chất lượng cao luôn là vấn đề lớn gây cản trở cho quá trình phát triển TMĐT của Việt Nam, đòi hỏi cần triển khai đồng bộ các giải pháp để phát triển được nguồn chất lượng mạnh cả về chất và lượng, góp phần thúc đẩy lĩnh vực TMĐT phát triển, đóng góp nhiều hơn cho tăng trưởng kinh tế.

3. Khoa Kinh tế - Đơn vị quản lý chuyên môn ngành Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu

Khoa Kinh tế được thành lập theo quyết định số 43/QĐ-CTHĐQT-ĐHNCT của Chủ tịch Hội đồng quản trị Trường ĐHNCT để thực hiện chức năng đào tạo và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực khoa học kinh tế và kinh doanh.

Đến năm 2018 do qui mô đào tạo ngày càng tăng nên Nhà trường đã quyết định tách khoa Kinh tế - Luật để thành lập hai khoa mới là Khoa Kinh Tế và Khoa Luật theo quyết định số 57/QĐ-ĐHNCT của Chủ tịch HĐQT Trường ĐHNCT, ngày 07/09/2018, nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN nói chung và sự phát triển của Trường nói riêng.

Năm 2018, Khoa KT được Hiệu trưởng Nhà trường giao nhiệm vụ đào tạo trình độ Thạc sĩ chuyên ngành QTKD, đến nay có 95 học viên đã và đang theo học tại trường, đánh dấu sự phát triển về năng lực đào tạo, góp phần đưa trường ĐHNCT trở thành trường Đại học tư thục đầu tiên của vùng ĐBSCL tuyển sinh đào tạo sau đại học sau hơn 8 năm thành lập và phát triển.

Khoa đã và đang đào tạo cho hơn 3000 SV, học viên trình độ đại học và sau đại học các chuyên ngành thuộc lĩnh vực kinh tế.

Nhiệm vụ chính của Khoa là đào tạo nguồn nhân lực ở nhiều trình độ để phục vụ cho sự phát triển lĩnh vực kinh tế khu vực ĐBSCL nói riêng và Việt Nam nói chung.

Trải qua chặng đường hơn 9 năm xây dựng và phát triển, Khoa Kinh tế đã đạt nhiều thành tựu trong giảng dạy, NCKH, chuyên giao công nghệ và lao động sản xuất, không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo trong mọi mặt hoạt động. Sứ mạng của Khoa Kinh tế là “*Cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực chất*

lượng cao theo định hướng nghiên cứu kết hợp thực hành đáp ứng nhu cầu phát triển chất lượng, hiệu quả và bền vững; nghiên cứu và chuyển giao các kết quả nghiên cứu cho các tổ chức, doanh nghiệp và xã hội; tạo môi trường thuận lợi để sáng tạo, nuôi dưỡng, phát triển tài năng trong các lĩnh vực QTKD hiện đại”.

Thời điểm hiện tại, số lượng SV thuộc các ngành học của Khoa quản lý đạt khoảng 2.000, chiếm tỉ lệ (khoảng 18% tổng số lượng SV toàn trường). Khoa thường xuyên tổ chức các sự kiện, hoạt động ngoại khóa nhằm thúc đẩy tư duy, củng cố kiến thức của người học, và quan trọng nhất là tạo sân chơi bổ ích, lành mạnh cho người học, hỗ trợ cho SV những kỹ năng mềm quan trọng, giúp Khoa đảm bảo được chất lượng đào tạo luôn ở mức phát triển mạnh.

4. Lý do chính cho việc xin phép đào tạo:

Trong xu hướng phát triển hiện nay, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang có những diễn biến nhanh chưa từng có, với sự hội tụ của nhiều công nghệ đột phá dựa trên nền tảng số hóa, tích hợp với công nghệ thông minh. Tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã thay đổi cách thức tìm kiếm và mua sắm hàng hóa của người tiêu dùng, với sự trợ giúp của điện thoại thông minh và các trang mạng xã hội như Facebook, Twitter... Năm 2019, thương mại điện tử tại Việt Nam tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ với tốc độ trên 32% và đạt quy mô khoảng 11.5 tỷ USD. Tốc độ tăng trưởng trung bình cho cả giai đoạn từ 2016 - 2019 đạt khoảng 30%. Thương mại điện tử được xem là xu thế tất yếu của các tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh, thương mại trong thời kỳ mới.

Chính phủ Việt Nam đã có các chính sách lâu dài và nhất quán nhằm phát triển thương mại điện tử với các Kế hoạch tổng thể cho từng giai đoạn 5 năm, bắt đầu từ năm 2006. Gần đây nhất là Quyết định số 645/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 đã được ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2020. Nội dung phát triển nguồn nhân lực cho thương mại điện tử trong giai đoạn 5 năm sắp tới đã đề ra hai mục tiêu quan trọng (i) 50% cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp triển khai đào tạo về thương mại điện tử và (ii) 1.000.000 lượt doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cán bộ quản lý nhà nước, sinh viên tham gia các khóa đào tạo về kỹ năng ứng dụng thương mại điện tử. Tại Quyết định số 645/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ cũng giao Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp cùng Bộ Công Thương trong công tác ban hành chính sách khuyến khích giảng dạy lĩnh vực thương mại điện tử, đẩy mạnh đào tạo chính quy về thương mại điện tử tại các

Trường Đại học; khuyến khích ứng dụng đào tạo trực tuyến, xây dựng hệ thống học liệu phục vụ nghiên cứu và giảng dạy về thương mại điện tử. Ngoài ra, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố đang ngày càng chú trọng vào thương mại điện tử, triển khai đa dạng theo mô hình trang bán hàng, sàn giao dịch thương mại điện tử, mạng xã hội trên cả nền tảng website và điện thoại di động. Đặc biệt, gần đây doanh nghiệp đã bắt đầu chú trọng vào thương mại điện tử, thay đổi cách tiếp cận khách hàng, quản trị doanh nghiệp theo hướng chuyên đổi số, sử dụng các giải pháp công nghệ như thanh toán điện tử, logistics, phần mềm quản lý bán hàng, giải pháp website,... tạo nên một hệ sinh thái thương mại điện tử và rất cần đội ngũ nhân sự chuyên trách có đầy đủ kiến thức chuyên môn về kinh tế, thương mại, đồng thời nắm vững kỹ năng về công nghệ thông tin.

Theo khảo sát mới nhất của Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam (VECOM) được thực hiện trên 4.000 doanh nghiệp trong giai đoạn từ tháng 9 - tháng 11/2019, với số phiếu khảo sát hợp lệ thu được là 3.945 phiếu. Trong đó, kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ doanh nghiệp phản hồi đang gặp khó khăn khi tuyển dụng lao động có kỹ năng về thương mại điện tử và công nghệ thông tin là 30%. Việc nâng cấp từ chuyên ngành Thương mại điện tử nằm trong ngành Kinh doanh quốc tế thành Ngành Thương mại điện tử riêng biệt là cần thiết bởi vì các lý do sau đây:

(i) Một là, việc thành lập Ngành Thương mại điện tử sẽ giúp cho việc hình thành đội ngũ chuyên trách giảng dạy, hỗ trợ việc nghiên cứu chuyên sâu về lĩnh vực thương mại điện tử của giảng viên và sinh viên.

(ii) Hai là, hỗ trợ trong việc xây dựng Chương trình đào tạo, nội dung các môn học đưa vào Chương trình sẽ mang tính chuyên sâu, phù hợp với nhu cầu của xã hội.

(iii) Cuối cùng, việc đào tạo Chương trình Cử nhân Ngành Thương mại điện tử tại Trường Đại học Nam Cần Thơ sẽ góp phần bổ sung nguồn nhân lực chuyên sâu về thương mại điện tử hiện đang khan hiếm trên thị trường lao động.

PHẦN 2: NĂNG LỰC ĐÀO TẠO CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

1. Khái quát quá trình đào tạo

Sau hơn 09 năm thành lập và phát triển, Nhà trường đã được phép đào tạo Đại học 35 ngành hệ chính quy tập trung dài hạn và 01 ngành liên thông chính quy từ Trung cấp chuyên nghiệp và cao đẳng lên Đại học ngành Dược, 04 ngành thạc sĩ Quản trị kinh doanh; Luật kinh tế, Quản lý kinh tế, Dược lý và Dược lâm sàng và 01 chương trình liên kết với trường Đại học Khoa học và Công nghệ Malaysia (MUST) đào tạo cử nhân ngành Quản trị kinh doanh.

Hiện nay, tất cả các khóa, ngành đều được tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ. Sau mỗi học kỳ, công tác đánh giá xếp loại học tập sinh viên được thực hiện nghiêm túc, đúng quy chế. Hoạt động quản lý giảng dạy được thực hiện quy củ, giảng viên áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực và đã được sinh viên hưởng ứng, chú tâm trong học tập.

2. Đội ngũ giảng viên và cán bộ cơ hữu:

Hiện nay, Trường Đại học Nam Cần Thơ đã ổn định bộ máy hoạt động và đầu tư cơ sở vật chất, các trang thiết bị, tài liệu giảng dạy, học tập hiện đại. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của nhà trường hiện nay là 807 người. Đây là đội ngũ giảng viên có nhiều kinh nghiệm giảng dạy tại các trường đại học, giàu nhiệt huyết và có tâm với nghề. Bên cạnh đó, còn có sự tham gia đào tạo của đội ngũ giảng viên mời giảng có trình độ cao, có kinh nghiệm đào tạo.

Về hợp tác trong đào tạo, Trường có các chương trình, dự án, kế hoạch về hợp tác quốc tế phù hợp với tổng thể chiến lược phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh Tây Nam Bộ: Ngay từ năm 2013 đã phối hợp cùng với trường ĐH Ngân Hàng Tp Hồ Chí Minh triển khai đào tạo thạc sĩ tại Trường ĐH Nam Cần Thơ; Tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học cùng với các cấp chính quyền nhằm phục vụ định hướng phát triển chiến lược; Đề xuất và triển khai đề án hỗ trợ phát triển năng lực giảng dạy tiếng Anh cho giáo viên THPT địa bàn Tp Cần Thơ;

Trường đã ký biên bản ghi nhớ liên kết đào tạo với ĐH khoa học công nghệ Malaysia, sẽ tiến hành các chương trình đào tạo tiếng Anh, dự bị đại học, đại học và sau đại học theo tiêu chuẩn quốc tế. Hai bên xúc tiến trao đổi cán bộ đào tạo (các giáo sư, giảng viên hoặc các nhà nghiên cứu), trao đổi sinh viên (ở bậc ĐH và sau đại học), trao đổi và chia sẻ các thông tin và tài liệu tham khảo liên quan

đền đào tạo, trao đổi các ấn phẩm đào tạo xuất bản định kỳ, liên kết tổ chức các chương trình nghiên cứu. Ngày 22/9/2017 được BGDDT cho phép thực hiện chương trình liên kết đào tạo và cấp bằng cử nhân ngành Quản trị kinh doanh với ĐH công nghệ Malaysia (MUST) bằng công văn số 3712/QĐ-BGDĐT.

Tập đoàn Nam Miền Nam hoạt động đa lĩnh vực, đa ngành nghề là đối tác chiến lược, toàn diện trong việc tổ chức đào tạo theo hướng ứng dụng với Trường ĐH Nam Cần Thơ. Tập đoàn là cơ sở tiếp nhận sinh viên thực tập, thực hiện nghiên cứu ứng dụng và triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh thực tiễn.

3. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

Hệ thống cơ sở vật chất khang trang hiện đại, hiện nay trường đang đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất giai đoạn 2. Trường hiện sở hữu hệ thống khu hiệu bộ, khu giảng đường (Dãy A, B, C và D), phòng học ngoại ngữ, tin học, trung tâm thực hành thí nghiệm, xưởng cơ khí ô tô, Viện nghiên cứu và phát triển dược liệu, Bệnh viện đa khoa Nam Cần Thơ... trên tổng diện tích đất hơn 30hecta, đáp ứng được nhu cầu đào tạo học tập của trên 15.000 sinh viên.

4. Hoạt động nghiên cứu khoa học

Công tác nghiên cứu khoa học được nhà trường đặc biệt quan tâm, thời gian qua luôn nỗ lực thúc đẩy cho công tác nghiên cứu khoa học trong đội ngũ giảng viên, cán bộ - công nhân viên của nhà trường.

Nhà trường luôn tích cực hợp tác với các trường, viện để thúc đẩy công tác nghiên cứu khoa học trong thời gian qua, cụ thể tiến hành hợp tác với Viện Kinh tế TP.HCM, Viện kinh tế - Xã hội Cần Thơ, ĐH Cần Thơ và Tp. Cần Thơ để thực hiện được 1 đề tài nghiên cứu khoa học cấp thành phố năm 2015 “**Chuyên đổi mô hình tăng trưởng kinh tế TP. Cần Thơ phù hợp với toàn cầu hóa và hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới và khu vực tầm nhìn đến năm 2030**”. Thực hiện nhiều đề tài cấp cơ sở và tổ chức 2 hội thảo khoa học, và nhiều công trình nghiên cứu được công bố trên tạp chí và kỷ yếu hội thảo.

Nhà trường đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo với quy mô lớn và in thành các kỷ yếu. Sau hơn 07 năm hoạt động Trường cũng đã được Bộ Thông tin truyền thông cấp giấy phép phát hành “**Tạp chí khoa học và kinh tế phát triển**” từ năm 2017 (mã số ISSN: 2588 1272).

Để phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học và phát triển các sản phẩm từ dược liệu, nhà trường đã thành lập Viện Nghiên cứu và Phát triển Dược liệu vào

ngày 31 tháng 07 năm 2018. Tính đến tháng 12/2020 Viện đã nghiên cứu thành công và đưa ra thị trường 02 sản phẩm bảo vệ sức khỏe là DNC NAMCTGU và DNC GAN. Các sản phẩm này đều được Cục An toàn Thực phẩm - Bộ Y tế xét duyệt và công nhận.

5. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học

Trường có các chương trình, dự án, kế hoạch về hợp tác quốc tế phù hợp với tổng thể chiến lược phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh Tây Nam Bộ: Ngay từ năm 2013 đã phối hợp cùng với trường ĐH Ngân Hàng Tp Hồ Chí Minh triển khai đào tạo thạc sĩ tại Trường ĐH Nam Cần Thơ; Tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học cùng với các cấp chính quyền nhằm phục vụ định hướng phát triển chiến lược; Đề xuất và triển khai đề án hỗ trợ phát triển năng lực giảng dạy tiếng Anh cho giáo viên THPT địa bàn Tp Cần Thơ;

Trường đã ký biên bản ghi nhớ liên kết đào tạo với ĐH khoa học công nghệ Malaysia, sẽ tiến hành các chương trình đào tạo tiếng Anh, dự bị đại học, đại học và sau đại học theo tiêu chuẩn quốc tế. Hai bên xúc tiến trao đổi cán bộ đào tạo (các giáo sư, giảng viên hoặc các nhà nghiên cứu), trao đổi sinh viên (ở bậc ĐH và sau đại học), trao đổi và chia sẻ các thông tin và tài liệu tham khảo liên quan đến đào tạo, trao đổi các ấn phẩm đào tạo xuất bản định kỳ, liên kết tổ chức các chương trình nghiên cứu. Ngày 22/9/2017 được BGDĐT cho phép thực hiện chương trình liên kết đào tạo và cấp bằng cử nhân ngành Quản trị kinh doanh với ĐH công nghệ Malaysia (MUST) bằng công văn số 3712/QĐ-BGDĐT.

Tập đoàn Nam Miền Nam hoạt động đa lĩnh vực, đa ngành nghề là đối tác chiến lược, toàn diện trong việc tổ chức đào tạo theo hướng ứng dụng với Trường ĐH Nam Cần Thơ. Tập đoàn là cơ sở tiếp nhận sinh viên thực tập, thực hiện nghiên cứu ứng dụng và triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh thực tiễn.

Ngoài ra Trường đã và đang tiếp nhận các tình nguyện viên nước ngoài đến giảng dạy tiếng Anh cho Sinh viên của Trường. Trường cũng đã ký Hợp đồng nguyên tắc liên kết đào tạo đại học, Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh với Trường Đại học Khoa học và Công Nghệ Malaysia (MUST), đây là bước đánh dấu sự phát triển trong hợp tác quốc tế của trường.

STT	Trường Đại học	Thời điểm ký kết	Nội dung ký kết
1	Trường Đại học Regis, Hoa Kỳ	15/08/2016	Trường Đại học Regis hỗ trợ Trường Đại học Nam Cần Thơ thực hiện Dự án

STT	Trường Đại học	Thời điểm ký kết	Nội dung ký kết
			Tập huấn kỹ năng giảng dạy tiếng Anh cho giáo viên hệ phổ thông của TP Cần Thơ
2	Trường Đại học Khoa học Công nghệ Malaysia (MUST)	26/02/2017	Thực hiện chương trình liên kết đào tạo cử nhân chuyên ngành Quản trị kinh doanh
3	Trường Đại học Future Generations, Hoa Kỳ	07/05/2017	Trường Đại học Future Generations hỗ trợ Trường Đại học Nam Cần Thơ thực hiện Dự án Tập huấn kỹ năng giảng dạy tiếng Anh cho giáo viên hệ phổ thông của TP Cần Thơ
4	Trường Đại học Southeastern Philippines	10/06/2017	Liên kết đào tạo, trao đổi sinh viên, trao đổi giảng viên, liên kết và trao đổi dự án nghiên cứu khoa học, hợp tác tổ chức hội thảo khoa học
5	Trường Đại học Future Generations, Hoa Kỳ	25/03/2018	Trường Đại học Future Generations hỗ trợ Trường Đại học Nam Cần Thơ thực hiện Dự án Tập huấn kỹ năng giảng dạy tiếng Anh cho giáo viên hệ phổ thông của TP Cần Thơ
6	Trường Đại học Nông nghiệp và Công nghệ Quốc tế, Bangladesh	16/11/2019	Hợp tác trao đổi giảng viên/ nghiên cứu sinh, sinh viên, tham gia tổ chức các hội thảo quốc tế và các hội nghị, các chương trình đào tạo liên kết ngắn hạn và các dự án phát triển nhân viên.
7	Trường Kinh doanh Montpellier, Pháp	17/01/2020	Hợp tác xây dựng đề án đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ Quản trị kinh doanh quốc tế.

PHẦN 3: CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

1. Thông tin về ngành đào tạo

Tên ngành	: Thương mại điện tử
Mã số	: 7340122
Tên chương trình	: Chương trình đào tạo Cử nhân Thương mại điện tử
Trình độ đào tạo	: Đại học

1.1. Căn cứ xây dựng chương trình đào tạo:

Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019, hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2020;

Điều lệ trường đại học ban hành tại Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng chính phủ;

Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 Phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 03 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học

Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

1.2. Chương trình đào tạo tham khảo

Khi xây dựng chương trình đào tạo Đại học Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, Nhà trường tham khảo chương trình đào tạo của các trường đại học trong nước và quốc tế sau:

- [1]. Chương trình Đại học Thương mại điện tử của trường Đại học Công nghiệp TPHCM;

<https://daotao.neu.edu.vn/Resources/Docs/SubDomain/daotao/CTDT%20K63/39.%20Ng%C3%A0nh%20Th%C6%B0%C6%A1ng%20m%E1%BA%A1>

[i%20%C4%91i%E1%BB%87n%20t%E1%BB%AD_CT%C4%90T%202021.pdf](http://fct.iuh.edu.vn/chuong-trinh-chi-tiet-nganh-thuong-mai-dien-tu)

[2]. Chương trình Đại học Thương mại điện tử của trường Đại học Kinh tế quốc dân

<http://fct.iuh.edu.vn/chuong-trinh-chi-tiet-nganh-thuong-mai-dien-tu>

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Thương mại điện tử (TMĐT) có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; nắm vững những kiến thức nền tảng về kinh tế - xã hội, kinh doanh, công nghệ thông tin; nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về TMĐT; có khả năng tham gia hoạch định chiến lược, chính sách, kế hoạch, tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có ứng dụng TMĐT. Sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc ở các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế xã hội có ứng dụng TMĐT, có khả năng phát triển sang ngành đào tạo khác và cùng ngành với trình độ cao hơn.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

Mục tiêu đào tạo cụ thể (ký hiệu là M) của chương trình đào tạo:

M1: Đào tạo nguồn lực chất lượng cao nắm vững kiến thức cơ bản và chuyên sâu về Thương mại điện tử như các phương pháp phân tích, thiết kế hệ thống kinh doanh trực tuyến, kế toán, tiếp thị, thanh toán điện tử, nền kinh tế điện tử, công nghệ web và mạng xã hội, đặc điểm người sử dụng web, kỹ năng phân tích, tổng hợp, lập giải pháp, phát triển khả năng tư duy, rèn luyện đạo đức, kỹ năng nghề nghiệp.

M2: Đào tạo đội ngũ chuyên sâu có khả năng tổ chức và phát triển các ứng dụng tin học hỗ trợ các hoạt động giao dịch điện tử, thương mại, kinh doanh điện tử, chứng thực và an toàn trong giao dịch điện tử.

M3: Đào tạo đội ngũ quản lý có khả năng hoạch định, xây dựng và quản lý các hoạt động thương mại điện tử tại doanh nghiệp cũng như tại các cơ quan nhà nước.

M4: Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt.

3. Chuẩn đầu ra

3.1. Kiến thức

PO1: Có kiến thức giáo dục đại cương mang tính chất nền tảng và phổ biến về pháp luật, kinh tế - xã hội, chính trị công nghệ thông tin.

PO2: Có kiến thức căn bản đủ rộng của khối ngành kinh tế - quản lý và kinh doanh của doanh nghiệp.

PO3: Nắm vững kiến thức căn bản và cần thiết về CNTT - truyền thông, kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp ứng dụng TMĐT.

PO4: Có kiến thức bổ trợ nhằm mở rộng kiến thức kinh doanh và quản lý, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển sang các ngành đào tạo gần khác và hệ đào tạo cao học.

3.2. Kỹ Năng

PO5: Có kỹ năng cơ bản về thiết kế và tổ chức triển khai các hoạt động tác nghiệp trong doanh nghiệp ứng dụng TMĐT.

PO6: Có khả năng sử dụng, khai thác được các phần mềm tác nghiệp TMĐT phổ biến.

PO7: Có kỹ năng hoạch định và triển khai chiến lược kinh doanh TMĐT.

PO8: Có kỹ năng làm việc theo nhóm và thuyết trình, quan hệ công chúng.

PO9: Kỹ năng ngoại ngữ: Sinh viên sau khi tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh theo quy định của Nhà trường.

PO10: Kỹ năng Tin học: Sinh viên sau khi tốt nghiệp đạt chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Nhà trường.

3.3. Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm

PO11: Có khả năng làm việc theo nhóm, xây dựng và phát triển mối quan hệ với tập thể, các đối tác.

PO12: Biết tổ chức và điều hành hoạt động nhóm làm việc hiệu quả sẵn sàng hợp tác trong công việc và thiết lập các mối quan hệ công việc với đồng nghiệp, khách hàng.

PO13: Biết xây dựng kế hoạch, sử dụng thời gian và các nguồn lực. Biết lựa chọn những công việc cần ưu tiên và có khả năng tổ chức thực hiện một cách khoa học, hiệu quả.

4. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra CTĐT

Mục tiêu của CTĐT	Chuẩn đầu ra của CTĐT												
	Kiến thức				Kỹ năng						Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm		
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13
M1			X	X	X			X	X	X	X	X	
M2		X			X	X			X			X	
M3			X	X	X		X						X
M4	X			X	X	X	X		X	X			X

5. Ma trận đóng góp của các khối kiến thức vào mức độ đạt được CĐR

(0: không đóng góp; 1: đóng góp thấp; 2: đóng góp trung bình; 3: đóng góp cao)

Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra của CTĐT												
	Kiến thức				Kỹ năng						Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm		
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13
Đại cương	3	2	2	1	1	1	1	1	2	1	1	1	1
Cơ sở ngành	1	1	2	2	2	2	2	2	3	2	2	2	2
Chuyên ngành	1	1	3	3	3	2	3	3	3	2	3	3	3
Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	2	2	3	3	3	3	3	3	2	3	3	2	3

6. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt được CĐR

(0: không đóng góp; 1: đóng góp thấp; 2: đóng góp trung bình; 3: đóng góp cao)

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT												
		Kiến thức				Kỹ năng						Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm		
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13
1.	Triết học Mac - Lenin	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0
2.	Kinh tế chính trị Mac – Lenin	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT												
		Kiến thức				Kỹ năng						Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm		
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0
5.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0
6.	Pháp luật đại cương	3	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2
7.	Tâm lý học đại cương	1	2	1	0	1	2	1	1	1	2	1	1	2
8.	Logic học đại cương	0	2	1	0	1	2	1	1	1	2	1	1	2
9.	Tiếng Anh căn bản 1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	1	1	1
10.	Tiếng Anh căn bản 2	0	0	2	0	0	0	2	2	0	2	2	2	2
11.	Tiếng Anh căn bản 3	0	0	3	0	0	0	3	2	0	2	2	2	2
12.	Anh văn chuyên ngành TMĐT	0	0	3	3	0	2	0	2	0	3	2	2	2
13.	Toán cao cấp 1	0	1	3	1	2	0	1	0	0	1	1	1	1
14.	Toán cao cấp 2	0	0	2	0	0	0	2	2	0	2	2	2	2
15.	Xác suất thống kê	0	2	2	1	1	2	1	1	1	0	2	2	0
16.	Giáo dục thể chất 1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2
17.	Giáo dục thể chất 2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0
18.	Giáo dục thể chất 3	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0
19.	Giáo dục quốc phòng - an ninh	3	3	1	0	1	2	2	0	1	2	1	1	0
20.	Lập trình căn bản	0	0	2	3	3	2	3	2	3	2	3	3	2

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT												
		Kiến thức				Kỹ năng						Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm		
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13
21.	Toán rời rạc	0	0	1	3	0	0	0	0	2	0	1	1	0
22.	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	0	0	0	3	3	1	1	1	1	0	1	2	0
23.	Cơ sở dữ liệu	0	0	0	2	3	3	3	3	3	2	2	2	3
24.	Nhập môn TMDT	0	0	2	3	2	2	3	3	3	3	3	2	2
25.	Nguyên lý hệ điều hành	0	0	0	2	2	3	2	3	2	3	2	3	2
26.	Kiến trúc máy tính	0	0	2	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2
27.	Kinh tế học đại cương	1	0	2	3	2	2	3	2	3	2	3	2	2
28.	Thương mại điện tử	0	0	1	2	2	2	3	3	2	2	3	2	2
29.	Nhập môn quản lý chuỗi cung ứng	0	0	2	3	2	2	3	3	3	3	3	2	2
30.	Quản trị nhân lực	0	0	1	2	2	1	2	2	2	1	1	2	2
31.	Quản trị doanh nghiệp	0	0	1	1	2	1	2	2	2	1	1	2	3
32.	Quản trị bán hàng	0	0	1	1	2	1	2	2	2	1	2	2	2
33.	Pháp luật thương mại điện tử	0	0	1	2	2	2	3	3	2	2	3	2	2
34.	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	0	0	0	2	3	3	3	3	3	2	2	2	3
35.	Hệ thống thông tin quản lý	0	0	1	1	2	1	2	2	2	1	1	2	2
36.	Nhập môn hệ thống thông tin địa lý	0	1	1	2	2	2	3	3	3	3	1	2	2
37.	Hệ thống thông tin kế toán	0	0	0	1	2	1	2	2	2	1	1	2	2

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT												
		Kiến thức				Kỹ năng						Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm		
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13
38.	Mạng máy tính	0	0	2	3	2	3	0	1	3	2	2	2	3
39.	Phân tích thiết kế quy trình nghiệp vụ doanh nghiệp	0	0	0	3	3	0	2	0	2	0	0	0	2
40.	Quản trị quan hệ khách hàng và nhà cung cấp	0	1	2	3	0	3	0	2	0	0	0	2	0
41.	Hệ thống thanh toán trực tuyến	2	0	0	3	3	3	3	2	3	2	2	2	3
42.	Quản trị kênh phân phối	0	0	2	3	2	3	0	1	3	2	2	2	3
43.	Thiết kế hệ thống thương mại điện tử	2	0	0	2	2	3	3	2	3	2	2	2	3
44.	Tiếp thị trực tuyến (E-Marketing)	0	0	0	3	2	2	0	2	0	0	0	0	0
45.	Hỗ trợ ra quyết định	0	0	0	3	2	3	0	1	3	2	2	2	3
46.	An toàn và bảo mật TMĐT	1	0	0	3	2	3	3	2	3	2	2	2	3
47.	Phương pháp nghiên cứu và viết báo cáo khoa học	2	0	3	3	2	3	0	1	3	2	2	2	3
48.	Quản lý dự án công nghệ thông tin	0	0	0	2	2	2	3	1	2	2	2	2	3
49.	Phát triển ứng dụng web	0	0	1	2	2	2	3	2	3	2	3	2	2
50.	Phân tích dữ liệu kinh doanh	0	0	0	2	2	2	2	1	2	2	2	2	3
51.	Hoạch định nguồn nhân lực doanh nghiệp	0	0	0	3	3	0	2	0	2	0	0	0	2
52.	Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động	0	0	0	3	2	3	0	1	3	2	2	2	3

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT												
		Kiến thức				Kỹ năng						Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm		
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13
53.	Nhập môn công nghệ phần mềm	1	0	0	3	2	3	3	2	3	2	2	2	3
54.	Hệ cơ sở dữ liệu không gian	0	0	0	2	3	3	3	3	3	2	2	2	3
55.	Kho dữ liệu và OLAP	0	0	0	3	0	3	0	2	0	0	0	2	0
56.	Hệ thống quản trị chuỗi cung ứng	0	0	0	3	3	3	3	1	2	2	2	2	3
57.	Thực tập tốt nghiệp (TMĐT)	0	0	0	2	3	2	3	3	3	3	3	3	3
58.	Khóa luận tốt nghiệp (TMĐT)	0	0	0	2	3	2	3	3	3	3	3	3	3
59.	Quản trị chiến lược kinh doanh điện tử	0	0	0	2	2	3	2	2	3	3	2	2	3
60.	Phân tích dữ liệu kinh doanh	0	0	2	2	2	2	2	3	3	2	3	2	2
61.	Dữ liệu lớn	0	0	0	2	2	3	2	2	3	3	2	2	3
62.	Khai thác dữ liệu	0	0	2	2	2	2	2	3	3	2	3	2	2

7. Phương pháp/chiến lược dạy – học và phương pháp kiểm tra đánh giá

7.1. Phương pháp/chiến lược dạy – học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.

7.2. Thang điểm, hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	5
			Thời gian tham dự buổi học bắt buộc.	5
2	Bài tập cá nhân	15	Chất lượng sản phẩm giao nộp.	10
3	Bài kiểm tra định kỳ	25	Theo đáp án, thang điểm của GV.	10
4	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của GV.	10

8. Tổng khối lượng kiến thức: 135 tín chỉ

TT	Cấu trúc chương trình	Khối lượng	Bắt buộc	Tự chọn	Tỷ lệ (%)
1	Kiến thức giáo dục đại cương	36 TC	34	2	26.87%
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	98 TC	83	15	73.13%
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	50 TC	44	6	37.31%
2.2	Kiến thức chuyên ngành	38 TC	29	9	28.36%
2.3	Thực tập tốt nghiệp	4 TC	4	0	2.99%
2.4	Khóa luận tốt nghiệp	6 TC	6	0	4.48%
TỔNG CỘNG		134 TC	117	17	100%

9. Danh mục môn học

Kiến thức giáo dục đại cương: 36 tín chỉ

Lý luận chính trị

STT	Tên học phần	Số TC	LT	TH
1	Triết học Mac – Lenin	3	3	
2	Kinh tế chính trị Mac - Lenin	2	2	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	
Tổng cộng		11	11	

Khoa học xã hội và nhân văn

STT	Tên học phần	Số TC	LT	TH
1	Pháp luật đại cương	2	2	
Tự chọn		2	2	
2	Tâm lý học đại cương	2	2	
3	Logic học đại cương	2	2	
Tổng cộng		4	4	

Ngoại ngữ

STT	Tên học phần	Số TC	LT	TH
1	Tiếng Anh căn bản 1	3	3	
2	Tiếng Anh căn bản 2	3	3	
3	Tiếng Anh căn bản 3	3	3	
3	Tiếng Anh chuyên ngành	3	3	
Tổng cộng		12	12	

Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên

STT	Tên học phần	Số TC	LT	TH
1	Toán cao cấp 1	3	3	
2	Toán cao cấp 2	3	3	
2	Xác suất thống kê	3	3	
Tổng cộng		9	9	

Giáo dục thể chất – giáo dục quốc phòng an ninh ()*

STT	Tên học phần	Số TC	LT	TH
1	Giáo dục thể chất 1 (*)	1		1
2	Giáo dục thể chất 2 (*)	1		1
3	Giáo dục thể chất 3 (*)	1		1
4	Giáo dục quốc phòng - an ninh (*)	8	5	3
Tổng cộng		11	5	6

(*) Các học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung.

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 98 tín chỉ**Kiến thức cơ sở ngành**

STT	Tên học phần	Số TC	LT	TH
Bắt buộc		44		
1	Lập trình căn bản	4	2	2
2	Toán rời rạc	3	3	
3	Cấu trúc dữ liệu	3	3	
4	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	2	1
5	Cơ sở dữ liệu	3	2	1
6	Nhập môn thương mại điện tử	2	2	
7	Nguyên lý hệ điều hành	3	2	1
8	Kiến trúc máy tính	2	2	
9	Kinh tế học đại cương	3	3	
10	Thương mại điện tử	3	2	1
11	Nhập môn quản lý chuỗi cung ứng	3	3	
12	Quản trị nhân lực	3	3	
13	Quản trị doanh nghiệp	3	3	
14	Quản trị bán hàng	3	3	
15	Pháp luật thương mại điện tử	3	3	
Tự chọn		6		
16	Quản trị sản xuất	3	2	1
17	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	2	1
18	Lập trình hướng đối tượng	3	2	1
19	Hệ thống thông tin quản lý	3	2	1
20	Nhập môn hệ thống thông tin địa lý	3	2	1
21	Hệ thống thông tin kế toán	3	2	1
Tổng cộng		50		

Kiến thức chuyên ngành

STT	Tên học phần	Số TC	LT	TH
Bắt buộc		29		
1	Mạng máy tính	3	2	1
2	Phân tích thiết kế quy trình nghiệp vụ doanh nghiệp	3	2	1
3	Quản trị quan hệ khách hàng và nhà cung cấp	3	3	
4	Hệ thống thanh toán trực tuyến	3	2	1
5	Quản trị kênh phân phối	3	2	1
6	Thiết kế hệ thống thương mại điện tử	3	2	1
7	Tiếp thị trực tuyến (E-Marketing)	3	2	1
8	Hỗ trợ ra quyết định	3	2	1
9	An toàn và bảo mật TMDT	3	2	1
10	Phương pháp nghiên cứu và viết báo cáo khoa học	2	2	

STT	Tên học phần	Số TC	LT	TH
Tự chọn		9		
11	Quản lý dự án công nghệ thông tin	3	2	1
12	Phát triển ứng dụng web	3	2	1
13	Phân tích dữ liệu kinh doanh	3	2	1
14	Hoạch định nguồn nhân lực doanh nghiệp	3	2	1
15	Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động	3	2	1
16	Nhập môn công nghệ phần mềm	3	2	1
17	Hệ cơ sở dữ liệu không gian	3	2	1
18	Kho dữ liệu và OLAP	3	2	1
19	Hệ thống quản trị chuỗi cung ứng	3	2	1
Tổng cộng		38		

Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp

STT	Tên môn	Số TC	LT	TH
1	Thực tập tốt nghiệp (TMĐT)	4		4
2	Khóa luận chia 2 nhóm	6		6
2.1	Nhóm 1 - Khóa luận tốt nghiệp (TMĐT)	6		6
2.2	Nhóm 2 – Học bổ sung 2 môn:	6		3
	Quản trị chiến lược kinh doanh điện tử	3	2	1
	Phân tích dữ liệu kinh doanh	3	2	1
	Dữ liệu lớn	3	2	1
	Khai thác dữ liệu	3	2	1
Tổng cộng		10		10

10. Mô tả tóm tắt các học phần

Khối kiến thức giáo dục đại cương

[1] Triết học Mác-Lênin: 3 TC

Tên tiếng Anh: The Marxist-Leninist philosophy

Nội dung của học phần bao gồm 4 chương, nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy; xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng, vận dụng vào hoạt động nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng.

Xây dựng cho sinh viên phương pháp luận khoa học, tư duy khoa học, nền tảng của nhận thức về tự nhiên, xã hội và con người của Đảng Cộng sản Việt Nam.

[2] Kinh tế chính trị: 2 TC

Tên tiếng Anh: Marxist - Lenin political economy

Môn học này nghiên cứu về học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác – Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa không chỉ bao gồm học thuyết của Mác về giá trị và giá trị thặng dư mà còn bao gồm học thuyết kinh tế của Lênin về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. Nội dung các học thuyết này bao quát những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

[3] Chủ nghĩa xã hội khoa học: 2 TC

Tên tiếng Anh: Science socialism

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về khoa học chủ nghĩa xã hội, nhận thức tổng hợp, toàn diện về chủ nghĩa xã hội, về nội dung, đặc điểm tư tưởng xã hội chủ nghĩa qua từng giai đoạn phát triển và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, đặc biệt là các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

[4] Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam: 3 TC

Tên tiếng Anh: Vietnam Communist Party's Revolution Directions

Tóm tắt nội dung: Môn học cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác; Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng; Giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận khoa học chuyên ngành được đào tạo.

[5] Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 TC

Tên tiếng Anh: Ho Chi Minh Theory

Tóm tắt nội dung: môn học cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lênin, tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta, góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.

[6] Toán cao cấp 1: 3 TC

Tên tiếng Anh: Analytics 1

Tóm tắt nội dung: cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phép tính vi phân, tích phân của hàm một biến, vi phân của hàm nhiều biến, công thức Taylor,

đạo hàm theo hướng. Ứng dụng của hàm nhiều biến trong bài toán cực trị, trong hình học. Chuỗi số, chuỗi hàm và cách vận dụng để giải quyết các bài toán kỹ thuật và công nghệ.

[7] Toán cao cấp 2: 3 TC

Tên tiếng Anh: Analytics 2

Tóm tắt nội dung: cung cấp những kiến thức cơ bản phép tính tích phân của hàm nhiều biến: tích phân kép, tích phân bội, tích phân đường, tích phân mặt, phương trình vi phân cấp một, phương trình vi phân cấp hai, hệ phương trình vi phân làm nền tảng cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên môn sau này.

[8] Toán rời rạc: 3 TC

Tên tiếng Anh: Discrete structures

Tóm tắt nội dung: Cung cấp những kiến thức cơ sở về Toán rời rạc (Cơ sở logic; Các phương pháp đếm; Quan hệ; Đại số Bool) và Lý thuyết đồ thị (Các khái niệm cơ bản của lý thuyết đồ thị; Đồ thị và cây). Sinh viên sau khi hoàn thành môn học có thể trình bày được kiến thức cơ bản về Toán rời rạc và lý thuyết đồ thị cùng các ứng dụng của chúng; có kỹ năng suy luận logic trong việc học tập và giải quyết các bài toán cơ bản trong khoa học và kỹ thuật máy tính; có khả năng phát biểu, trình bày, mô tả một câu hỏi hoặc vấn đề thực tiễn bằng cách áp dụng ngôn ngữ hoặc các mô hình toán học rời rạc; có khả năng nhận thức và áp dụng được suy luận logic trong việc xây dựng các ứng dụng thực tiễn.

[9] Xác suất thống kê: 3 TC

Tên tiếng Anh: Probability & Statistics

Tóm tắt nội dung: Môn học này trình bày các khái niệm và phương pháp về lý thuyết xác suất (Không gian xác suất; Biến ngẫu nhiên; Hàm đặc trưng; Dãy các biến ngẫu nhiên; Các quy luật phân phối xác suất; Các định lý giới hạn phân phối xác suất) và Thống kê (Mẫu ngẫu nhiên; Ước lượng điểm và ước lượng khoảng; Kiểm định các giả thiết thống kê; Phân tích tương quan và hồi quy; Một số vấn đề về quá trình ngẫu nhiên). Giới thiệu về cách thức nhận diện, phân tích và xử lý một vấn đề thực tế; xử lý các số liệu thống kê; đề từ đó đưa ra các suy luận phù hợp (nhằm hỗ trợ cho quá trình ra quyết định).

[10] Kinh tế học đại cương: 3 TC

Tên tiếng Anh: Principle of Economic

Tóm tắt nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô.

[11] Lập trình căn bản: 4 TC

Tên tiếng Anh: Introduction to programming

Tóm tắt nội dung: Cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về thuật toán, lưu đồ, mã giả, chương trình, trình dịch, môi trường thực thi; các kiểu dữ liệu cơ sở, các phép toán và những cấu trúc điều khiển cơ bản của một ngôn ngữ lập trình.

Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**[12] Lập trình hướng đối tượng: 3 TC**

Tên tiếng Anh: Object Oriented Programming

Tóm tắt nội dung: cung cấp cho sinh viên các khái niệm và phương pháp lập trình hướng đối tượng, trình bày các nguyên lý của thiết kế hướng đối tượng, tính kế thừa, đa hình và lập trình interface... và cách thức trao đổi và truyền thông giữa các đối tượng. Có khả năng sử dụng ngôn ngữ lập trình C++, C#,... để giải quyết một số vấn đề căn bản trong thực tiễn.

[13] Cấu trúc dữ liệu và giải thuật: 3 TC

Tên tiếng Anh: Data structures and Algorithms

Tóm tắt nội dung: cung cấp kiến thức về cách tổ chức lưu trữ và các giải thuật như các cấu trúc dữ liệu và thông tin, xử lý danh sách, xử lý cây, tìm kiếm, sắp xếp.

[14] Cơ sở dữ liệu: 3 TC

Tên tiếng Anh: Fundamentals of Database Systems

Tóm tắt nội dung: cung cấp các kiến thức về cơ sở dữ liệu như: khái niệm cơ bản về cơ sở dữ liệu quan hệ; Các phép toán đại số quan hệ; Ngôn ngữ SQL; Ngôn ngữ tân từ, Các ràng buộc toàn vẹn trên một sở dữ liệu; các khái niệm khóa, siêu khóa, phụ thuộc hàm, dạng chuẩn,... Quản trị bên trong cơ sở dữ liệu, môi trường khách/chủ.

[15] Mạng máy tính: 3 TC

Tên tiếng Anh: Computer networks

Tóm tắt nội dung: Môn Mạng máy tính cung cấp những khái niệm tổng quan về mạng máy tính, bao gồm mô hình tham chiếu OSI, TCP/IP và các chuẩn mạng; những khái niệm, nguyên lý cơ bản về tín hiệu, truyền tín hiệu. Sinh viên được tìm hiểu sâu về mô hình TCP/IP như các giao thức trong các tầng đặc biệt là tầng mạng và tầng vận chuyển. Ngoài ra sinh viên cũng được làm quen với các dịch vụ mạng cơ bản, kỹ thuật mạng không dây và bảo mật mạng.

[16] Kiến trúc máy tính: 2 TC

Tên tiếng Anh: Computer Architecture

Tóm tắt nội dung: Môn học này trình bày những kiến thức cơ bản về kiến trúc máy tính bao gồm: Các khái niệm chính trong kiến trúc máy tính: thành phần cấu tạo, quy tắc hoạt động, kiến trúc tập lệnh và cách đánh giá hiệu suất của một máy tính; Các vấn đề liên quan tới CPU: thành phần cấu tạo, nguyên lý hoạt động, thiết kế datapath cơ bản và pipeline; Mô tả cụ thể quy tắc hoạt động của hệ thống bộ nhớ (cache, bộ nhớ chính, bộ nhớ ảo) và hệ thống xuất nhập.

[17] Nguyên lý hệ điều hành: 3 TC

Tên tiếng Anh: Operating Systems

Tóm tắt nội dung: trình bày các khái niệm và phương pháp để xây dựng một hệ điều hành, nguyên lý hoạt động của các thành phần trong hệ điều hành, các chương trình, tiến trình, quản lý tiến trình, bộ nhớ và quản lý bộ nhớ, giải quyết tranh chấp tài nguyên, hệ thống quản lý file và các giao tiếp ngoại vi và các tiêu chuẩn đánh giá sử dụng trong một Hệ điều hành

[18] Nhập môn ngành Thương mại điện tử: 2 TC

Tên tiếng Anh: Introduction to IT

Tóm tắt nội dung: Môn học giúp sinh viên hiểu rõ ngành Hệ thống thông tin và cách tiếp cận với môi trường tác nghiệp, chức năng, nhiệm vụ của người Kỹ sư Thương Mại Điện Tử. Môn học giới thiệu về CNTT tổng quát, chuyên sâu ngành HTTT và những yêu cầu của cấp độ đào tạo kỹ sư HTTT. Trên cơ sở phương pháp luận tiếp cận hệ thống, nội dung môn học hướng sinh viên tới việc chủ động thực hiện quá trình tự đào tạo chính mình để trở thành một Kỹ sư CNTT có phẩm chất đạo đức, có kiến thức và kỹ năng chuyên môn đáp ứng yêu cầu của xã hội.

[19] Nhập môn Công nghệ phần mềm: 3 TC

Tên tiếng Anh: Introduction of Software Technology

Tóm tắt nội dung: Trình bày đặc điểm cơ bản của chu trình sống phần mềm. Các công cụ, phương pháp kỹ thuật, và quản lý kiểm soát cho việc phát triển và duy trì các hệ thống phần mềm lớn. Các mô hình và công cụ đo đạc. Nhân tố con người và kiểm định hệ thống.

[20] Phân tích thiết kế qui trình nghiệp vụ doanh nghiệp: 3 TC

Tên tiếng Anh: Business Process Modeling

Tóm tắt nội dung: Cung cấp kiến thức về các qui trình nghiệp vụ trong doanh nghiệp. Mô hình hóa các qui trình nghiệp vụ, tối ưu hóa qui trình và áp dụng vào các

hệ thống ERP. Kiến thức về quản trị sự thay đổi nhằm áp dụng vào tái cơ cấu hệ thống doanh nghiệp.

[21] Hệ quản trị cơ sở dữ liệu: 3 TC

Tên tiếng Anh: Database Management Systems

Tóm tắt nội dung: Môn học trình bày các khái niệm cơ bản về các hệ quản trị cơ sở dữ liệu (HQTCSDL): các thành phần của một HQTCSDL và chức năng của chúng, các cơ chế quản lý truy xuất đồng thời, an toàn và khôi phục dữ liệu sau sự cố, tối ưu hoá câu truy vấn cũng như các cấu trúc tổ chức lưu trữ và các phương thức truy xuất tương ứng. Trình bày giải pháp cài đặt cụ thể trên một số HQTCSDL thương mại như: SQL-Server, Oracle, DB2, MySQL.

[22] Nhập môn quản trị chuỗi cung ứng: 3 TC

Tên tiếng Anh: Introduction of Suply Chain Management

Tóm tắt nội dung: Cung cấp Kiến thức về quản trị Logistics, làm nền tảng cho quản trị chuỗi cung ứng. Các hệ thống ERP hỗ trợ cho công tác hoạch định, tổ chức, thực thi, kiểm tra chuỗi cung ứng trong doanh nghiệp.

[23] Quản lý dự án Công nghệ thông tin: 3 TC

Tên tiếng Anh: Information Technology Project Management

Tóm tắt nội dung: trình bày các khía cạnh quan trọng để triển khai thành công một đề án công nghệ thông tin bao gồm hành vi, chiến lược, kỹ thuật, định lượng, truyền thông. Cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan đến việc quản lý và thực hiện dự án Công nghệ thông tin đồng thời đề cập tới những yêu cầu kỹ năng của người quản lý dự án so với yêu cầu quản lý kỹ thuật.

[24] Thương mại điện tử: 3 TC

Tên tiếng Anh: E-Commerce

Tóm tắt nội dung: Vai trò, chức năng của Thương Mại Điện Tử trong hoạt động của Doanh nghiệp. Các chiến lược kinh doanh và ứng dụng cho Thương Mại Điện Tử bao gồm: bán hàng trực tuyến, Marketing trực tuyến, B2B, B2C, Kinh doanh mạng xã hội, Thương mại trên thiết bị di động, thanh toán điện tử, chính phủ điện tử. Kiến trúc hạ tầng Thương Mại Điện Tử. An toàn và bảo mật thông tin cho các giao dịch trực tuyến.

[25] Quản trị quan hệ khách hàng và nhà cung cấp: 3 TC

Tên tiếng Anh: Customer Relationship Management / Supplier Relationship Management

Tóm tắt nội dung: Kiến thức về cách thức kết nối với khách hàng và nhà cung cấp bằng các phương tiện Internet (Email, website, forum, Chat, CRM, SRM...). Giải pháp và kỹ thuật cốt yếu để giữ gìn mối quan hệ với khách hàng và nhà cung cấp. Đảm bảo sự xuyên suốt của dòng thông tin cũng như sản phẩm từ nhà cung cấp, tới nhà sản xuất, nhà phân phối và người tiêu dùng.

[26] Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp: 3 TC

Tên tiếng Anh: ERP (Enterprise Resource Planning)

Tóm tắt nội dung: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về một hệ thống ERP. Các thành phần chính của ERP cũng được giới thiệu trong môn học này. Thông qua đó, sinh viên có thể nhận thấy được tầm quan trọng của ERP, điều kiện để triển khai về nền tảng công nghệ cũng như về qui mô và phạm vi hoạt động của các tổ chức/doanh nghiệp.

[27] Hệ thống thông tin kế toán: 3 TC

Tên tiếng Anh: Accounting Information systems

Tóm tắt nội dung: Môn học trình bày các kiến thức về công tác kế toán, chu trình nghiệp vụ kế toán, tổ chức và xây dựng hệ thống thông tin kế toán, thiết kế và tin học hóa công tác kế toán.

[28] Phát triển ứng dụng web: 3 TC

Tên tiếng Anh: Web application development with open sources

Tóm tắt nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, phương pháp lập trình web động với ngôn ngữ lập trình PHP và trình quản trị cơ sở dữ liệu MySQL (ngôn ngữ lập trình mã nguồn mở được sử dụng rộng rãi trên thế giới); kỹ thuật lập trình Ajax trong PHP; một số Framework hỗ trợ viết web bằng PHP. Thiết kế và triển khai các ứng dụng web trong thực tế bằng ngôn ngữ lập trình web PHP, vận hành và bảo trì website.

[29] Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động: 3 TC

Tên tiếng Anh: Mobile Application Development

Các nội dung bao gồm: Giới thiệu về tính toán di động khắp mọi nơi, tính toán cảm ứng cảnh, giới thiệu hệ điều hành Android và các phương pháp lập trình trên Android. Các phương pháp lập trình nâng cao: đa luồng, đa hành vi, kết nối SQLite, Web Services. Khái niệm cross platform, thiết kế web di động, ứng dụng cho Điện thoại di động. Đánh dấu cho điện thoại di động. Web Apps di động và tính năng thiết bị từ Web Apps. Giới thiệu PhoneGap. Bản địa hóa ứng dụng.

[30] Tiếp thị trực tuyến (E-Marketing): 3 TC

Tên tiếng Anh: E-Marketing

Tóm tắt nội dung: Cung cấp những kiến thức Marketing hiện đại, bên cạnh việc sử dụng Internet để làm công cụ đưa sản phẩm ra thị trường. Kiến thức về lập kế hoạch E-Marketing (E-Marketing Mix) sử dụng chiến lược giá trực tuyến, các quảng cáo trực tuyến, khuyến mãi, và các kênh phân phối internet để chiếm thị phần, hỗ trợ hoạt động kinh doanh.

[31] Thiết kế hệ thống thương mại điện tử: 3 TC

Tên tiếng Anh: E-Commerce System Design

Tóm tắt nội dung: Cung cấp các kiến thức về việc phân tích thiết kế các mô hình kinh doanh điện tử. Kiến thức về hệ thống bán hàng online, thanh toán và an toàn mạng.

[32] Kho dữ liệu và OLAP: 3 TC

Tên tiếng Anh: Data warehouse and OLAP

Tóm tắt nội dung: Môn học trình bày các khái niệm nền tảng về Kho dữ liệu, những đặc tính và kiến trúc cũng như cách tổ chức kho dữ liệu, các ứng dụng thực tế của kho dữ liệu và công cụ phân tích trực tuyến OLAP. Trong đó, bao gồm các vấn đề liên quan đến việc hoạch định, thiết kế, xây dựng, khai thác và bảo trì kho dữ liệu; CSDL đa chiều và các mô hình dữ liệu đa chiều (luận lý và logic), ngôn ngữ truy vấn cơ sở dữ liệu đa chiều (MDX).

[33] Hệ thống thanh toán trực tuyến: 3 TC

Tên tiếng Anh: E-Payment System

Tóm tắt nội dung: Môn học giới thiệu các mô hình thanh toán truyền thống và hiện đại. Các vấn đề về an toàn và bảo mật thông tin thanh toán. Tích hợp các phương thức thanh toán trực tuyến vào hệ thống quản trị bán hàng và tài chính doanh nghiệp.

[34] Quản trị sản xuất: 3 TC

Tên tiếng Anh: Production & Manufacturing Management

Tóm tắt nội dung: Môn học trình bày các khái niệm, mô hình sản xuất và quản trị sản xuất theo Kanban, Lean, 6 Sigma, hoạch định nguồn lực bằng ERP.

[35] Quản trị tài chính doanh nghiệp: 3 TC

Tên tiếng Anh: Finance & Controlling Management

Tóm tắt nội dung: Môn học này trang bị cho sinh viên những khái niệm, nguyên tắc và kỹ thuật cơ bản của quản trị tài chính và ứng dụng những nguyên tắc này trong việc ra quyết định của giám đốc tài chính: quyết định đầu tư, tài trợ và cổ tức. Sinh

viên được làm quen với những vấn đề chính mà một giám đốc tài chính phải đối diện trong công ty. Những chủ đề chính bao gồm: sự bất cân xứng về thông tin, ra quyết định đầu tư trong điều kiện có rủi ro, cấu trúc vốn, phân chia cổ tức, phân tích báo cáo tài chính, dự báo và lên kế hoạch tài chính, phân tích các dự án để ra quyết định đầu tư dài hạn đến phân tích các nguồn tài trợ sẵn có để quyết định phương án huy động vốn

[36] Quản trị nhân lực: 3 TC

Tên tiếng Anh: Human resource Management

Tóm tắt nội dung: Môn học giới thiệu các chức năng quản trị nhân sự nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cần thiết để quản lý con người trong doanh nghiệp hiệu quả, bao gồm bốn lĩnh vực chủ yếu: hoạch định nguồn nhân lực, thu hút và tuyển chọn, đào tạo và phát triển, và duy trì – quản lý. Bên cạnh đó, sinh viên được trao đổi các kỹ năng quản lý như phân tích công việc, đánh giá kết quả làm việc, phỏng vấn ứng viên... Hoàn tất môn học, sinh viên sẽ có đủ khả năng dự đoán và giải quyết các vấn đề liên quan đến sử dụng lao động trong một tổ chức.

[37] Phân tích dữ liệu kinh doanh: 3 TC

Tên tiếng Anh: Data Analysis in Business

Tóm tắt nội dung: Môn học nhằm cung cấp các kỹ thuật phân tích dữ liệu cần thiết cho việc thực hiện phân tích dữ liệu trong nghiên cứu, các dữ liệu trong kinh doanh. Sinh viên được trang bị kiến thức nền tảng của các công thức toán học cần thiết, từ các tình huống gần gũi trong thực tế, dưới dạng các ứng dụng trong kinh doanh, thực hành trên các phần mềm EVIEWS, SPSS...

[38] Hệ thống thông tin quản lý: 3 TC

Tên tiếng Anh: Management Information Systems

Tóm tắt nội dung: Cung cấp những khái niệm cơ sở về hệ thống thông tin quản lý, các yếu tố cấu thành, vai trò, vị trí và tầm quan trọng của hệ thống trong tổ chức; những phương thức mà hệ thống trợ giúp các hoạt động kinh doanh, hỗ trợ việc ra quyết định và tạo ra lợi thế cạnh tranh; quy trình tổ chức và phương pháp tiến hành giải quyết những vấn đề kinh doanh bằng hệ thống thông tin dựa trên cơ sở công nghệ thông tin; nghiên cứu một vài hệ thống thông tin tiêu biểu dưới dạng nghiên cứu tình huống (Case Study)

[39] Nhập môn hệ thống thông tin địa lý: 4 TC

Tên tiếng Anh: Introduction to Geographic Information System

Tóm tắt nội dung: Môn học trình bày các khái niệm cơ bản về Hệ thống tin địa lý; các cơ sở định vị không gian; các mô hình và cấu trúc dữ liệu không gian; cách

thu nhập – nhập, lưu trữ, truy vấn, phân tích và xử lý dữ liệu không gian; giới thiệu cách thống kê và phân tích trong GIS.

[40] Pháp luật trong Thương mại điện tử: 3 TC

Tên tiếng Anh: Law in E-Commerce

Tóm tắt nội dung: Môn học cung cấp các kiến thức về pháp luật nói chung và các quy định của pháp luật Việt Nam và Quốc Tế đối với lĩnh vực CNTT và Thương Mại Điện Tử.

[41] Hệ hỗ trợ ra quyết định: 3 TC

Tên tiếng Anh: Decision Support Systems

Tóm tắt nội dung: Môn học này dùng cho sinh viên chuyên ngành Hệ thống thông tin quản lý (MIS) và Thương mại điện tử (EC). Môn học nhằm cung cấp những khái niệm, kiến thức, kỹ năng để xây dựng và thi công hệ hỗ trợ ra quyết định. Môn học này là sự kết nối tổng hợp của nhiều môn học khác nhau: mô hình toán, cơ sở dữ liệu, hệ chuyên gia, hệ nơ-ron, xử lý ngôn ngữ tự nhiên, vận trù học, khoa học về quản lý, giao diện người dùng, kỹ thuật đồ họa, kỹ thuật lập trình và một số ngành khoa học nghiên cứu về tâm lý và thái độ của nhà quản lý.

[42] Hệ CSDL không gian: 3 TC

Tên tiếng Anh: Spatial Database System

Tóm tắt nội dung: Môn học trình bày các khái niệm cơ bản về hệ cơ sở dữ liệu (CSDL) không gian, các mô hình dữ liệu không gian, phương pháp thiết kế, lưu trữ CSDL không gian, truy vấn dữ liệu không gian. Đồng thời, môn học giới thiệu phương pháp xây dựng hệ CSDL không gian với các phần mềm thiết kế, lưu trữ, xử lý CSDL phổ biến hiện nay và phương pháp tích hợp chúng với phần mềm GIS trong việc xây dựng CSDL không gian.

[43] Quản trị kênh phân phối: 3 TC

Tên tiếng Anh: Distribution Chanel Management

Tóm tắt nội dung: Giới thiệu các kiến thức cơ bản về việc tổ chức và điều hành hệ thống phân phối sản phẩm (chuỗi các nhà phân phối, đại lý, cửa hàng) được áp dụng trong các doanh nghiệp. Cụ thể, môn học này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản chính: vai trò, tầm quan trọng của hệ thống phân phối đối với doanh nghiệp trong việc thực hiện các mục tiêu của doanh nghiệp đề ra, việc thiết kế kênh phân phối được tiến hành ra sao?, chọn lựa và đánh giá các thành viên trong hệ thống phân phối như thế nào?, chính sách, biện pháp để kích thích các thành viên trong hệ thống phân phối hoạt động mang lại hiệu quả cao nhất theo mục tiêu đề ra... Bên cạnh việc cung cấp lý thuyết, các tình huống thực tế của một số doanh nghiệp lớn

trên thị trường Việt Nam như: Coca Cola, Biti's, Trung Nguyên sẽ được giảng viên đưa ra để sinh viên thảo luận nhằm áp dụng lý thuyết để đánh giá các tình huống.

[44] Quản trị bán hàng: 3 TC

Tên tiếng Anh: Sale Management

Tóm tắt nội dung: Giúp cho học viên có được kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị bán hàng, nhận thức về người quản lý bán hàng và nhân viên bán hàng trong công ty, hiểu và vận dụng tốt các kỹ năng đối với nhà quản trị bán hàng, nắm được cách thức xây dựng và quản trị đội ngũ bán hàng, cuối cùng là nhận thức được tương lai phát triển của quản trị bán hàng.

[45] An toàn và bảo mật thương mại điện tử: 3 TC

Tên tiếng Anh: Safety and security in Electronic Commerce

Tóm tắt nội dung: Môn học tập trung vào hai phần chính là an toàn hệ thống và bảo mật dữ liệu trong thương mại điện tử. Trong phần bảo mật dữ liệu, học viên được cung cấp kiến thức về mã hóa thông tin và ứng dụng. Trong phần an toàn dữ liệu, học viên sẽ được cung cấp kiến thức về an toàn thông tin và cách dùng chúng để bảo vệ hệ điều hành, hệ thống mạng, hệ thống phần mềm.

[46] Khai thác dữ liệu: 3 TC

Tên tiếng Anh: Data Mining

Tóm tắt nội dung: Môn học nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về khai phá dữ liệu và quá trình khám phá tri thức, các giai đoạn chính của quá trình khai phá dữ liệu và khám phá tri thức. Sinh viên được trang bị các kỹ thuật chính trong khai thác dữ liệu như phân lớp, phân cụm, hồi quy, chuỗi thời gian, luật kết hợp... cũng như cách sử dụng các công cụ hỗ trợ xây dựng các ứng dụng khai phá dữ liệu

[47] Hệ thống quản trị chuỗi cung ứng: 3 TC

Tên tiếng Anh: Supply Chain Management System

Tóm tắt nội dung: Môn học cung cấp kiến thức chuyên sâu về quản trị chuỗi cung ứng, triển khai các hệ thống chuỗi cung ứng. Các kiến thức, kỹ thuật về tối ưu hóa trong quản trị chuỗi cung ứng được ứng dụng vào trong công tác hỗ trợ hoạch định sản xuất, vận tải, thực thi Logistics.

[48] Quản trị doanh nghiệp: 3 TC

Tên tiếng Anh: Business Management

Tóm tắt nội dung: cung cấp cho sinh viên các lý thuyết cơ sở về quản trị học, các hoạt động của doanh nghiệp bao gồm quản trị tài chính, kinh doanh, nhân sự, sản xuất, nguồn cung ứng.

Khối kiến thức tốt nghiệp

[49] Dữ liệu lớn: 3 TC

Tên tiếng Anh: Big data

Tóm tắt nội dung: Môn học giới thiệu tổng quan thế nào là dữ liệu lớn và những thách thức của dữ liệu lớn (khả năng phân tích, xử lý). Giới thiệu những kỹ thuật R statistics, Hadoop và Map reduce để trực quan hóa và phân tích dữ liệu lớn và tạo ra các mô hình thống kê.

[50] Quản trị chiến lược kinh doanh điện tử: 3 TC

Tên tiếng Anh: Electronic Business Strategy Management

Tóm tắt nội dung: Môn học trình bày các khái niệm về chiến lược và quản trị chiến lược bằng công cụ thể điểm cân bằng, bảng đồ chiến lược. Cách thức hoạch định, tổ chức, thực thi và kiểm tra việc vận hành doanh nghiệp theo chiến lược điện tử.

[51] Mạng xã hội: 3 TC

Tên tiếng Anh: Social network

Tóm tắt nội dung: Khóa học nhằm mục đích giới thiệu sinh viên phân tích mạng xã hội trên cả hai mạng lưới tĩnh và động. Nửa đầu của khóa học sẽ giới thiệu các sinh viên làm thế nào để phân tích một mạng tĩnh bằng cách sử dụng số liệu và ý nghĩa của các kết quả thu được dựa trên sự phân tích này. Nửa sau của khóa học sẽ tập trung vào phân tích mạng lưới động. Mô hình mạng lưới ngẫu nhiên và các số liệu thống kê sẽ được nêu rõ. Việc hình thành mạng lưới chiến lược cũng sẽ được giới thiệu. Mạng được hình thành là một trong những đề tài nghiên cứu phổ biến nhất trong phân tích mạng xã hội (social network analysis – SNA). Hình thành lý thuyết trò chơi (mạng) để giải quyết các vấn đề như cân bằng, ổn định, thương lượng, chuyên giao, phối hợp lựa chọn và thích ứng với những thay đổi mạng. Sử dụng phần mềm Pajek giúp các sinh viên đo và hiển thị dữ liệu mạng. Sinh viên sẽ thực hành sử dụng phần mềm này qua các bài tập.

11. Hướng dẫn thực hiện chương trình

11.1. Đối với khoa và tổ bộ môn:

- Khoa quản lý chuyên môn chịu trách nhiệm rà soát, chủ trì biên soạn đề cương chi tiết các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành theo đúng khối lượng tín chỉ của chương trình này. Cung cấp danh mục giáo trình, bài giảng và tài liệu tham khảo của tất cả các học phần cho Thư viện của Nhà trường và lưu tại Văn phòng khoa. Đầu mỗi học kỳ, phối hợp cùng các đơn vị thuộc Trường để triển khai kế hoạch đào tạo theo đúng tiến độ.

- Phân công giảng viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên (cùng ngành hoặc chuyên ngành liên quan) giảng dạy các học phần lý thuyết, cung cấp đề cương chi tiết học phần cho giảng viên để đảm bảo được theo kế hoạch giảng dạy chung của Nhà trường.

- Đội ngũ cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.

11.2. Đối với giảng viên:

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều học phần, cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện, đồ dùng dạy học phù hợp.

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ bài giảng, nguồn giáo trình, tài liệu học tập và cung cấp cho sinh viên để chuẩn bị trước khi lên lớp.

- Tổ chức Seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, đồ án, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành, tại phòng thí nghiệm và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

- Quan tâm đến phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên trong suốt quá trình giảng dạy và hướng dẫn thực tập, thực hành.

- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các khối kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

11.3. Đối với sinh viên:

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ. Phải tự nghiên cứu bài học trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng. Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên. Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi Seminar.

- Chủ động, tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm đồ án tốt nghiệp. Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

- Thường xuyên tham gia các hoạt động đoàn thể, văn-thể-mỹ để rèn luyện kỹ năng giao tiếp, hiểu biết về xã hội và con người.

11.4. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và thực hành, thực tập:

- Hệ thống phòng học lý thuyết với trang thiết bị truyền thông, có trang bị thêm công cụ hỗ trợ giảng dạy (projector).

- Phòng thực hành máy tính được cài đặt các phần mềm phục vụ đào tạo tin học căn bản, tin học ứng dụng đồ họa, tin học ứng dụng thiết kế, tin học ứng dụng mô phỏng các quá trình.

12. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo

12.1. Phương án tuyển sinh

Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông quốc gia hoặc xét điểm học bạ quá trình học tập ở bậc THPT theo tổ hợp các môn học theo ngành.

12.2. Đối tượng và điều kiện tuyển sinh

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, tuyển sinh trên phạm vi cả nước

12.3. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và đạt chuẩn đầu ra: ngoại ngữ, tin học của chương trình đào tạo;

b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

c) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh và hoàn thành các học phần Giáo dục thể chất;

d) Hoàn thành “Tuần sinh hoạt công dân-sinh viên” và đạt điểm đánh giá rèn luyện theo quy định đối với sinh viên đại học chính quy;

e) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

12.4. Kế hoạch đào tạo (dự kiến)

Học kỳ 1

TT	Tên môn học	Số TC	TS tiết	Số tiết	
				LT	TH
1	Tiếng Anh căn bản 1	3	45	45	
2	Nhập môn ngành TMĐT	2	30	30	
3	Pháp luật đại cương	2	30	30	
4	Kiến trúc máy tính	2	30	30	
5	Toán cao cấp 1	3	45	45	
6	Toán rời rạc	3	45	45	
7	Giáo dục thể chất 1 (*)	1	30		30

TT	Tên môn học	Số TC	TS tiết	Số tiết	
				LT	TH
Tổng cộng:		15			

Học kỳ 2

TT	Tên môn học	Số TC	TS tiết	Số tiết	
				LT	TH
1	Triết học Mac – Lenin	3	45	45	
2	Tiếng Anh căn bản 2	3	45	45	
3	Xác suất thống kê	3	45	45	
4	Lập trình căn bản	4	90	30	60
5	Toán cao cấp 2	3	45	45	
6	<i>Giáo dục thể chất 2 (*)</i>	1	30		30
7	<i>Giáo dục quốc phòng (*)</i>	8	165	75	90
	Tự chọn: chọn 1 trong các học phần sau	2	30	30	
8	Tâm lý học đại cương	2	30	30	
9	Logic học đại cương	2	30	30	
Tổng cộng:		18			

Học kỳ 3

TT	Tên môn học	Số TC	TS tiết	Số tiết	
				LT	TH
1	Tiếng Anh căn bản 3	3	45	45	
2	Kinh tế chính trị Mac – Lenin	2	30	30	
3	Cơ sở dữ liệu	3	60	30	30
4	Cấu trúc dữ liệu	3	45	45	
5	Nhập môn quản lý chuỗi cung ứng	3	45	45	
6	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	60	30	30
7	Kinh tế học đại cương	3	45	45	
8	<i>Giáo dục thể chất 3 (*)</i>	1	30		30
Tổng cộng:		20			

Học kỳ 4

TT	Tên môn học	Số TC	TS tiết	Số tiết	
				LT	TH
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	
2	Nguyên lý hệ điều hành	3	60	30	30
3	Thương mại điện tử	3	60	30	30
4	Pháp luật thương mại điện tử	3	45	45	
5	Quản trị bán hàng	3	45	45	
Học phần tự chọn		6			
6	Quản trị sản xuất	3	60	30	30
7	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	60	30	30

TT	Tên môn học	Số TC	TS tiết	Số tiết	
				LT	TH
8	Lập trình hướng đối tượng	3	60	30	30
9	Hệ thống thông tin quản lý	3	60	30	30
10	Nhập môn hệ thống thông tin quản lý	3	60	30	30
11	Hệ thống thông tin kế toán	3	60	30	30
Tổng cộng:		20			

Học kỳ 5

TT	Tên môn học	Số TC	TS tiết	Số tiết	
				LT	TH
1	Tiếng Anh chuyên ngành (TMDT)	3	45	45	
2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30	
3	Phân tích và thiết kế quy trình nghiệp vụ DN	3	60	30	30
4	Mạng máy tính	3	60	30	30
5	Quản trị quan hệ khách hàng và nhà cung cấp	3	45	45	
	Học phần tự chọn	3			
6	Phát triển ứng dụng web	3	60	30	30
7	Phân tích dữ liệu kinh doanh	3	60	30	30
8	Hoạch định nguồn nhân lực doanh nghiệp	3	60	30	30
Tổng cộng:		17			

Học kỳ 6

TT	Tên môn học	Số TC	TS tiết	Số tiết	
				LT	TH
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	
2	Tiếp thị trực tuyến (E-Marketing)	3	60	30	30
3	Hỗ trợ ra quyết định	3	60	30	30
4	Thiết kế hệ thống thương mại điện tử	3	60	30	30
5	Quản trị nhân lực	3	45	45	
	Học phần tự chọn	3			
6	Nhập môn công nghệ phần mềm	3	60	30	30
7	Quản lý dự án công nghệ thông tin	3	60	30	30
8	Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động	3	60	30	30
Tổng cộng:		17			

Học kỳ 7

TT	Tên môn học	Số TC	TS tiết	Số tiết	
				LT	TH
1	An toàn và bảo mật TMDT	3	60	30	30
2	Quản trị kênh phân phối	3	60	30	30

TT	Tên môn học	Số TC	TS tiết	Số tiết	
				LT	TH
3	Phương pháp nghiên cứu và viết báo cáo khoa học	2	30	30	
4	Quản trị doanh nghiệp	3	45	45	
5	Hệ thống thanh toán trực tuyến	3	60	30	30
	Học phần tự chọn	3			
6	Hệ cơ sở dữ liệu không gian	3	60	30	30
7	Kho dữ liệu và OLAP	3	60	30	30
8	Hệ thống quản trị chuỗi cung ứng	3	60	30	30
	Tổng cộng:	17			

Học kỳ 8

TT	Tên môn học	Số TC	TS tiết	Số tiết	
				LT	TH
1	Thực tập tốt nghiệp (TMĐT)	4	120		120
2	Khóa luận tốt nghiệp (TMĐT)	6	180		180
	Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp	6			
3	Quản trị chiến lược kinh doanh điện tử	3	45	45	
4	Phân tích dữ liệu kinh doanh	3	60	30	30
5	Dữ liệu lớn	3	60	30	30
6	Khai thác dữ liệu	3	60	30	30
	Tổng cộng:	10			

12.5. Kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo

12.5.1. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý

Đền hiện tại, tổng số giảng viên tham gia chương trình là 143 giảng viên, trong đó có 80 giảng viên trực tiếp giảng dạy trên tổng số 96 giảng viên cơ hữu và 47 giảng viên thỉnh giảng. Độ tuổi bình quân của giảng viên cơ hữu trực tiếp giảng dạy là 42 tuổi; số cán bộ đạt trình độ tiến sĩ là 06, chiếm tỷ lệ 7,5%; Phó Giáo sư là 01, chiếm tỷ lệ 1,25%.

Định hướng phát triển công tác cán bộ của ngành luôn phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường, theo hướng đảm bảo về mặt số lượng và chất lượng đội ngũ đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Để đảm bảo quy mô, chất lượng và quy hoạch đội ngũ GV thì Nhà trường đã có chính sách thu hút những người có trình độ tiến sĩ, học hàm học vị cao, ưu tiên, tạo điều kiện cho các GV có trình độ cao. Đồng thời, còn huy động khai thác các nguồn lực để đội ngũ cán bộ có điều kiện học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ, ngoại ngữ; tuyển chọn để gửi đi đào tạo ở các trung tâm đào tạo lớn trong và ngoài nước; tranh thủ hợp tác quốc tế để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, GV. Ngoài ra, lĩnh vực NCKH, chuyển giao công nghệ, nhà trường phấn đấu là nơi đào tạo hàng đầu trong nhiều lĩnh vực. Hoạt động phục vụ cộng đồng được thể hiện trong chủ trương của Nhà trường về hoạt động NCKH đó là đổi mới nội dung các đề tài thiết thực và tính ứng dụng cao như: quản lý hoạt động DN, dịch vụ du lịch, giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, chiến lược sản xuất kinh doanh, phát triển hình thức hợp tác giữa Nhà trường với các DN, địa phương trong NCKH. Theo quy định của Nhà trường, Bộ môn khi có nhu cầu tuyển dụng GV phải có kế hoạch tuyển dụng nhân sự và báo cáo đánh giá hoạt động giảng dạy hiện tại và những năm học tiếp theo. Toàn bộ hoạt động tuyển dụng, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm GV đều được thực hiện theo quy trình giải quyết công việc, quy chế tuyển dụng của Nhà trường một cách minh bạch, công khai. Hàng năm, căn cứ vào hợp đồng lao động, Nhà trường đã tiến hành rà soát về trình độ chuyên môn của GV và thực hiện giải quyết việc chấm dứt hợp đồng theo quy định.

12.5.2. Kế hoạch tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư chi phí đào tạo

Hàng năm, Trường Đại học Nam Cần Thơ thường xuyên đầu tư chi phí cho cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị dạy và học, tăng số đầu sách trong thư viện, bổ sung thiết bị và dụng cụ thí nghiệm, sửa chữa nhỏ, nâng cấp hệ thống internet, E-learning, số hóa tài liệu, nâng cấp dịch vụ ký túc xá,... theo yêu cầu của kế hoạch đào tạo và tương xứng với mức thu học phí.

12.5.3. Kế hoạch hợp tác quốc tế về đào tạo

Hiện nay, nhà Trường đang có mối quan hệ chặt chẽ với các tổ chức đào tạo khoa học trên thế giới như: Trường Đại học Regis, Hoa Kỳ; Trường Đại học Khoa học Công nghệ Malaysia (MUST); Trường Đại học Future Generations, Hoa Kỳ; Trường Đại học Future Generations, Hoa Kỳ; Trường Đại học Nông nghiệp và Công nghệ Quốc tế, Bangladesh; Trường Kinh doanh Montpellier, Pháp. Trong tương lai gần, khoa sẽ tăng cường hợp tác về nghiên cứu và đào tạo với các nước trong khu vực (Thái Lan, Hàn Quốc) và Âu Mỹ.

Chính sách của Trường trong thời gian tới là tích cực tìm kiếm cơ hội mở rộng hợp tác với nhiều cơ quan, tổ chức quốc tế nhằm đa dạng hoá hoạt động nghiên cứu, tạo điều kiện cho giảng viên, nghiên cứu viên, nghiên cứu sinh nâng cao năng lực nghiên cứu và đào tạo; Tiếp tục duy trì và phát triển các hoạt động hợp tác quốc tế đã được thiết lập trong việc trao đổi giảng viên và sinh viên, liên kết đào tạo hộ cử nhân và cao học cấp bằng nước ngoài; Thành lập các nhóm phụ trách hợp tác đối ngoại và khuyến khích các cán bộ giảng viên, nhân viên tham gia nhằm nâng cao năng lực và kinh nghiệm thực hiện các hoạt động hợp tác đối ngoại.

12.5.4. Đề cương chi tiết học phần

Phụ lục đính kèm

Cần Thơ, ngày tháng năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Văn Quang

PHẦN 4. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA, XỬ LÝ RỦI RO TRONG MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Điểm mạnh, điểm yếu của cơ sở đào tạo để thích ứng với tình hình phát triển kinh tế xã hội & ngăn ngừa, hạn chế rủi ro có thể xảy ra.

Năm 2021, sự bùng phát trở lại và kéo dài của đại dịch COVID-19 đã tác động không nhỏ đến mọi mặt kinh tế - xã hội của Việt Nam khiến nhiều địa phương trên cả nước phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài, sản xuất bị đình trệ, chuỗi cung ứng đứt gãy, các chỉ số chính của nền kinh tế đều sụt giảm, sức mua của người dân giảm mạnh, đời sống bị ảnh hưởng nghiêm trọng, tỷ lệ thất nghiệp tăng cao. Trong khi biến thể Delta và sau đó là biến thể Omicron khiến nhiều nước trên thế giới “chao đảo”. Trường Đại học Nam Cần Thơ cũng là một trong những cơ sở đào tạo đã hứng chịu nhiều ảnh hưởng từ đại dịch này. Tuy nhiên, cùng với sự lãnh đạo đúng đắn và nắm bắt tình hình để thích ứng với đại dịch trong thời kỳ mới của Đảng và Nhà Nước ta, Việt Nam nói chung và cơ sở đào tạo nói riêng đã từng bước phục hồi và phát triển mạnh mẽ hơn sau đại dịch. Qua những kinh nghiệm đã trải qua sau đại dịch, cơ sở đào tạo đã rút ra được những bài học để dự báo, giải quyết những rủi ro có thể xảy ra khi triển khai tuyển sinh khi mở ngành cũng như đánh giá được những điểm mạnh, điểm yếu của cơ sở đào tạo cụ thể như sau:

1.1. Về điểm mạnh của cơ sở đào tạo:

- Về cơ sở vật chất: Trường Đại học Nam Cần Thơ đã đầu tư, xây dựng hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng kiến trúc hiện đại để phục vụ cho mục đích học tập, nghiên cứu khoa học, giải trí, trau dồi kỹ năng chuyên môn để phát triển năng lực bản thân của từng học viên, sinh viên.

- Đội ngũ giảng viên: Giàu kinh nghiệm kết hợp giảng dạy, dẫn dắt các đội ngũ giảng viên trẻ để tăng tính năng động, sáng tạo nhưng vẫn giữ được giá trị cốt lõi, tính kế thừa những giá trị từ lớp giảng viên giàu kinh nghiệm mang lại.

- Mô hình phát triển của cơ sở đào tạo có tính đổi mới, hiện đại: trường hướng về “phát triển doanh nghiệp trong lòng trường Đại học” vì vậy sinh viên được tiếp cận nhiều hơn với doanh nghiệp từ khi còn trong ghế nhà trường để thích nghi với chuyển đổi số và cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay và hướng tới cuộc cách mạng công nghiệp 5.0 sắp tới. Ngoài ra, trường Đại học Nam Cần Thơ còn rất chú trọng phát triển chuyển đổi số trong quản lý, đổi mới phương pháp dạy và học. trường đã xây dựng thư viện điện tử, trung tâm công nghệ phần mềm, xây dựng hệ thống quản lý giáo dục, sinh viên trong nội bộ nhà trường & trường đã xây dựng hệ thống dạy trực tuyến để thích ứng với tình hình mới sau đại dịch.

Với những ưu điểm kể trên, trường Đại học Nam Cần Thơ có đầy đủ năng lực để có thể dự báo được những rủi ro có thể xảy ra khi mở ngành đào tạo.

1.2. Về điểm yếu của cơ sở đào tạo:

- Cơ sở giáo dục còn non trẻ: Trường Đại học Nam Cần Thơ được thành lập ngày 25/01/2013 theo quyết định số 230/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, cơ sở đào tạo đã có hơn 09 năm xây dựng và phát triển. Thời gian thành lập, xây dựng và phát triển tuy còn khiêm tốn nhưng trường đã phát triển một cách mạnh mẽ và chú trọng vào công tác đầu tư, phát triển cơ sở giáo dục tuy nhiên việc sơ suất trong công tác quản lý, giảng dạy không tránh được những sai sót. Cơ sở giáo dục đã từng bước khắc phục những hạn chế về kinh nghiệm và hướng đến phát triển bền vững và trở thành cơ sở đào tạo nguồn nhân lực uy tín cho khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long nói riêng và cả nước nói chung.

- Xây dựng cơ sở vật chất song song với phát triển đào tạo: Trong những năm đầu thành lập vì điều kiện cơ sở vật chất còn hạn chế, trường Đại học Nam Cần Thơ đã vừa phải phát triển giáo dục đào tạo song song phát triển cơ sở vật chất nên đã gặp rất nhiều khó khăn trong công tác quản lý, giảng dạy. Tuy nhiên đến năm 2022, trường đã cơ bản hoàn thiện và đáp ứng đầy đủ những hạn mục, những công trình, cơ sở vật chất để phục vụ sinh viên, học viên yên tâm đến trường để học tập, nghiên cứu, trao đổi và phát triển bản thân.

Trường Đại học Nam Cần Thơ đang từng bước phát triển và khắc phục những điểm yếu còn tồn đọng để hướng tới những giá trị cốt lõi và trở thành địa chỉ cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao tại Đồng bằng Sông Cửu Long.

2. Báo cáo, thuyết minh về các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo:

- Thông tư mới đã có quy định cụ thể 02 trường hợp cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo của cơ sở đào tạo như tự chủ mở ngành khi chưa đủ được điều kiện được tự chủ mở ngành theo quy định; tự chủ mở ngành khi chưa đủ một trong các điều kiện quy định. Quan trọng hơn, cơ sở bị đình chỉ ngành đào tạo sẽ không được tự chủ mở ngành trong 5 năm. Nếu cơ sở giáo dục bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo, trường sẽ có những phương án, giải pháp cụ thể như sau:

- Ưu tiên đưa ra những giải pháp trấn an tâm lý của sinh viên, học viên và phải đảm bảo những quyền lợi, lợi ích của họ được đặt lên hàng đầu;
- Tìm hiểu nguyện vọng của sinh viên, học viên để tư vấn chuyên những ngành còn được cấp phép đào tạo tại cơ sở giáo dục sao cho phù hợp với quy chế đào tạo của cơ sở giáo dục và Bộ giáo dục & Đào tạo Việt Nam;

- Tìm kiếm những cơ sở giáo dục uy tín trong khu vực để liên hệ chuyển trường cho những học viên, sinh viên đúng theo quy chế, quy định hiện hành nếu không đồng ý chuyển ngành còn được đào tạo tại cơ sở đào tạo;
- Thỏa thuận, bồi hoàn chi phí học tập, tuyển sinh đến thời điểm sinh viên, học viên còn đang theo học nếu không đồng ý với các cách giải quyết nêu trên.

Tr
ng
i h
c Nam C h T

PHẦN 5. PHỤ LỤC CÁC MINH CHỨNG KÈM THEO ĐỀ ÁN

- [1] Quyết định của Hội đồng trường về việc thống nhất chủ trương mở ngành đào tạo trình độ đại học.
- [2] Quyết định thành lập ban xây dựng đề án mở ngành đào tạo
- [3] Quyết định thành lập Tổ soạn thảo chương trình đào tạo
- [4] Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo
- [5] Quyết định ban hành chương trình đào tạo
- [6] Biên bản thẩm định chương trình đào tạo
- [7] Biên bản thẩm định đề án mở ngành của Hội đồng khoa học và đào tạo
- [8] Quyết định mở ngành đào tạo
- [9] Đề cương chi tiết môn học
- [10] Phụ lục 3: Xác nhận điều kiện thực tế của cơ sở đào tạo
- [11] Lý lịch khoa học và văn bằng của đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình.
- [12] Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục
- [13] Một số công trình khoa học của đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Toán cao cấp 1

Mã học phần: 0101000898

Số tín chỉ: 03

Tổng số tiết quy chuẩn: 45

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	30	15	0	0	45 + 90 = 135

Loại học phần:

Học phần tiên quyết:

Học phần học trước:

Học phần học song hành:

Ngôn ngữ giảng dạy:

Đơn vị phụ trách:

Bắt buộc

Không

Không

Không

Tiếng Việt: Tiếng Anh:

Tổ Toán, Khoa Cơ bản

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Tổ Toán, Khoa Cơ bản phụ trách.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Hiểu được các khái niệm cơ bản về ma trận, định thức, các phép toán trên ma trận và trên định thức; các phương pháp giải hệ phương trình tuyến tính; phép tính vi phân hàm một biến số.

MT2: Hiểu được ý nghĩa của các đại lượng toán học; phân tích được bài toán thực tế, đưa về các đại lượng toán và giải quyết bài toán.

* Về kỹ năng

MT3: Có kỹ năng tính toán các phép toán, các phép biến đổi trên ma trận, định thức; có kỹ năng biến đổi và giải hệ phương trình; có kỹ năng phân tích các bài toán từ thực tế.

MT4: Vận dụng thành thạo các phương pháp giải hệ phương trình tuyến tính và áp dụng vào giải một số bài toán từ thực tế.

MT5: Có kỹ năng tính toán về giới hạn, đạo hàm, vi phân các cấp của hàm số một biến số; có khả năng phân tích và ứng dụng các khái niệm toán học trên để giải quyết một số bài toán trong thực tế.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT6: Có năng lực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm công tác một cách sáng tạo.

MT7: Có năng lực hợp tác trong công việc và tự chịu trách nhiệm theo nhóm công tác.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	
868 0101010 0001000	Toán cao cấp 1	0	1	3	1	2	0	1	0	0	
		PO10	PO11	PO12	PO13						
		1	1	1	1						

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2	CO1	Ứng dụng lý thuyết toán học để đưa các bài toán thực tế về các bài toán giải được bằng toán học.	PO2, PO3
MT3 MT4	CO2	Phân tích được sự hình thành giá cân bằng cung - cầu trong các bài toán về thị trường cạnh tranh.	PO3, PO4
MT5	CO3	Giải được các bài toán chứa các yếu tố hình thành và ảnh hưởng đến cung - cầu hàng hóa và dịch vụ.	PO5
MT3 MT4	CO4	Phân tích được tác động của các biện pháp can thiệp vào thị trường cạnh tranh thông qua kết quả giải được từ toán học.	PO13
MT3 MT4	CO5	Phân tích được các yếu tố hình thành chi phí sản xuất trong ngắn hạn và dài hạn thông qua kết quả giải được từ toán học.	PO13
MT4 NT5	CO6	Phân tích được điều kiện tối đa hóa lợi nhuận của đơn vị sản xuất trong thị trường cạnh tranh thông qua kết quả giải được từ toán học.	PO5, PO7
MT4 MT5	CO7	Phân tích được điều kiện tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp độc quyền và cạnh tranh độc quyền trong thị trường thông qua kết quả giải được từ toán học.	PO13
Kỹ năng			
MT3 MT4 MT5	CO8	Vận dụng các kiến thức về toán học để biến đổi các bài toán thực tế đưa về dạng giải được bằng toán học. Hình thành kỹ năng đọc kết quả sau giải quyết.	PO8, PO9
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT6 MT7	CO9	Nhận thức được tầm quan trọng của việc tự giải quyết các bài toán kinh tế từ thực tế, tự tìm giải pháp hiệu quả cho việc ứng dụng toán học vào thực tế.	PO10, PO11, PO12

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần cung cấp các khái niệm về:

- Ma trận, các phép toán trên ma trận, ma trận bậc thang, hạng của ma trận và ma trận nghịch đảo;
- Khái niệm định thức, các phương pháp tính định thức và ứng dụng của định thức;
- Khái niệm hệ phương trình tuyến tính và các phương pháp giải;
- Khái niệm hàm số, giới hạn, liên tục, đạo hàm và vi phân;

- Ứng dụng các kiến thức nêu trên vào giải quyết một số bài toán từ thực tế.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của học phần một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung học phần vào thực tiễn.	CO5, CO6, CO9
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7, CO8

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên khác đặt ra.

Bài tập: chuẩn bị bài tập, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.

Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo.

Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.

Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề mà giảng viên yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Thang điểm
1	Chuyên cần	10	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3	10
		10	+ Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	CO4, CO5, CO6	
2	Thường xuyên	30	+ Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân. Hình thức kiểm tra: Tự luận.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
3	Thi kết thúc HP	50	+ Thi kết thúc học phần. + Hình thức thi: Tự luận. + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập:

[1] Nguyễn Văn Quang, Trần Ngọc Tâm, *Bài giảng Toán cao cấp 1*, Trường Đại học Nam Cần Thơ, năm 2017.

10.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Nguyễn Đình Trí (chủ biên), *Giáo trình Toán học cao cấp tập 1*, Nhà xuất bản Giáo dục, năm 2004.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1	1. Ma trận + Khái niệm về ma trận + Một số ma trận đặc biệt + Các phép toán trên ma trận + Các phép biến đổi sơ cấp trên dòng + Ma trận bậc thang dòng + Hàng của ma trận <i>Bài tập</i>	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
2	2. Định thức + Khái niệm định thức + Tính chất cơ bản của định thức + Công thức khai triển định thức <i>Bài tập</i>	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
3	3. Ma trận nghịch đảo + Định nghĩa + Tính chất của ma trận nghịch đảo + Tìm ma trận nghịch đảo bằng phép biến đổi sơ cấp + Tìm ma trận nghịch đảo bằng định thức <i>Bài tập</i>	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
4	4. Hệ phương trình tuyến tính + Các khái niệm cơ bản + Dạng ma trận của hệ phương trình tuyến tính + Định lý Kronecker-Capelli + Thuật toán Gauss <i>Bài tập</i>	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
5	+ Giải hệ phương trình tuyến tính thuần nhất + Thuật toán Cramer <i>Bài tập</i>	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
6	+ Mô hình cân bằng thị trường + Mô hình cân bằng thu nhập quốc dân + Mô hình IS-LM + Mô hình cân đối liên ngành <i>Bài tập</i>	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
7	<i>Kiểm tra giữa kỳ</i>		
8	5. Hàm số + Khái niệm hàm số + Hàm số đơn điệu + Hàm số chẵn, lẻ + Hàm số bị chặn + Hàm số hợp + Hàm số ngược + Các hàm số sơ cấp cơ bản + Hàm sơ cấp <i>Bài tập</i>	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
9	6. Dãy số và giới hạn dãy số + Dãy số + Cấp số cộng + Cấp số nhân + Giới hạn dãy số <i>Bài tập</i>	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
10	7. Giới hạn hàm số + Định nghĩa + Một số giới hạn cơ bản + Tính chất hàm số có giới hạn + Các qui tắc tính giới hạn + Các dạng vô định <i>Bài tập</i>	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
11	8. Vô cùng bé, vô cùng lớn và hàm số liên tục + Vô cùng bé + Vô cùng lớn + Khái niệm hàm số liên tục + Các định lý về hàm liên tục + Tính liên tục của hàm hợp, hàm ngược và hàm số sơ cấp + Tính chất của hàm số liên tục <i>Bài tập</i>	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
12	9. Đạo hàm và vi phân + Khái niệm đạo hàm + Mối quan hệ giữa đạo hàm và tính liên tục + Ý nghĩa chung của đạo hàm	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	<ul style="list-style-type: none"> + Đạo hàm các hàm số sơ cấp cơ bản + Đạo hàm tổng, hiệu, tích và thương + Đạo hàm hàm hợp + Đạo hàm hàm ngược + Khái niệm vi phân + Liên hệ vi phân với đạo hàm + Các qui tắc tính qui phân + Các định lý cơ bản về hàm khả vi + Ứng dụng vi phân tính gần đúng <p><i>Bài tập</i></p>		
13	<p>10. Đạo hàm và vi phân cấp cao</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đạo hàm cấp cao + Vi phân cấp cao <p><i>Bài tập</i></p>	[1]	CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
14	<p>11. Ứng dụng của đạo hàm trong toán học</p> <ul style="list-style-type: none"> + Qui tắc L'Hospital khử dạng vô định + Xác định khoảng tăng, giảm và cực trị của hàm số + Tính lồi, lõm và điểm uốn của đồ thị + Giá trị lớn nhất, nhỏ nhất của hàm số <p><i>Bài tập</i></p>	[1]	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
15	<p>12. Ứng dụng của đạo hàm trong kinh tế</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hàm giá trị cận biên + Hệ số co dãn + Bài toán tối ưu một biến trong kinh tế <p><i>Bài tập</i></p>	[1]	CO2, CO3, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, phấn, máy chiếu, micro.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Lý thuyết xác suất và thống kê toán

Mã học phần: 0101000883

Số tín chỉ: 03

Tổng số tiết quy chuẩn: 45

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết					
T = Bài tập					
P = Thực hành	30	15	0	0	45 + 90 = 135
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Có

Học phần học trước: Toán cao cấp 1

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Tổ Toán, Khoa Cơ bản

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Tổ Toán, Khoa Cơ bản phụ trách.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT)

** Về kiến thức*

MT1: Hiểu các khái niệm về xác suất, biến ngẫu nhiên, một số quy luật xác suất, ước lượng, kiểm định, hồi quy tuyến tính.

MT2: Hiểu được vai trò và ứng dụng của xác suất, thống kê trong các ngành khoa học khác và ứng dụng vào đời sống.

MT3: Đưa ra quyết định thông qua việc phân tích về số liệu.

MT4: Người học sẽ xây dựng cho mình tác phong làm việc cụ thể, chi tiết và khoa học, tránh lối làm việc đại khái, cảm tính và không thực hành.

*** Về kỹ năng**

MT5: Nhận biết các mô hình thống kê đơn giản và ứng dụng vào các bài toán thuộc chuyên ngành học của mình.

MT6: Sử dụng ít nhất một phần mềm thống kê để giải các bài toán thống kê (Excel, SPSS, R, ...)

MT7: Sinh viên phải tham gia học tập và giải quyết các vấn đề được đặt ra.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT8: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.

MT9: Nhận thức được tầm quan trọng của các vấn đề được cuộc sống đặt ra để tìm kiếm giải pháp làm tăng hiệu quả công việc.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CDR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	
0101000883	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	0	2	2	1	1	2	1	1	1	
		PO10	PO11	PO12	PO13	0	2	2	0		

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
MT1	CO1	Nắm các khái niệm cơ bản về lý thuyết xác suất.	PO2, PO3, PO4
MT1 MT2	CO2	Nắm các công thức tính xác suất, biến ngẫu nhiên, một số luật phân phối xác suất thường gặp, lý thuyết mẫu, ước lượng, kiểm định giả thuyết thống kê.	PO2, PO3, PO6
MT1 MT2 MT3	CO3	Vận dụng các kiến thức về xác suất thống kê vào các lĩnh vực khoa học - công nghệ và kinh tế.	PO5, PO6, PO7, PO9.

MT1 MT2	CO4	Vận dụng phương pháp chung và những phương pháp đặc thù của xác suất, thống kê vào giải quyết các bài toán từ thực tế.	PO2, PO3, PO8
MT5 MT6 MT7	CO5	Phân tích, tổng hợp và xử lý số liệu trên nền kiến thức về xác suất, thống kê để đưa ra kết luận.	PO8, PO9, PO11
MT5 MT6 MT7	CO6	Thao tác được trên các đồ thị, biểu bảng để trình bày rõ ràng, để từ đó đưa ra nhận xét, đánh giá phù hợp.	PO3, PO5
MT1 MT2 MT3 MT5 MT6	CO7	Vận dụng được kiến thức để giải các bài tập xác suất thống kê và giải các vấn đề cơ bản trong cuộc sống.	PO2, PO3, PO5, PO9
MT8 MT9	CO8	Sưu tầm, tra cứu tài liệu từ các nguồn khác nhau để phục vụ cho học phần.	PO3, PO5, PO9
MT8 MT9	CO9	Có thái độ tích cực, tác phong cẩn thận, tinh thần hợp tác trong học tập và công việc.	PO8

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Nội dung môn học gồm hai phần là Xác suất và Thống kê:

- Phần xác suất cung cấp cho sinh viên các kiến thức về phép thử ngẫu nhiên, biến cố, xác suất của biến cố, các phương pháp tính xác suất, đại lượng ngẫu nhiên và các phân phối xác suất, các đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên, một số phân phối thường gặp trong thực tế.

- Phần thống kê giới thiệu cho sinh viên các bài toán cơ bản của thống kê và cách giải quyết bài toán ước lượng, bài toán kiểm định giả thiết và hồi quy tuyến tính.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong học phần.	CO3, CO5, CO6, CO7, CO8, CO10, CO11, CO12
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung học phần vào các vấn đề thực tiễn.	CO5, CO6, CO9, CO10, CO11, CO12
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7, CO12

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.

Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.

Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.

Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.

Làm bài tập ứng dụng, hoặc bài tập tình huống để củng cố các kiến thức (lý thuyết) đã được học.

Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.

Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Thang điểm
1	Chuyên cần	10	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3	10
		10	+ Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	CO4, CO5, CO6	
2	Thường xuyên	30	+ Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân. Hình thức kiểm tra: Tự luận.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
3	Thi kết thúc HP	50	+ Thi kết thúc học phần. + Hình thức thi: Tự luận.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

		+ Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề.		
--	--	--	--	--

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Lê Đại Nghiệp, *Bài giảng Lý thuyết xác suất và thống kê toán*, Bộ môn toán - Khoa Cơ bản, năm 2017.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Lê Sĩ Đồng, *Xác suất thống kê và ứng dụng*, Nhà xuất bản Giáo dục, năm 2011.

[3] Đinh Văn Đăng, *Bài tập xác suất và thống kê*, Nhà xuất bản Giáo dục, năm 2011

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung chính	Tài liệu	CDR của HP
1	Các quy tắc đếm.	[1]	CO2, CO3, CO5.
2	Phép thử, biến cố, xác suất của biến cố.	[1]	CO2, CO3, CO5, CO6, CO7, CO9
3	Công thức tính xác suất.	[1]	CO1, CO2, CO3, CO5, CO6, CO7, CO8
4	Công thức tính xác suất (tt) + bài tập.	[1]	CO1, CO2, CO3, CO5, CO9, CO10, CO11
5	Biến ngẫu nhiên + tham số đặc trưng.	[1]	CO1, CO2, CO3, CO8, CO9, CO10, CO11, CO12
6	Luật phân phối xác suất + bài tập.	[1]	CO1, CO2, CO3, CO6, CO7, CO10, CO11, CO12
7	Tổng thể và mẫu + sắp xếp mẫu.	[1]	CO1, CO2, CO3, CO8, CO9, CO10.
8	Các đặc trưng của mẫu + bài tập. Kiểm tra 1 tiết.	[1]	CO2, CO3, CO8, CO9, CO10, CO11.
9	Ước lượng khoảng cho tham số trung bình, tỉ lệ.	[1]	CO2, CO3, CO7, CO9, CO10, CO11, CO12

Tuần	Nội dung chính	Tài liệu	CDR của HP
10	Ước lượng khoảng cho tham số phương sai + bài tập.	[1]	CO1, CO2, CO3, CO5, CO6, CO10, CO11, CO12
11	Tổng quan bài toán kiểm định.	[1]	CO1, CO2, CO3, CO8, CO9, CO10, CO11, CO12
12	Một số kiểm định liên quan đến tỷ lệ.	[1]	CO1, CO2, CO3, CO5, CO8, CO10, CO11, CO12
13	Một số kiểm định liên quan đến trung bình.	[1]	CO1, CO2, CO3, CO5, CO8, CO9, CO11, CO12
14	Kiểm định sự độc lập và luật phân phối xác suất.	[1]	CO1, CO2, CO3, CO6, CO7, CO9, CO11, CO12
15	Bài tập	[1]	CO1, CO2, CO3.

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu, phấn, micro.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Anh văn căn bản 1

Mã học phần: 0101000861

Số tín chỉ: 3

Tổng số tiết quy chuẩn: 45

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	30	15	0	0	45 + 90 = 135

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Trung tâm đào tạo chuẩn đầu ra và phát triển nguồn nhân lực

2. Giảng viên phụ trách môn học

Các giảng viên trực thuộc Bộ môn Anh văn – Trung tâm Đào tạo Chuẩn đầu ra và Phát triển nguồn nhân lực

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu M):

*Về kiến thức

MT1: Sinh viên làm quen với tiếng Anh, biết được vốn từ vựng căn bản để nói về các vấn đề liên quan đến bản thân như tự giới thiệu, công việc, gia đình, hoạt động hằng ngày. Đồng thời, sinh viên có thể học được các cấu trúc ngữ pháp căn bản trong quá trình viết đoạn văn ngắn.

MT2: Sinh viên có thể phân biệt được sự khác biệt của ngữ điệu trong văn nói.

*Về kỹ năng

MT3: Tạo môi trường cho sinh viên rèn luyện kỹ năng đọc hiểu bằng tiếng Anh đối với các tài liệu phổ biến như sách, báo; rèn luyện kỹ năng giao tiếp tự tin hơn bằng tiếng Anh trong những tình huống thông thường, bao gồm kỹ năng giao tiếp trước đám đông, kỹ năng làm việc đội, nhóm.

***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT4: Xây dựng cho sinh viên thái độ ham học hỏi, khả năng phân biệt và thói quen sử dụng tiếng Anh trong giờ học, khi giao tiếp với bạn bè và ngoài lớp học.

MT5: Nhận thức tầm quan trọng của việc học tiếng Anh trong thời kỳ hội nhập

1. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0101000861	Anh văn căn bản 1	0	0	1	0	0	0	0	0	0
		PO10	PO11	PO12	PO13					
		1	1	1	1					

2. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1, MT2	CO1	Hiểu rõ các vấn đề về chữ viết và ngữ âm cơ bản như: hệ thống chữ cái, hệ thống nguyên âm, phụ âm, kí hiệu phiên âm quốc tế, trọng âm từ, trọng âm câu, phát âm cuối.	PO3
MT1, MT2	CO2	Vận dụng được vốn từ vựng cơ bản về các chủ đề gần gũi quen thuộc như: bản thân, gia đình, bạn bè, nghề nghiệp, nơi ở, đất nước, quốc tịch, các hoạt động thường ngày, hoạt động giải trí, cảm xúc, ngôn ngữ sử dụng trong lớp học, etc.	PO3
MT1, MT2	CO3	Nắm vững các điểm ngữ pháp cơ bản như: thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, tương lai đơn; danh từ số ít, số nhiều; dạng sở hữu cách; các dạng tính từ và trạng từ;	PO3

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
		câu cầu khiến và một số cấu trúc câu thông dụng ... Có khả năng đọc hiểu các đoạn văn ngắn, mẫu tin ngắn.	
MT1 MT2	CO4	Hình thành các kỹ năng nghe - nói bằng tiếng Anh cơ bản với bạn học thông qua các hoạt động thực hành các tình huống đơn giản và quen thuộc.	PO3
Kỹ năng			
MT3	CO5	Tạo môi trường cho sinh viên rèn luyện khả năng giao tiếp tự tin hơn bằng tiếng Anh trong những tình huống thông thường và rèn luyện kỹ năng đọc hiểu các tài liệu thông thường bằng tiếng Anh. Sinh viên tập nói tiếng Anh trước đám đông và phát triển kỹ năng làm việc theo đội, nhóm.	PO10, PO11, PO12, PO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT4 MT5	CO6	- Xây dựng cho sinh viên thái độ ham học hỏi, khả năng phản biện và thói quen sử dụng tiếng Anh trong giờ học, khi giao tiếp với bạn bè và ngoài lớp học. - Nhận thức tầm quan trọng của việc học tiếng Anh trong thời kỳ hội nhập.	

3. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Anh Văn Căn Bản 1 (AVCB1) là học phần đầu tiên trong hệ thống các học phần Anh văn căn bản (AVCB) dành cho các lớp Tiếng Anh không chuyên bậc Đại học và Cao đẳng chính quy, hệ vừa học vừa làm. Giáo trình được sử dụng trong suốt học phần này là American English File (second edition) của NXB Oxford. Học phần này bắt đầu từ Unit 01 và kết thúc là Unit 06, trong đó bao gồm 4 đơn vị bài học chính trên lớp và 2 đơn vị bài học tự học (6 Units) và 2 đơn vị bài ôn (2 Reviews). Mỗi đơn vị bài học được phân chia thành các bài học nhỏ hơn với mục đích giúp sinh viên tiếp cận nội dung một cách tự nhiên và hiệu quả nhất. Nội dung của học phần tập trung vào các chủ điểm: thông tin cá nhân, quốc tịch, các hoạt động hằng ngày, gia đình, công việc, ngày tháng, các mùa trong năm, cảm xúc, ngôn ngữ sử dụng trong lớp học.

4. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO2, CO3
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO3, CO4, CO6

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng.
- Thảo luận theo cặp nhóm các vấn đề liên quan đến bài học; tham gia đóng góp ý kiến, xây bài tại lớp.
- Bài tập: làm bài tập trên lớp và hoàn thành phần bài giảng viên giao về nhà
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

9.1 Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

9.2 Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần + bài tập về nhà và phát biểu trên lớp	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
		10	- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
2	Kiểm tra giữa kỳ (Nghe và Nói)	30	- Chất lượng bài làm (Nghe) và trình bày (Nói)	CO1, CO2, CO3	10
3	Thi kết thúc học phần - Trắc nghiệm: Từ vựng, ngữ pháp và kỹ năng Đọc hiểu - Tự luận: Kỹ năng Viết	50	- Theo đáp án, thang điểm quy định	CO1, CO2, CO3	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Latham-Koenig, C., Oxenden, C., & Seligson, P. (2017). *American English File 1 (2nd Ed.)*. Oxford publishing.

10.2. Tài liệu tham khảo

[1] Liz, & Soars, J. (2010). *American Headway 1 (2nd Ed.)*. Oxford publishing.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	Unit 1A: My name's Hannah, not Anna		
1	+ <u>Grammar</u> : To Be (+), Subject pronouns + <u>Vocabulary</u> : days of the week, numbers 0-20, greetings, the alphabet	+Grammar (p. 5) +Vocabulary (ps. 5 & 148)	CO1, CO2, CO3, CO6
	+ <u>Workbook</u>	+Workbook (ps 4 & 5)	CO1, CO2, CO3
	Unit 1B: All over the world		

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
2	+ <u>Grammar</u> : To Be (?) and (-) + <u>Vocabulary</u> : countries in the world, numbers 21-100	+Grammar (p. 7) +Vocabulary (ps. 6 & 149)	CO1, CO2, CO3, CO6
	+ <u>Workbook</u> :	+Workbook (ps. 6 & 7)	CO1, CO2, CO3
	Unit 1C: Open your books, please!		
3	+ <u>Grammar</u> : Possessive adjectives + <u>Vocabulary</u> : classroom language	+Grammar (p. 9) +Vocabulary (ps. 8 & 150)	CO1, CO2, CO3, CO6
	+ <u>Workbook</u> : *Speaking: UNIT 1 questions review	+Workbook (ps. 8 & 9) +Speaking practice (supplement)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
	Unit 2A: A writer's room		
4	+ <u>Grammar</u> : The articles a/an ; Plurals: this/that/these/those + <u>Vocabulary</u> : Things	+Grammar (p. 13) +Vocabulary (ps.12 & 151)	CO1, CO2, CO3, CO6
	+ <u>Workbook</u> :	+Workbook (ps. 11 & 12)	CO1, CO2, CO3
	Unit 2B: Stars and Stripes		
5	+ <u>Grammar</u> : Adjectives + <u>Vocabulary</u> : colors, adjectives, modifiers; very/really + <u>Reading</u> : Hollywood Stars	+Grammar (p. 14) +Vocabulary (ps. 14 & 152) +Reading (p. 15)	CO1, CO2, CO3, CO6
	+ <u>Workbook</u> :	+Workbook (ps. 13 & 14)	CO1, CO2, CO3
	Unit 2C: After 300 feet, turn right		
6	+ <u>Grammar</u> : The imperatives; Let's + <u>Vocabulary</u> : feelings	+Grammar (p. 17) +Vocabulary (p. 16)	CO1, CO2, CO3, CO6

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	+ <u>Workbook</u> : +Review and Check 1 & 2 *<u>Speaking</u>: UNIT 2 questions review	+Workbook (ps. 15 & 16) +Review and check 1 & 2 (ps. 18 & 19) +Speaking practice (supplement)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
	Extra-lesson		
7	+ <u>Grammar</u> : -Objective pronouns -Like + V-ing + <u>Listening Practice 1</u> + <u>Writing Practice 1: Order the words to make complete sentences.</u>	+Grammar (p. 134) +Listening practice 1 (supplement) +Writing practice 1 (supplement)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6
	Unit 3A: Things I love about the US		
8	+ <u>Grammar</u> : The simple present (+) and (-) + <u>Vocabulary</u> : verb phrases + <u>Reading</u> : STATE PARKS, freeways and other things I love about the US.	+Grammar (p. 20) +Vocabulary (ps. 20 & 153) +Reading (p. 21)	CO1, CO2, CO3, CO6
	+ <u>Workbook</u> :	+Workbook (ps. 17 & 18)	CO1, CO2, CO3
	Unit 3B: Work and Play		
9	+ <u>Grammar</u> : The simple present (?) + <u>Vocabulary</u> : Jobs + <u>Listening</u> : His job; her job + <u>Reading</u> : Uniform – FOR or AGAINST	+Grammar (p. 22) +Vocabulary (ps. 22 & 154) +Listening (p. 22) +Reading (p. 23)	CO1, CO2, CO3, CO6
	+ <u>Workbook</u> :	+Workbook (ps. 19 & 20)	CO1, CO2, CO3
	Unit 3C: Meeting online!		

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
10	+ Grammar: Word order in questions + Vocabulary: question words + Listening: Meeting online	+Grammar (p. 25) +Vocabulary (p. 25) +Listening (p. 24)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6
	+ Workbook: page 21 + 22 *Speaking practice: Unit 3- question review	+Workbook (ps. 21 & 22) +Speaking practice (supplement)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
	MID –TERM TEST		CO1, CO2, CO3, CO4
11	MID –TERM TEST Writing Practice 2: 5 Writing Topics Review.	-Writing practice (supplement)	CO1, CO2, CO3
	Unit 4A: Is she his wife or his sister?		
12	+ Grammar: Whose...? possessive 's + Vocabulary: Family + Listening and Speaking:	+Grammar (p. 28) +Vocabulary (ps.28 & 155) +Listening and Speaking (p.29)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
	- Workbook:	+Workbook (ps. 24 & 25)	CO1, CO2, CO3
	Unit 4B: What a life!		
13	+ Grammar: prep of time (at, in, on) and place (at, in, to) + Vocabulary: Everyday activities + Reading & Listening: Father & Daughter – whose day is more stressful + Speaking & Writing: Interview your partner about typical weekday.	+ Grammar (p. 31) + Vocabulary (ps. 30 & 156) + Reading & Listening (p. 30) + Speaking & Writing (p. 31)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
	+ Workbook	+ Workbook (ps. 26 & 27)	CO1, CO2, CO3
	Unit 4C: Short life, long life?		

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
14	+ <u>Grammar</u> : position of adverbs and expressions of frequency + <u>Vocabulary</u> : Adverbs of frequency + <u>Reading & Speaking</u> : The Secrets of a long life.	+Grammar (p. 32) +Vocabulary (p. 32) +Reading & Speaking (p. 33)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
	+ <u>Workbook</u> : *Speaking practice: UNIT 4 questions review	+Workbook (ps. 28 & 29) +Speaking practice (supplement)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
	Review for the final exam		
15	+Grammar: -Present Continuous -Can/ Can't +Listening Practice 2 +Speaking Practice +Review for the final exam	+Grammar (p. 132) +Listening practice 2 (supplement) +Speaking practice (supplement)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

Yêu cầu đối với sinh viên	- Tham gia tích cực vào các hoạt động giảng dạy của giảng viên trên lớp. - Hoàn thành các bài tập được giao về nhà và thường xuyên thực hành Nói và Viết với bạn cùng học.
Quy định về tham dự lớp	- Sinh viên tham gia tối thiểu 80% số buổi học.
Quy định về hành vi trong lớp học	- Sinh viên tham gia buổi học cần tập trung nghe giảng và tích cực tham gia thực hành các hoạt động trên lớp, không sử dụng điện thoại, nói chuyện hoặc làm việc riêng. Giảng viên có quyền mời sinh viên ra khỏi lớp nếu vi phạm.
Các quy định khác	- Sinh viên tham gia buổi học cần mang theo đầy đủ tài liệu học tập (Giáo trình chính, sách bài tập, từ điển và viết)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: **Pháp luật đại cương**

Mã học phần: 0101000891

Số tín chỉ: 02

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	15	0	0	15	30 + 60 = 90

Loại học phần: **Bắt buộc**

Học phần tiên quyết: **Không**

Học phần học trước: **Không**

Học phần học song hành: **Không**

Ngôn ngữ giảng dạy: **Tiếng Việt**

Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách:

Khoa Luật

2. Thông tin về các giảng viên

ThS. Nguyễn Chí Dũng

Email: ncdung@nctu.edu.vn

ThS. Thân Thị Kim Nga

Email: ttknga@nctu.edu.vn

ThS. Nguyễn Mộng Cầm

Email: nmcam@nctu.edu.vn

TS. Nguyễn Thị Cẩm Hồng

Email: ntchong@nctu.edu.vn

ThS. Nguyễn Thị Kim Nhiên

Email: ntknhien@nctu.edu.vn

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT)

*** Về kiến thức**

MT1: Xác định được các khái niệm, đặc điểm của nhà nước và pháp luật; xác định được vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.

MT2: Mô tả được khái quát về vị trí pháp lý, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước trong bộ máy nhà nước;

MT3: Xác định được các ngành luật và mô tả được một số chế định pháp luật cơ bản trong các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

*** Về kỹ năng**

MT4: Có khả năng xác định được các vấn đề phát sinh trong thực tiễn thuộc đối tượng điều chỉnh, phạm vi điều chỉnh của ngành luật nào và có thể vận dụng pháp luật để giải quyết một số tình huống pháp lý đơn giản thường gặp trong đời sống.

MT5: Có khả năng thuyết trình, đưa ra quan điểm và có khả năng lập luận để bảo vệ quan điểm của mình.

MT6: Có khả năng tự học, tự nghiên cứu và cập nhật kiến thức.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT7: Có năng lực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm một cách sáng tạo.

MT8: Có ý thức và trách nhiệm công dân. Có ý thức tuân thủ pháp luật.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CDR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	
0102000889	Pháp luật đại cương	3	0	0	0	0	0	0	0	0	
		PO10	PO11	PO12	PO13						
		0	0	0	2						

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Xác định được các đặc điểm của nhà nước và pháp luật; nêu và phân tích được khái niệm và các đặc điểm vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.	PO1
MT1	CO2	Mô tả được các loại trách nhiệm pháp lý trong hệ thống pháp luật Việt Nam.	PO1
MT2	CO3	Mô tả được vị trí pháp lý, chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước được quy định trong hiến pháp Việt Nam.	PO1

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
MT3	CO4	Mô tả được các ngành luật, các chế định pháp luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Phân tích được được một số quy định cơ bản của các lĩnh vực pháp luật như dân sự, hình sự, hôn nhân, thương mại, đất đai và lao động.	PO1
Kỹ năng			
MT4	CO5	Có khả năng tự cập nhật được các văn bản pháp luật cần thiết trong thực tiễn cuộc sống. Có khả năng vận dụng một số quy định cơ bản của pháp luật để giải quyết được một số tình huống pháp lý tương đối đơn giản phát sinh trong thực tiễn.	PO13
MT5	CO6	Có khả năng thuyết trình, khả năng làm việc nhóm. Có khả năng tự học, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ.	PO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7 MT8	CO7	Có năng lực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm một cách sáng tạo; Có ý thức và trách nhiệm công dân. Có ý thức tuân thủ pháp luật.	

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, giới thiệu một số chế định pháp luật cơ bản của các ngành luật trong Hệ thống pháp luật Việt Nam.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	PO1

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	PO1, PO13
Báo cáo nhóm	Giúp sinh viên có khả năng tự học và có kỹ năng thuyết trình.	PO1, PO13
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	PO1, PO13

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên khác đặt ra.

Bài tập: chuẩn bị bài tập, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.

Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo.

Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.

Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề mà giảng viên yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	20	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học + Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, O2, CO3, O4, CO5, O6, CO7	10
2	Bài kiểm tra giữa kỳ	30	+ Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, O2, CO3, O4, O5, CO6, CO7	10
3	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, O2, CO3, O4, CO5, O6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu bắt buộc

[1]. Nguyễn Thị Cẩm Hồng – Nguyễn Chí Dũng (2018), *Giáo trình pháp luật đại cương*, Nxb Đại học Cần Thơ, TP. Cần Thơ

10.2. Tài liệu tham khảo:

- [2]. Hiến pháp năm 2013.
- [3]. Bộ luật Dân sự năm 2015.
- [4]. Bộ Luật Hình sự năm 2015
- [5]. Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- [6]. Luật doanh nghiệp năm 2014
- [7]. Luật đất đai năm 2013

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1	<p>Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT</p> <p>1.1. Những vấn đề chung về nhà nước</p> <p>1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của nhà nước</p> <p>1.1.2. Hình thức nhà nước</p> <p>1.2. Những vấn đề chung về pháp luật</p> <p>1.2.1. Khái niệm, đặc điểm pháp luật</p> <p>1.2.2. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý</p>	[1]	CO1, CO4, CO5, CO6, CO7
2	<p>Chương 2: QUYỀN CON NGƯỜI, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN</p> <p>2.1. Khái niệm, đặc điểm quyền con người</p> <p>2.1.1. Khái niệm quyền con người</p> <p>2.1.2. Đặc điểm của quyền con người</p> <p>2.2. Khái niệm quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân</p> <p>2.2.1. Khái niệm công dân</p> <p>2.2.2. Khái niệm quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân</p> <p>2.3. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo quy định của Hiến pháp hiện hành</p> <p>2.3.1. Các quyền, nghĩa vụ trong lĩnh vực chính trị</p> <p>2.3.2. Các quyền, nghĩa vụ trong lĩnh vực kinh tế – xã hội</p> <p>2.3.3. Các quyền, nghĩa vụ trong lĩnh vực tự do dân chủ, tự do cá nhân</p>	[1]	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
3	<p>Chương 3: BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</p> <p>3.1. Khái quát chung về bộ máy nhà nước Việt Nam</p> <p>3.1.1. Khái niệm bộ máy nhà nước Việt Nam</p> <p>3.1.2. Đặc điểm của bộ máy nhà nước</p> <p>3.1.3. Hệ thống tổ chức bộ máy chính quyền ở Việt Nam</p> <p>3.2. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Việt Nam</p> <p>3.2.1. Nguyên tắc Đảng lãnh đạo trong quản lý hành chính nhà nước</p> <p>3.2.2. Nguyên tắc tập trung dân chủ</p> <p>3.2.3. Nguyên tắc nhân dân tham gia quản lý hành chính nhà nước</p> <p>3.2.4. Nguyên tắc bình đẳng giữa các dân tộc</p> <p>3.2.5. Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa</p> <p>3.3. Bộ máy nhà nước Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành</p> <p>3.3.1. Chế định độc lập – Chủ tịch nước</p> <p>3.3.2. Hệ thống cơ quan quyền lực nhà nước</p> <p>3.3.3. Hệ thống cơ quan hành chính nhà nước (còn gọi là hệ thống cơ quan quản lý nhà nước)</p> <p>3.3.4. Hệ thống cơ quan xét xử</p> <p>3.3.5. Hệ thống cơ quan kiểm sát</p>	[1]	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7,
4	<p>Chương 4: LUẬT DÂN SỰ VÀ LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ</p> <p>4.1. Pháp luật dân sự</p> <p>4.1.1. Tài sản và quyền sở hữu tài sản</p> <p>4.1.2. Hợp đồng dân sự</p> <p>4.1.3. Pháp luật thừa kế</p> <p>4.2. Pháp luật tố tụng dân sự</p> <p>4.2.1. Khởi kiện, thụ lý vụ án dân sự</p> <p>4.2.2. Quy trình khởi kiện</p>	[1]	CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
5	<p>Chương 5: PHÁP LUẬT KINH DOANH - THƯƠNG MẠI</p> <p>5.1. Pháp luật về chủ thể kinh doanh</p> <p>5.1.1. Khái quát về kinh doanh và chủ thể kinh doanh</p> <p>5.1.2. Quy định về các loại hình doanh nghiệp</p>	[1]	CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	5.1.3. Quy định về phá sản doanh nghiệp 5.1.4. Hợp tác xã 5.1.5. Hộ kinh doanh 5.2. Pháp luật về thương mại 5.2.1. Quy định về mua bán hàng hoá 5.2.1. Quy định về chế tài trong thương mại 5.3. Quy chế trọng tài thương mại 5.3.1. Trung tâm trọng tài (Trọng tài quy chế) 5.3.2. Hội đồng trọng tài do các bên thoả thuận thành lập (Trọng tài vụ việc) 5.3.3. Chức năng của Trọng tài thương mại 5.3.4. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp 5.3.5. Thẩm quyền của Trọng tài thương mại 5.3.6. Điều kiện giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài 5.3.7 Thủ tục giải quyết tranh chấp 5.4. Pháp luật về cạnh tranh 5.4.1. Hành vi cạnh tranh không lành mạnh		
	Chương 6: PHÁP LUẬT HÌNH SỰ		
6	6.1. Một số vấn đề về pháp luật hình sự 6.1.1. Khái niệm Luật hình sự 6.2. Chế định tội phạm 6.2.1. Khái niệm tội phạm 6.2.2. Các dấu hiệu của tội phạm 6.2.3. Các yếu tố cấu thành tội phạm 6.2.4. Trách nhiệm hình sự 6.2.5. Người chịu trách nhiệm hình sự 6.2.6. Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự 6.2.7. Các nguyên tắc xử lý của Luật hình sự Việt Nam 6.3. Chế định về hình phạt 6.3.1. Đặc điểm của hình phạt 6.3.2. Các loại hình phạt theo quy định pháp luật hiện hành 6.3.3. Những quy định đối với pháp nhân thương mại phạm tội 6.3.4. Nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội 6.4. Một số tội phạm cơ bản theo quy định của Bộ luật hình sự	[1]	CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	6.4.1. Các tội xâm phạm an ninh quốc gia 6.4.2. Các tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của con người 6.4.3. Các tội phạm xâm phạm quyền tự do của con người, quyền tự do dân chủ của công dân 6.4.4. Các tội phạm về tham nhũng		
7	Kiểm tra giữa kỳ Chương 7: PHÁP LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH 7.1. Điều kiện kết hôn 7.2. Quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản giữa vợ và chồng 7.2.1. Quan hệ nhân thân giữa vợ chồng 7.2.2. Quan hệ tài sản giữa vợ chồng 7.3. Quy định pháp luật về ly hôn 7.3.1. Quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn 7.3.3. Việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn 7.3.4. Giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn	[1]	CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
8	Chương 8: PHÁP LUẬT ĐẤT ĐAI 8.1. Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất 8.1.1. Các khái niệm cơ bản 8.1.2. Hình thức sử dụng đất 8.1.3. Chuyển mục đích sử dụng đất 8.1.4. Thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất 8.2. Thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất 8.2.1. Khái niệm thu hồi đất 8.2.2. Các trường hợp Nhà nước thu hồi đất 8.2.3. Thẩm quyền thu hồi đất 8.2.4. Bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất 8.2.5. Hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất 8.3. Giao dịch về quyền sử dụng đất 8.3.1. Điều kiện để thực hiện các giao dịch đất đai 8.3.2. Hình thức của giao dịch đất đai	[1]	

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	<p>8.3.3. Các trường hợp được giao dịch quyền sử dụng đất</p> <p>8.3.4. Những trường hợp không được nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất</p> <p>8.3.5. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất có điều kiện</p> <p>8.3.6. Một số hạn chế khác trong việc nhận thế chấp, góp vốn, tặng cho, nhận thừa kế quyền sử dụng đất</p> <p>8.4. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai</p> <p>8.4.1. Khái niệm tranh chấp đất đai</p> <p>8.4.2. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai</p> <p>8.4.3. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai</p>		
9	<p>Chương 9: PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG</p> <p>9.1. Hợp đồng lao động</p> <p>9.1.1. Khái niệm hợp đồng lao động</p> <p>9.1.2. Phân loại hợp đồng lao động</p> <p>9.1.3. Giao kết hợp đồng lao động</p> <p>9.1.4. Chấm dứt hợp đồng lao động</p> <p>9.2. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi</p> <p>9.2.1. Thời giờ làm việc</p> <p>9.2.2. Thời giờ nghỉ ngơi</p> <p>9.3. Kỷ luật lao động</p> <p>9.3.1. Khái niệm kỷ luật lao động</p> <p>9.3.2. Trách nhiệm kỷ luật</p> <p>9.4. Bảo hiểm xã hội</p> <p>9.4.1. Khái niệm bảo hiểm xã hội</p> <p>9.4.2. Chức năng của bảo hiểm xã hội</p> <p>9.4.3. Các loại hình bảo hiểm xã hội</p> <p>9.4.4. Các chế độ bảo hiểm</p>	[1]	CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
10	<p>Chương 10: LUẬT HÀNH CHÍNH VÀ LUẬT TỔ TỤNG HÀNH CHÍNH</p> <p>10.1. Một số vấn đề chung về Luật hành chính</p> <p>10.1.1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh của Luật Hành chính</p> <p>10.1.2. Vi phạm hành chính, xử lý vi phạm hành chính</p> <p>10.1.3. Pháp luật về cán bộ công chức, viên chức</p>	[1]	CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	10.1.3.1. Khái niệm cán bộ, công chức, viên chức 10.2. Luật tổ tụng hành chính Việt Nam 10.2.1. Khái niệm Luật tổ tụng hành chính 10.2.2. Khởi kiện vụ án hành chính 10.2.3. Các thủ tục giải quyết vụ án hành chính		

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, phấn, máy chiếu, micro.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Toán rời rạc

Mã học phần: 0101000921

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	45 + 90 = 135
T = Bài tập					
P = Thực hành	36	8	7	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: không

Học phần học trước: không

Học phần học song hành: không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Kỹ thuật – Công nghệ

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên bộ môn Công nghệ thông tin, Khoa Kỹ thuật – Công nghệ

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

- **Về kiến thức**

MT1 Nắm bắt kiến thức về các đối tượng rời rạc trong toán học, các phép suy luận, các phương pháp chứng minh, phương pháp đếm.

MT2 Hiểu rõ kiến thức về phép chia và quan hệ đồng dư trên tập hợp các số nguyên.

- **Về kỹ năng**

MT3 Có các kỹ năng tính toán của đại số tuyến tính: tính định thức, thực hiện các phép tính ma trận, giải hệ phương trình tuyến tính, chéo hóa ma trận, trực chuẩn hóa Gram-Schmidt.

MT4 Kỹ năng vận dụng các quy tắc suy luận toán học, các phương pháp chứng minh và các kiến thức khác để giải quyết vấn đề thực tế có liên quan.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

MT5 Nhận thức tầm quan trọng của kiến thức toán trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0101000921	Toán rời rạc 1	0	0	1	3	0	0	0	0	2
		PO10	PO11	PO12	PO13					
		0	1	1	0					

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1, MT3, MT4	CO1	Thực hiện được suy luận, các phương pháp chứng minh.	PO3, PO4, PO11
MT2, MT3, MT4	CO2	Thực hiện được các phép đếm đối tượng tổ hợp, phép chia và phép tính đồng dư.	PO3, PO4, PO11
Kỹ năng			
MT3, MT4	CO3	Kỹ năng tư duy, suy luận logic, chứng minh toán học.	PO4, PO11, PO12
MT3, MT4	CO4	Kỹ năng giải quyết vấn đề thực tế một cách khoa học.	
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			

MT5	CO5	Chuẩn bị bài trước khi đến lớp. Tham gia tích cực trong giờ học.	
MT5	CO6	Ý thức tầm quan trọng của toán học trong lĩnh vực máy tính và công nghệ thông tin.	

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Cung cấp cho người học cơ sở của lôgic toán nhằm giúp người học có phương pháp tư duy chặt chẽ. Cung cấp các khái niệm tập hợp, ánh xạ - là ngôn ngữ của toán học hiện đại. Giới thiệu sơ lược về đại số Boole là một cấu trúc được ứng dụng nhiều trong chuyên ngành Điện tử-Viễn thông và Công nghệ thông tin. Cung cấp công cụ đại số tuyến tính: không gian véc tơ, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, ánh xạ tuyến tính, tích vô hướng không gian véc tơ Euclide và dạng toàn phương nhằm giúp người học giải quyết các bài toán với mô hình tuyến tính của chuyên ngành điện tử viễn thông và công nghệ thông tin.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Thực hiện bài thực hành	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3, CO4, CO5, CO6
Báo cáo nhóm	Cải thiện năng lực sinh viên thông qua việc vận dụng kiến thức vào tình huống cụ thể.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO3, CO4, CO5, CO6

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.

- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	5
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		5
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

- Tài liệu chính

[1] Nguyễn Chí Thắng, *Toán rời rạc 1*, 2015, Trường đại học Nam Cần Thơ.

[2] Nguyễn Thúc Hải, *Toán rời rạc ứng dụng trong tin học*, 2002. Nhà xuất bản KHKT Hà Nội.

[3] Nguyễn Hữu Khánh, Phạm Bích Như, 2014, *Giáo trình toán rời rạc ứng dụng*, Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ.

- Tài liệu tham khảo

[4] Nguyễn Hữu Anh, *Toán rời rạc*, 1999, NXB Giáo dục.

[5] Trần Ngọc Danh, *Toán rời rạc nâng cao*, 2004. Nhà xuất bản ĐH Quốc Gia Tp.HCM.

[6] Seymour lipshu tz, Mare Lars Lipson, *Tuyển chọn 1800 bài tập toán rời rạc*, 2002, Trường ĐH Mở Tp.HCM.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1 - 2	Chương 1. Sơ lược về logic mệnh đề, tập hợp, ánh xạ và đại số Boole - Logic mệnh đề - Tập hợp - Ánh xạ - Đại số Boole và ứng dụng	[1], [2], [3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
3 - 4	Chương 2. Không gian véc tơ - Khái niệm không gian véc tơ - Không gian véc tơ con - Phụ thuộc tuyến tính, độc lập tuyến tính - Hệ véc tơ độc lập tuyến tính tối đại. Hạng của một hệ hữu hạn véc tơ - Cơ sở của không gian véc tơ hữu hạn chiều. Số chiều của không gian véc tơ. Tọa độ của véc tơ	[1], [2], [3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
5 - 6	Chương 3. Ma trận và định thức - Khái niệm ma trận - Các phép toán ma trận - Ma trận của một hệ véc tơ - Hạng của ma trận - Định nghĩa định thức - Các cách tính định thức - Một số ứng dụng của định thức	[1], [2], [3]	
7 - 8	Chương 4. Hệ phương trình tuyến tính - Khái niệm hệ phương trình tuyến tính - Các định lý tồn tại nghiệm - Một số phương pháp giải hệ phương trình - Hệ phương trình tuyến tính thuần nhất.	[1], [2], [3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
9-10-11-12	Chương 5. Ánh xạ tuyến tính - Khái niệm và tính chất của ánh xạ tuyến tính	[1], [2], [3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	- Nhân và ảnh của ánh xạ tuyến tính. Hạng của ánh xạ tuyến tính - Toàn cầu, đơn cầu, đẳng cầu - Ma trận của ánh xạ tuyến tính - Biểu thức tọa độ của ánh xạ tuyến tính. Quan hệ giữa ánh xạ tuyến tính và hệ phương trình tuyến tính - Chéo hoá		
13- 14- 15	Chương 6. Dạng toàn phương, không gian véc tơ euclide - Dạng song tuyến tính - Dạng toàn phương - Tích vô hướng, không gian véc tơ Euclide - Ma trận trực giao. Chéo hoá trực giao ma trận	[1], [2], [3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Giáo dục thể chất 1 – Bóng chuyền

Mã học phần: 0101000872

Số tín chỉ: 01

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	
T = Bài tập					
P = Thực hành	3	0	27	0	30 + 60 = 90
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Tổ Giáo dục thể chất - Khoa Cơ bản.

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên tổ Giáo dục thể chất - Khoa Cơ bản phụ trách

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

* Về kiến thức

MT1: Hiểu về lịch sử hình thành, phát triển môn bóng chuyền, đặc điểm, tính chất, tác dụng trong tập luyện môn bóng chuyền trên thế giới và Việt Nam.

MT2: Nắm được xu thế phát triển của bóng chuyền hiện đại, đặc điểm của bóng chuyền đỉnh cao ở Việt Nam.

MT3: Nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật cơ bản trong môn bóng chuyền.

MT4: Nắm vững một số quy định về sân bãi, dụng cụ và luật trong môn bóng chuyền.

*** Về kỹ năng**

MT5: Có kỹ năng cơ bản của môn bóng chuyên (chuyền bóng, đệm bóng, phát bóng, đập bóng) khi thực hành trên lớp và trong thực tiễn thi đấu môn bóng chuyên.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT6: Có kỹ năng xử lý tình huống nhanh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử trong tập thể.

MT7: Có ý thức chăm sóc sức khỏe và tinh thần thể thao cao thượng.

MT8: Có ý thức và tham gia tích cực các hình thức hoạt động thể dục thể thao quần chúng.

MT9: Tự giác tập luyện, hướng dẫn người khác cùng tập luyện.

MT10: Có ý thức phòng ngừa bệnh tật trong tập luyện và thi đấu thể thao.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CDR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	
0101000872	Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyên	1	1	0	0	0	0	0	0	0	
		PO10	PO11	PO12	PO13						
		0	0	0	2						

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Biết được lịch sử hình thành và phát triển môn bóng chuyên trên Thế giới và Việt Nam, đặc điểm, tính chất và tác dụng trong tập luyện môn bóng chuyên	PO1
MT2	CO2	Biết được xu thế phát triển của bóng chuyên hiện đại, đặc điểm của bóng chuyên đỉnh cao của Việt Nam	PO1
MT3	CO3	Nắm vững và thực hành được các yếu lĩnh kỹ thuật cơ bản trong môn bóng chuyên	PO1, PO12
MT4 MT5	CO4	Nắm vững một số quy định về sân bãi, dụng cụ và luật trong môn bóng chuyên	PO1

Kỹ năng			
MT3 MT5 MT6	CO5	Thực hiện được các kỹ năng cơ bản của môn bóng chuyền (chuyền bóng, đệm bóng, phát bóng, đập bóng) khi thực hành trên lớp cũng như trong thực tiễn thi đấu môn bóng chuyền	PO1, PO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7 MT10	CO6	Nhận thức được tầm quan trọng của việc tập luyện thể dục thể thao, phòng ngừa bệnh tật trong tập luyện và thi đấu thể thao.	PO1
MT6 MT8 MT9	CO7	Tích cực tham gia các hoạt động thể dục thể thao quần chúng, tự giác tập luyện, hướng dẫn người khác cùng tập luyện	PO1

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần bóng chuyền trang bị cho sinh viên:

- Những kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển môn bóng chuyền trên thế giới và Việt Nam;
- Đặc điểm, tính chất và tác dụng trong tập luyện môn bóng chuyền;
- Xu thế phát triển của bóng chuyền hiện đại;
- Đặc điểm của bóng chuyền đỉnh cao ở Việt Nam;
- Kỹ năng cơ bản về các kỹ thuật của môn bóng chuyền;
- Một số quy định về sân bãi, dụng cụ và luật trong môn bóng chuyền.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Thực hành (Thị phạm, sử dụng lời nói, tập luyện, trò chơi, trực quan)	Giúp sinh viên hiểu rõ và thực hiện được các kỹ năng chuyên môn trong bóng chuyền, đồng thời phát triển thể lực cho sinh viên	CO3, CO5, CO6, CO7

Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO2, CO3, CO4
---	---	---------------------------

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên khác đặt ra

Thảo luận: giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học

Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng trong buổi học

Ra, vào lớp đúng giờ quy định

Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và tập luyện theo hướng dẫn của giảng viên

Chuẩn bị dụng cụ và trang phục theo quy định

Tham dự thi phần thực hành

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10 10	+ Tinh chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. + Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10
2	Bài kiểm tra giữa kỳ	30	+ Yêu cầu phát qua lưới và vào sân + Đối với nam: Phát bóng cao tay 5 quả + Đối với nữ: Phát bóng thấp tay 5 quả	CO3, CO5, CO6, CO7	10
3	Thi kết thúc HP (đợt 1)	25	+ Đệm bóng cơ bản trước mặt + Đối với nam: 10 lần đệm bóng liên tục qua lại không rơi (cách lưới). + Đối với nữ: 10 lần đệm bóng liên tục qua lại không rơi (không cách lưới).	CO3, CO5, CO6, CO7	10

4	Thi kết thúc HP (đợt 2)	25	+ Chuyên bóng cơ bản trước mắt + Đối với nam: 10 lần chuyền bóng liên tục qua lại không rơi (cách lưới). + Đối với nữ: 10 lần chuyền bóng liên tục qua lại không rơi (không cách lưới).	CO3, CO5, CO6, CO7	10
---	--------------------------------	----	---	---------------------------	----

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập:

[1] Huỳnh Minh Tâm, *Bài giảng môn Bóng chuyền*, khoa Cơ bản, Trường Đại học Nam Cần Thơ, năm 2019.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Dương Tuyết, Cát Lợi, *Tôi yêu thể thao: Bóng chuyền*, Nhà xuất bản Mỹ Thuật, năm 2009.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
LÝ THUYẾT			
1	Chương 1: Lịch sử phát triển môn bóng chuyền		
	Sự hình thành và phát triển môn bóng chuyền Đặc điểm, tính chất và tác dụng trong tập luyện môn bóng chuyền Xu thế phát triển của bóng chuyền hiện đại.	[1]	CO1, CO2, CO6, CO7
	Đặc điểm của bóng chuyền đỉnh cao của Việt Nam		
	Chương 2 Kỹ thuật bóng chuyền		
	Tư thế và di chuyển Kỹ thuật chuyền bóng Kỹ thuật đệm bóng Kỹ thuật phát bóng Kỹ thuật đập bóng	[1]	CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	Kỹ thuật chắn bóng		
	Chương 3 Sân bãi, dụng cụ thi đấu		
	<p>Sân: Kích thước sân thi đấu, mặt sân, các đường trên sân, các khu trên sân, nhiệt độ, ánh sáng.</p> <p>Lưới và cột: chiều cao của lưới, cấu tạo lưới, băng giới hạn, ăng ten, cột lưới.</p> <p>Bóng: bóng chuẩn, tính đồng nhất của quả bóng, bóng dùng trong các cuộc thi đấu Thế giới, số lượng bóng và số người nhặt bóng trong thi đấu</p>	[1]	CO4, CO6, CO7
	Chương 4 Những người tham gia	[1]	
	<p>Đội bóng: thành phần của đội bóng, vị trí của đội bóng, đội hình thi đấu của đội, vị trí của vận động viên trong sân, lỗi sai vị trí, trang phục, thay đổi trang phục</p> <p>Thay người: giới hạn thay người, thay người ngoại lệ, thay người bắt buộc, thay người không hợp lệ</p> <p>Thể thức thi đấu</p> <p>Động tác đánh bóng: số lần chạm bóng của một đội, tính chất chạm bóng, lỗi đánh bóng.</p>	[1]	CO4, CO6, CO7
THỰC HÀNH			[1]
2	<p>Bài 1: Tư thế và di chuyển</p> <p>Tư thế chuẩn bị</p> <p>Tư thế đánh bóng</p> <p>Di chuyển: Chạy, bước, nhảy, ngã</p>	[1]	CO3, CO5, CO6, CO7
3 - 4	<p>Bài 2: Kỹ thuật phát bóng thấp tay</p> <p>Phát bóng thấp tay trước mặt (chính diện)</p> <p>Phát bóng thấp tay nghiêng mình</p>	[1]	CO3, CO5, CO6, CO7

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
5 - 6	Bài 3: Kỹ thuật phát bóng cao tay Phát bóng cao tay trước mặt (chính diện) Phát bóng cao tay nghiêng mình	[1]	CO3, CO5, CO6, CO7
KIỂM TRA GIỮA KỲ			[1]
7 - 8	Bài 4: Kỹ thuật đệm bóng Đệm bóng cơ bản Đệm bóng về phía sau Lăn ngã đệm bóng	[1]	CO3, CO5, CO6, CO7
9 - 10	Bài 5: Kỹ thuật chuyền bóng Chuyền bóng cơ bản Chuyền bóng lật sau đầu Bật nhảy chuyền bóng Chuyền bóng kết hợp lăn ngã	[1]	CO3, CO5, CO6, CO7
	KIỂM TRA CUỐI KỲ (ĐỢT 1)		CO3, CO5, CO6, CO7
	KIỂM TRA CUỐI KỲ (ĐỢT 2)		CO3, CO5, CO6, CO7

12. Cơ sở và thiết bị

Sân bãi: sân bóng chuyền, bóng chuyền và một số dụng cụ khác

Đối với sinh viên: trang phục thể dục và mang giày.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Triết học Mác - Lenin

Mã học phần: 0102000889

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết					30 + 30 = 60
T = Bài tập					
P = Thực hành	20	0	10	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Cơ bản.

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Lý luận chính trị - khoa Cơ bản phụ trách.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Nắm những tri thức cơ bản về Triết học Mác – Lê nin theo quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam.

MT2: Nắm một số phương pháp luận khoa học trong nghiên cứu, học tập các khoa học xã hội và nhân văn.

* Về kỹ năng

MT3: Vận dụng được các kiến thức của học phần vào học tập các học phần khoa học xã hội và nhân văn.

MT4: Hình thành được kỹ năng sống, vững vàng, tin tưởng, bảo vệ, phát huy các giá trị văn hóa, xã hội của chế độ xã hội chủ nghĩa và tin tưởng vào chủ nghĩa xã hội.

MT5: Rèn luyện kỹ năng thuyết trình, ứng dụng công nghệ thông tin vào lý giải các vấn đề phức tạp của đời sống.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT6: Vận dụng phù hợp kiến thức nhằm giáo dục sinh viên tin tưởng vào Đảng, Nhà nước, tin tưởng vào tương lai và biết yêu quê hương, yêu thương con người.

MT7: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, có trách nhiệm với bản thân, xã hội và đạo đức nghề nghiệp.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CDR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0102000889	Triết học Mác - Lenin	3	1	2	1	1	0	0	1	0
		PO10	PO11	PO12	PO13					
		1	0	1	1					

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Hiểu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy.	PO3
MT2	CO2	Xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng, vận dụng vào hoạt động nhận thức khoa học và thực tiễn cuộc sống.	PO1, PO3
Kỹ năng			
MT3	CO3	Bước đầu biết vận dụng các nguyên lý cơ bản của triết học Mác Lênin vào nghiên cứu các khoa học cụ thể.	PO4

MT4	CO4	Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.	PO5
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT5	CO5	Có ý thức bảo vệ, phổ biến những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác -Lênin, đấu tranh chống những quan điểm sai trái.	PO8, PO10
MT6	CO6	Củng cố và phát triển các năng lực như: Tìm hiểu các vấn đề xã hội, năng lực tham gia các hoạt động xã hội.	PO12, PO13
MT7	CO7	Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	PO2

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Nội dung của học phần bao gồm 4 chương, nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy; xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng, vận dụng vào hoạt động nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng.

Xây dựng cho sinh viên phương pháp luận khoa học, tư duy khoa học, nền tảng của nhận thức về tự nhiên, xã hội và con người của Đảng Công sản Việt Nam.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất, có hệ thống, khoa học.	CO1, CO2
Thảo luận	Rèn luyện cho sinh viên làm việc nhóm và phát hiện vấn đề	CO3, CO4
Đối thoại	Tạo cơ hội cho sinh viên phát triển tính sáng tạo, mài sắc cá tính.	CO1, CO5
Bài tập	Tập xây dựng và triển khai các ý tưởng khoa học.	CO1, CO2

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi, tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên khác đặt ra.

Chuẩn bị nội dung, tham gia thảo luận.

Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo.

Làm bài tập, hoặc giải quyết tình huống để củng cố kiến thức đã học.

Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề mà giảng viên yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4	10
		10	+ Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.		
2	Kiểm tra thường xuyên	30	+ Kiểm tra trên lớp theo đề chung, đáp án, thang điểm của GV và quy về theo tỷ lệ (30%).	CO1, CO2	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
3	Bài thi dùng đề tự luận	50	+ Thi kết thúc học phần theo đề chung, đáp án, thang điểm quy về theo tỷ lệ (50%).	CO1, CO2, CO3, CO4	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

[1]. Phạm Văn Sinh - Phạm Quang Phan, *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2018.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Nguyễn Ngọc Long - Nguyễn Hữu Vui, *Giáo trình triết học Mác - Lênin*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2006.

11. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1	Chương mở đầu: Nhập môn Triết học Mác- Lê nin. 1. Khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin	[1]	CO2, CO3

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	2. Đối tượng, mục đích và yêu cầu về phương pháp học tập, nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin		
2 + 3	Chương 1: Chủ nghĩa duy vật biện chứng 1. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng 2. Quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức.	[1]	CO1, CO6, CO7
4+ 5 +6	Chương 2: Phép biện chứng duy vật 1. Phép biện chứng và phép biện chứng duy vật 2. Các nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật 3. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật 4. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật 5 Lý luận nhận thức duy vật biện chứng	[1]	CO1, CO5, CO6
7+8 +9	Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử 1. Vai trò của sản xuất vật chất và quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất 2. Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng 3. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội 4. Hình thái KT-XH và quá trình lịch sử - tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế – xã hội 5. Vai trò của đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp 6. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân	[1]	CO5, CO6

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
10	Tổng kết HP - Kiểm tra kết thúc HP		CO1, CO2, CO3, CO4

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu, micro.

Tr
ng
i h
c Nam C h Th

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Anh Văn Căn Bản 2

Mã học phần: 0101000862

Số tín chỉ: 3

Tổng số tiết quy chuẩn: 45

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	45 + 90 = 135
	30	15	0	0	

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Anh Văn Căn Bản 1

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Trung tâm đào tạo chuẩn đầu ra và phát triển nguồn nhân lực

2. Giảng viên phụ trách môn học

Các giảng viên trực thuộc Bộ môn Anh văn – Trung tâm Đào tạo Chuẩn đầu ra và Phát triển nguồn nhân lực

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu M)

*Về kiến thức

MT1: Hiểu các câu và các cụm từ thường dùng trong giao tiếp cơ bản (ví dụ: thông tin cá nhân và gia đình, mua sắm, địa lý, việc làm)

MT2: Hiểu và phân biệt được các tình huống văn hóa của các nước nói tiếng Anh

MT3: Biết cách phát âm rõ ràng các từ quen thuộc nhằm đạt được mục đích giao tiếp

*Về kỹ năng

MT4: Giao tiếp được trong các tình huống đơn giản và thường gặp về các vấn đề quen thuộc trong cuộc sống

MT5: Diễn đạt các thông tin cơ bản về chính mình, cuộc sống xung quanh, và các yêu cầu căn bản

MT6: Làm việc độc lập và nhóm độc lập trong các vấn đề quen thuộc trong cuộc sống

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT7: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.

MT8: Nhận thức tầm quan trọng của tiếng Anh trong các lĩnh vực để tăng việc học và ứng dụng tiếng Anh một cách hiệu quả.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0101000862	Anh văn căn bản 2	0	0	2	0	0	0	2	2	0
		PO10	PO11	PO12	PO13					
		2	2	2	2					

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1, MT2, MT3	CO1	Phân biệt được các loại động từ ở quá khứ	PO3
MT1, MT2, MT3	CO2	Phân tích được cách nhấn trọng âm trong từ và câu	PO3
MT1, MT2, MT3	CO3	Phân biệt được các âm gần giống nhau	PO3
MT1, MT2, MT3	CO4	Biết và phân biệt được âm thực và địa danh của các nước nói tiếng Anh	PO3
Kỹ năng			
MT4, MT5	CO5	Giao tiếp được trong các tình huống quen thuộc trong cuộc sống ở quá khứ, hiện tại và tương lai	PO10, PO11, PO12, PO13

MT4, MT5	CO6	Diễn đạt về ẩm thực và địa danh trong các tình huống giao tiếp quen thuộc	PO10, PO11, PO12, PO13
MT4, MT5	CO7	So sánh và liên hệ trong các tình huống giao tiếp quen thuộc	PO10, PO11, PO12, PO13
MT6	CO8	Sử dụng tiếng Anh để tương tác một cách lưu loát và rõ ràng trong làm việc nhóm và độc lập với người khác.	PO10, PO11, PO12, PO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7, MT8	CO9	Nhận thức tầm quan trọng của tiếng Anh trong các tình huống học tập và làm việc	
MT7, MT8	CO10	Nhận thức được tầm quan trọng của việc phát âm trong tiếng Anh	

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Anh Văn Căn Bản 2 (AVCB2) là học phần thứ hai trong hệ thống các học phần Anh văn căn bản (AVCB) dành cho các lớp Tiếng Anh không chuyên bậc Đại học và Cao đẳng chính quy, hệ vừa học vừa làm. Giáo trình được sử dụng trong suốt học phần này là American English File 1 (second edition) của NXB Oxford. Học phần này bắt đầu từ Unit 7 cho tới Unit 12, trong đó bao gồm 6 đơn vị bài học (6 Units) và 2 đơn vị bài ôn (2 Reviews). Mỗi đơn vị bài học được phân chia thành các bài học nhỏ hơn với mục đích giúp các bạn sinh viên tiếp cận nội dung một cách tự nhiên và hiệu quả nhất.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6, CO7
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6, CO7, CO8
Làm việc nhóm	Thông qua việc hỏi đáp giữa sinh viên và sinh viên để làm rõ các nội dung	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO8

	kiến thức trong môn học và rèn luyện các kỹ năng giao tiếp.	
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO1, CO2, CO7
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO4, CO9

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận nhóm hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

9.1 Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

9.2 Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

2	Bài tập cá nhân	10	- Theo chất lượng bài nộp	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
3	Bài kiểm tra giữa kỳ (Nghe 10%, Nói 20%)	30	- Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
4	Thi kết thúc HP - Trắc nghiệm: Từ vựng, ngữ pháp và kỹ năng Đọc hiểu - Tự luận: Kỹ năng Viết	50	- Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Latham-Koenig, C., Oxenden, C., & Seligson, P. (2017). *American English file 1*. Oxford: Oxford University Press

10.2. Tài liệu tham khảo

[1] Soars, L., & Wheeldon, S. (2010). *American Headway 1*. Oxford: Oxford University Press

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1	Unit 7A: At the National Portrait Gallery + Grammar (G): Simple past of be: was / were + Vocabulary (V): word formation + Pronunciation (P): sentence stress	Bài 7A, Trang 52-53 Sách bài tập Bài 7A, Trang 43-44	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
2	Unit 7B: Chelsea girls + G: simple past: regular verbs + V: past time expressions + P: -ed endings	Bài 7B, Trang 54-55 Sách bài tập Bài 7B, Trang 45-46	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
3	Unit 7C: A night to remember + G: simple past: irregular verbs + V: go, have, get + P: sentence stress (cont.)	Bài 7C, Trang 56-57 Sách bài tập Bài 7C, Trang 47-48	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
4	A murder story + G: simple past: regular and irregular + V: irregular verbs + P: simple past verbs	Bài 8A, Trang 60-61 Sách bài tập Bài 8A, Trang 50-51	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
5	Unit 8B: A house with a history + G: there is / there are; some / any + plural nouns + V: the house + P: /er/ and /ir/, sentence stress	Bài 8B, Trang 62-63 Sách bài tập Bài 8B, Trang 52-53	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
6	Unit 8C: A night in a haunted hotel + G: there was / there were + V: prepositions of place and movement + P: silent letters	Bài 8C, Trang 64-65 Sách bài tập Bài 8C, Trang 54-55	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
7	Review 1 + Workbook correction + Listening Test Review Grammar of U11: adverbs, verbs + infinitive, articles (Grammar bank page 145)	Bài ôn tập Trang 66-67, 145	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
8	Unit 9A: What I ate yesterday + G: countable / uncountable nouns; a / an; some / any + V: food + P: the letter ea	Bài 9A Trang 68-69 Sách bài tập Bài 9A, Trang 56-57	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
9	Unit 9B: White gold + G: quantifiers: how much / how many, a lot of, etc. + V: food containers + P: /ʃ/ and /s/	Bài 9B Trang 70-71 Sách bài tập Bài 9B, Trang 58-59	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
10	Unit 9C: Quiz night + G: comparative adjectives + V: high numbers + P: /əʊ/, sentence stress	Bài 9C Trang 72-73 Sách bài tập Bài 9C, Trang 60-61	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
11	Midterm test (Speaking test)		
12	Unit 10A: The most dangerous road... + G: superlative adjectives + V: places and buildings + P: consonant groups	Bài 10A Trang 76-77 Sách bài tập Bài 10A, Trang 63-64	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
13	Unit 10B: CouchSurf around the world + G: be going to (plans), future time expressions + V: vacations + P: sentence stress	Bài 10B Trang 78-79 Sách bài tập Bài 10B, Trang 65-66	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
14	Unit 10C: What's going to happen? + G: be going to (predictions) + V: verb phrases + P: the letters /oo/ + Workbook page 67-68	Bài 10C Trang 80-81 Sách bài tập Bài 10C, Trang 67-68	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
15	+ Review 2 + Workbook correction + Review Grammar off U12 : Present perfect (Grammar bank page 147) + Review for final test	Bài ôn tập Trang 82-83, 147	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

Yêu cầu đối với sinh viên	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia tích cực vào các hoạt động giảng dạy của giảng viên trên lớp. - Hoàn thành các bài tập được giao về nhà và thường xuyên thực hành Nói và Viết với bạn cùng học.
Quy định về tham dự lớp	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên tham gia tối thiểu 80% số buổi học.
Quy định về hành vi trong lớp học	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên tham gia buổi học cần tập trung nghe giảng và tích cực tham gia thực hành các hoạt động trên lớp, không sử dụng điện thoại, nói chuyện hoặc làm việc riêng. Giảng viên có quyền mời sinh viên ra khỏi lớp nếu vi phạm.
Các quy định khác	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên tham gia buổi học cần mang theo đầy đủ tài liệu học tập (Giáo trình chính, sách bài tập, từ điển và viết)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Lập trình căn bản

Mã học phần: 0101000919

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết					30 + 60 = 90
T = Bài tập					
P = Thực hành	27	3	0	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Toán rời rạc 1

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh

Đơn vị phụ trách: Khoa Kỹ thuật – Công nghệ

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Khoa Kỹ thuật – Công nghệ

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

- **Về kiến thức**

MT1 Khái quát hóa được các kiến thức về ngôn ngữ lập trình, các lệnh thông dụng vào ra và điều khiển, hàm và chương trình dựa trên ngôn ngữ lập trình minh họa.

MT2 Hiểu rõ cách hiện thực hóa các bài toán thành một chương trình máy tính

- **Về kỹ năng**

MT3 Soạn thảo, dịch, sửa lỗi và chạy chương trình.

MT4 Tổ chức hợp lý các hàm, chương trình

MT5 Viết chương trình giải quyết được các bài toán kỹ thuật thông thường

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

MT6 Nhận thức được và thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin để giải quyết các bài toán kỹ thuật trong thực tế.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
6160001010	Lập trình căn bản	0	0	2	3	3	2	3	2	3
		PO10	PO11	PO12	PO13					
		2	3	3	2					

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Trình bày kiến thức cơ bản và nâng cao về lập trình, các lệnh thông dụng trong chương trình dựa trên ngôn ngữ lập trình minh họa	PO3, PO4, PO5
MT1, MT2	CO2	Nắm rõ các bước xây dựng chương trình phù hợp giải quyết các bài toán thực tế thông dụng trong thực tế	PO5, PO6, PO7, PO8, PO9, PO10
Kỹ năng			
MT4	CO3	Phân tích, giải quyết các bài toán bằng các lưu đồ chương trình.	PO7, PO8, PO9
MT3	CO4	Soạn thảo, dịch, tìm phát hiện lỗi, thực hiện chương trình hoàn thành mục tiêu.	PO7, PO8, PO9, PO11, PO12
MT4	CO5	Phân bố các thành phần trong chương trình một cách hợp lý, khoa học, mang tính mở rộng cao.	PO11, PO12, PO13
MT5	CO6	Hoàn thành quá trình hiện thực hóa cách giải quyết bài toán bằng chương trình máy tính một cách phù hợp	PO9, PO11, PO12, PO13

Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
MT6	CO6	Chuẩn bị bài trước khi đến lớp. Tham gia tích cực trong giờ học.
MT6	CO7	Ý thức tầm quan trọng của nắm vững tư duy lập trình, hiện thực hóa ý tưởng giải quyết bài toán bằng một chương trình máy tính.

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Nội dung chính của học phần nhằm giúp sinh nắm vững các kiến thức cơ bản về ngôn ngữ lập trình, các khái niệm cơ bản trong lập trình như kiểu dữ liệu, hàm, biến, mảng... Học viên biết vận dụng các khái niệm này vào trong các hàm và chương trình. Học viên nắm rõ các lệnh nhập xuất trên các đối tượng và các lệnh điều khiển. Đồng thời giúp học viên sử dụng các lệnh này ứng dụng vào các bài toán thực tế từ cơ bản đến phức tạp. Cuối cùng học viên nắm rõ được các cách khai báo hàm, cách sử dụng các hàm, con trỏ, chương trình, tổ chức các hàm và chương trình làm cơ sở cho việc ứng dụng viết các hàm, chương trình cho các bài toán khai báo hàm từ đơn giản đến phức tạp.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thực hiện bài thực hành	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	5
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		5
Bài kiểm tra giữa kỳ	30	Theo đáp án, thang điểm do giảng viên đề ra hình thức tự luận	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

- **Tài liệu chính**
[1] Đại học Nam Cần Thơ, *Bài giảng lập trình căn bản*, 2017, Đại học Nam Cần Thơ.
- **Tài liệu tham khảo**
[2] Nguyễn Đình Tê, Hoàng Đức Hải, *Giáo trình lý thuyết và bài tập ngôn ngữ C*, 1999, NXB Giáo Dục.
[3] Phạm Văn Át, *Giáo trình kỹ thuật lập trình C*, 2017, NXB Bách Khoa Hà Nội

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1-2	Chương 1: Một số khái niệm cơ bản	[1], [2]	CO1, CO2, CO3, CO5

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	- Các khái niệm về ngôn ngữ lập trình - Giới thiệu ngôn ngữ lập trình C - Các thành phần cơ bản		
3-5	Chương 2: Các câu lệnh đơn và các lệnh cấu trúc - Khái niệm câu lệnh - Câu lệnh đơn - Các lệnh có cấu trúc	[1], [2],[3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
6	Ôn tập và thi giữa kỳ	[1], [2], [3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
7-9	Chương 3: Hàm và chương trình - Khái niệm và khai báo hàm - Phương pháp truyền tham số cho hàm - Hàm đệ qui - Kiểu mảng	[1], [2]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
10	Ôn tập cuối học phần	[1], [2], [3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Tâm lý học đại cương

Mã học phần: 0102000894

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	30 + 60 = 90
T = Bài tập					
P = Thực hành	30	0	0	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần:

Tự chọn

Học phần tiên quyết:

Không

Học phần học trước:

Không.

Học phần học song hành:

Không

Ngôn ngữ giảng dạy:

Tiếng Việt Tiếng Anh: Không

Đơn vị phụ trách:

Khoa Cơ bản.

2. Thông tin về giảng viên:

Giảng viên Khoa Cơ bản.

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

- Về kiến thức**

MT 1: Nhận thức được đối tượng, nhiệm vụ, ý nghĩa của tâm lý học.

MT 2: Phân tích được bản chất hiện tượng tâm lý người, phân loại các hiện tượng tâm lý và mô tả được các nguyên tắc, phương pháp nghiên cứu tâm lý.

MT 3: Xác định được cơ sở tự nhiên, cơ sở xã hội của hiện tượng tâm lý người.

MT 4: Phân tích được bản chất, các qui luật của các quá trình nhận thức cảm tính, nhận thức lý tính và vai trò của nó trong hoạt động thực tiễn; phân tích được bản chất và sự hình thành, phát triển tâm lý, ý thức.

MT 5: Phân tích được bản chất nhân cách, trình bày được các thuộc tính tâm lý nhân cách, chỉ ra được các con đường hình thành, phát triển nhân cách của cá nhân. Xác định được các loại sai lệch hành vi cá nhân, nguyên nhân và các biện pháp khắc phục chúng.

- Về kỹ năng**

MT 6: Hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức tâm lý học vào việc giải thích các hiện tượng tâm lý ở người trong hoạt động, trong quan hệ ứng xử và thực tiễn hoạt động kinh doanh du lịch.

MT 7: Hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức tâm lý học để giải các bài tập môn học và giải quyết các nhiệm vụ học tập.

MT 8: Có kỹ năng vận dụng kiến thức tâm lý học vào việc hình thành, phát triển tâm lý, ý thức nhân cách của bản thân và nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu.

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT 9: Thấy rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu các hiện tượng tâm lý trong đời sống, trong quan hệ ứng xử và đặc biệt là trong hoạt động kinh doanh du lịch.

MT 10: Có quan điểm duy vật biện chứng khi xem xét các hiện tượng tâm lý người trong đời sống xã hội.

MT 11: Có thái độ đúng đắn đối với việc học tập môn tâm lý học, có ý thức tìm hiểu, vận dụng kiến thức tâm lý vào trong cuộc sống và trong nghề nghiệp sau này.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0102000894	Tâm lý học đại cương	1	2	1	0	1	2	1	1	1
		PO10	PO11	PO12	PO13					
		2	1	1	2					

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1, MT2	CO1	Phân tích được bản chất hiện tượng tâm lý người; phân loại các hiện tượng tâm lý.	PO1, PO2, PO3
MT3	CO2	Xác định được cơ sở tự nhiên và xã hội của hiện tượng tâm lý.	PO4, PO5, PO6
MT4	CO3	Phân tích được bản chất, qui luật của các quá trình nhận thức cảm tính, nhận thức lý tính; phân tích được bản chất phát triển tâm lý, ý thức.	PO7, PO8, PO9
MT5	CO4	Phân tích được bản chất nhân cách cá nhân. Xác định được các loại sai lệch hành vi cá nhân, nguyên nhân và các biện pháp khắc phục.	PO10, PO11, PO12
Kỹ năng			

MT6	CO5	Hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức tâm lý học vào việc giải thích các hiện tượng tâm lý trong hoạt động, trong quan hệ ứng xử.	PO11, PO12, PO13
MT7	CO6	Hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức tâm lý học để giải quyết các nhiệm vụ học tập.	
MT8	CO7	Có kỹ năng vận dụng kiến thức tâm lý học vào việc hình thành, phát triển tâm lý, ý thức nhân cách của bản thân.	
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT9, MT10	CO8	Thấy rõ tầm quan trọng của việc nghiên cứu các hiện tượng tâm lý trong đời sống, trong quan hệ ứng xử.	PO13
MT11	CO9	Có thái độ đúng đắn đối với việc học tập môn tâm lý học, vận dụng kiến thức tâm lý vào cuộc sống.	

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Nội dung học phần gồm những vấn đề chung của tâm lý học:

- Tâm lý, phản ánh tâm lý, sự lĩnh hội nền văn hóa xã hội, hoạt động và hoạt động chủ đạo, giao tiếp, ý thức và chú ý, các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý.
- Nhận thức và học tập: đặc trưng nhận thức, nhận thức cảm tính, tư duy, tưởng tượng, trí nhớ, ngôn ngữ, sự phát triển các quá trình nhận thức, sự học và hoạt động học, sự hình thành hoạt động học.
- Nhân cách và sự hình thành nhân cách: khái niệm nhân cách, các phẩm chất và thuộc tính nhân cách, sự phát triển nhân.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của học phần một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO5, CO6
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong học phần.	CO4, CO5, CO6, CO7
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung học phần vào các vấn đề thực tiễn.	CO6, CO7, CO9
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO8, CO9

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên dự học trên lớp ít nhất 80% số giờ của học phần.
- Sinh viên phải có đủ tài liệu để học tập.

- Sinh viên phải chuẩn bị những nội dung tự học và thảo luận, nộp sản phẩm dưới dạng văn bản (sản phẩm là một trong những cơ sở để đánh giá tính chuyên cần và thái độ học tập của học viên).

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Thang điểm
1	Chuyên cần	10	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4	10
		10	+ Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	CO5, CO6, CO7	
2	Thường xuyên	30	+ Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân. Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm khách quan.	CO1, CO2, CO3, CO4	10
3	Thi kết thúc HP	50	+ Thi kết thúc học phần. + Hình thức thi: Trắc nghiệm khách quan. + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Tập bài giảng Tâm lý học đại cương - Thư viện Đại học Nam Cần Thơ.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Phan Thị Kim Ngân, *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, Nhà xuất bản Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam, năm 2013.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1, 2	Chương 1: Tâm lý học là một khoa học 1. Đối tượng, nhiệm vụ và ý nghĩa của tâm lý học 1.1. Tâm lý là gì ? 1.2. Đặc điểm của tâm lý học.	[1]	CO7, CO8, CO9

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	<p>1.2. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học.</p> <p>1.3. Ý nghĩa của tâm lý học.</p> <p>2. Bản chất, chức năng, phân loại hiện tượng tâm lý</p> <p>2.1. Bản chất hiện tượng tâm lý người theo quan điểm TLH DVBC</p> <p>2.2. Chức năng của tâm lý.</p> <p>2.3. Phân loại các hiện tượng tâm lý.</p> <p>3. Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý.</p> <p>3.1. Các nguyên tắc phương pháp luận của việc nghiên cứu tâm lý.</p> <p>3.2. Các phương pháp nghiên cứu tâm lý</p>		
3, 4	<p>Chương 2: Cơ sở tự nhiên, cơ sở xã hội của tâm lý người</p> <p>1. Cơ sở tự nhiên của tâm lý người.</p> <p>1.1. Di truyền và tâm lý.</p> <p>1.2. Não và tâm lý.</p> <p>1.3. Hệ thống tin hiệu hai và tâm lý.</p> <p>2. Cơ sở xã hội của tâm lý người.</p> <p>2.1. Nền văn hoá xã hội và tâm lý.</p> <p>2.2. Hoạt động và tâm lý .</p> <p>2.3. Giao tiếp và tâm lý</p>	[1], [2]	CO1, CO2, CO3
5, 6	<p>Chương 3: Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức</p> <p>1. Hình thành phát triển tâm lý về phương diện cá thể.</p> <p>1.1. Quan điểm TLHDVBC về sự phát triển tâm lý.</p> <p>1.2. Các giai đoạn phát triển tâm lý.</p> <p>2. Sự hình thành, phát triển ý thức về phương diện cá thể.</p> <p>2.1. Khái niệm, cấu trúc của ý thức.</p> <p>2.2. Sự hình thành, phát triển ý thức cá nhân.</p>	[1]	CO2, CO3, CO4

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	2.3. Các cấp độ của ý thức. 3. Ý thức và chú ý. 3.1. Khái niệm chung về chú ý. 3.2. Các loại chú ý. 3.3. Các thuộc tính của chú ý		
7, 8	Chương 4: Hoạt động nhận thức 1. Nhận thức cảm tính. 1.1. Khái niệm cảm giác, tri giác 1.2. Các quy luật của cảm giác, tri giác. 1.3. Quan sát và năng lực quan sát. 2. Nhận thức lý tính. 2.1. Tư duy. 2.2. Tưởng tượng. 3. Trí nhớ. 3.1. Khái niệm trí nhớ. 3.2. Các quá trình cơ bản của trí nhớ 4. Ngôn ngữ và nhận thức. 4.1. Khái niệm ngôn ngữ. 4.2. Chức năng của ngôn ngữ. 4.3. Các dạng hoạt động ngôn ngữ. 4.4. Vai trò của ngôn ngữ đối với hoạt động nhận thức	[1],[2]	CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
9, 10	Chương 5: Nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách 1. Khái niệm chung nhân cách. 1.1. Định nghĩa. 1.2. Đặc điểm của nhân cách . 2. Các thuộc tính tâm lý của nhân cách. 2.1. Xu hướng.	[1], [2]	CO5, CO6, CO7, CO8, CO9

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	2.2. Năng lực. 2.3. Tính cách. 2.4. Khí chất. 2.5. Tình cảm, ý chí. 3. Sự hình thành và phát triển nhân cách. 3.1. Hoạt động và nhân cách. 3.2. Giao tiếp và nhân cách. 3.3. Giáo dục và nhân cách. 3.4. Sự tự hoàn thiện nhân cách. 4. Những sai lệch hành vi trong sự phát triển nhân cách. 4.1. Hành vi và các chuẩn mực hành vi. 4.2. Phân loại các sai lệch hành vi và cách khắc phục		

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu, micro.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Giáo dục thể chất 2 - Quần vợt

Mã học phần: 0101000873

Số tín chỉ: 01

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	30 + 60 = 90
	3	0	27	0	

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Tổ Giáo dục thể chất - Khoa Cơ bản.

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên tổ Giáo dục thể chất - Khoa Cơ bản phụ trách

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

* Về kiến thức

MT1: Hiểu về lịch sử hình thành, phát triển môn quần vợt trên thế giới và Việt Nam, ý nghĩa và lợi ích của người chơi môn quần vợt

MT2: Nắm vững các nguyên lý, kỹ thuật cơ bản của môn quần vợt.

MT3: Nắm vững các kỹ thuật đánh bóng trong quần vợt.

MT4: Nắm vững một số quy định trong quần vợt, hệ thống tính điểm và một số sửa đổi trong quần vợt.

*** Về kỹ năng**

MT5: Có kỹ năng thực hiện các kỹ thuật cơ bản của môn quần vợt (kỹ thuật cầm vợt, Kỹ thuật đánh bóng xoáy lên bên phải, kỹ thuật đánh bóng 1 tay xoáy lên bên trái, kỹ thuật giao bóng) khi thực hành trên lớp và trong thực tiễn thi đấu môn quần vợt.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT6: Có kỹ năng xử lý tình huống nhanh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử trong tập thể.

MT7: Có ý thức chăm sóc sức khỏe và tinh thần thể thao cao thượng.

MT8: Có ý thức tích cực tham gia các hình thức hoạt động thể dục thể thao quần chúng.

MT9: Tự giác tập luyện, hướng dẫn người khác cùng tập luyện.

MT10: Có ý thức phòng ngừa bệnh tật trong tập luyện và thi đấu thể thao.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CDR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0101000873	Giáo dục thể chất 2 -Quần vợt	1	0	0	0	0	0	0	0	0
		PO10	PO11	PO12	PO13					
		0	0	2	0					

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Biết được lịch sử hình thành và phát triển môn quần vợt trên Thế giới và Việt Nam, ý nghĩa và lợi ích của người chơi môn quần vợt.	PO1
MT2	CO2	Nắm được các nguyên lý kỹ thuật cơ bản của môn quần vợt.	PO1, PO12
MT3	CO3	Nắm vững và thực hành được các kỹ thuật đánh bóng trong quần vợt.	PO1, PO12
MT4 MT5	CO4	Nắm vững một số quy định trong quần vợt, hệ thống tính điểm và một số sửa đổi trong quần vợt.	PO1

Kỹ năng			
MT3 MT4 MT5 MT6 MT8 MT9	CO5	Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn quần vợt (Kỹ thuật cầm vợt, Kỹ thuật đánh bóng xoáy lên bên phải, Kỹ thuật đánh bóng 1 tay xoáy lên bên trái, Kỹ thuật giao bóng) khi thực hành trên lớp cũng như trong thực tiễn thi đấu môn quần vợt	PO1, PO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7 MT9 MT10	CO6	Nhận thức được tầm quan trọng của việc tập luyện thể dục thể thao, phòng ngừa bệnh tật trong tập luyện và thi đấu thể thao.	PO1
MT6 MT8 MT9	CO7	Tích cực tham gia các hoạt động thể dục thể thao quần chúng, tự giác tập luyện, hướng dẫn người khác cùng tập luyện	PO1, PO12

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Quần vợt trang bị cho sinh viên:

- Những kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển môn quần vợt trên thế giới và Việt Nam;
- Ý nghĩa và lợi ích của người chơi môn quần vợt;
- Các nguyên lý kỹ thuật cơ bản của môn quần vợt;
- Các kỹ thuật đánh bóng (kỹ thuật cầm vợt, kỹ thuật đánh bóng xoáy lên bên phải, kỹ thuật đánh bóng 1 tay xoáy lên bên trái, kỹ thuật giao bóng);
- Một số quy định trong quần vợt, hệ thống tính điểm và một số sửa đổi trong quần vợt.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản của học phần một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong học phần.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Thực hành (Thị phạm, sử dụng lời nói, tập luyện, trò chơi, trực quan)	Giúp sinh viên hiểu rõ và thực hiện được các kỹ năng chuyên môn trong bóng chuyên, đồng thời phát triển thể lực cho sinh viên	CO3, CO5, CO6, CO7
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi, tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên đặt ra.

Thảo luận giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung, kiến thức trong học phần.

Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng trong buổi học

Ra, vào lớp đúng giờ quy định.

Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và tập luyện theo hướng dẫn của giảng viên.

Chuẩn bị dụng cụ và trang phục theo quy định.

Tham dự thi phần thực hành.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10 10	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. + Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10
2	Bài kiểm tra giữa kỳ	30	+ Giao bóng theo sở trường (topspin; sidespin; flat) + Giao bóng 05 quả bên góc phải + Giao bóng 05 quả bên góc trái	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
3	Thi kết thúc HP (đợt 1)	25	+ Đánh bóng thuận tay (forehand) + Đánh 05 lần theo đường thẳng về cuối sân + Đánh 05 lần theo đường chéo về cuối sân	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
4	Thi kết thúc HP (đợt 2)	25	+ Đánh bóng trái tay (backhand) + Đánh 05 lần theo đường thẳng về cuối sân + Đánh 05 lần theo đường chéo về cuối sân	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Lê Tiên Đề - Huỳnh Minh Tâm, *Bài giảng môn quần vợt*, khoa Cơ bản, Trường Đại học Nam Cần Thơ, năm 2019.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Vũ Như Ý, *Hướng dẫn chơi quần vợt*, Nhà xuất bản thể dục thể thao Hà Nội, năm 2001.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
LÝ THUYẾT			
1	Chương 1: Lịch sử hình thành và phát triển môn quần vợt		
	+ Nguồn gốc và lịch sử phát triển môn Quần vợt trên thế giới. + Lịch sử phát triển môn quần vợt ở Việt Nam. + Ý nghĩa, lợi ích của người chơi môn Quần vợt	[1]	CO1, CO6, CO7
	Chương 2 Nguyên lý kỹ thuật cơ bản của quần vợt		
	+ Cấu trúc sinh cơ học của hoạt động đánh bóng trong Quần vợt + Điều khiển hoạt động đánh bóng + Các yếu tố đánh bóng.	[1]	CO2, CO5, CO6, CO7
	Chương 3 Kỹ thuật đánh bóng		
	+ Cách cầm vợt + Kỹ thuật đánh bóng xoáy lên bên phải (forehand) + Kỹ thuật đánh bóng 1 tay xoáy lên bên trái (backhand) + Kỹ thuật giao bóng	[1]	CO3, CO5, CO6, CO7
	Chương 4 Một số quy định trong quần vợt		
	+ Sân, thiết bị cố định, bóng và vợt: sân thi đấu, thiết bị cố định, bóng, vợt. + Giao bóng và đỡ giao bóng: đánh đơn, đánh đôi + Chọn bên và chọn giao bóng + Lỗi khi giao bóng: đánh đơn, đánh đôi + Lỗi giao bóng + Đấu thủ thừa điểm	[1]	CO4, CO5, CO6, CO7
Chương 5: Hệ thống tính điểm trong quần vợt			
+ Hệ thống tính điểm: tính điểm trong game, tính ván trong hiệp, số hiệp tối đa,	[1]	CO4, CO6, CO7	

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	tiến hành trận đấu và thời gian nghỉ, thay bóng. + Cản trở đối phương + Bóng rơi trên vạch + Bóng chạm các thiết bị cố định + Đánh bóng trả tốt + Đấu thủ bị cản trở		
THỰC HÀNH			
2	Bài 1: + Cách cầm vợt, tư thế chuẩn bị và di chuyển + Cách cầm vợt + Tư thế chuẩn bị + Di chuyển	[1]	CO3, CO5, CO6, CO7
3	Bài 2: + Kỹ thuật giao bóng (topspin; sidespin; flat) + Tư thế chuẩn bị + Yếu lĩnh động tác: giao bóng thẳng, giao bóng chém, giao bóng xoáy + Kết thúc động tác	[1]	CO3, CO5, CO6, CO7
KIỂM TRA GIỮA KỲ			
4	Bài 3: + Kỹ thuật đánh bóng xoáy lên bên phải (forehand) + Tư thế chuẩn bị + Yếu lĩnh động tác + Kết thực động tác	[1]	CO3, CO5, CO6, CO7
5 - 6 - 7	Bài 4: + Kỹ thuật đánh bóng 1 tay xoáy lên bên trái (backhand) + Tư thế chuẩn bị + Yếu lĩnh động tác + Kết thực động tác	[1]	CO3, CO5, CO6, CO7
8 - 9 - 10	Bài 5: + Kỹ thuật đánh trả giao bóng + Phát triển kỹ năng đánh trả giao bóng và hạn chế sức tấn công của đối phương	[1]	CO3, CO5, CO6, CO7
	KIỂM TRA CUỐI KỲ (ĐỢT 1)		CO3, CO5, CO6, CO7
	KIỂM TRA CUỐI KỲ (ĐỢT 2)		CO3, CO5, CO6, CO7

12. Cơ sở và thiết bị

- Sân bãi: sân quần vợt, bóng, vợt và một số dụng cụ khác
- Đối với sinh viên: trang phục thể dục, vợt và mang giày.

Tr
ng
i h
c Nam C h Th

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Giáo dục quốc phòng – an ninh

Mã học phần: 0101000871

Số tín chỉ: 8

Tổng số tiết quy chuẩn: 165

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	75	0	90	0	165 + 20 = 185

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Trung tâm Giáo dục quốc phòng - an ninh

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Trung tâm Giáo dục quốc phòng - an ninh.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Sinh viên phải trình bày được những vấn đề cơ bản về học thuyết Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh; một số nội dung cơ bản về lịch sử quân sự Việt nam qua các thời kỳ.

MT2: Giải thích được những nội dung cơ bản về nhiệm vụ công tác quốc phòng - an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: Xây dựng lực lượng Dân quân, Tự vệ, lực lượng Dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt

Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

*** Về kỹ năng**

MT3: Hình thành và phát triển năng lực tư duy phê phán, giải quyết vấn đề.

MT4: Thuần thục các nội dung thực hành về điều lệnh đội ngũ, sử dụng bản đồ địa hình quân sự, băng bó cấp cứu chuyên thương, ba môn quân sự phối hợp, từng người trong chiến đấu tiên công, phòng ngự, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK.

MT5: Rèn luyện được một số kỹ năng xã hội cơ bản như làm việc độc lập, làm việc nhóm, hợp tác, chia sẻ, thích ứng, thuyết phục, kỹ năng làm chủ bản thân, kỹ năng đối thoại.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT6: Nắm vững đối tượng, phương pháp, nội dung nghiên cứu môn học giáo dục quốc phòng - an ninh, rèn luyện, tu dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực, trung thành với lí tưởng độc lập dân tộc và CNXH, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

MT7: Sinh viên xác định trách nhiệm, động cơ đúng trong học tập môn học giáo dục quốc phòng - an ninh, tích cực tham gia xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân ngay từ khi đang còn học tập, rèn luyện trong nhà trường và ở mỗi vị trí công tác tiếp theo. Rèn luyện được tác phong, bản lĩnh, tinh tự giác và ý thức tổ chức kỷ luật tốt.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CDR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0101000871	Giáo dục quốc phòng - an ninh	3	3	1	0	1	2	2	0	1
		PO10	PO11	PO12	PO13	2	1	1	0	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT5 MT7	CO1	+ Sinh viên xác định được trách nhiệm, thái độ đúng trong học tập môn học giáo dục quốc phòng - an ninh. Vận dụng nội dung môn học, tích cực tham gia xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân ngay từ khi đang còn học tập, rèn luyện trong nhà trường và ở mỗi vị trí công tác tiếp theo	PO1, PO2, PO3

MT2 MT3	CO2	+ Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh quân đội và bảo vệ tổ quốc. Phân biệt rõ quan điểm của chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh với quan điểm của các học giả tư sản. Giải thích được sự giống và khác nhau giữa quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh	PO2, PO3, PO5
MT2 MT6	CO3	+ Mô tả được những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Phân tích rõ mục đích tính chất, đặc điểm của chiến tranh nhân dân VN. Phân biệt rõ đối tượng tác chiến, những điểm mạnh, yếu của kẻ địch. Đánh giá được sự cần thiết tiến hành CTND, sự khó khăn gian khổ, hi sinh khi phải tiến hành cuộc chiến tranh.	PO6, PO7, PO9
MT2 MT3	CO4	+ Phân tích rõ vị trí, nội dung, biện pháp các quan điểm của Đảng ta trong chiến tranh nhân dân BVTQ. Khái quát những quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân BVTQ rút ra được những kết luận về CTND.	PO11, PO12
MT2 MT3	CO5	+ Giải thích được đặc điểm và những quan điểm nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân. Phân tích rõ những đặc điểm liên quan, các quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng LLVTND. Vận dụng được những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng LLVTND Việt Nam trong thời kỳ mới.	PO12
MT2 MT3	CO6	+ Mô tả được cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh ở VN. Phân tích rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp kinh tế với quốc phòng. Đánh giá được mối quan hệ tác động lẫn nhau giữa kinh tế với quốc phòng.	PO11
MT5 MT6	CO7	+ Mô tả được những truyền thống và nghệ thuật đánh giặc giữ nước của ông cha ta. Phân tích được những yếu tố tác động đến việc hình thành nghệ thuật đánh giặc, khái quát được những nghệ thuật đánh giặc giữ nước của ông cha ta. Vận dụng truyền thống hào hùng của DT, nâng cao lòng yêu quê hương đất nước, ý thức rèn luyện, học tập.	
MT6 MT7	CO8	+ Mô tả được chiến lược “Diễn biến hòa bình”, BLLĐ, của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội. Giải thích rõ khái niệm, sự hình thành và phát triển của chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ. Nhận biết được những điểm chung và riêng của chiến lược “Diễn biến hòa bình” và BLLĐ.	PO2, PO3, PO5
MT2 MT3	CO9	+ Giải thích rõ khái niệm, đặc điểm, thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng VKCNC của địch trong chiến tranh. Phân tích được các điểm mạnh, yếu của vũ khí CNC của địch trong chiến tranh. Chứng minh một số một số điểm mạnh, yếu của VKCNC hiện nay trên thế giới.	PO5, PO8, PO9

MT1 MT7	CO10	+ Trình bày được khái niệm, vị trí, vai trò của lực lượng DQTV. Phân tích rõ các nội dung biện pháp xây dựng lực lượng DQTV. Xác định được trách nhiệm của bản thân trong việc tham gia xây dựng LLDQTV.	PO12
MT2	CO11	+ Trình bày được các khái niệm, nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ. Xác định được trách nhiệm của bản thân trong việc tham gia xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ.	PO12
MT1 MT5 MT6	CO12	+ Trình bày được một số vấn đề cơ bản về dân tộc. Phân tích rõ quan điểm của chủ nghĩa Mác Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc. Vận dụng các quan điểm chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước ta trong thực tế học tập, công tác hiện nay.	
MT3 MT7	CO13	+ Mô tả được các khái niệm và nội dung cơ bản về bảo vệ ANQG và giữ gìn trật tự ATXH. Đánh giá đúng tầm quan trọng của các nội dung về bảo vệ ANQG và giữ gìn trật tự ATXH. Xác định trách nhiệm của bản thân đối với nhiệm vụ bảo vệ ANQG và giữ gìn trật tự ATXH trên địa bàn cư trú.	
MT2 MT3	CO14	+ Mô tả được những nhận thức chung về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc. Phân tích được các khái niệm, vị trí, tác dụng, mục đích, đặc điểm của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc	PO2, PO3, PO4
MT3 MT4	CO15	+ Mô tả được các động tác đội ngũ cá nhân từng người, tay không: Nghiêm, nghỉ, quay phải, trái, quay đằng sau, chào, giậm chân tại chỗ, đi đều, đứng lại. Tập luyện đúng các động tác đội ngũ cá nhân từng người, tay không. Thực hành thành thạo, đúng kỹ thuật các động tác đội ngũ cá nhân từng người, tay không.	PO5, PO8, PO9
MT4	CO16	+ Trình bày được khái niệm, ý nghĩa của bản đồ. Phân tích rõ tầm quan trọng của bản đồ đối với người chỉ huy.	PO10, PO11
MT4	CO17	+ Hiểu rõ tính năng, cấu tạo, chuyển động của súng, thực hành thuần thục tháo, lắp, sử dụng súng, các tư thế đứng, quỳ, nằm bấp. Thực hành động tác tháo lắp súng chính xác trong thời gian ngắn.	PO12, PO13
MT4	CO18	+ Giải thích được tính chất, tác dụng, cấu tạo của một số loại chất nổ, phương tiện gây nổ thông dụng. Thực hành gói buộc, mang vác lượng nổ dài, ống, khối	
MT4	CO19	+ Nhận biết cách phân loại, phương thức nổ của vũ khí hạt nhân. Phân tích rõ các nhân tố sát thương phá hoại và cách phòng chống của vũ khí hạt nhân.	
MT5 MT7	CO20	+ Mô tả được mục đích, nguyên tắc băng, các kiểu băng cơ bản. Thực hành băng được vết thương ở 10 vị trí cơ bản trên cơ thể. Băng nhanh, đúng kỹ thuật vết thương ở một số vị trí khó trên cơ thể.	PO12, PO13
MT4 MT5	CO21	+ Trình bày được điều lệ, quy tắc thi đấu các môn bắn súng, ném lựu đạn, chạy vũ trang. Giải thích được trách nhiệm, quyền hạn của người dự thi, của đội	

		trường. Tổ chức được các cuộc thi đấu bắn súng, ném lựu đạn, chạy vũ trang cấp trung đội.	
MT4 MT5	CO22	+ Trình bày được nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật của từng người trong chiến đấu tiên công. Mô tả được các đặc điểm tiên công của địch. Mô tả được khái niệm về ngắm bắn, thứ tự thực hành ngắm, ảnh hưởng do ngắm và gió đến kết quả bắn	PO5, PO8, PO9
Kỹ năng			
MT1 MT3	CO23	+ Trình bày được các quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội. Giải thích được sự giống và khác nhau giữa quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội. Đánh giá chức năng, nhiệm vụ và truyền thống hào hùng của quân đội nhân dân Việt Nam.	PO12, PO13
MT2 MT7	CO24	+ Trình bày được quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ tổ quốc XHCN. Đánh giá sự kế thừa Chủ nghĩa Mác - Lênin trong tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ tổ quốc XHCN	PO12
MT2 MT7	CO25	+ Trình bày được những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm. Phân tích được các khái niệm, nội dung, nhiệm vụ phòng chống tội phạm – Trách nhiệm của nhà trường và SV	PO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT5	CO26	+ Nhận thức được tầm quan trọng của việc luyện tập các thao tác trong quân sự, quốc phòng, nâng cao thể lực.	PO1, PO12
MT7	CO27	+ Tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ an ninh trật tự địa phương nơi cư trú.	PO1, PO11, PO12

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Giáo dục cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng và công tác quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh; về truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc. Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1 --> CO22
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO23, CO24, CO25
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO8 --> CO22
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO8 --> CO22

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên khác đặt ra.

Chuẩn bị bài tập luyện, tham gia giải đáp trên lớp.

Nghiên cứu tài liệu tham khảo.

Làm các bài luyện tập, hoặc xử lý tình huống đề cùng cố kiến thức đã được học.

Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.

Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề mà giảng viên yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10 10	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học + Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO3 --> CO25	10
2	Bài tập chuyên đề	15	+ Làm 1 bài thuyết trình, báo cáo kết quả thực hiện.	CO23 --> CO27	10
2	Bài kiểm tra giữa kỳ	15	+ Theo đáp án, thang điểm của giảng viên.	CO4 --> CO20	10
3	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên.		10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Đào Huy Hiệp, Giáo trình giáo dục quốc phòng - an ninh - Tập 1, Nhà xuất bản Giáo dục, năm 2011.

[2] Nguyễn Tiên Hải, Giáo trình giáo dục quốc phòng - an ninh - Tập 2, Nhà xuất bản Giáo dục, năm 2011.

10.2. Tài liệu tham khảo

[3] Trang thông tin học tập <http://www.quocphonganninh.edu.vn>

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1	Tuần I: Giới thiệu đề cương môn học		
	Nội dung 1: Đối tượng phương pháp nghiên cứu môn học giáo dục QP - AN. I. Mục đích yêu cầu II. Đối tượng nghiên cứu		CO1, CO2, CO3

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	<p>III. Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu.</p> <p>Nội dung 2: Quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh quân đội và bảo vệ tổ quốc.</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh. 2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội. 3. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về bảo vệ tổ quốc. 4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa. 		
2	<p>Tuần II: Nội dung 3: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Vị trí, đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. 2. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh để bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN. 3. Một số biện pháp chính xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay. 		CO3, CO4
2	<p>Tuần II: Nội dung 4: Chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc. 2. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc. 3. Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc. 		CO3, CO4
3	<p>Tuần III: Nội dung 5: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt nam.</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đặc điểm và những quan điểm nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân. 2. Phương hướng xây dựng lực lượng VTND trong giai đoạn mới. 3. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân. 		CO5, CO6
4	<p>Tuần IV: Nội dung 6: Kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố QP- AN.</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng an ninh. 2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế – xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại ở nước ta hiện nay 3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế- xã hội gắn với tăng cường củng cố quốc phòng an ninh ở Việt Nam hiện nay. 		CO5, CO6
5	<p>Tuần V: Nội dung 7: Nghệ thuật quân sự Việt Nam.</p>		

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	<p>1. Truyền thống và nghệ thuật đánh giặc của cha ông ta.</p> <p>2. Nghệ thuật quân sự Việt nam từ khi có Đảng.</p> <p>3. Vận dụng một số bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự vào sự nghiệp bảo vệ tổ quốc trong thời kỳ mới và trách nhiệm của sinh viên.</p>		CO7, CO8
6	<p>Tuần VI: Nội dung 8: Phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam.</p> <p>1. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội.</p> <p>2. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam.</p> <p>3. Mục tiêu, nhiệm vụ, quan điểm và phương châm phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của Đảng, nhà nước ta.</p> <p>4. Những giải pháp phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay</p>		CO8, CO9
	<p>Tuần VII: Nội dung 9: Phòng chống địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao.</p> <p>1. Khái niệm, đặc điểm, thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh.</p> <p>2. Một số biện pháp phòng chống địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao</p> <p>Bài tập cá nhân: Phân tích, chứng minh làm sáng tỏ những điểm mạnh, yếu của vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh</p>		CO17, CO18, CO19
7	<p>Tuần VII: Nội dung 10: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng.</p> <p>1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ.</p> <p>2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên.</p> <p>3. Động viên công nghiệp quốc phòng.</p> <p>- Nộp bài tập cá nhân.</p> <p>- Chuẩn bị bài tập nhóm tuần 8.</p>		CO10, CO14
	<p>Tuần VIII: Nội dung 11: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.</p> <p>1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia</p> <p>2. Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia.</p> <p>3. Quan điểm của đảng và nhà nước ta về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia</p> <p>Bài tập cá nhân: Nêu ví dụ cụ thể một số nước có bộ phận lãnh thổ và bộ phận biên giới quốc gia không giống nước ta.</p>		CO11, CO13
9	<p>Tuần IX: Nội dung 12: Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam</p>		

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc. 2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo. 3. Đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam. - Kiểm tra 45 phút		CO12
10	Tuần X: Nội dung 13: Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. 1. Nhận thức chung về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc. 2. Nội dung phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc. 3. Trách nhiệm của sinh viên trong việc tham gia xây dựng phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc. Bài tập cá nhân: - Tại sao xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội phải đi đôi với bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội? - Trách nhiệm của sinh viên trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội hiện nay?		CO13, CO14
11	Tuần XI: Nội dung 14: Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. 1. Nhận thức chung về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc. 2. Nội dung phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc. 3. Trách nhiệm của sinh viên trong việc tham gia xây dựng phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc. - Nộp bài tập cá nhân - Ôn tập chuẩn bị thi kết thúc học phần II		CO13, CO14
12	Tuần XII: Nội dung 15: Những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội 1. Nhận thức chung về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc. 2. Nội dung phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc. 3. Trách nhiệm của sinh viên trong việc tham gia xây dựng phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc. - Thi kết thúc học phần II.		CO13, CO14
13	Tuần XIII: Nội dung 16: Đội ngũ đơn vị. I. Mục đích yêu cầu. II. Nội dung A. Đội ngũ từng người. 1. Động tác nghiêm, nghỉ. 2. Động tác quay tại chỗ. 3. Động tác chào. 4. Động tác giậm chân tại chỗ, đứng lại, đổi chân trong khi giậm chân. 5. Động tác đi đều, đứng lại, đổi chân trong khi đi. B. Đội ngũ đơn vị.		CO15

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	1. Đội hình tiểu đội. 2. Đội hình trung đội. 3. Đổi hướng đội hình. Bài tập		
	Tuần XIII: Nội dung 17: Sử dụng bản đồ địa hình quân sự.		
	I. Mục đích yêu cầu. II. Nội dung A. Bản đồ: 1. Khái niệm, ý nghĩa 2. Phân loại, đặc điểm, công dụng bản đồ địa hình. 3. Cơ sở toán học bản đồ địa hình. 4. Cánh chia mảnh, ghi số hiệu bản đồ. 5. Chập ghép, dán gấp, bảo quản bản đồ. B. SỬ DỤNG BẢN ĐỒ. 1. Đo cự ly, diện tích trên bản đồ 2. Xác định tọa độ, chỉ thị mục tiêu. 3. Sử dụng bản đồ ngoài thực địa. 4. Đối chiếu bản đồ với thực địa		CO15
	Tuần XIV: Nội dung 18: Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh		
14	I. Mục đích yêu cầu. II. Nội dung A. Súng tiểu liên AK 1. Tác dụng, tính năng chiến đấu. 2. Cấu tạo chung của súng và đạn. 3. Tên gọi, tác dụng cấu tạo của súng và đạn. 4. Tháo và lắp súng thông thường. 5. Chuyển động của các bộ phận của súng. B. Súng trường CKC 1. Tác dụng, tính năng chiến đấu. 2. Cấu tạo chung của súng và đạn. 3. Tên gọi, tác dụng cấu tạo của súng và đạn. 4. Tháo và lắp súng, đạn. 5. Chuyển động của các bộ phận của súng. C. Súng trung liên RPD. 1. Tác dụng, tính năng chiến đấu. 2. Cấu tạo chung của súng và đạn. 3. Tên gọi, tác dụng cấu tạo của súng và đạn. 4. Tháo và lắp súng thông thường. 5. Chuyển động của các bộ phận của súng. D. Súng diệt tăng B40. 1. Tác dụng, tính năng chiến đấu. 2. Cấu tạo chung của súng và đạn. 3. Tên gọi, tác dụng cấu tạo của súng và đạn. 4. Tháo và lắp súng thông thường. 5. Chuyển động của các bộ phận của súng. 6. Quy tắc an toàn khi sử dụng súng. E. Súng diệt tăng B41. 1. Tác dụng, tính năng chiến đấu.		CO17, CO18, CO19

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	2. Cấu tạo chung của súng và đạn. 3. Tên gọi, tác dụng cấu tạo của súng và đạn. 4. Tháo và lắp súng thông thường. 5. Chuyển động của các bộ phận của súng. 6. Quy tắc an toàn khi sử dụng súng B41		
	Tuần XIV: Nội dung 19: Thuốc nổ		
	I. Mục đích yêu cầu. II. Nội dung 1. Thuốc nổ và các phương tiện gây nổ. 2. Ứng dụng thuốc nổ trong chiến đấu. 3. Ứng dụng trong sản xuất.		CO18, CO19
15	Tuần XV: Nội dung 20: Phòng chống vũ khí hủy diệt lớn.		
	I. Mục đích yêu cầu. II. Nội dung A. Vũ khí hạt nhân 1. Khái niệm 2. Phân loại và phương tiện sử dụng. 3. Phương thức nổ của vũ khí hạt nhân. 4. Các nhân tố sát thương phá hoại và cách phòng chống. B. Vũ khí hóa học. 1. Khái niệm 2. Phân loại. 3. Đặc điểm tác hại cơ bản của Vũ khí hóa học. 4. Một số loại chất độc chủ yếu và cách phòng chống. C. Vũ khí sinh học. 1. Khái niệm 2. Một số bệnh do vũ khí sinh học gây ra và cách phòng chống. 3. Phòng chống vũ khí sinh học. D. Vũ khí lửa 1. Khái niệm, 2. Phân loại chất cháy. 3. Một số loại chất cháy chủ yếu. 4. Tác hại của chất cháy. 5. Phương pháp chung phòng chống vũ khí		CO18, CO19
	Tuần XV: Nội dung 21: Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh.		
	I. Mục đích yêu cầu. II. Nội dung A. Hệ thống những kiến thức cơ bản về băng bó, chuyển thương. 1. Nguyên tắc băng. 2. Các kiểu băng cơ bản. 3. Thực hành băng vết thương ở một số vị trí trên cơ thể. 4. Chuyển thương. B. Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh. 1. Đặc điểm của vết thương chiến tranh.		CO19, CO20

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	2. Cấp cứu ban đầu vết thương do vũ khí nổ (Vũ khí thông thường) III. Tổ chức phương pháp huấn luyện		
	Tuần XV: Nội dung 22: Ba môn quân sự phối hợp I. Mục đích yêu cầu. II. Nội dung A. Điều lệ - quy tắc thi đấu. A. Điều lệ: 1. Đặc điểm và điều kiện thi đấu. 2. Trách nhiệm và quyền hạn của người dự thi. 3. Trách nhiệm và quyền hạn của đoàn trưởng (đội trưởng). 4. Thủ tục khiếu nại. 5. Xác định thành tích xếp hạng. B. Quy tắc thi đấu. 1. Quy tắc chung 2. Quy tắc thi đấu các môn 3. Cách tính thành tích		CO21
	Tuần XVI: Nội dung 23: Từng người trong chiến đấu tiên công. I. Mục đích yêu cầu. II. Nội dung 1. Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật. a) Nhiệm vụ. b) Yêu cầu chiến thuật. 2. Hành động của chiến sĩ sau khi nhận nhiệm vụ. a) Hiểu rõ nhiệm vụ. b) Làm công tác chuẩn bị. 3. Hành động của từng người khi thực hành chiến đấu. a) Vận động đến gần địch. b) Cách đánh từng loại mục tiêu. 4. Hành động của từng người khi đánh chiếm được mục tiêu.		CO22
16	Tuần XVI: Nội dung 24: Từng người trong chiến đấu phòng ngự I. Mục đích yêu cầu. II. Nội dung 1. Đặc điểm tiên công của địch. 2. Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật. a. Nhiệm vụ. b. Yêu cầu chiến thuật. 3. Hành động của từng người sau khi nhận nhiệm vụ. a. Hiểu rõ nhiệm vụ. b. Làm công tác chuẩn bị. 4. Hành động của từng người khi thực hành chiến đấu. a. Khi địch chuẩn bị tiên công. b. Khi địch tiên công. c. Sau mỗi lần đánh bại địch tiên công		CO20, CO21, CO22
17	Tuần XVII đến XVIII: Nội dung 25: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK		

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	<p>I. Mục đích yêu cầu.</p> <p>II. Nội dung</p> <p>1. Ngắm bắn</p> <p>a. Khái niệm về ngắm bắn.</p> <p>b. Thứ tự thực hành ngắm.</p> <p>c. Ảnh hưởng do ngắm và gió đến kết quả bắn.</p> <p>2. Ngắm chụm và trúng.</p> <p>a. Ý nghĩa của ngắm chụm và trúng.</p> <p>b. Tập ngắm chụm.</p> <p>c. Ngắm chụm và trúng.</p> <p>3. Tư thế động tác bắn, thôi bắn súng tiểu liên AK.</p> <p>a. Động tác ngắm bắn.</p> <p>a1. Động tác ngắm</p> <p>a2. Động tác thôi ngắm.</p> <p>b. Động tác quý bắn.</p> <p>b1. Động tác ngắm</p> <p>b2. Động tác thôi ngắm.</p> <p>c. Động tác đứng bắn.</p> <p>c1. Động tác ngắm</p> <p>c2. Động tác thôi ngắm</p>		CO17, CO22

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, phấn, máy chiếu, micro.
- Các trang thiết bị giảng dạy bộ môn.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Kinh tế chính trị

Mã học phần: 0102000641

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết					30 + 30 = 60
T = Bài tập					
P = Thực hành	20	0	10	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Có

Học phần học trước: Triết học

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Cơ bản

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Lý luận chính trị, khoa Cơ bản phụ trách.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Nắm những tri thức cơ bản về Kinh tế chính trị học theo quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam.

MT2: Vận dụng các phương pháp luận khoa học vào nghiên cứu và học tập các khoa học xã hội và nhân văn.

* Về kỹ năng

- MT3: Vận dụng được các kiến thức của học phần vào học tập các học phần khoa học xã hội và nhân văn.
- MT4: Hình thành được kỹ năng sống, vững vàng, tin tưởng, bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa, xã hội của chế độ xã hội chủ nghĩa và tin tưởng vào chủ nghĩa xã hội.
- MT5: Rèn luyện kỹ năng thuyết trình, ứng dụng vào việc lý giải các vấn đề phức tạp của đời sống xã hội.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- MT6: Vận dụng phù hợp các kiến thức được trang bị nhằm giáo dục sinh viên tin tưởng vào Đảng, Nhà nước, tin tưởng vào tương lai, yêu quê hương và yêu thương con người.
- MT7: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, có trách nhiệm với bản thân, xã hội và đạo đức nghề nghiệp.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CDR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0102000641	Kinh tế chính trị	3	2	1	0	1	1	1	1	1
		PO10	PO11	PO12	PO13					
		1	1	1	1					

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO):

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Nắm được các kiến thức cơ bản về hàng hóa, sản xuất hàng hóa và nội dung quy luật giá trị. Tiền tệ, nguồn gốc và bản chất của tiền.	PO1
MT2	CO2	Nắm được các kiến thức cơ bản về sự ra đời của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Các kiến thức cơ bản về tiền công trong chủ nghĩa tư bản, tích lũy tư bản, tuần hoàn và chu chuyển tư bản. Các hình thái tư bản.	PO2
Kỹ năng			

MT3	CO3	Biết vận dụng các nguyên lý cơ bản của Kinh tế chính trị vào nghiên cứu thực tiễn xã hội.	PO2, PO3
MT4	CO4	Xác lập nhận thức đúng đắn về khoa học kinh tế chính trị và các khoa học chuyên ngành được đào tạo.	PO5, PO6
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT5	CO5	Có ý thức bảo vệ, phổ biến những nguyên lý cơ bản của Kinh tế chính trị Mác -Lênin, đấu tranh chống những quan điểm sai trái.	PO7, PO8, PO9
MT6	CO6	Củng cố và phát triển các năng lực như: Tìm hiểu các vấn đề xã hội; năng lực tham gia các hoạt động xã hội.	PO10, PO11, PO12
MT7	CO7	Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	PO13

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học này nghiên cứu về học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác – Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa không chỉ bao gồm học thuyết của Mác về giá trị và giá trị thặng dư mà còn bao gồm học thuyết kinh tế của Lênin về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. Nội dung các học thuyết này bao quát những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, có hệ thống và khoa học	CO1, CO2, CO3, CO4
Thảo luận	Rèn luyện cho sinh viên làm việc nhóm và phát hiện vấn đề	CO5, CO6
Đối thoại	Tạo cơ hội cho sinh viên phát triển tính sáng tạo, rèn luyện bản thân.	CO5, CO6, CO7
Bài tập	Thực tập xây dựng và triển khai các ý tưởng khoa học.	CO5, CO6, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên:

Dự lớp, sinh viên đọc trước bài giảng, giáo trình, phát hiện vấn đề, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên đặt ra.

Chuẩn bị nội dung tham gia thảo luận.

Nghiên cứu tài liệu tham khảo.

Làm bài tập, hoặc giải quyết tình huống để củng cố kiến thức đã học.

Tự học, tự nghiên cứu những vấn đề mà giảng viên yêu cầu

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10	+ Tinh chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4	10
		10	+ Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.		
2	Kiểm tra thường xuyên	30	+ Kiểm tra trên lớp theo đề chung, đáp án, thang điểm của GV và quy về theo tỷ lệ (30%).	CO1, CO2	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
3	Bài thi dùng đề tự luận	50	+ Thi kết thúc học phần theo đề chung, đáp án, thang điểm quy về theo tỷ lệ (50%).	CO1, CO2, CO3	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập:

[1]. Phạm Văn Sinh - Phạm Quang Phan, *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2018.

10.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Ngọc Long - Nguyễn Hữu Vui, *Giáo trình triết học Mác - Lênin*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2006

11. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1	Bài 1: Học thuyết giá trị: -Điều kiện ra đời, đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hóa. -Hàng hóa.	[1]	CO1

2	Bài 1: Học thuyết giá trị (tiếp theo): -Hàng hóa (tt). -Tiền tệ	[1]	CO1
3	Bài 1: Học thuyết giá trị (tiếp theo): -Quy luật giá trị. - Thảo luận về Bài 1	[1]	CO1
4	Bài 2: Học thuyết giá trị thặng dư: -Sự chuyên hóa của tiền thành tư bản	[1]	CO2
5	Bài 2: Học thuyết giá trị thặng dư (tiếp theo): -Sự sản xuất ra giá trị thặng dư. -Tiền công trong chủ nghĩa tư bản. -Tích lũy tư bản	[1]	CO2
6	Bài 2: Học thuyết giá trị thặng dư (tiếp theo): -Tuần hoàn và chu chuyển tư bản -Các hình thái tư bản	[1]	CO2, CO3
7	Bài 3: Chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước: -Sự xuất hiện và phát triển. -Những đặc trưng cơ bản	[1]	CO2, CO3
8	Bài3: Chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước (tiếp theo): Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước: Những biểu hiện mới của CNTB ngày nay.	[1]	CO2, CO3
9	Bài3: Chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước (tiếp theo): -Những thành tựu, giới hạn và xu hướng vận động của CNTB ngày nay. -Thảo luận toàn bài.	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4
10	Tổng kết môn học		

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu, micro.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Nguyên lý hệ điều hành

Mã học phần: 0101000979

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	30 + 60 = 90
T = Bài tập					
P = Thực hành	27	3	0	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Kiến trúc máy tính

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh

Đơn vị phụ trách: Khoa Kỹ thuật – Công nghệ

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên bộ môn Công nghệ Thông tin, Khoa Kỹ thuật – Công nghệ

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

- Về kiến thức

MT1 Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cấu trúc, nguyên lý hoạt động, process, thread, quản lý bộ nhớ, quản lý xuất nhập, hệ thống tệp tin của hệ điều hành. Giúp sinh viên hiểu nguyên tắc hoạt động của hệ điều hành.

- Về kỹ năng

MT2 Giải được các bài toán về quản lý và phân bổ tài nguyên, điều độ tiến trình của hệ điều hành.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT3 Nghiêm túc, trách nhiệm, chủ động, tích cực, chăm chỉ, cẩn thận.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
01010001010 79	Nguyên lý hệ điều hành	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
		0	0	0	2	2	3	2	3	2
		PO10	PO11	PO12	PO13					
		3	2	3	2					

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Nắm được cơ chế hoạt động chung của hệ thống máy tính, các bộ phận, cấu trúc của máy tính, các nguyên lý cơ bản hệ điều hành như: cấu trúc, nguyên lý hoạt động, tiến trình, luồng.	PO6, PO7, PO8
MT1	CO2	Cung cấp các nguyên lý để tổ chức, quản lý tiến trình, quản lý bộ nhớ, quản lý xuất nhập, quản lý hệ thống tệp tin.	PO6, PO7, PO8, PO9
MT1	CO3	Khả năng phân tích, lập luận và giải quyết vấn đề tắc nghẽn trong hệ điều hành.	PO7, PO9, PO10, PO11, PO12
Kỹ năng			
MT2	CO4	Vận dụng tốt các thuật toán lập lịch CPU để giải quyết bài toán trong thực tế.	PO4, PO5, PO6, PO10
MT2	CO5	Giải quyết được các bài toán về quản lý và phân bổ tài nguyên, quản lý truy cập đĩa.	PO4, PO5, PO10
MT2	CO6	Vận dụng các phương pháp xử lý quá trình tắc nghẽn.	PO10, PO12, PO13
MT2	CO7	Khả năng làm việc theo nhóm để giải quyết các vấn đề trong hệ thống máy tính.	PO9, PO10, PO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT3	CO8	Rèn luyện tính chủ động trong học tập và rèn luyện.	PO10, PO11, PO12
MT3	CO9	Chủ động trong học tập và rèn luyện.	PO13

MT3	CO10	Có khả năng lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể.	
------------	-------------	--	--

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Hệ điều hành là môn cơ sở bắt buộc, cung cấp cho sinh viên kiến thức về nguyên lý và khái niệm các hệ điều hành nói riêng và hoạt động của hệ thống máy tính nói chung. Môn học không đề cập tới hệ điều hành cụ thể, cũng như không đi sâu vào khía cạnh khai thác, sử dụng hệ điều hành. Thay vào đó, sinh viên được cung cấp kiến thức về: cấu trúc và đặc điểm chung của hệ điều hành, vai trò hệ điều hành trong hệ thống máy tính, các kỹ thuật quản lý tiến trình, quản lý bộ nhớ bao gồm cả bộ nhớ vật lý và bộ nhớ ảo, các vấn đề liên quan tới file và hệ thống quản lý file. Mặc dù không đi sâu vào vấn đề thiết kế và xây dựng hệ điều hành, sinh viên sẽ được làm quen với chi tiết cụ thể về tổ chức bên trong một số thành phần của hệ điều hành và có thể xây dựng một số mô - đun đơn giản.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO9
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO9, CO10
Thực hiện bài tập	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO1, CO2, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
Báo cáo nhóm	Cải thiện năng lực sinh viên thông qua việc vận dụng kiến thức vào tình huống cụ thể.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.

- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	5
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		5
Báo cáo nhóm	30	Theo 4 tiêu chí chính bao gồm: nội dung, hình thức báo cáo, thực hiện báo cáo và hỏi đáp.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

- Tài liệu chính

- [1]. Hồ Đắc Phương, *Giáo trình Nguyên lý hệ điều hành*, Giáo dục Việt Nam, 2016.
 [2]. Võ Văn Phúc, *Giáo trình Nguyên lý hệ điều hành*, ĐHNCT, 2020.

- Tài liệu tham khảo

- [3]. Giáo trình Hệ điều hành – Lê Khắc Nhiên Ân – 2015 - <http://voer.edu.vn/c/giaotrinh-he-dieu-hanh/a039fa79> - Nguồn mở - Phát hành theo giấy phép Creative Commons Attribution 3.0
 [4]. TS. Trần Trung Dũng, *Giáo trình Nguyên lý hệ điều hành*, ĐH Quốc gia TP.HCM, 2013.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1,2	Chương 1: Khái niệm cơ bản hệ thống máy tính và hệ điều hành 1.1. Khái niệm về hệ điều hành 1.1.1. Khái niệm 1.1.2. Mục tiêu của hệ điều hành	[1],[2]	CO1, CO2, CO3, CO6, CO7, CO8

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	1.1.3. Chức năng của hệ điều hành 1.2. Phân loại hệ điều hành 2.1.1. Hệ thống xử lý theo lô đơn giản (Simple Batch System) 2.1.2. Hệ thống xử lý theo lô đa chương (Multiprogrammed Batch System) 2.1.3 Hệ thống chia sẻ thời gian (Time Sharing System) 2.1.4 Hệ thống song song (Parallel System) 2.1.5 Hệ thống phân tán (Distributed System) 2.1.6 Hệ thống xử lý thời gian thực (Real Time System) 2.1.7 Hệ thống nhúng (Embedded Systems)		
3	Chương 2 – Giao diện lập trình và xây dựng hệ điều hành 2.1 Các thành phần của hệ thống 2.1.1 Quản lý tiến trình 2.1.2 Quản lý bộ nhớ chính 2.1.3 Quản lý bộ nhớ phụ 2.1.4 Quản lý nhập xuất 2.1.5 Quản lý tập tin 2.1.6 Hệ thống bảo vệ 2.1.7 Quản lý mạng 2.1.8 Hệ thống dịch lệnh 2.2 Các dịch vụ của hệ điều hành (system services) 2.3 Lời gọi hệ thống (system call) 2.4 Các chương trình hệ thống	[1],[2]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6, CO7, CO8
4,5	Chương 3 – Cấu trúc hệ điều hành 3.1 Cấu trúc hệ thống 3.1.1 Cấu trúc đơn giản (Monolithique)	[1,2]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO8, CO9

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	3.1.2 Cấu trúc phân lớp (Layered) 3.1.3 Máy ảo (Virtual Machine) 3.1.3 Mô hình Client – Server (Microkernel) 3.2 Nguyên lý thiết kế hệ điều hành Ôn tập + Thi giữa kỳ		
6,7	Chương 4 – File và thao tác file 4.1 Các khái niệm cơ bản 4.1.1 Bộ nhớ ngoài 4.1.2 Tập tin và thư mục 4.2 Mô hình quản lý và tổ chức các tập tin 4.2.1 Mô hình 4.2.2 Các chức năng 4.3. Cài đặt hệ thống quản lý tập tin 4.3.1 Giới thiệu 4.3.2 Cài đặt bảng phân phối vùng nhớ 4.3.3 Quản lý các khối trống 4.3.4 Quản lý khối hỏng Giải bài tập	[1],[2]	CO1, CO2, CO3, CO5, CO7, CO9, CO10
8,9	Chương 5 – Tiến trình và dòng 5.1 Tiến trình (process) 5.1.1 Khái niệm 5.1.2 Mô hình tiến trình 5.1.3 Các trạng thái của tiến trình 5.1.4 Chế độ xử lý của tiến trình 5.1.5 Cấu trúc dữ liệu khối quản lý tiến trình 5.1.6 Thao tác trên tiến trình 5.1.7 Chuyển đổi ngữ cảnh (Context switch)	[1],[2]	CO1, CO2, CO3, CO5, CO7, CO9, CO10

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	5.1.8 Cấp phát tài nguyên cho tiến trình 5.2 Tiến trình (thread) 5.2.1 Mô hình tiến trình (Thread Model) 5.2.2 Ví dụ		
10	Chương 5 – Tiến trình và dòng (tt) 5.3 Điều phối tiến trình (schedule) 5.3.1 Giới thiệu 5.3.2 Các chiến lược điều phối 5.4 ĐỒNG BỘ HÓA TIẾN TRÌNH 5.4.1 Giới thiệu 5.4.2 Các giải pháp 5.5 Tắc nghẽn (deadlock) 5.5.1 Định nghĩa 5.5.2 Điều kiện xuất hiện tắc nghẽn 5.5.3 Đồ thị cấp phát tài nguyên 5.5.4 Các phương pháp xử lý tắc nghẽn 5.5.5 Tránh tắc nghẽn 5.6 Quản lý bộ nhớ 5.6.1 Giới thiệu 5.6.2 Phân trang (paging) 5.6.3 Phân đoạn 5.6.4 Phân trang kết hợp phân đoạn 5.6.5 Bộ nhớ ảo (virtual memory) 5.6.6 Cấp phát khung và thay thế trang Giải bài tập + Ôn tập	[1],[2]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO8, CO9, CO10

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Nguyên lý hệ điều hành – Thực hành

Mã học phần: 0101000980

Số tín chỉ: 1 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	30 + 30 = 60
	5		25	0	

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Kiến trúc máy tính

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Kỹ thuật – Công nghệ

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên bộ môn Công nghệ Thông tin, Khoa Kỹ thuật – Công nghệ

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

- Về kiến thức

MT1 Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cấu trúc, nguyên lý hoạt động, process, thread, quản lý bộ nhớ, quản lý xuất nhập, hệ thống tệp tin của hệ điều hành. Giúp sinh viên hiểu nguyên tắc hoạt động của hệ điều hành. thực hiện giải quyết các bài toán và các tình huống ứng dụng trong thực tế.

- Về kỹ năng

MT2 Sinh viên có kỹ năng cá nhân, nghề nghiệp làm việc theo nhóm và sử dụng phần mềm và phát hiện sửa được các lỗi về cài đặt các hệ điều hành.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT3 Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0101000980	Nguyên lý hệ điều hành – Thực hành	0	0	0	2	2	3	3	3	2
		PO10	PO11	PO12	PO13					
		3	3	3	2					

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Nắm vững các chiến lược và giải thuật khác nhau để giải quyết các vấn đề chính trong 1 hệ điều hành (các module chức năng chính của HĐH) cụ thể như quản lý CPU, Quản lý được process, giám sát và điều khiển sự giao tiếp giữa các process, quản lý bộ nhớ ảo, quản lý hệ thống file, quản lý các thiết bị I/O, an ninh hệ thống ...	PO4, PO5, PO10
MT1	CO2	Khả năng phân tích, lập luận về giải quyết vấn đề tắc nghẽn trong hệ điều hành.	PO6, PO7, PO8, PO9
MT1	CO3	Kiểm tra và sửa các lỗi cài đặt hệ điều hành	PO4, PO5, PO10
Kỹ năng			
MT2	CO4	Cài đặt được các hệ điều hành sử dụng phần mềm mô phỏng máy ảo, sử dụng thành thạo các hệ điều hành.	PO4, PO5, PO6, PO10
MT2	CO5	Biết tự tìm kiếm tài liệu, tự nghiên cứu và trình bày thảo luận	PO10, PO12, PO13
MT2	CO6	Khả năng làm việc theo sự hợp tác giữa các thành viên trong nhóm và một số sinh viên làm	PO9, PO10, PO13

		nhóm trưởng sẽ biết cách tổ chức và điều hành nhóm	
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT3	CO7	Tôn trọng bản quyền tác giả, sử dụng phần mềm hợp pháp	PO10, PO11, PO12
MT3	CO8	Chủ động trong học tập, rèn luyện và có tinh thần chuẩn bị bài trước khi đến lớp và tinh thần học tập tích cực trong lớp học.	PO13
MT3	CO9	Tổng hợp cập nhật được những thay đổi về hệ điều hành, và xu hướng phát triển trong tương lai.	

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Cung cấp những kiến thức cơ bản cho sinh viên về hệ điều hành và các phương thức hoạt động của hệ điều hành như xử lý tin, xử lý bộ nhớ, các thao tác nhập xuất, cấu trúc lưu trữ, xử lý ngắt, lập lịch, hệ thống quản lý tập tin, bảo vệ phần cứng, quản lý bộ nhớ.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO9
Hướng dẫn ban đầu	Thực hiện thao tác trên phần mềm. Từ đó, sinh viên có thể tự giải quyết các dạng bài tập tương tự nhằm rèn luyện kỹ năng.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO9
Thực hiện bài tập	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO1, CO2, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
Sửa lỗi cho sinh viên và giải thích	Cải thiện năng lực sinh viên thông qua việc sửa các lỗi thường gặp khi giải quyết bài toán.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và theo hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Thi kết thúc HP	100	Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của các bài thực hành trong học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9	10

10. Học liệu

- Tài liệu chính

- [1]. Hồ Đắc Phương, *Giáo trình Nguyên lý hệ điều hành*, Giáo dục Việt Nam, 2016.
- [2]. Võ Văn Phúc, *Giáo trình Nguyên lý hệ điều hành*, ĐHNCT, 2020.

- Tài liệu tham khảo

- [3]. Giáo trình Hệ điều hành – Lê Khắc Nhiên Ân – 2015 - <http://voer.edu.vn/c/giaotrinh-he-dieu-hanh/a039fa79> - Nguồn mở - Phát hành theo giấy phép Creative Commons Attribution 3.0
- [4]. Phan Đình Duy, *Tài liệu hướng dẫn thực hành Hệ điều hành*, ĐH Quốc gia TP.HCM, 2018.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1,2	Bài 1: Cài đặt, sao lưu, phục hồi hệ thống <ol style="list-style-type: none"> 1. Sử dụng phần mềm máy ảo 2. Tìm hiểu windows 10 3. Cài đặt windows 10 4. Khôi phục windows 10 	[1],[2],[3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO8, CO9

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
3,4	Bài 2: Thiết lập giao diện windows <ul style="list-style-type: none"> - Thay đổi màn hình khóa và đăng nhập - Trung tâm thông báo và hành động (Action/Notification Center) - Cá nhân hóa Startmenu, Desktop và Taskbar - Làm việc với Multiple Desktop - Sử dụng Cortana 	[1],[2],[3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO8, CO9
5	Bài 3: Thiết lập hệ thống cho windows <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý người dùng: standard account và administrator account - (Setting → Account → Family & Other People → Add Account) - Theo dõi vị trí - Bảo trì hệ thống - Sử dụng Monitoring Window - Sử dụng Task Manager 	[1],[2],[3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO8, CO9
6,7	Bài 4: Bảo mật windows <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các phần mềm bảo vệ: Windows Defender, UAC, Firewall - Thiết lập chính sách bảo mật khác: BitLocker, chính sách mật khẩu. 	[1],[2],[3]	CO1, CO2, CO3, CO5, CO7, CO9
8,9	Bài 5: Sử dụng linux <ol style="list-style-type: none"> 1. Cài đặt Ubuntu 2. Làm quen giao diện Ubuntu 	[1],[2],[3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO9

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	3. Sử dụng một số chức năng cơ bản: duyệt web, soạn thảo tập tin văn bản (text) 4. Gõ tiếng việt trên Ubuntu 5. Trình quản lý tập tin, thư mục 6. Quản lý người dùng trên Ubuntu		
10	Thi thực hành kết thúc HP		CO1, CO4, CO9

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Cài đặt phần mềm máy ảo VirtualBox.
- Máy tính kết nối mạng LAN.
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Cấu trúc dữ liệu và giải thuật

Mã học phần: 0101000924

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết					45 + 90 = 135
T = Bài tập					
P = Thực hành	32	8	5	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Lập trình căn bản

Học phần học trước: Toán rời rạc 1, 2;

Học phần học song hành: không có

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Kỹ thuật – Công nghệ

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Khoa Kỹ thuật – Công nghệ

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

- Về kiến thức

MT1 Hiểu được khái niệm, mô hình các kiểu dữ liệu trừu tượng cùng cách cài đặt các thuật toán trên các kiểu dữ liệu đó.

MT2 Mô hình hóa bài toán thực tế bằng cách sử dụng các cấu trúc dữ liệu phù hợp.

- Về kỹ năng

MT3 Chuyển đổi, biểu diễn các đối tượng trong thế giới thực thành các đối tượng dữ liệu trong máy tính, cài đặt các thao tác trên dữ liệu để giải quyết các yêu cầu thực tế.

MT4 Đánh giá tính hiệu quả của cấu trúc dữ liệu và độ phức tạp thuật toán khi cài đặt các thao tác trên cấu trúc dữ liệu cụ thể.

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT5 Nhận thức tầm quan trọng của cấu trúc dữ liệu trong giải quyết các bài toán thực tế.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0101000924	Cấu trúc dữ liệu	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
		0	0	2	3	3	1	3	2	2
		PO10	PO11	PO12	PO13					
		2	2	2	0					

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1, MT3, MT4	CO1	Hiểu và làm chủ được phương pháp biểu diễn, các thao tác trên các cấu trúc dữ liệu cơ bản như danh sách, ngăn xếp, hàng đợi, cây nhị phân và đồ thị.	PO4, PO5, PO6
MT2, MT4	CO2	Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài toán thực tế cùng khả năng đánh giá hiệu quả của giải pháp đề xuất.	PO6, PO7, PO8, PO9
Kỹ năng			
MT2, MT3	CO3	Cài đặt, thực hiện, kiểm thử trên máy tính các thao tác trên các cấu trúc dữ liệu cơ bản như danh sách, ngăn xếp, hàng đợi, cây nhị phân và đồ thị.	PO5, PO9, PO10
MT3, MT4	CO4	Sử dụng được các kiểu dữ liệu trừu tượng để đưa ra giải pháp cho các bài toán thực tế cũng như đánh giá lựa chọn được giải pháp tối ưu.	PO8, PO9, PO11, PO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT5	CO5	Chuẩn bị bài trước khi đến lớp. Tham gia tích cực trong giờ học.	

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
MT5	CO6	Ý thức tầm quan trọng của cấu trúc dữ liệu trong lĩnh vực máy tính và công nghệ thông tin. Nâng cao đạo đức nghề nghiệp và ý thức tự học.	

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Nội dung chính của học phần là giúp sinh viên nắm bắt được phương pháp biểu diễn các đối tượng ở thế giới thực thành một đối tượng dữ liệu trong hệ thống máy tính để từ đó xây dựng nên tập thao tác và giải thuật trên dữ liệu đã được biểu diễn. Đây cũng là những kiến thức cơ sở quan trọng để sinh viên học tập tốt các môn học chuyên ngành tiếp theo. Học phần sẽ trang bị cho sinh viên: thuật toán trên các kiểu dữ liệu cơ bản; phương pháp biểu diễn ngăn xếp, hàng đợi và danh sách liên kết cùng các thuật toán trên các cấu trúc dữ liệu này; phương pháp biểu diễn cây nhị phân cùng các thuật toán trên cây nhị phân; phương pháp biểu diễn đồ thị cùng các thuật toán trên đồ thị; các thuật toán sắp xếp và tìm kiếm cùng với ứng dụng của nó trong khoa học máy tính.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Thực hiện bài thực hành	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3, CO4, CO5, CO6
Báo cáo nhóm	Cải thiện năng lực sinh viên thông qua việc vận dụng kiến thức vào tình huống cụ thể.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO3, CO4, CO5, CO6

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.

- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	5
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		5
Thảo luận, kiểm tra giữa kỳ	30	Trung bình điểm thảo luận trên lớp, theo thang điểm, đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

- Tài liệu chính

- [1] Khoa KTCN, *Cấu trúc dữ liệu*, 2018, Đại học Nam Cần Thơ.
 [2] Trần Hạnh Nhi, Dương Anh Đức, *Giáo trình cấu trúc dữ liệu và giải thuật*, 2009, Đại học Quốc Gia TP.HCM.

- Tài liệu tham khảo

- [3] Đỗ Văn Nhơn, Trịnh Quốc Sơn, *Giáo trình cấu trúc dữ liệu và giải thuật*, 2015, Đại học Quốc Gia TP.HCM 3.
 [4] Hàn Viết Thuận, *Giáo trình cấu trúc dữ liệu và giải thuật*, 2018, Đại học Kinh Tế Quốc Dân.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1	Chương 1. Một số vấn đề cơ bản của cấu trúc dữ liệu và giải thuật - Thuật toán và giải thuật. - Các cấu trúc dữ liệu cơ bản.	[1], [2], [3]	CO1, CO5

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	<ul style="list-style-type: none"> - Một số giải thuật cơ bản trên các kiểu dữ liệu cơ bản. - Case study. 		
2-3	Chương 2. Duyệt và đệ qui <ul style="list-style-type: none"> - Thuật toán duyệt. - Thuật toán đệ quy. - Quy hoạch động. - Case study 	[1], [2], [4]	CO1, CO2, CO3, CO5
4-7	Chương 3. Ngăn xếp, Hàng đợi, Danh sách liên kết <ul style="list-style-type: none"> - Ngăn xếp. - Hàng đợi. - Danh sách liên kết đơn. - Danh sách liên kết kép. - Case study. 	[1], [2], [3], [4]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
8	Ôn tập và kiểm tra giữa kỳ	[1], [2], [3], [4]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
9-10	Chương 4. Cây nhị phân <ul style="list-style-type: none"> - Định nghĩa và phân loại cây nhị phân. - Biểu diễn cây nhị phân. - Thao tác trên cây nhị phân. - Case study 	[1], [2], [4]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
11-12	Chương 5. Đồ thị <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm và định nghĩa - Biểu diễn đồ thị - Các thuật toán tìm kiếm trên đồ thị - Một số bài toán tối ưu trên đồ thị - Case study 	[1], [2], [3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
13-14	Chương 6. Sắp xếp và tìm kiếm <ul style="list-style-type: none"> - Các thuật toán sắp xếp đơn giản. - Thuật toán sắp xếp nhanh. - Thuật toán sắp xếp kiểu Heap - Thuật toán sắp xếp kiểu hòa nhập. - Một số thuật toán tìm kiếm. - Case study 	[1], [2], [4]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
15	Ôn tập	[1], [2], [3], [4]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

Tr
ng
i h
c Nam C h Th

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Cấu trúc dữ liệu và giải thuật – Thực hành

Mã học phần: 0101000975

Số tín chỉ: 1 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	30 + 60 = 90
T = Bài tập					
P = Thực hành	0	0	30	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Cấu trúc dữ liệu

Học phần học trước: Toán rời rạc 1, 2; Cấu trúc dữ liệu

Học phần học song hành: không có

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Kỹ thuật – Công nghệ

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Khoa Kỹ thuật – Công nghệ

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

- Về kiến thức

MT1 Thực hành lập trình cài đặt các cấu trúc dữ liệu và giải thuật đã học bằng một ngôn ngữ lập trình cụ thể.

MT2 Hiểu và phân tích được tầm quan trọng của cấu trúc dữ liệu trong việc xây dựng, phát triển phần mềm.

- Về kỹ năng

MT3 Sử dụng thành thạo các cấu trúc dữ liệu và các thao tác trên mỗi kiểu dữ liệu với ngôn ngữ lập trình C++ để tạo ra chương trình giải quyết một bài toán cụ thể.

MT4 Khả năng đánh giá, lựa chọn cấu trúc dữ liệu và giải thuật cho bài toán cụ thể; thực hiện thành thạo việc chuyển từ mã giả thành chương trình C++.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT5 Xây dựng ý thức tự chủ trong học tập, ý thức trách nhiệm đạo đức nghề nghiệp, ý thức học tập suốt đời.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0101000975	Cấu trúc dữ liệu – Thực hành	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
		0	0	0	3	3	1	1	1	1
	PO10	PO11	PO12	PO13						
	0	1	2	0						

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT2	CO1	Hiểu rõ tầm quan trọng của cấu trúc dữ liệu và giải thuật trong lập trình máy tính.	PO4, PO5, PO6
MT1, MT2	CO2	Phân biệt sự khác nhau giữa cấu trúc dữ liệu và cấu trúc lưu trữ.	PO4, PO5
Kỹ năng			
MT1, MT2, MT3, MT4	CO3	Lựa chọn, lập trình cài đặt được các cấu trúc dữ liệu, ứng dụng cho bài toán cụ thể.	PO7, PO8, PO9
MT1, MT2, MT3, MT4	CO4	Lập trình cài đặt các giải thuật sắp xếp và tìm kiếm trên các cấu trúc dữ liệu, ứng dụng giải quyết bài toán cụ thể.	PO7, PO8, PO9
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			

MT5	CO5	Ý thức sự cần thiết phải tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp.	PO1, PO12
------------	------------	---	------------------

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Cấu trúc dữ liệu – Thực hành là học phần bắt buộc của chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin. Học phần trang bị cho sinh viên các kỹ năng về cách thức biểu diễn, cài đặt các cấu trúc dữ liệu trừu tượng với ngôn ngữ lập trình C++. Cụ thể sinh viên sẽ được rèn luyện kỹ năng lập trình C++ với các cấu trúc dữ liệu mảng, ngăn xếp, hàng đợi, danh sách liên kết đơn, danh sách liên kết kép, cây nhị phân, đồ thị; Lập trình C++ với các giải thuật sắp xếp và tìm kiếm.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Thực hiện bài thực hành	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO3, CO4, CO5
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO3, CO4, CO5

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 theo hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Kiểm tra kết thúc HP	100	Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng các bài thực hành trong học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10

10. Học liệu

- Tài liệu chính

[1] Khoa KTCN, Cấu trúc dữ liệu, 2018, Đại học Nam Cần Thơ.

[2] Trần Hạnh Nhi, Dương Anh Đức, Giáo trình cấu trúc dữ liệu và giải thuật, 2009, Đại học Quốc Gia TP.HCM.

- Tài liệu tham khảo

[3] Đỗ Văn Nhơn, Trịnh Quốc Sơn, Giáo trình cấu trúc dữ liệu và giải thuật, 2015, Đại học Quốc Gia TP.HCM 3.

[4] Hàn Việt Thuận, Giáo trình cấu trúc dữ liệu và giải thuật, 2018, Đại học Kinh Tế Quốc Dân.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1	<p>Bài thực hành 1. Cài đặt cấu trúc ngăn xếp, hàng đợi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cài đặt cấu trúc dữ liệu mảng và ngăn xếp. - Cài đặt cấu trúc dữ liệu hàng. - Ứng dụng ngăn xếp và hàng đợi vào bài toán cụ thể. 	[1], [2], [3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
2	<p>Bài thực hành số 2. Cài đặt danh sách liên kết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cài đặt cấu trúc dữ liệu danh sách liên kết đơn. - Cài đặt cấu trúc dữ liệu danh sách liên kết kép. - Ứng dụng danh sách liên kết đơn và kép vào bài toán cụ thể. 	[1], [2], [4]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
3-4	Bài thực hành số 3. Cài đặt cây nhị phân. - Cài đặt cây nhị phân. - Cài đặt các phép toán trên cây nhị phân. - Ứng dụng cây nhị phân vào bài toán cụ thể.	[1], [2], [4]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
5-6	Bài thực hành số 4. Cài đặt cấu trúc Đồ thị. - Cài đặt cấu trúc đồ thị. - Cài đặt các thuật toán tìm kiếm trên đồ thị. - Cài đặt một số bài toán tối ưu trên đồ thị.	[1], [2], [4]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
7-8	Bài thực hành số 5. Sắp xếp. - Cài đặt các thuật toán sắp xếp đơn giản. - Cài đặt thuật toán sắp xếp nhanh. - Cài đặt thuật toán sắp xếp kiểu Heap - Cài đặt thuật toán sắp xếp kiểu hòa nhập.	[1], [2], [3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
9	Bài thực hành số 6. Tìm kiếm. - Cài đặt giải thuật tìm kiếm tuần tự, nhị phân. - Cài đặt cây nhị phân tìm kiếm. - Ứng dụng giải thuật tìm kiếm vào bài toán cụ thể.	[1], [2], [4]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
10	Ôn tập và kiểm tra kết thúc môn	[1], [2], [3], [4]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Cơ sở dữ liệu

Mã học phần: 0101000925

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	27	3	0	0	30 + 60 = 90

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Toán rời rạc, Cấu trúc dữ liệu và giải thuật

Học phần học song hành: Ngôn ngữ lập trình

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Kỹ thuật – Công nghệ

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên bộ môn Công nghệ Thông tin, Khoa Kỹ thuật – Công nghệ

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

- Về kiến thức

MT1 Hiểu được mô hình dữ liệu, các khái niệm cơ bản của mô hình dữ liệu quan hệ: phụ thuộc hàm, bao đóng của các thuộc tính, khóa của quan hệ, phương pháp thiết kế cơ sở dữ liệu, ngôn ngữ thao tác dữ liệu.

- Về kỹ năng

MT2 Sinh viên có khả năng thiết kế, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu để giải quyết các bài toán thực tế. Sử dụng ngôn ngữ thao tác dữ liệu để quản trị một cơ sở dữ liệu, tối ưu hóa các truy vấn.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT3 Nghiêm túc, trách nhiệm, chủ động, tích cực, chăm chỉ, cẩn thận.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0101000925	Cơ sở dữ liệu	0	0	0	2	3	3	3	3	3
		PO10	PO11	PO12	PO13					
		2	2	2	3					

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Hiểu được các khái niệm trong CSDL, vận dụng giải các bài toán.	PO4, PO5, PO10
MT1	CO2	Khả năng phân tích, lập luận và giải quyết các vấn đề trong CSDL.	PO6, PO7, PO8, PO9
MT1	CO3	Cập nhật thay đổi, vận dụng thiết kế được CSDL cho các bài toán quản lý	PO9, PO10, PO11, PO12
Kỹ năng			
MT2	CO4	Thực hiện và kiểm tra các phép toán trong đại số quan hệ	PO4, PO5, PO6, PO10
MT2	CO5	Xác định được các dạng chuẩn của CSDL, XD và thực hiện được các truy vấn trong CSDL.	PO4, PO5, PO10
MT2	CO6	Khả năng tự tìm kiếm tài liệu, tự nghiên cứu và trình bày thảo luận.	PO10, PO12, PO13
MT2	CO7	Khả năng làm việc theo nhóm để giải quyết các vấn đề trong CSDL.	PO9, PO10, PO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT3	CO8	Cập nhật được những thay đổi về thiết kế CSDL	PO10, PO11, PO12
MT3	CO9	Chủ động trong học tập và rèn luyện.	PO13

MT3	CO10	Có khả năng lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể.	
------------	-------------	--	--

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Cơ sở dữ liệu là học phần kiến thức cơ sở khối ngành và ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ thông tin. Học phần này trang bị cho sinh viên các khái niệm về dữ liệu, cơ sở dữ liệu, hệ quản trị cơ sở dữ liệu, mô hình cơ sở dữ liệu quan hệ, ngôn ngữ thao tác trên mô hình cơ sở dữ liệu quan hệ và phương pháp thiết kế cơ sở dữ liệu. Học phần cập nhật một số vấn đề mới của cơ sở dữ liệu như khái niệm dạng chuẩn 4, dạng chuẩn 5, các vấn đề về an toàn và bảo mật cơ sở dữ liệu...

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO9
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO9, CO10
Thực hiện bài tập	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO1, CO2, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
Báo cáo nhóm	Cải thiện năng lực sinh viên thông qua việc vận dụng kiến thức vào tình huống cụ thể.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.

- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	5
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		5
Báo cáo nhóm	30	Theo 4 tiêu chí chính bao gồm: nội dung, hình thức báo cáo, thực hiện báo cáo và hỏi đáp.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

- Tài liệu chính

[1]. Nguyễn Đăng Ty, Đỗ Phúc, *Giáo trình Cơ sở dữ liệu*, NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, 2009.

[2]. Nguyễn Chí Thắng, *Giáo trình Cơ sở dữ liệu*, ĐHNCT, 2018.

- Tài liệu tham khảo

[3]. Phương Lan (chủ biên); Hoàng Đức Hải, *Giáo trình nhập môn Cơ Sở Dữ Liệu*, NXB Lao động xã hội, 2008.

[4]. Nguyễn Thị Ngọc Mai, Nguyễn Thị Kim Trang ; Đoàn Thiện Ngân, *Lý thuyết cơ sở dữ liệu Tập 1*, NXB Lao động xã hội, 2007

[5]. Nguyễn Thị Ngọc Mai, Nguyễn Thị Kim Trang, Đoàn Thiện Ngân (Hiệu đính), *Lý thuyết cơ sở dữ liệu Tập 2*, NXB Lao động xã hội, 2007.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1	Chương 1: Tổng quan về cơ sở dữ liệu 1.3. Mở đầu 1.3.1. Định nghĩa cơ sở dữ liệu 1.3.2. Định nghĩa môn cơ sở dữ liệu		

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	2.3.4 Phép kết nối tự nhiên (Natural Join) 2.3.5 Phép kết nối mở rộng (Outer Join) 2.3.6 Phép đặt tên lại cho biểu thức và thuộc tính 2.3.7 Các hàm kết tập 2.4 Một số khái niệm bổ sung		
5,6	Chương 3 – Ngôn ngữ SQL 3.1 Giới thiệu ngôn ngữ SQL 3.2 Ngôn ngữ mô tả dữ liệu 3.2.1 Tạo cơ sở dữ liệu 3.2.2 Tạo cấu trúc cho bảng 3.2.3 Thay đổi cấu trúc bảng 3.3 Ngôn ngữ thao tác 3.3.1 Thêm dữ liệu vào bảng 3.3.2 Xóa dữ liệu ra khỏi bảng 3.3.3 Cập nhật dữ liệu trong bảng 3.4 Truy vấn dữ liệu 3.4.1 Tìm kiếm đơn giản 3.4.2 Tìm kiếm phần tử duy nhất (Loại bỏ các phần tử trùng nhau) 3.4.3 Tìm kiếm tất cả các phần tử 3.4.4 Tìm kiếm có sắp xếp 3.4.5 Hạn chế số lượng mẫu tin 3.5 Các hàm tổng hợp 3.5.1 Hàm SUM 3.5.2 Hàm AVG 3.5.3 Hàm COUNT 3.5.4 Hàm MAX 3.5.5 Hàm MIN 3.5.6 Tính toán theo nhóm 3.5.7 Phát biểu SELECT lồng nhau Ôn tập + Thi giữa kỳ	[1],[2]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO8, CO9
7,8	Chương 4 – Ràng buộc toàn vẹn và các loại phụ thuộc dữ liệu 4.1 Ràng buộc toàn vẹn (RBTV) 4.1.1 Khái niệm RBTV 4.1.2 Các yếu tố của RBTV	[1],[2]	CO1, CO2, CO3, CO5, CO7, CO9, CO10

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	4.1.3 Hành động cần phải có khi phát hiện có RBTV bị vi phạm 4.2 Phân loại RBTV 4.2.1 Ràng buộc toàn vẹn có bối cảnh là một quan hệ 4.2.2 Ràng buộc toàn vẹn có bối cảnh là nhiều quan hệ 4.3. Các loại phụ thuộc dữ liệu 4.3.1 Các vấn đề gặp phải khi tổ chức dữ liệu 4.3.2 Phụ thuộc hàm 4.3.3 Phù tối thiểu (minimal cover) Giải bài tập		
9,10	Chương 5 – Chuẩn hóa sơ đồ quan hệ 5.1 Khóa của sơ đồ quan hệ 5.1.1 Khóa 5.1.2 Siêu khóa 5.1.3 Thuộc tính khóa và thuộc tính không khóa 5.1.4 Thuật toán tìm khóa 5.2 Các dạng chuẩn của sơ đồ quan hệ 5.2.1 Thuộc tính nguyên tố, không nguyên tố 5.2.2 Các dạng phụ thuộc hàm 5.2.3 Sự chuẩn hóa một quan hệ 5.2.4 Dạng chuẩn thứ nhất - 1NF 5.2.5 Dạng chuẩn thứ hai – 2NF 5.2.6 Dạng chuẩn thứ ba 3NF 5.2.7 Dạng chuẩn BOYCE-CODD – BCNF 5.2.8 Dạng chuẩn thứ tư (4NF) Giải bài tập + Ôn tập	[1],[2]	CO1, CO2, CO3, CO5, CO7, CO9, CO10

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (trương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Cơ sở dữ liệu – Thực hành

Mã học phần: 0101000978

Số tín chỉ: 1 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	30 + 30 = 60
T = Bài tập					
P = Thực hành	5		25	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Toán rời rạc, Cấu trúc dữ liệu và giải thuật

Học phần học song hành: Thực hành lập trình căn bản

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Kỹ thuật – Công nghệ

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên bộ môn Công nghệ Thông tin, Khoa Kỹ thuật – Công nghệ

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

- **Về kiến thức**

MT1 Thiết kế được mô hình ER, mô hình quan hệ và chuyển sang cài đặt trên máy tính, thực hiện giải quyết các bài toán và các tình huống ứng dụng trong thực tế.

- **Về kỹ năng**

MT2 Sinh viên có kỹ năng cá nhân, nghề nghiệp làm việc theo nhóm và sử dụng phần mềm và phát hiện sửa được các lỗi về cú pháp.

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT3 Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0101000978	Cơ sở dữ liệu - Thực hành									
		0	0	0	2	3	3	3	3	3
		PO10	PO11	PO12	PO13					
		2	2	3	3					

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Hiểu và vận dụng được cú pháp lệnh truy vấn dữ liệu SQL	PO4, PO5, PO10
MT1	CO2	Phát biểu được bài toán quản lý ở quy mô vừa và nhỏ bằng lời và cài đặt trực tiếp trên SQL.	PO6, PO7, PO8, PO9
MT1	CO3	Nhận biết được các loại mô hình trong cơ sở dữ liệu và xây dựng một cơ sở dữ liệu cho phần mềm quản lý	PO9, PO10, PO11, PO12
MT1	CO4	Kiểm tra và sửa lỗi cú pháp	PO4, PO5, PO10
Kỹ năng			
MT2	CO5	Thiết kế được mô hình ER, mô hình quan hệ và chuyển sang cài đặt trên máy tính.	PO4, PO5, PO6, PO10
MT2	CO6	Đưa ra kế hoạch quản lý một đơn vị, sau đó phân tích các yêu cầu quản lý để đưa ra mô hình cụ thể cho bài toán. Hiện thực được trên máy tính	PO10, PO12, PO13
MT2	CO7	Khả năng làm việc theo sự hợp tác giữa các thành viên trong nhóm và một số sinh viên làm	PO9, PO10, PO13

		nhóm trưởng sẽ biết cách tổ chức và điều hành nhóm	
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT3	CO8	Tôn trọng bản quyền tác giả, sử dụng phần mềm hợp pháp	PO10, PO11, PO12
MT3	CO9	Chủ động trong học tập, rèn luyện và có tinh thần chuẩn bị bài trước khi đến lớp và tinh thần học tập tích cực trong lớp học.	PO13
MT3	CO10	Sẵn sàng phân tích các yêu cầu để thiết lập các loại mô hình và cài đặt trên SQL	

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Cung cấp những kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu, các phương pháp tiếp cận và các nguyên tắc thiết kế các hệ cơ sở dữ liệu quan hệ, ngôn ngữ truy vấn dữ liệu SQL, giới thiệu và hướng dẫn thực hành trên hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL-Server để giải quyết vấn đề trong thực tế.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO9
Hướng dẫn ban đầu	Thực hiện thao tác trên phần mềm. Từ đó, sinh viên có thể tự giải quyết các dạng bài tập tương tự nhằm rèn luyện kỹ năng.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO9
Thực hiện bài tập	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO1, CO2, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
Sửa lỗi cho sinh viên và giải thích	Cải thiện năng lực sinh viên thông qua việc sửa các lỗi thường gặp khi giải quyết bài toán.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 theo hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Thi kết thúc HP	100	Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của các bài thực hành trong học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10	10

10. Học liệu

- Tài liệu chính

[1]. Nguyễn Đăng Ty, Đỗ Phúc, *Giáo trình Cơ sở dữ liệu*, NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, 2009.

[2]. Nguyễn Chí Thắng, *Giáo trình Cơ sở dữ liệu*, ĐHNCT, 2018.

- Tài liệu tham khảo

[3]. Phương Lan (chủ biên); Hoàng Đức Hải, *Giáo trình nhập môn Cơ Sở Dữ Liệu*, NXB Lao động xã hội, 2008.

[4]. Nguyễn Thị Ngọc Mai, Nguyễn Thị Kim Trang; Đoàn Thiện Ngân, *Lý thuyết cơ sở dữ liệu Tập 1*, NXB Lao động xã hội, 2007

[5]. Nguyễn Thị Ngọc Mai, Nguyễn Thị Kim Trang, Đoàn Thiện Ngân (Hiệu đính) , *Lý thuyết cơ sở dữ liệu Tập 2*, NXB Lao động xã hội, 2007.

[6]. TS.Nguyễn Ngọc Cương, ThS.Vũ Chí Quang, *Giáo trình Cơ sở dữ liệu lý thuyết và thực hành*, NXB Thông Tin và Truyền Thông, 2015.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1	Bài 1: Giới thiệu về phần mềm; Hướng dẫn tạo CSDL; Sử dụng CSDL; Tạo bảng đơn giản với các giá trị tăng tự động, mặc định; bằng hai cách. Thay đổi cấu trúc dữ liệu	[1],[2]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO8, CO9
2,3	Bài 2: Tạo CSDL; Tạo ràng buộc trên CSDL; Tạo sơ đồ CSDL Sao lưu CSDL Phục hồi CSDL	[1],[2]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO8, CO9
4,5	Bài 3: Nhập liệu cho CSDL Cập nhật dữ liệu Xóa dữ liệu	[1],[2]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO8, CO9
6,7	Bài 4: Truy vấn đơn giản Các hàm thống kê Sắp xếp dữ liệu	[1],[2]	CO1, CO2, CO3, CO5, CO7, CO9, CO10
8,9	Bài 5: Truy vấn nâng cao Phép gom nhóm Điều kiện trên nhóm Truy vấn con	[1],[2]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO9, CO10
10	Thi thực hành kết thúc HP		CO1, CO4, CO9, CO10

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Cài đặt phần mềm hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server.
- Máy tính kết nối mạng LAN.
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Mạng máy tính

Mã học phần: 0101000983

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết					
T = Bài tập					
P = Thực hành	30	0	0	0	30 + 60 = 90
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Kiến trúc máy tính, Nguyên lý hệ điều hành

Học phần học trước: Kiến trúc máy tính, Nguyên lý hệ điều hành

Học phần học song hành:

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Kỹ thuật – Công nghệ

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên bộ môn Công nghệ thông tin, Khoa Kỹ thuật – Công nghệ

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

- **Về kiến thức**

MT1 Kiến thức về các khái niệm cơ bản, truyền dữ liệu, mô hình phân tầng OSI, khuôn dạng dữ liệu và các giao thức thường sử dụng trong mạng máy tính.

- **Về kỹ năng**

MT2 Khả năng phân tích các giao thức trên các tầng của mạng máy tính

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT3 Có ý thức học tập nghiêm túc, chịu khó nghiên cứu tài liệu.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	
0101000983	Mạng máy tính	0	0	0	3	0	3	0	0	0	
		PO10	PO11	PO12	PO13						
		0	0	2	0						

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Hiểu các khái niệm liên quan đến mạng máy tính	PO4, PO6
MT1	CO2	Hiểu các vấn đề liên quan đến truyền dữ liệu trong mạng máy tính	PO4, PO6
MT1	CO3	Hiểu nguyên tắc thiết kế phân tầng trong các hệ thống mạng máy tính	PO4, PO6
MT1	CO4	Hiểu chức năng, nhiệm vụ của các thành phần trong một hệ thống mạng máy tính	PO4, PO6
MT1	CO5	Hiểu các giao thức thường sử dụng trong mạng máy tính	PO4, PO6
Kỹ năng			
MT2	CO6	Trình bày được cấu trúc tổng quan của một mạng máy tính	PO12
MT2	CO7	Trình bày được lợi ích của mạng máy tính	PO12
MT2	CO8	Phân loại được các loại mạng máy tính	PO12
MT2	CO9	Trình bày được các khái niệm liên quan đến thành phần trong kiến trúc phần mềm của mạng máy tính như giao thức, dịch vụ và giao diện	PO12
MT2	CO10	Mô tả về mô hình OSI, chức năng nhiệm vụ của các tầng trong mô hình OSI	PO4, PO6, PO12
MT2	CO11	Trình bày được nguyên tắc hoạt động của các giao thức phổ biến tương ứng với từng tầng trong mô hình OSI	PO4, PO6, PO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT4	CO12	Có thái độ nghiêm túc trong học tập	

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần này cung cấp cho người học các nguyên lý nền tảng về mạng máy tính. Người học sẽ tìm thấy các vấn đề phát sinh cần phải quan tâm khi xây dựng một mạng máy tính từ gốc độ phần cứng, hệ điều hành mạng, phần mềm hệ thống và ứng dụng mạng. Các kiến thức trong học phần sẽ giúp người học có thể lý giải được cách thức hoạt động và vận hành của một mạng máy tính hay một ứng dụng mạng. Đây là kiến thức cơ sở cần thiết để người học có thể học tập và nghiên cứu những lĩnh vực khác nhau về mạng như thiết kế và cài đặt mạng máy tính, bảo mật mạng máy tính, xây dựng ứng dụng mạng, ...

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của học phần một cách khoa học, logic.	Từ CO1 đến CO5
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	Từ CO6 đến CO11
Thực hiện bài tập	Vận dụng nội dung học phần vào các vấn đề thực tiễn.	Từ CO6 đến CO11
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO11

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước tài liệu học phần theo hướng dẫn của GV, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và/hoặc tham gia thảo luận về các vấn đề do GV, SV khác đặt ra.
- Bài tập: Tham gia giải/sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo.
- Thảo luận tổ/thuyết trình tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.		5
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		5
Giữa kỳ	30	Câu hỏi trắc nghiệm	Từ CO1 đến CO4	10
Thi kết thúc HP	50	Thi trắc nghiệm	CO1 - CO5	10

10. Học liệu

- Tài liệu chính

[1]. Ngô Bá Hùng, Phạm Thế Phi, Giáo trình Mạng máy tính, NXB ĐH Cần Thơ, 2014.

- Tài liệu tham khảo

[2] Hồ Đức Phương, Giáo trình nhập môn Mạng máy tính, NXB Giáo dục Việt Nam, 2014

[3] Andrew S. Tanenbeau, Computer Networks, Prentice Hall, 2003. [004.6 T164]

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1, 2	Chương 1: Tổng quan về mạng máy tính 1.1. Các mạng truyền dữ liệu 1.2. Mạng máy tính 1.3. Kiến trúc phần cứng của mạng máy tính 1.4. Kiến trúc phần mềm của mạng máy tính 1.5. Mô hình tham khảo OSI	[1], [2]	CO1 – CO3, CO6-CO10, CO12
3, 4	Chương 2: Tầng vật lý 2.1. Mô hình truyền dữ liệu cơ bản 2.2. Vấn đề số hóa thông tin 2.3. Các loại kênh truyền 2.4. Đặc điểm kênh truyền 2.5. Mã hóa đường truyền	[1], [2]	CO4, CO10, CO11, CO12
4, 5	Chương 3 : Tầng liên kết dữ liệu 3.1. Chức năng của tầng liên kết dữ liệu 3.2. Vấn đề xử lý lỗi 3.3. Một số giao thức điều khiển lỗi 3.4. Giao thức cửa sổ trượt	[1], [2]	CO4, CO5, CO10, CO11, CO12

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
6	Chương 4 : Mạng cục bộ và lớp con điều khiển truy cập 4.1. Tổng quan về mạng cục bộ 4.2. Hình trạng mạng 4.3. Lớp con điều khiển truy cập đường truyền 4.4. Chuẩn hóa mạng cục bộ 4.5. Một số công nghệ mạng LAN	[1], [2]	CO4, CO5, CO10, CO11, CO12
7, 8	Chương 5 : Tầng mạng 5.1 Các vấn đề liên quan đến việc thiết kế tầng mạng 5.2. Giải thuật chọn đường 5.3. Các giải thuật chống tắc nghẽn 5.4. Liên mạng 5.5. Bộ giao thức liên mạng Ips	[1], [2]	CO4, CO5, CO10, CO11, CO12
9	Chương 6: Tầng vận chuyển 6.1. Dịch vụ của tầng vận chuyển 6.2. Các yếu tố cấu thành giao thức vận chuyển 6.3. Tầng vận chuyển trong mạng Internet	[1], [2]	CO4, CO5, CO10, CO11, CO12
10	Chương 7 : Các tầng ứng dụng mạng 7.1 Dịch vụ tên miền 7.2. Dịch vụ thư điện tử 7.3. Dịch vụ WWW 7.4. Dịch vụ FTP	[1], [2]	CO4, CO5, CO10, CO11, CO12

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

KHOA KỸ THUẬT – CÔNG NGHỆ BỘ MÔN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Mạng máy tính – Thực hành

Mã học phần: 0101000984

Số tín chỉ: 1 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	0	0	30	0	30 + 30 = 60

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Kiến trúc máy tính, Nguyên lý hệ điều hành

Học phần học trước: Kiến trúc máy tính, Nguyên lý hệ điều hành

Học phần học song hành:

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Kỹ thuật – Công nghệ

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên bộ môn Công nghệ thông tin, Khoa Kỹ thuật – Công nghệ

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

- Về kiến thức

MT1 Kiến thức về mã đường truyền, phương pháp đóng gói gói tin qua các tầng trong mô hình OSI, các giao thức, switch, router.

- Về kỹ năng

MT2 Phân tích dữ liệu mạng bằng công cụ Wireshark

MT3 Kết nối mạng LAN, định tuyến tĩnh trong mạng IP, phân tích hoạt động các giao thức.

MT4 Viết báo cáo

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT5 Có ý thức học tập nghiêm túc, tự giác tìm hiểu vấn đề.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0101000984	TH - Mạng máy tính	0	0	0	3	0	3	0	0	0
		PO10	PO11	PO12	PO13					
		0	0	2	2					

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Hiểu mã đường truyền, phương thức đóng gói gói tin trong mô hình OSI	PO4, PO6
MT1	CO2	Hiểu được các giao thức ARP, IP, hoạt động của Switch	PO4, PO6
MT1	CO3	Hiểu nguyên lý định tuyến trong mạng IP, nguyên tắc hoạt động bảng định tuyến các router	PO4, PO6
MT1	CO4	Hiểu rõ tầng vận chuyển, giao thức UPP và TCP	PO4, PO6
MT1	CO5	Hiểu tầng ứng dụng, giao thức DNS và HTTP	PO4, PO6
Kỹ năng			
MT2	CO6	Phân tích dữ liệu mạng bằng công cụ Wireshark	PO4, PO6
MT3	CO7	Kết nối mạng LAN	PO4, PO6
MT3	CO8	Kết nối các thiết bị mạng switch, router để tạo thành các mạng con kết nối với nhau	PO4, PO6
MT3	CO9	Thành thạo các chức năng cơ bản của phần mềm Wireshark để bắt và lọc các gói tin UDP, TCP, DNS, HTTP theo yêu cầu	PO4, PO6
MT4	CO10	Viết báo cáo thực hành	PO12, PO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT5	CO11	Có thái độ nghiêm túc trong học tập, tự giác tìm hiểu các vấn đề có liên quan.	

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần này cung cấp cho người học các khái niệm cơ bản về mạng máy tính, mô hình OSI và TCP/IP. Mạng cục bộ, các phương thức đa truy cập và kết nối mạng cục bộ sử dụng Bridge, Switch, Hub. Kết nối liên mạng sử dụng giao thức Internet Protocol (IP) và các vấn đề liên quan (định tuyến, đánh địa chỉ...). Giao thức TCP/UDP và quá trình quản lý kết nối, cơ chế cửa sổ trượt, điều khiển luồng, điều khiển tắc nghẽn... Các ứng dụng phổ biến trên Internet (Mail...).

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Hướng dẫn thực hành	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của học phần một cách khoa học, logic.	Từ CO1 đến CO5
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	Từ CO1 đến CO11
Sinh viên thực hành	Vận dụng nội dung học phần vào các vấn đề thực tiễn.	CO6 – CO10
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO11

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe hướng dẫn thực hành; đặt câu hỏi liên quan bài học; thực hiện nội dung các buổi thực hành; viết báo cáo thực hành mỗi buổi.
- Nghiên cứu: Xem trước lý thuyết liên quan đến nội dung thực hành từng buổi.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 theo hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Kiểm tra kết thúc HP	100	Sinh viên phải tham dự đầy đủ các buổi thực hành. Điểm trung bình cộng của các bài thực hành trong học phần được làm tròn đến một chữ số	Từ CO6 đến CO11	10

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
		thập phân là điểm của học phần thực hành		

10. Học liệu

- Tài liệu chính

[1]. Ngô Bá Hùng, Phạm Thế Phi, Giáo trình Mạng máy tính, NXB ĐH Cần Thơ, 2014.

- Tài liệu tham khảo

[2] Hồ Đắc Phương, Giáo trình nhập môn Mạng máy tính, NXB Giáo dục Việt Nam, 2014

[3] Andrew S. Tanenbeau, Computer Networks, Prentice Hall, 2003. [004.6 T164]

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1, 2	- Làm quen với các công cụ mô phỏng, Giám sát mạng - Báo cáo nội dung thực hiện	[1], [2]	CO6, CO10
3, 4	- Kết nối mạng LAN sử dụng Switch - Báo cáo nội dung thực hiện	[1], [2]	CO7, CO10
5, 6	- Định tuyến tĩnh trong mạng IP - Báo cáo nội dung thực hiện	[1], [2]	CO8, CO10
7, 8	- Phân tích hoạt động của giao thức UDP và TCP - Báo cáo nội dung thực hiện	[1], [2]	CO9, CO10
9, 10	- Phân tích hoạt động của giao thức DNS và HTTP - Báo cáo nội dung thực hiện	[1], [2]	CO9, CO10

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Giáo dục thể chất 3 – Bóng đá

Mã học phần: 0101000874

Số tín chỉ: 01

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết					30 + 60 = 90
T = Bài tập					
P = Thực hành	3	0	27	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Tổ Giáo dục thể chất - Khoa Cơ bản.

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên tổ Giáo dục thể chất - Khoa Cơ bản phụ trách

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

* Về kiến thức

MT1: Hiểu về lịch sử hình thành và phát triển môn bóng đá trên Thế giới và Việt Nam, đặc điểm và tác dụng của môn bóng đá.

MT2: Nắm vững các đặc điểm, phân loại và yếu lĩnh kỹ thuật cơ bản (tâng bóng, dẫn bóng, nhận bóng và đá bóng) trong môn bóng đá

MT3: Nắm vững kiến thức về luật bóng đá 5 người.

* Về kỹ năng

MT4: Có kỹ năng vận dụng các kỹ năng cơ bản của môn bóng đá khi thực hành trên lớp cũng như trong thực tiễn thi đấu môn bóng đá.

MT5: Có kỹ năng xử lý tình huống nhanh.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT6: Có kỹ năng giao tiếp và ứng xử trong tập thể.

MT7: Có ý thức chăm sóc sức khỏe và tinh thần thể thao cao thượng.

MT8: Có ý thức tích cực tham gia các hình thức hoạt động thể dục thể thao quần chúng.

MT9: Tự giác tập luyện và hướng dẫn người khác cùng tập luyện.

MT10: Có ý thức phòng ngừa bệnh tật trong tập luyện và thi đấu thể thao.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CDR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0101000874	Giáo dục thể chất 3 -Bóng đá	1	0	0	0	0	0	0	0	0
		PO10	PO11	PO12	PO13					
		0	0	2	0					

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Biết được lịch sử phát triển môn bóng đá trên Thế giới, Việt Nam, đặc điểm, tác dụng của môn bóng đá.	PO1
MT2	CO2	Nắm được khái niệm và phân loại kỹ thuật môn bóng đá	PO1
MT2 MT4	CO3	Nắm vững và thực hành được các yếu lĩnh kỹ thuật cơ bản (tâng bóng, dẫn bóng, nhận bóng và đá bóng) trong môn bóng đá.	PO12
MT3	CO4	Nắm vững các kiến thức về luật bóng đá 5 người.	PO1, PO12
Kỹ năng			

MT2		Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá khi thực hành trên lớp cũng như trong thực tiễn thi đấu môn bóng đá	PO1, PO12
MT4	CO5		
MT5			
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7	CO6	Nhận thức được tầm quan trọng của việc tập luyện thể dục thể thao, phòng ngừa bệnh tật trong tập luyện và thi đấu thể thao	PO1
MT10			
MT5	CO7	Tích cực tham gia các hình thức hoạt động thể dục thể thao quần chúng, tự giác tập luyện, hướng dẫn người khác cùng tập luyện	PO1
MT6			
MT8			
MT9			

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần bóng đá trang bị cho sinh viên:

- Những kiến thức về lịch sử phát triển môn bóng đá trên thế giới và Việt Nam
- Đặc điểm và tác dụng của môn bóng đá;
- Kiến thức cơ bản về các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như: tâng bóng, dẫn bóng, nhận bóng và đá bóng, luật bóng đá 5 người.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản của học phần một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4
Thực hành (Thị phạm, sử dụng lời nói, tập luyện, trò chơi, trực quan)	Giúp sinh viên hiểu rõ và thực hiện được các kỹ năng chuyên môn trong bóng đá, đồng thời phát triển thể lực cho sinh viên	CO3, CO5, CO6, CO7
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO2, CO3, CO4

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi, tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên đặt ra.

Thảo luận trong giờ học giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung, kiến thức trong học phần.

Tự học, tự nghiên cứu những vấn đề đã được nghe giảng trong giờ học.

Ra, vào lớp đúng giờ quy định.

Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và tập luyện theo hướng dẫn của giảng viên.

Chuẩn bị dụng cụ và trang phục theo quy định.

Tham dự thi phần thực hành.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	20	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. + Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10
2	Bài kiểm tra giữa kỳ	30	Mỗi SV được kiểm tra 2 lần, lấy kết quả lần thi tốt nhất - Đối với nam: 20 lần chạm bóng liên tục - Đối với nữ: 10 lần chạm bóng liên tục	CO3, CO5, CO6, CO7	10
3	Thi kết thúc HP (đợt 1)	25	Mỗi SV được kiểm tra 2 lần, lấy kết quả lần thi tốt nhất Đối với nam: Đá 5 quả vào khung thành 1m với khoảng cách 10m bằng lòng bàn chân Đối với nữ: Đá 5 quả vào khung thành 1m với khoảng cách 08m bằng lòng bàn chân	CO3, CO5, CO6, CO7	10
4	Thi kết thúc HP (đợt 2)	25	Mỗi SV được kiểm tra 2 lần, lấy kết quả lần thi tốt nhất Đối với nam: Đá 5 quả vào khung thành 6m với khoảng cách 15m bằng má trong bàn chân Đối với nữ: Đá 5 quả vào khung thành 6m với khoảng cách 10m bằng má trong bàn chân	CO3, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Huỳnh Minh Tâm, *Bài giảng môn Bóng đá*, khoa Cơ bản, Trường Đại học Nam Cần Thơ, năm 2019.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Lưu Hải Yên, *Tôi yêu thể thao: Bóng đá*, Nhà xuất bản Mỹ Thuật, năm 2012.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
LÝ THUYẾT			
1	Chương 1: Giới thiệu môn bóng đá		
	+ Sơ lược lịch sử phát triển môn bóng đá trên Thế giới, Việt Nam + Đặc điểm và tác dụng của môn bóng đá + Sơ lược về các giải vô địch quốc gia + Các liên đoàn bóng đá quốc tế và khu vực + Thành tích giải vô địch bóng đá Thế giới	[1]	CO1, CO6, CO7
	Chương 2: Kỹ thuật môn bóng đá		
	+ Khái niệm và phân loại kỹ thuật môn bóng đá + Kỹ thuật tâng bóng + Kỹ thuật dẫn bóng + Kỹ thuật đá bóng + Kỹ thuật tranh cướp bóng	[1]	CO2, CO5, CO6, CO7
	Chương 3: Luật bóng đá 5 người		
+ Luật I: Sân thi đấu + Luật II: Bóng + Luật III: Số lượng cầu thủ + Luật IV: Trang phục cầu thủ + Luật VIII: Thời gian thi đấu + Luật IX: Bắt đầu và bắt đầu lại trận đấu + Luật X: Bóng trong cuộc và bóng ngoài cuộc + Luật XI: Bàn thắng hợp lệ + Luật XII: Lỗi và hành vi thiếu đạo đức	[1]	CO4, CO6, CO7	

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	<ul style="list-style-type: none"> + Luật XIII: Những quả phạt + Luật XIV: Lỗi tổng hợp + Luật XV: Phạt đền + Luật XVI: Đá biên + Luật XVII: Quả ném phát bóng + Luật XVIII: Quả phạt góc + Những hướng dẫn về đá luân lưu 		
THỰC HÀNH			
2 - 3	Bài 1: <ul style="list-style-type: none"> + Kỹ thuật tâng bóng + Đặc điểm + Phân loại + Yếu lĩnh kỹ thuật 	[1]	CO2, CO3, CO5, CO6, CO7
4 - 5	Bài 2: <ul style="list-style-type: none"> + Kỹ thuật dẫn bóng + Khái niệm + Yếu lĩnh và đặc điểm các kỹ thuật dẫn bóng 	[1]	CO2, CO3, CO5, CO6, CO7
KIỂM TRA GIỮA KỲ			CO3, CO5, CO6, CO7
6 - 7 - 8 - 9	Bài 3: <ul style="list-style-type: none"> + Kỹ thuật đá bóng + Kết cấu động tác kỹ thuật đá bóng + Các điểm tiếp xúc của bàn chân sử dụng để đá bóng + Yếu lĩnh và đặc điểm của đá bóng 	[1]	CO2, CO3, CO5, CO6, CO7
10	Bài 4: <ul style="list-style-type: none"> + Kỹ thuật tranh cướp bóng + Tranh cướp trước mặt + Tranh cướp bóng bên cạnh + Tranh cướp bóng sau lưng + Xoạc bóng trước mặt 	[1]	CO2, CO3, CO5, CO6, CO7

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	KIỂM TRA CUỐI KỲ (ĐỢT 1)		CO3, CO5, CO6, CO7
	KIỂM TRA CUỐI KỲ (ĐỢT 2)		CO3, CO5, CO6, CO7

12. Cơ sở và thiết bị

Sân bãi: sân bóng đá, bóng, cọc, khung thành và một số dụng cụ khác

Đối với sinh viên: trang phục thể dục và mang giày.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Hệ quản trị cơ sở dữ liệu

Mã học phần: 0101001000

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	30 + 60 = 90
T = Bài tập					
P = Thực hành	27	3	0	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Cơ sở dữ liệu

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Kỹ thuật – Công nghệ

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên bộ môn Công nghệ Thông tin, Khoa Kỹ thuật – Công nghệ

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

- Về kiến thức

MT1 Hiểu được các khái niệm cơ bản về Hệ quản trị cơ sở dữ liệu (HQTCSDL), các vấn đề truy xuất đồng thời, các phương pháp phục hồi dữ liệu, các cấu trúc truy xuất và phương pháp truy xuất

- Về kỹ năng

MT2 Hiểu được được các nguyên lý lưu trữ và quản lý dữ liệu: Đĩa và files, cây cấu trúc và chỉ mục, các nguyên lý quản lý giao tác, quản lý truy xuất cạnh tranh, phục hồi sau sự cố.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT3 Nghiêm túc, trách nhiệm, chủ động, tích cực, chăm chỉ, cẩn thận.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0101001010 0001001000	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	0	0	0	2	3	3	3	3	3
		PO10	PO11	PO12	PO13					
		2	2	2	3					

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Trình bày được các khái niệm cơ bản về HQTCSDL như: quá trình phát triển HQTCSDL, định nghĩa, vai trò, chức năng, đặc trưng và các thành phần của HQTCSDL.	PO4, PO5, PO10
MT1	CO2	Trình bày được các nguyên lý lưu trữ và quản lý dữ liệu: Đĩa và files, Cây cấu trúc và chi mục, các quản lý truy cập trong HQTCSDL, các nguyên lý quản lý giao tác, quản lý truy xuất đồng thời, các cơ chế an toàn dữ liệu và phục hồi sau sự cố.	PO6, PO7, PO8, PO9
MT1	CO3	Hiểu được quyền truy cập và các nhóm quyền trong CSDL để kiểm soát và phân quyền người dùng trên hệ thống, trên đối tượng dữ liệu	PO9, PO10, PO11, PO12
Kỹ năng			
MT2	CO4	Có kỹ năng phân tích, giải thích và lập luận trong các nhóm để giải quyết các vấn đề về cơ sở dữ liệu.	PO4, PO5, PO6, PO10
MT2	CO5	Có kỹ năng sử dụng ngôn ngữ lập trình SQL để viết lập trình dữ liệu phía server.	PO4, PO5, PO10
MT2	CO6	Có kỹ năng quản trị một hệ CSDL	PO10, PO12, PO13
MT2	CO7	Khả năng làm việc theo nhóm để giải quyết các vấn đề trong CSDL.	PO9, PO10, PO13

Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT3	CO8	Nhận thức được tầm quan trọng và vị trí của môn học.	PO10, PO11, PO12
MT3	CO9	Tôn trọng nội quy lớp học, đi học đầy đủ và lên lớp đúng giờ	PO13
MT3	CO10	Có khả năng lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể.	

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần này cung cấp cho sinh viên các khái niệm về Hệ quản trị cơ sở dữ liệu (HQTCSDL), vai trò, chức năng và thành phần của HTQCSDL. Các cơ chế quản lý truy xuất đồng thời với những vấn đề về lịch thao tác, quản lý tương tranh, các nguyên lý lưu trữ và quản lý dữ liệu trên đĩa và file, cấu trúc chỉ mục, phục hồi sau sự cố. Sử dụng một HQTCSDL SQL Server để quản trị một hệ cơ sở dữ liệu (CSDL) như: cài đặt hệ CSDL trên máy chủ, tạo kết nối đến máy người dùng, thiết kế, phát triển, quản trị, sử dụng và tạo mới các đối tượng do HTQSDL hỗ trợ, quản lý giao tác, quản lý tài khoản người dùng, phân quyền, sao lưu và phục hồi hệ thống.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO9
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO9, CO10
Thực hiện bài tập	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO1, CO2, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
Báo cáo nhóm	Cải thiện năng lực sinh viên thông qua việc vận dụng kiến thức vào tình huống cụ thể.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	5
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		5
Báo cáo nhóm	30	Theo 4 tiêu chí chính bao gồm: nội dung, hình thức báo cáo, thực hiện báo cáo và hỏi đáp.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

- Tài liệu chính

[1]. Phan Thị Xuân Trang, *Giáo trình Hệ quản trị cơ sở dữ liệu*, ĐHNCT, 2020.

- Tài liệu tham khảo

[2]. Phạm Hữu Khang (Chủ biên); Phương Lan (Hiệu đính), *Microsoft SQL Server 2008 quản trị cơ sở dữ liệu Tập 1*, Nhà xuất bản Lao động xã hội, 2008.

[3]. Phạm Hữu Khang (Chủ biên); Phương Lan (Hiệu đính), *Microsoft SQL Server 2008 quản trị cơ sở dữ liệu Tập 2*, Nhà xuất bản Lao động xã hội, 2008.

[4]. Nguyễn Thị Trà Linh, *Giáo trình hệ quản trị cơ sở dữ liệu Oracle*, ĐH quốc gia TP HCM, 2013.

[5]. Nguyễn Thái Nghe (Chủ biên), *Giáo trình Hệ quản trị cơ sở dữ liệu*, NXB Đại học Cần Thơ, 2014.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1,2	<p>Chương 1: Tổng quan về hệ quản trị cơ sở dữ liệu microsoft sql server</p> <p>I. Giới thiệu kiến thức tổng quan về hệ QTCSDL</p> <p>II. Giới thiệu hệ quản trị CSDL MS SQL Server</p> <p>III. Mô hình Client/Server</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tổng quan về cấu trúc Client/Server 2. Các đặc trưng của mô hình Client/server 3. Các tầng cấu trúc 4. Các mô hình dữ liệu của hệ thống Client/Server <p>IV. Các thành phần của CSDL trong SQL SERVER</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tables 2. Diagram – Sơ đồ quan hệ 3. Views – Khung nhìn hay table ảo 4. Stored Procedure – Thủ tục nội 5. User Defined Function 6. Users 7. Roles 8. Rules 9. Defaults 10. User Defined Data Type 11. Full Text Catalogs <p>V. Các CSDL hệ thống của SQL SERVER</p> <p>VI. Tính bảo mật trên SQL</p>	[1],[2],[3]	CO1, CO2, CO3, CO6, CO7, CO8

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	1. SERVER Mức đăng nhập vào SQL Server 2. Quyền thao tác trên SQL Server		
3,4	Chương 2 – Tạo lập csdl trên sql server I. Các loại file lưu trữ CSDL II. Tạo cơ sở dữ liệu 1. Cú pháp lệnh tạo cơ sở dữ liệu 2. Xóa cơ sở dữ liệu 3. Sửa đổi cơ sở dữ liệu 4. Đổi tên cơ sở dữ liệu 5. Xem thông tin cơ sở dữ liệu bằng thủ tục lưu trữ hệ thống III. Tạo và quản lý Table 1. Cú pháp lệnh tạo bảng 2. Thay đổi cấu trúc bảng 3. Sửa đổi kiểu dữ liệu hoặc kích thước của cột 4. Thêm cột 5. Đổi tên cột 6. Xóa cột 7. Thêm RBTV cho bảng 8. Hủy bỏ RBTV khỏi bảng 9. Kích hoạt hay tạm ngưng kiểm tra các ràng buộc Foreign key và Check 10. Xóa table 11. Đổi tên bảng 12. Xóa các dòng trên table và giải phóng vùng nhớ	[1],[2],[3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6, CO7, CO8
5,6	Chương 3 – Các phát biểu cơ bản của transact-sql I. Giới thiệu ngôn ngữ Transact-SQL II. Kiểu dữ liệu III. Truy xuất dữ liệu 1. From clause 2. Select clause 3. Where clause 4. Order by clause	[1],[2],[3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO8, CO9

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	5. Tổng hợp dữ liệu 6. Toán tử union IV. Data manipulation language (DML) 1. Chèn mẫu tin mới 2. Sửa dữ liệu 3. Xóa mẫu tin 4. Tạo mới một bảng với các bộ giá trị lấy từ CSDL Ôn tập + Thi giữa kỳ		
7,8	Chương 4 – Tạo view (bảng ảo) I. Khái niệm II. Cách tạo và sử dụng khung nhìn 1. Tạo View bằng T-SQL 2. Các hạn chế khi tạo Views 3. Mã hóa View 4. Sử dụng View để thay đổi dữ liệu 5. Thay đổi định nghĩa View 6. Xóa View Chương 5 – SQL nâng cao I. Khai báo và sử dụng biến 1. Biến cục bộ 2. Biến toàn cục II. Cấu trúc điều khiển 1. Lệnh If...else 2. Lệnh While 3. Lệnh Case III. Thủ tục thường trú (Stored Procedures) 1. Khái niệm 2. Khai báo và sử dụng thủ tục 3. Stored procedure hệ thống IV. Hàm người dùng (User Defined Functions) 1. Khái niệm hàm người dùng 2. Khai báo và sử dụng 3. Các hàm hệ thống	[1],[2],[3]	CO1, CO2, CO3, CO5, CO7, CO9, CO10

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	V. Triggers và cài đặt ràng buộc dữ liệu 1. Giới thiệu 2. Sử dụng Trigger Giải bài tập		
9,10	Chương 6 – Bảo mật và an toàn dữ liệu I. Bảo mật trong hệ quản trị cơ sở dữ liệu 1. Khái niệm cơ bản về bảo mật 2. Lựa chọn bảo mật 3. Tạo Tài Khoản Đăng Nhập (Login Account) 4. Thay đổi mật khẩu 5. Cấp quyền truy xuất CSDL hiện hành cho Login 6. Xóa quyền truy xuất CSDL hiện hành 7. Cấp quyền thực thi trên CSDL 8. Từ Chối quyền thực thi trên CSDL 9. Xóa bỏ quyền thực thi đã cấp hoặc từ chối trên CSDL 10. Cấp quyền tạo đối tượng trong CSDL 11. Từ chối quyền tạo đối tượng trên csdl 12. Xóa bỏ quyền tạo đối tượng đã cấp hoặc từ chối trên CSDL 13. Vai Trò Của User Trong SQL Server 14. Các quyền truy cập trên các đối tượng trong một CSDL 15. Vai trò của người sử dụng trong SQL Server và cơ sở dữ liệu II. Sao lưu và khôi phục dữ liệu 1. Lý do phải sao lưu và khôi phục dữ liệu	[1],[2],[3]	CO1, CO2, CO3, CO5, CO7, CO9, CO10

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	2. Các loại sao lưu dữ liệu 3. Các mô hình khôi phục dữ liệu 4. Sao lưu cơ sở dữ liệu (Backup Database) 5. Khôi phục dữ liệu (Restore Database) Giải bài tập + Ôn tập		

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Hệ quản trị cơ sở dữ liệu – Thực hành

Mã học phần: 0101001001

Số tín chỉ: 1 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	30 + 30 = 60
T = Bài tập					
P = Thực hành	5		25	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Cơ sở dữ liệu

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Kỹ thuật – Công nghệ

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên bộ môn Công nghệ Thông tin, Khoa Kỹ thuật – Công nghệ

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

- **Về kiến thức**

MT1 Học phần cung cấp cho người học sử dụng ngôn ngữ SQL server để tổ chức CSDL, xử lý, khai thác, phục vụ các ứng dụng. Cùng các chế độ backup, an ninh bảo mật

- **Về kỹ năng**

MT2 Trang bị các kỹ năng về việc sử dụng ngôn ngữ SQL Server kết hợp với các ngôn ngữ lập trình để xây dựng các chương trình ứng dụng và phát hiện sửa được các lỗi về cú pháp.

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT3 Hiểu biết về đạo đức học tập, đạo đức khoa học; nhận thức về tầm quan trọng của môn học trong chuyên ngành đào tạo, về mối liên hệ giữa các nội dung môn học với các môn khoa học khác.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0101001010	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu – Thực hành	0	0	0	2	3	3	3	3	3
		PO10	PO11	PO12	PO13					
		2	2	3	3					

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Hiểu và vận dụng được cú pháp lệnh truy vấn dữ liệu SQL	PO4, PO5, PO10
MT1	CO2	Hiểu và vận dụng được cách sử dụng ngôn ngữ lập trình SQL để cài đặt hàm, thủ tục nội tại, bất lỗi, cách dùng con trỏ trong xử lý dữ liệu.	PO6, PO7, PO8, PO9
MT1	CO3	Hiểu và thực hiện được các loại sao lưu và phục hồi đồng thời lập được lịch sao lưu tự động trong HQTCSDL SQL Server và các kỹ thuật mã hóa trong SQL Server	PO9, PO10, PO11, PO12
MT1	CO4	Kiểm tra và sửa lỗi cú pháp	PO4, PO5, PO10
Kỹ năng			
MT2	CO5	Thành thạo việc viết các câu lệnh SQL giải quyết các bài toán đơn giản	PO4, PO5, PO6, PO10
MT2	CO6	Thành thạo việc viết các hàm, thủ tục trong SQL	PO10, PO12, PO13
MT2	CO7	Có khả năng sửa lỗi	PO9, PO10, PO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT3	CO8	Tôn trọng bản quyền tác giả, sử dụng phần mềm hợp pháp	PO10, PO11, PO12

MT3	CO9	Chủ động trong học tập, rèn luyện và có tinh thần chuẩn bị bài trước khi đến lớp và tinh thần học tập tích cực trong lớp học.	PO13
MT3	CO10	Sẵn sàng phân tích các yêu cầu để thiết lập các quyền quản trị cài đặt trên SQL	

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần này trang bị cho sinh viên ngôn ngữ lập trình SQL để cài đặt các thủ tục nội tại, bắt lỗi, định nghĩa các hàm mới, cách dùng con trỏ trong xử lý dữ liệu. Kiến thức môn học sẽ được vận dụng ngay vào việc làm đề tài cho mỗi nhóm kết nối giữa HQTCSĐL với ngôn ngữ lập trình .Net.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO9
Hướng dẫn ban đầu	Thực hiện thao tác trên phần mềm. Từ đó, sinh viên có thể tự giải quyết các dạng bài tập tương tự nhằm rèn luyện kỹ năng.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO9
Thực hiện bài tập	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO1, CO2, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
Sửa lỗi cho sinh viên và giải thích	Cải thiện năng lực sinh viên thông qua việc sửa các lỗi thường gặp khi giải quyết bài toán.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.

- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và theo hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Thi kết thúc HP	100	Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của các bài thực hành trong học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10	10

10. Học liệu

- Tài liệu chính

[1]. Phan Thị Xuân Trang, *Giáo trình Hệ quản trị cơ sở dữ liệu*, ĐHNCT, 2020.

- Tài liệu tham khảo

[2]. Phạm Hữu Khang (Chủ biên); Phương Lan (Hiệu đính), *Microsoft SQL Server 2008 quản trị cơ sở dữ liệu Tập 1*, Nhà xuất bản Lao động xã hội, 2008.

[3]. Phạm Hữu Khang (Chủ biên); Phương Lan (Hiệu đính), *Microsoft SQL Server 2008 quản trị cơ sở dữ liệu Tập 2*, Nhà xuất bản Lao động xã hội, 2008.

[4]. Nguyễn Thị Trà Linh, *Giáo trình hệ quản trị cơ sở dữ liệu Oracle*, ĐH quốc gia TP HCM, 2013.

[5]. Nguyễn Thái Nghe (Chủ biên), *Giáo trình Hệ quản trị cơ sở dữ liệu*, NXB Đại học Cần Thơ, 2014.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1	Bài 1: - Ôn tập cơ sở dữ liệu - Làm quen với SQL Server - Kết nối CSDL - Import - Export - Tạo user, cấp quyền	[1],[2],[3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO8, CO9

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
2,3	Bài 2: - Cú pháp tạo CSDL - Các file trong CSDL. - Lệnh thêm, cập nhật, xóa file trong CSDL. - Lệnh đổi tên CSDL - Lệnh xóa CSDL	[1],[2],[3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO8, CO9
4,5	Bài 3: - Ngôn ngữ mô tả dữ liệu: lệnh tạo bảng, thêm RBTV cho bảng - Ngôn ngữ thao tác: lệnh thêm, cập nhật, xóa dữ liệu - Ngôn ngữ truy vấn dữ liệu	[1],[2],[3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO8, CO9
6,7	Bài 4: - Lệnh tạo View - Cú pháp cập nhật View - Cú pháp xóa View - Cú pháp mã hóa View - Khai báo biến trong SQL - Các kiểu dữ liệu trong SQL - Cú pháp tạo hàm người dùng trong SQL - Cách sử dụng hàm trong SQL	[1],[2],[3]	CO1, CO2, CO3, CO5, CO7, CO9, CO10
8,9	Bài 5: - Cú pháp tạo thủ tục trong SQL - Cách sử dụng hàm trong SQL - Cú pháp tạo trigger trong SQL - Cách sử dụng trigger trong SQL - Phân quyền trong SQL	[1],[2],[3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO9, CO10
10	Thi thực hành kết thúc HP		CO1, CO4, CO9, CO10

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh và máy tính (tương ứng với số lượng sinh viên).
- Cài đặt phần mềm hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server.

- Máy tính kết nối mạng LAN.
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

Tr
ng
i h
c Nam C h Th

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Mã học phần: 0102000890

Số tín chỉ: 01

Tổng số tiết quy chuẩn: 15

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	10	0	5	0	15 + 30 = 45

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Có

Học phần học trước: Triết học; Kinh tế chính trị.

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Cơ bản.

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Cơ bản phụ trách.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Nắm những tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học theo quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam.

MT2: Vận dụng các phương pháp luận khoa học vào nghiên cứu và học tập các khoa học xã hội và nhân văn.

* Về kỹ năng

MT3: Vận dụng được các kiến thức của học phần vào học tập các học phần khoa học xã hội và nhân văn.

MT4: Hình thành được kỹ năng sống, vững vàng, tin tưởng, bảo vệ, phát huy các giá trị văn hóa, xã hội của chế độ xã hội chủ nghĩa và tin tưởng vào chủ nghĩa xã hội.

MT5: Rèn luyện kỹ năng thuyết trình, ứng dụng công nghệ thông tin vào lý giải các vấn đề phức tạp của đời sống.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT6: Vận dụng phù hợp các kiến thức được trang bị nhằm giáo dục sinh viên tin tưởng vào Đảng, Nhà nước, tin tưởng vào tương lai, yêu quê hương và yêu thương con người.

MT7: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, có trách nhiệm với bản thân, xã hội và đạo đức nghề nghiệp.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0102000890	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1	2	1	1	0	0	1	0
		PO10	PO11	PO12	PO13					
		1	0	1	1					

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Phân tích, đánh giá được các vấn đề như: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.	PO1, PO3
MT2	CO2	Vấn đề dân tộc ở Việt Nam trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội; gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế.	PO4, PO5
Kỹ năng			
MT3	CO3	+ Có năng lực nhận diện các vấn đề chính trị – xã hội trong thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. + Biết giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội nảy sinh từ thực tiễn trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.	PO8

MT4	CO4	Biết vận dụng quan điểm khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin để nhận diện được âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực phản động, thù địch.	PO10
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT5	CO5	Có ý thức chính trị - xã hội, thái độ kiên định về lập trường, tư tưởng; có tinh thần đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ những quan điểm, chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước.	PO8, PO12
MT6	CO6	Có ý thức chống lại biểu hiện thờ ơ về chính trị và những quan điểm sai trái, thù địch và những biểu hiện tiêu cực trong đời sống xã hội.	PO12
MT7	CO7	Có lập trường tư tưởng vững vàng, tin vào con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.	PO13

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về khoa học chủ nghĩa xã hội, nhận thức tổng hợp, toàn diện về chủ nghĩa xã hội, về nội dung, đặc điểm tư tưởng xã hội chủ nghĩa qua từng giai đoạn phát triển và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, đặc biệt là các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, có hệ thống, khoa học	CO1, CO2
Thảo luận	Rèn luyện cho sinh viên làm việc nhóm và phát hiện vấn đề	CO3, CO4
Đối thoại	Tạo cơ hội cho sinh viên phát triển tính sáng tạo, mài sắc cá tính.	CO1, CO5
Bài tập	Tập xây dựng và triển khai các ý tưởng khoa học.	CO1, CO2

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên khác đặt ra.

Bài tập: chuẩn bị bài tập, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.

Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo.

Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.

Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề mà giảng viên yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10	+ Tinh chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4	10
		10	+ Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.		
2	Kiểm tra thường xuyên	30	+ Kiểm tra trên lớp theo đề chung, đáp án, thang điểm của GV và quy về theo tỷ lệ (30%).	CO1, CO2	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
3	Bài thi dùng đề tự luận	50	+ Thi kết thúc học phần theo đề chung, đáp án, thang điểm quy về theo tỷ lệ (50%).	CO1, CO2, CO3, CO4	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1]. Phạm Văn Sinh - Phạm Quang Phan, *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2018.

10.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Ngọc Long - Nguyễn Hữu Vui, *Giáo trình triết học Mác - Lênin*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2006.

11. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1	Chương VII: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. -Giáo viên Kết hợp phương pháp truyền thống và hiện đại trong giảng dạy	[1]	CO1

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	<p>-Trước khi đến lớp : SV làm việc theo nhóm nghiên cứu các vấn đề theo hướng dẫn của GV; viết thành báo cáo chung.</p> <p>-Đến lớp: Các nhóm trao đổi, thảo luận; Giáo viên nhận xét, đánh giá, kết luận.</p>		
2	<p>Chương VIII: Những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa</p> <p>-Giáo viên Kết hợp phương pháp truyền thống và hiện đại trong giảng dạy</p> <p>-Trước khi đến lớp : SV làm việc theo nhóm nghiên cứu các vấn đề theo hướng dẫn của GV; viết thành báo cáo chung.</p> <p>-Đến lớp: Các nhóm trao đổi, thảo luận; Giáo viên nhận xét, đánh giá, kết luận.</p>	[1]	CO2, CO3
3	<p>Chương VIII: Những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa (tiếp theo)</p>	[1]	CO3, CO5, CO7
4	<p>Chương IX: Chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng</p> <p>-Giáo viên Kết hợp phương pháp truyền thống và hiện đại trong giảng dạy</p> <p>-Trước khi đến lớp : SV làm việc theo nhóm nghiên cứu các vấn đề theo hướng dẫn của GV; viết thành báo cáo chung.</p> <p>- Đến lớp: Các nhóm trao đổi, thảo luận; Giáo viên nhận xét, đánh giá, kết luận.</p>	[1]	CO3, CO4, CO6
5	<p>-SV thực hiện các bài báo cáo nhóm theo chủ đề đã được bốc thăm ở buổi học trước. Giáo viên Kết hợp phương pháp truyền thống và hiện đại trong giảng dạy</p> <p>-Trước khi đến lớp : SV làm việc theo nhóm nghiên cứu các vấn đề theo hướng dẫn của GV; viết thành báo cáo chung.</p>		CO3, CO4

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	-Đến lớp: Các nhóm trao đổi, thảo luận; Giáo viên nhận xét, đánh giá, kết luận.		

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn và máy chiếu, micro.

Tr
ng
i h
C Nam C h Th

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Mã học phần: 0102000869

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 45

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	45 + 90 = 135
T = Bài tập					
P = Thực hành	30	0	0	15	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Có

Học phần học trước: Triết học

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Cơ bản

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Cơ bản phụ trách.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Nắm những tri thức cơ bản về Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam theo quan điểm của Đảng ta.

MT2: Nắm phương pháp luận khoa học trong nghiên cứu và học tập các khoa học xã hội và nhân văn.

* Về kỹ năng

MT3: Ứng dụng được các kiến thức của học phần vào học tập các học phần khoa học xã hội và nhân văn, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

MT4: Hình thành được kỹ năng sống, vững vàng, tin tưởng, bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa, xã hội của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa.

MT5: Rèn luyện kỹ năng thuyết trình, ứng dụng công nghệ thông tin vào lý giải các vấn đề phức tạp của đời sống.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT6: Vận dụng phù hợp kiến thức được trang bị để giáo dục sinh viên tin tưởng vào Đảng, Nhà nước, tin tưởng vào tương lai và biết yêu quê hương, yêu thương con người.

MT7: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, có trách nhiệm với bản thân, xã hội và đạo đức nghề nghiệp.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0102000869	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	3	2	1	1	0	0	1	0
		PO10	PO11	PO12	PO13	1	0	1	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Phân tích, đánh giá được các vấn đề như: Sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam; đường lối của Đảng trong cách mạng giải phóng dân tộc.	PO3
MT2	CO2	Nắm các nội dung chính về đường lối của Đảng trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, công nghiệp hóa, xây dựng kinh tế, xây dựng hệ thống chính trị, gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế.	PO1, PO3
Kỹ năng			
MT3	CO3	Có năng lực nhận diện các vấn đề chính trị – xã hội trong thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.	PO4

		Biết giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội nảy sinh từ thực tiễn trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.	
MT4	CO4	Biết vận dụng quan điểm khoa học của Đảng để nhận diện được âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực phản động, thù địch.	PO5
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT5	CO5	Có ý thức chính trị - xã hội, thái độ kiên định về lập trường, tư tưởng, có tinh thần đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ những quan điểm, chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước.	PO8, PO10
MT6	CO6	Có ý thức chống lại biểu hiện thờ ơ về chính trị và những quan điểm sai trái, thù địch và những biểu hiện tiêu cực trong đời sống xã hội.	PO12
MT7	CO7	Có lập trường tư tưởng vững vàng, tin vào con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.	PO13

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Trang bị cho sinh viên những kiến thức, giúp sinh viên phân tích được những vấn đề cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, bao gồm hệ thống quan điểm, chủ trương về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam, thể hiện qua Cương lĩnh, Nghị quyết của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là đường lối của Đảng trong thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, có hệ thống và khoa học.	CO1, CO2
Thảo luận	Rèn luyện cho sinh viên làm việc nhóm và phát hiện vấn đề	CO3, CO4
Đối thoại	Tạo cơ hội cho sinh viên phát triển tính sáng tạo, mài sắc cá tính.	CO1, CO5
Bài tập	Tập xây dựng và triển khai các ý tưởng khoa học.	CO1, CO2

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên khác đặt ra.

Chuẩn bị nội dung, tham gia thảo luận.

Nghiên cứu đọc tài liệu tham khảo.

Làm bài tập, hoặc giải quyết tình huống đề cùng cô kiến thức đã học.

Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề mà giảng viên yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10	+ Tinh chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4	10
		10	+ Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.		
2	Kiểm tra thường xuyên	30	+ Kiểm tra trên lớp theo đề chung, đáp án, thang điểm của GV và quy về theo tỷ lệ (30%). + Hình thức kiểm tra: Tự luận.	CO1, CO2	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
3	Bài thi dùng đề tự luận	50	+ Thi kết thúc học phần theo đề chung, đáp án, thang điểm quy về theo tỷ lệ (50%). + Hình thức thi: Tự luận.	CO1, CO2, CO3, CO4	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1]. Nguyễn Việt Thông, *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2017.

[2]. Tập bài giảng *Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam* của Trường Đại học Nam Cần Thơ, năm 2019.

10.2. Tài liệu tham khảo

[3] Vũ Dương Ninh, *Cách mạng Việt Nam trên bàn cờ quốc tế lịch sử và vấn đề*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2017

11. Nội dung chi tiết của học phần:

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1	Chương mở đầu: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.	[1], [2]	CO2, CO3
1+2	Chương 1: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng - Hoàn cảnh lịch sử ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. - Hội nghị thành lập Đảng và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. - Thảo luận nhóm tại lớp	[1], [2]	CO1, CO6, CO7
3+4	Chương 2: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945) - Chủ trương đấu tranh từ năm 1930 đến năm 1939. - Chủ trương đấu tranh từ năm 1939 đến 1945 - Thảo luận nhóm tại lớp	[1], [2]	CO1, CO5, CO6
5+6	Chương 3: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975). - Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954) - Đường lối kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thống nhất Tổ quốc (1954-1975) - Thảo luận nhóm tại lớp	[1], [2]	CO5, CO6
7+8	Chương 4: Đường lối công nghiệp hóa - Công nghiệp hóa thời kỳ trước đổi mới - Công nghiệp hóa, hiện đại hóa thời kỳ đổi mới. - Thảo luận nhóm tại lớp	[1], [2]	CO1, CO6, CO7
8+9	Chương 5: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa - Quá trình đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường - Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta - Thảo luận nhóm tại lớp	[1], [2]	CO5, CO6, CO7
10+11	Chương 6: Đường lối xây dựng Hệ thống chính trị - Đường lối xây dựng Hệ thống chính trị trước đổi mới (1945-1985) - Đường lối xây dựng Hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới.	[1], [2]	CO1, CO2, CO7

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	- Thảo luận nhóm tại lớp		
11+12	Chương 7: Đường lối xây dựng, phát triển văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội - Quá trình nhận thức và nội dung đường lối xây dựng và phát triển văn hóa Quá trình nhận thức và chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội - Thảo luận nhóm tại lớp	[1], [2]	CO2, CO3, CO4
13+14	Chương 8: Đường lối đối ngoại - Đường lối đối ngoại từ năm 1975 đến năm 1986 - Đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế thời kỳ đổi mới. - Thảo luận nhóm tại lớp	[1], [2]	CO1, CO2, CO3, CO4
15	Tổng kết môn học Giải đáp các thắc mắc về chương trình Công bố điểm chuyên cần và kiểm tra thường xuyên		CO1, CO2, CO3, CO4, CO7

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu, micro.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Phương pháp nghiên cứu và viết báo cáo khoa học

Mã học phần: 0101000123

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	30 + 60 = 90
T = Bài tập					
P = Thực hành	15	10	0	5	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Cấu trúc dữ liệu

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Công nghệ thông tin

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên bộ môn Công nghệ thông tin, Khoa Kỹ thuật – Công nghệ

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

- Về kiến thức

MT1 Khái quát hóa được các kiến thức về cách thực hiện một đề tài khoa học, từ cách thu thập số liệu sơ cấp, thứ cấp; trình bày được tổng quan tài liệu, phạm vi đối tượng nghiên cứu; xác định được quy trình nghiên cứu, mô hình nghiên cứu và các biến số; thực hiện đề cương nghiên cứu và trình bày nghiên cứu ở dạng trình bày khoa học theo định dạng chuẩn.

- Về kỹ năng

MT2 Khả năng thực hiện một đề tài khoa học với các bước đầy đủ như thu thập số liệu, trình bày đề tài, xác lập quy trình và mô hình thực hiện, thực hiện đề cương, trình bày nghiên cứu khoa học.

MT3 Khả năng phân tích, nhận dạng, lựa chọn chính xác các phương pháp cụ thể cho từng bước thực hiện một đề tài khoa học như thu thập số liệu,

trình bày đề tài, xác lập quy trình và mô hình thực hiện, thực hiện đề cương, trình bày nghiên cứu khoa học.

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT4 Nhận thức tầm quan trọng của các vấn đề đạo đức trong nghiên cứu khoa học.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	
0101000123	Phương pháp nghiên cứu khoa học										
		2	0	3	3	2	3	0	1	3	
		PO10	PO11	PO12	PO13						
		2	2	2	3						

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Vận dụng được các phương pháp tìm và xác định một đề tài khoa học	PO1, PO4, PO5, PO6, PO10
MT1	CO2	Lựa chọn và ứng dụng các phương pháp thực hiện trong từng bước nghiên cứu khoa học một cách đúng đắn.	PO1, PO4, PO6
MT1	CO3	Ứng dụng được các phương pháp trình bày đề tài một cách khoa học trong các dạng ấn phẩm khoa học khác nhau.	PO4, PO6, PO9, PO10
Kỹ năng			
MT2	CO4	Vận dụng kiến thức để xác định các bước thực hiện một đề tài khoa học một cách chính xác.	PO4, PO6, PO9, PO11, PO12, PO13
MT2, MT3	CO5	Phân biệt và lựa chọn được phương pháp thực hiện một cách đúng đắn cho từng bước thực hiện đề tài khoa học.	PO4, PO6, PO9, PO11, PO12, PO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT4	CO6	Thể hiện thái độ tận tâm với công việc.	PO11, PO12, PO13
MT1, MT4	CO7	Nhận thức tầm quan trọng của môn học đối với xã hội.	
MT4	CO8	Chia sẻ năng lực bản thân cho những người xung quanh.	

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần có nội dung về hệ thống kiến thức về nghiên cứu khoa học, bao gồm cách thức và tiêu chuẩn xác định đề tài, phương pháp xây dựng và thu thập số liệu, cách thức xử lý số liệu thô và tổng hợp dữ liệu, cách đặt giả thiết và mô hình nghiên cứu, cách trình bày văn bản khoa học đối với nghiên cứu khoa học.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO7
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO1, CO2, CO3, CO6, CO8
Thực hiện bài tập	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO8
Báo cáo nhóm	Cải thiện năng lực sinh viên thông qua việc vận dụng kiến thức vào tình huống cụ thể.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO1, CO2, CO3, CO6, CO7, CO8

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO4, CO5, CO6, CO7, CO8	5

		Số buổi học tham dự bắt buộc.		5
Báo cáo nhóm	30	Theo 4 tiêu chí chính bao gồm: nội dung, hình thức báo cáo, thực hiện báo cáo và hỏi đáp.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10

10. Học liệu

- Tài liệu chính

- [1]. Vũ Cao Đàm, *Phương pháp luận Nghiên Cứu Khoa Học*, NXB KHKT, Hà Nội, 2005.
- [2]. Dương Văn Tiên, *Giáo trình phương pháp luận Nghiên Cứu Khoa Học*, NXB Xây Dựng, Hà Nội, 2006.
- [3]. Nguyễn Bảo Vệ, *Phương pháp luận Nghiên Cứu Khoa Học*; NXB Giáo dục, Tp. Hồ Chí Minh, 2010.

- Tài liệu tham khảo

- [4]. Nguyễn Huy Hoàng, *Phương pháp Nghiên Cứu Khoa Học*; Trường Đại học Kinh tế - Marketing, Tp. Hồ Chí Minh, 2010.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1	Chương 1 – Tổng quan về nghiên cứu khoa học - Định nghĩa & chức năng - Tiêu chí & phân loại - Lịch sử hình thành - Khái quát tính hình ở nước ta và trên thế giới	[1] [2]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
2	Chương 2 – Lựa chọn đề tài nghiên cứu - Chọn đề tài & tiêu chuẩn - Xác định tên đề tài - Những vấn đề xung quanh việc chọn đề tài	[1] [2]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
3,4	Chương 3 – Tổng hợp dữ liệu liên quan đến đề tài nghiên cứu - Dữ liệu - Tổng hợp dữ liệu - Tìm kiếm tài liệu tham khảo - Viết tổng quan dữ liệu	[1] [3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6,

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
5,6	Chương 4 – Mô hình thực hiện đề tài <ul style="list-style-type: none"> - Đặt giả thiết và câu hỏi - Mô hình nghiên cứu - Các biên trong mô hình - Các thang đo 	[1] [2]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
7,8	Chương 5 – Thu thập và trình bày dữ liệu thực hiện đề tài <ul style="list-style-type: none"> - Thu thập dữ liệu - Phân loại dữ liệu - Điều tra/khảo sát/phỏng vấn - Phi thực nghiệm - Xử lý số liệu 	[1] [3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
9	Chương 6 – Viết đề cương, luận văn, luận án, bài báo, trình bày khoa học <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức trình bày văn bản khoa học - Quy định về mẫu trình bày khoa học - Các thành phần trong mẫu trình bày: khổ giấy, cỡ chữ, phân chương đoạn, số trang, bảng biểu - Danh mục tài liệu tham khảo và cách trích dẫn 	[1] [3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
10	Báo cáo nhóm <ul style="list-style-type: none"> - Chủ đề báo cáo “<i>Chọn một đề tài nghiên cứu khoa học thuộc ngành công nghệ thông tin để thực hiện một nghiên cứu khoa học.</i>” được phổ biến ngay từ đầu môn học. - Sinh viên chia nhóm nhỏ (3 – 4 sv/nhóm) và tự chọn 1 sản phẩm thực phẩm tùy ý. 	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh.
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Mã học phần: 0102000900

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	30 + 30 = 60
T = Bài tập					
P = Thực hành	20	0	10	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Cơ bản

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Cơ bản phụ trách.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Nắm những tri thức cơ bản về Tư tưởng Hồ Chí Minh theo quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam.

MT2: Vận dụng các phương pháp luận khoa học vào trong nghiên cứu và học tập các khoa học về chính trị, xã hội và nhân văn.

* Về kỹ năng

MT3: Vận dụng các kiến thức bộ môn vào học tập các học phần về xã hội và nhân văn.

MT4: Hình thành được kỹ năng sống, vững vàng, tin tưởng, bảo vệ, phát huy các giá trị văn hóa, xã hội của chế độ xã hội chủ nghĩa, tin tưởng vào Đảng và chủ nghĩa xã hội.

MT5: Rèn luyện kỹ năng thuyết trình, bồi dưỡng tình cảm cách mạng và niềm tin vào việc lý giải các vấn đề phức tạp của đời sống xã hội.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT6: Vận dụng phù hợp các kiến thức được tiếp thu để giáo dục sinh viên về lý tưởng của Đảng, Nhà nước, tin tưởng vào tương lai, yêu quê hương và yêu thương con người.

MT7: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, có trách nhiệm với bản thân, xã hội và có đạo đức nghề nghiệp.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0102000900	Tư tưởng Hồ Chí Minh									
		3	3	2	1	1	0	0	1	0
		PO10	PO11	PO12	PO13					
		1	0	1	1					

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Phân tích, đánh giá được các vấn đề như: Cơ sở và quá trình hình thành TTHCM. Nội dung cốt lõi của TTHCM.	PO3
MT2	CO2	Những nội dung cơ bản của TTHCM: Về độc lập dân tộc, về xây dựng CNXH, về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân, về đại đoàn kết, về đạo đức, về các giá trị văn hóa Việt Nam.	PO1, PO3
Kỹ năng			
MT3	CO3	Có năng lực nhận diện các vấn đề chính trị – xã hội trong thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Biết giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội nảy sinh trong thực tiễn của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.	PO4

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
MT4	CO4	Biết vận dụng quan điểm khoa học của HCM để nhận diện được các vấn đề phức tạp của xã hội.	PO5
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT5	CO5	Có ý thức chính trị - xã hội, thái độ kiên định về lập trường, tư tưởng, có tinh thần đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ những quan điểm, chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước.	PO8, PO10
MT6	CO6	Có ý thức chống lại biểu hiện thờ ơ về chính trị và những quan điểm sai trái, thù địch cũng như những biểu hiện tiêu cực trong đời sống xã hội.	PO12
MT7	CO7	Có lập trường tư tưởng vững vàng, tin vào con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội mà Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn.	PO13

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học có 08 chương, bao gồm những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh. Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về:

- Tư tưởng Hồ Chí Minh;
- Những cơ sở của đường lối xây dựng đất nước ở Việt Nam;
- Vận dụng kiến thức vào việc lý giải và có thái độ đúng đắn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, có hệ thống, có tính khoa học và hấp dẫn	CO1, CO2
Thảo luận	Rèn luyện cho sinh viên làm việc nhóm và phát hiện vấn đề	CO3, CO4
Đối thoại	Tạo cơ hội cho sinh viên phát triển tính sáng tạo, mài sắc cá tính.	CO1, CO5

Bài tập	Tập xây dựng và triển khai các ý tưởng khoa học.	CO1, CO2
----------------	--	----------

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên khác đặt ra.

Chuẩn bị nội dung, tham gia thảo luận.

Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo.

Làm bài tập, hoặc giải quyết tình huống để củng cố kiến thức đã học.

Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề mà giảng viên yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10 10	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. + Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	CO1, CO2, CO3, CO4	2
2	Kiểm tra thường xuyên	30	+ Kiểm tra trên lớp theo đề chung, đáp án, thang điểm của GV và quy về theo tỷ lệ (30%).	CO1, CO2	3
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
3	Bài thi dùng đề tự luận	50	+ Thi kết thúc học phần theo đề chung, đáp án, thang điểm quy về theo tỷ lệ (50%).	CO1, CO2, CO3, CO4	5

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập:

[1]. Đặng Xuân Kỳ, *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2012.

[2]. Huỳnh Văn Long - Khoa Năng Lập, *Bài giảng môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Bộ môn Lý luận Chính trị, năm 2018.

10.2. Tài liệu tham khảo:

[3]. Phạm Ngọc Anh, *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2017.

11. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1	<p>Bài mở đầu: Giới thiệu môn học và kế hoạch học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được yêu cầu môn học. Chi dẫn về cách tìm tài liệu học tập - Nắm được cách thức đánh giá môn học (đề cao việc đến lớp học). 	[1]	CO2, CO3
2 + 3	<p>Bài 1: Cơ sở, quá trình hình thành và sự phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được 2 cơ sở hình thành TTHCM, nhấn mạnh cơ sở chủ quan. - Lý giải các chặng đường hình thành và phát triển TTHCM, đặc biệt làm sáng tỏ những phẩm chất cao quý của HCM. 	[1]	CO1, CO6, CO7
4	<p>Bài 2: Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tinh khoa học và cách mạng sâu sắc của tư tưởng HCM về vấn đề dân tộc. -Những điểm chính của tư tưởng HCM về cách mạng giải phóng dân tộc. 	[1]	CO1, CO5, CO6
5	<p>Bài 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quan điểm có tính khoa học, cách mạng và nhân văn của HCM về CNXH. -Con đường, biện pháp tiến lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 	[1]	CO5, CO6
6	<p>Bài 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Công sản Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quan niệm của HCM về vai trò và bản chất của ĐCS Việt Nam. -Nội dung và giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐCS Việt Nam trong sạch, vững mạnh. 	[1]	CO1, CO6, CO7
7	<p>Bài 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vấn đề đại đoàn kết dân tộc trong tư tưởng và hoạt động thực tiễn của HCM. -Tư tưởng HCM về đoàn kết quốc tế (thành quả và hạn chế). 	[1]	CO5, CO6, CO7

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
8	<p>Bài 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân. - Xây dựng nhà nước có tính nhân dân, tính dân tộc. - Xây dựng nhà nước có pháp lý, trong sạch, hiệu quả 	[1]	CO1, CO2, CO7
9	<p>Bài 7: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tư tưởng HCM về nền văn hóa mới (5 điểm) ở VN. - Về sức mạnh và chuẩn mực đạo đức cách mạng. - Về con người mới và chiến lược “trồng người”. 	[1]	CO2, CO3, CO4
10	<p>Bài 8: Tổng kết môn học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những trọng điểm của các bài. - Hướng dẫn ôn thi và cách làm bài thi tốt. - Công bố các loại điểm: chuyên cần và thường xuyên. 		CO1, CO2, CO3, CO4

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bàn lớn, máy chiếu, micro.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Thương mại điện tử

Mã học phần: 0101001547

Số tín chỉ: 3

Tổng số tiết quy chuẩn: 60

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	60 + 120 = 180
T = Bài tập					
P = Thực hành	30	30	0	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Cơ sở dữ liệu

Học phần học trước: Lập trình Web

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Công nghệ Thông tin

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên bộ môn Công nghệ thông tin, Khoa Kỹ thuật – Công nghệ

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

- Về kiến thức

MT1 Hiểu được các mô hình thương mại điện tử, an toàn trong thương mại điện tử và vấn đề thanh toán trực tuyến.

- Về kỹ năng

MT2 Có khả năng xây dựng các ứng dụng thương mại điện tử cỡ nhỏ

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT3 Nhận thức tầm quan trọng của thương mại điện tử trong cuộc sống ngày nay.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	
0101001547	Hệ thống thương mại điện tử										
		2	0	0	3	3	3	3	2	3	
		PO10	PO11	PO12	PO13						
		2	2	2	3						

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có khả năng:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Tiếp cận được các phương thức giao dịch thông qua thương mại điện tử	PO1, PO4, PO5, PO6, PO10
MT1	CO2	Nắm được các phương thức giao dịch trong thương mại điện tử	PO1, PO4, PO6
MT1	CO3	Thực hiện được các giao thức thương mại điện tử	PO4, PO6, PO9, PO10
MT1, MT2	CO4	Đánh giá được phương thức giao dịch thương mại hiệu quả nhất	PO4, PO5, PO6, PO9
Kỹ năng			
MT3	CO5	Thiết kế được phần mềm phục vụ giao dịch thương mại điện tử	PO4, PO6, PO9, PO11, PO12, PO13
MT2, MT3	CO6	Vận dụng các phương thức giao dịch thương mại điện tử vào cuộc sống	PO4, PO6, PO9, PO11, PO12, PO13
MT1, MT2, MT3	CO7	Phân tích tính chất của thương mại điện tử trong thị trường	PO4, PO6, PO8, PO9, PO11, PO12, PO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT4	CO8	Thể hiện thái độ tận tâm với công việc.	PO11, PO12, PO13
MT1, MT4	CO9	Nhận thức tầm quan trọng của thương mại điện tử.	

MT4	CO10	Chia sẻ năng lực bản thân cho những người xung quanh.	
------------	-------------	---	--

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học trang bị cho sinh viên các khái niệm, kiến thức nền tảng về thương mại điện tử, bao gồm: cơ sở hạ tầng thương mại điện tử, các mô hình kinh doanh trong thương mại điện tử; kiến trúc công nghệ cho thương mại điện tử (cơ sở dữ liệu, website), vấn đề tiếp thị, quảng cáo trong thương mại điện tử; các hệ thống thanh toán; các vấn đề pháp luật và đạo đức, các thông tin cá nhân và bảo mật khi thực hiện giao dịch trong thương mại điện tử; đưa ra các giải pháp thiết kế, cài đặt và vận hành website, hệ thống thương mại điện tử.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Diễn giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO9
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, sau đó thúc đẩy sinh viên suy nghĩ, tìm tòi câu trả lời. Từ đó, sinh viên có thể tự làm rõ các kiến thức mới.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO9, CO10
Thực hiện bài tập	Vận dụng nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO1, CO2, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
Báo cáo nhóm	Cải thiện năng lực sinh viên thông qua việc vận dụng kiến thức vào tình huống cụ thể.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Tăng cường năng lực tự học, hướng sinh viên tự đi tìm tri thức của bản thân.	CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên được tính trên thang điểm 10 và chia thành 3 hình thức sau:

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	5
		Số buổi học tham dự bắt buộc.		5
Báo cáo nhóm	30	Theo 4 tiêu chí chính bao gồm: nội dung, hình thức báo cáo, thực hiện báo cáo và hỏi đáp.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên đề ra (Tự luận hoặc trắc nghiệm)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

- Tài liệu chính

- [1]. Bài giảng Hệ thống thương mại điện tử, ĐH Nam Cần Thơ, 2020
 [2]. Nguyễn Đình Thuận, Đỗ Duy Thanh, Lê Thị Bích Khoa, Giáo trình CNTT trong Thương mại điện tử, ĐH Quốc gia TP HCM, 2015

- Tài liệu tham khảo

- [1]. TS. Trương Quốc Định, TS. Nguyễn Thái Nghe, Giáo trình nhập môn Thương mại điện tử, ĐH Cần Thơ, 2014.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1	Chương 1: Tổng Quan Về Thương Mại Điện Tử 1. Khái Niệm Chung Về Thương Mại Điện Tử 2. Lịch Sử Hình Thành Thương Mại Điện Tử 3. Thực Trạng Phát Triển Thương Mại Điện Tử Trên Thế Giới Và Việt Nam	[1][2]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
2	Chương 1: Tổng Quan Về Thương Mại Điện Tử 4. Kế Hoạch Tổng Thể Phát Triển Thương Mại Điện Tử 2006 – 2010 5. Lợi Ích Của Thương Mại Điện Tử 6. Hạn Chế Của Thương Mại Điện Tử	[1][2]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6, CO7, CO8

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
3	Chương 2: Triển Khai Công Việc Kinh Doanh Trên Internet 1. Đại Cương Về Internet 2. Quy Trình Triển Khai Thương Mại Điện Tử	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
4	Chương 3: Thanh Toán Điện Tử 1. Tổng Quan Về Thanh Toán Điện Tử 2. Thanh Toán Điện Tử Giữa Doanh Nghiệp Với Người Tiêu Dùng 3. Thanh Toán Điện Tử Giữa Doanh Nghiệp - Doanh Nghiệp (B2b)	[1]	CO1, CO2, CO3, CO5, CO6, CO7, CO8
5	Chương 4 Marketing Điện Tử 1. Tổng Quan Về Marketing Điện Tử 2. Marketing Trực Tuyến 3. Nghiên Cứu Thị Trường Trên Internet	[1] [2]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
6	Chương 4 Marketing Điện Tử 4. Chiến Lược Marketing Điện Tử 5. Quảng Cáo Trên Internet 6. Tiếp Thị Bằng Email 7. Viral Marketing	[1] [2]	CO1, CO2, CO4, CO5, CO6
7	Chương 5: Phòng Tránh Rủi Ro Trong Thương Mại Điện Tử 1. Vấn Đề An Ninh Trong Thương Mại Điện Tử 2. Các Biện Pháp Để Phòng Tránh Rủi Ro Trong Thương Mại Điện Tử	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO8
8	Chương 6: Một Số Vấn Đề Về Luật Pháp Trong Thương Mại Điện Tử 1. Tổng Quan Về Môi Trường Pháp Luật Đối Với Thương Mại Điện Tử	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO8

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	2.Luật Giao Dịch Điện Tử Của Việt Nam		
9	Chương 6: Một Số Vấn Đề Về Luật Pháp Trong Thương Mại Điện Tử 3.E-Ucp Và Một Số Vấn Đề Về Xuất Trình Chứng Từ Điện Tử Trong Thanh Toán Quốc Tế	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO8
10	Ôn tập + Kiểm tra	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO7, CO8
11	Thực hành dùng mã nguồn mở thiết kế trang web bán hàng	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
12	Thực hành dùng mã nguồn mở thiết kế trang web bán hàng (tt)	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
13	Thực hành dùng mã nguồn mở thiết kế trang web bán hàng (tt)	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
14	Thực hành dùng mã nguồn mở thiết kế trang web bán hàng (tt)	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
15	Thực hành dùng mã nguồn mở thiết kế trang web bán hàng (tt)	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
16	Thực hành dùng mã nguồn mở thiết kế trang web bán hàng (tt)	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
17	Thực hành dùng mã nguồn mở thiết kế trang web bán hàng (tt)	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
18	Thực hành dùng mã nguồn mở thiết kế trang web bán hàng (tt)	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
19	Thực hành dùng mã nguồn mở thiết kế trang web bán hàng (tt)	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
20	Báo cáo	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh.
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

PHỤ LỤC 3

XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày tháng năm 2022

XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Ngành dự kiến mở: **Thương mại điện tử**

Mã ngành: 7340122

Trình độ đào tạo: **Đại học**

1. VỀ GIẢNG VIÊN

MẪU 1: Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Nguyễn Tri Khiêm, 01/01/1947	352331700	PGS, 2007	Tiến sĩ, Philippines, 1994	Kinh tế nông nghiệp	01/03/2013	Dài hạn	Hưu trí	42	1	10	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2	Đào Duy Huân, 25/12/1952	021606298	PGS, 2002	Tiến sĩ, 1988, Việt Nam	Kinh tế	01/03/2013	Dài hạn	Hưu trí	40	1	7	
3	Nguyễn Văn Áng, 20/08/1956	038056000017	PGS, 2002	Tiến sĩ, Việt Nam, 1995	Kinh tế, quản lý và kế hoạch hóa kinh tế quốc	01/12/2020	Dài hạn	Hưu trí	30	8	13	
4	Nguyễn Hồng Gấm	83060004895	GVC, 2018	Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Kinh doanh và Quản lý	01/09/2020	Dài hạn	5496025528	9		3	
5	Đoàn Hoài Nhân, 20/10/1980	89080000109		Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Kinh tế nông nghiệp	01/06/2020	Dài hạn	5003004654	3	2	19	
6	Võ Thành Khôi, 15/05/1966	321006740		Tiến sĩ, Singapore, 2008	Quản trị kinh doanh	30/06/2014	Dài hạn		8		3	
7	Nguyễn Văn Tạc, 15/10/1972	361878059		Thạc sĩ, Việt Nam 2015	Kinh tế nông nghiệp	01.01.2016	Dài hạn	5499004429	-	-	-	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
8	Trần Trung Chuyên, 1988	094088006596		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Quản trị kinh doanh	01.10.2016	Dài hạn	9216015499	6	-	-	
9	Lê Thị Thanh Thủy, 06/12/1984	092184002353		Thạc sĩ, Úc, 2011	Quản trị kinh doanh	15.8.2015	Dài hạn	9208019194	7	-	-	
10	Dư Quốc Chí, 11/06/1989	09208900763		Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Quản trị kinh doanh	08.10.2016	Dài hạn	9216015500	6	-	1	
11	Trần Thanh Huy, 15/05/1961	092061000454		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Kinh tế nông nghiệp	01/03/2022	12 tháng	6504004921	10	-	-	
12	Trần Hồng Minh Ngọc, 11/10/1990	092190008874		Thạc sĩ, Việt Nam 2016	Quản trị kinh doanh	8.10.2016	Dài hạn	9212012637	6	-	-	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
13	Hà Nguyễn Tuyết Minh, 25/07/1992	331705628		Thạc sỹ, Việt Nam 2018	Tài chính – Ngân hàng	11.1.2018	Dài hạn	8621684942	3	-	-	
14	Hồ Thị Khánh Thành, 08/11/1977	361776470		Thạc sỹ, Việt Nam 2010	Quản trị kinh doanh	15.7.2015	Dài hạn	9215007186	8	-	-	
15	Vô Quốc Nam, 01/09/1978	092078005601		Thạc sỹ, Việt Nam, 2008	Quản trị kinh doanh	01.12.2021	12 tháng	5402001152	-	-	-	
16	Nguyễn Thị Hồng Như, 19/11/1988	334515268		Thạc Sĩ, Việt Nam, 2014	Quản trị Kinh doanh	01.03.2022	Dài hạn	9213006359	8	01	03	
17	Nguyễn Chí Dũng, 15/08/1988	070781696		Thạc sỹ, Việt Nam, 2014	Luật học	22/05/2015	Hợp đồng toàn thời gian		10			

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
18	Phạm Đình Quốc, 01/03/1987	351720909		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	LL và PPGD Tiếng Anh	01/12/2015	Hợp đồng toàn thời gian		7			
19	Lê Đại Nghiệp, 16/10/1987	371261906		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	01/08/2016	Hợp đồng toàn thời gian		6			
20	Lâm Văn Đây, 15/05/1985	341219022		Thạc sĩ, Việt Nam, 2019	Toán giải tích	01/11/2020	Hợp đồng toàn thời gian		9			
21	Huỳnh Minh Tâm, 05/01/1987	321235550		Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Giáo dục thể chất	01/10/2013	Hợp đồng toàn thời gian		8			
22	Huỳnh Văn Long, 1951	321373515		Tiến sĩ, Việt Nam, 2003	Sử học	01/07/2014	Hợp đồng toàn thời gian		32		2	

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
23	Nguyễn Thiên Nhơn, 08/05/1991	331614573		Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Hệ thống thông tin	01/07/2015	Hợp đồng toàn thời gian	9215009590	6			
24	Huỳnh Võ Hữu Trí, 1982	086082000110		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Hệ thống thông tin	01-10-2013	Hợp đồng toàn thời gian	DN4925606001527	09			
25	Bùi Thị Diễm Trinh 20/12/1986	364076458		Thạc sĩ, Việt Nam, 2019	Hệ thống thông tin	01/10/2021	Hợp đồng toàn thời gian	9313003490	7			
26	Trương Hùng Chen, 01/01/1987	091087000243		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Hệ thống thông tin	01-09-2020	Hợp đồng toàn thời gian	9210002907	12			
27	Huỳnh Bá Lộc, 14/07/1986	351615277		Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Khoa học máy tính	14/09/2019	Hợp đồng toàn thời gian	9211004917	12			

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
28	Võ Văn Phúc, 21/12/1982	331919373		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Hệ thống thông tin	15/12/2019	Hợp đồng toàn thời gian	6507010536	11			
29	Nguyễn Quốc Nghi, 22/12/1982	086082000143		Tiến sĩ, Việt Nam 2016	Kinh tế nông nghiệp		Hợp đồng thỉnh giảng		7	9	27	
30	Võ Văn Dứt, 27/11/1979	362222558	PGS, 2018	Tiến sĩ, Hà Lan, 2014	Kinh doanh quốc tế và quản trị		Hợp đồng thỉnh giảng		8	3	13	
31	La Nguyễn Thùy Dung, 19/03/1977	361725204		Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Kinh tế nông nghiệp		Hợp đồng thỉnh giảng		8		2	

Ghi chú: Lý lịch khoa học của giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy của ngành đào tạo dự kiến mở được đính kèm.

MẪU 2: Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Nguyễn Tri Khiêm	Thương mại điện tử	4,2	3				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo, hướng dẫn luận văn
		Quản trị bán hàng	4,2	3				
2	Đào Duy Huân	Hỗ trợ ra quyết định	6, 3	3				
3	Nguyễn Văn Áng	Quản trị kênh phân phối	7, 4	3				
		Quản trị sản xuất	4,2	3				
4	Nguyễn Hồng Gấm	Quản trị nhân lực	4,2	3				
		Hệ thống quản trị chuỗi cung ứng	7, 4	3				
5	Đoàn Hoài Nhân	Phân tích và thiết kế quy trình nghiệp vụ DN	5, 3	3				
		Hệ thống thông tin kế toán	4,2	3				
6	Võ Thành Khởi	Quản trị quan hệ khách hàng và nhà cung cấp	5, 3	3				
		Phân tích dữ liệu kinh doanh	8, 4			3		

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
7	Nguyễn Quốc Nghi	Nhập môn ngành TMĐT	1, 1	2				
		Tiếp thị trực tuyến (E-Marketing)	6, 3	3				
8	Võ Văn Dứt	Quản trị doanh nghiệp	7, 4	3				
9	La Nguyễn Thùy Dung	Quản trị chiến lược kinh doanh điện tử	8, 4			3		
		Nhập môn quản lý chuỗi cung ứng	3, 2	3				
10	Nguyễn Văn Tạc	Phương pháp nghiên cứu và viết báo cáo khoa học	7, 4	2				
11	Trần Trung Chuyển	Kinh tế học đại cương	3, 2	3				
12	Lê Thị Thanh Thúy	Tâm lý học đại cương	2, 1			2		
13	Đur Quốc Chí	Tiếng Anh chuyên ngành (TMĐT)	5, 3	3				
		Hoạch định nguồn nhân lực doanh nghiệp	5,3	3				

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
14	Trần Thanh Huy	Phân tích dữ liệu kinh doanh	3, 2	2				
15	Trần Hồng Minh Ngọc	Thiết kế hệ thống thương mại điện tử	1, 1	3				
		Hệ thống thanh toán trực tuyến	7, 4	3				
16	Hà Nguyễn Tuyết Minh	Hệ thống thông tin quản lý	1, 1	3				
17	Hồ Thị Khánh Thành	Nhập môn quản lý chuỗi cung ứng	3, 2	3				
18	Võ Quốc Nam	An toàn và bảo mật TMDT	7, 4	3				
19	Nguyễn Thị Hồng Như	Kho dữ liệu và OLAP	7, 4	3				
20	Nguyễn Chí Dũng	Pháp luật đại cương	1, 1	2				
		Pháp luật thương mại điện tử						
21	Phạm Đình Quốc	Tiếng Anh căn bản	1, 1	3				
22	Lê Đại Nghiệp	Xác suất thống kê	2, 1	3				

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
23	Lâm Văn Đầy	Toán cao cấp 1	1, 1	3				
		Toán cao cấp 2	2, 1					
24	Huỳnh Minh Tâm	Giáo dục thể chất	1, 1	1				
25	Huỳnh Văn Long	Triết học Mac – Lenin	2, 1					
		Chủ nghĩa xã hội khoa học	4, 2	2				
		Tư tưởng Hồ Chí Minh	6, 3	2				
		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	5, 3	2				
26	Nguyễn Thiện Nhơn	Cơ sở dữ liệu	3, 2	3				
		Cấu trúc dữ liệu	3, 2	3				
27	Huỳnh Võ Hữu Trí	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3, 2	3				
		Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	4, 2	3				
28	Bùi Thị Diễm Trinh	Lập trình căn bản	2, 1	4				
		Nhập môn hệ thống thông tin quản lý	4, 2	3				

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
29	Trương Hùng Chen	Nguyên lý hệ điều hành	4,2	3				
		Lập trình hướng đối tượng	4,2	3				
30	Huỳnh Bá Lộc	Kiến trúc máy tính	1, 1	2				
		Mạng máy tính	5, 3	3				
31	Võ Văn Phúc	Nhập môn công nghệ phần mềm	6, 3	3				
		Toán rời rạc	6, 3	3				

MẪU 3: Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở trình độ tiến sĩ của cơ sở đào tạo

STT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Ghi chú
1	Nguyễn Tri Khiêm, Trưởng khoa	PGS. TS	Kinh tế	
2	Nguyễn Văn Tạc, Phó Trưởng khoa	Tiến sĩ	Kinh tế nông nghiệp	
3	Trần Trung Chuyển, Phó Trưởng khoa	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	

2. VỀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**MẪU 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở do cơ sở đào tạo thực hiện (kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu).**

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
1	991/QĐ-SKHCHN	Cấp Thành phố	Xác định các sản phẩm hàng hóa chủ lực trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2007 -	Chủ nhiệm TS Nguyễn Hồng Gấm	788/QĐ.SKHCN, ngày 23/7/2012 của giám đốc sở KHCHN Tp Cần Thơ	3/8/2012	Loại khá	1/ GS.TS Võ Thanh Thu 2/ ThS Phạm Ngọc Thuận 3/ ThS Nguyễn Thị Lệ 4/ CN Nguyễn Ngọc Lang 5/ CN Đỗ Hữu Nghi	

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
			2010 và hướng tới 2020					6/ CN Nguyễn Thị Ngọc Anh	
2	36/QĐ-SKHCN	Cấp tỉnh	Xác định và phát triển sản phẩm chủ lực tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030	Chủ nhiệm TS Nguyễn Hồng Gấm	137/QĐ-SKHCN, ngày 11/10/2017 của giám đốc sở KHCN tỉnh Sóc Trăng	24/10/2017	Loại C	1/ TS Huỳnh Thanh Nhã 2/ ThS Nguyễn Mỹ Linh 3/ ThS Nguyễn Thị Ngọc Anh 4/ ThS Nguyễn Thành Long 5/ ThS Phạm Ngọc Thuận 6/ ThS Nguyễn Minh Thúy An 7/ ThS Võ Thái Nhựt 8/ ThS Đỗ Hữu Nghị 9/ ThS Nguyễn Thị Thúy Hồng	
3	T1.030718090658	Cấp tỉnh	Phát triển khởi nghiệp ở tỉnh Vĩnh Long đến năm 2025	Thành viên Ban chủ nhiệm TS Nguyễn Hồng Gấm	191/QĐ-SKHCN ngày 10/9/2019 của giám đốc sở KHCN tỉnh Vĩnh Long	20/9/2019	Đạt	1/ GS.TS Võ Thanh Thu 2/ GS.TS Nguyễn Đông Phong 3/ GS.TS Đoàn Thị Hồng	

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
								Vân 4/ PGS.TS Lê Thị Lanh 5/ TS Nguyễn Hồng Gấm 6/ ThS Nguyễn Mạnh Hùng 7/ ThS Hồ Minh Trung 8/ ThS Hoàng Thu Hằng 9/ ThS Phạm Quang Văn 10/ CN Thụy Yên Phương	
4		Cấp Thành phố	Phát triển du lịch đường sông thành phố Cần Thơ	Thành viên Ts. Nguyễn Quốc Nghi					
5		Cấp tỉnh	Nghiên cứu các giải pháp tăng cường hiệu quả ứng dụng khoa học và công nghệ trong doanh nghiệp ở tỉnh Bến Tre	Thành viên Ts. Nguyễn Quốc Nghi					

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phân/môn học được phân công)	Ghi chú
6		Cấp Thành phố	Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp ở TP. Cần Thơ: thực trạng và giải pháp cải thiện	Chủ nhiệm Ts. Nguyễn Quốc Nghi					
7		Cấp tỉnh	Nghiên cứu xây dựng chuỗi giá trị Jasmin đạt chuẩn GlobalGAP	Chủ nhiệm PGS.Ts. Lê Nguyễn Đoàn Khôi		2019			
8		Cấp bộ	Kinh tế - xã hội và quản lý nghề cá	Chủ nhiệm PGS.Ts. Lê Nguyễn Đoàn Khôi		2021			
9		Cấp bộ	Khả năng thâm nhập tài sản địa phương, hồi lộ và đổi mới sản phẩm của công ty con thuộc công	Chủ nhiệm PGS.Ts. Võ Văn Dứt		2019			

STT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
			ty đa quốc gia tại Việt Nam						
10		Cấp tỉnh	Nghiên cứu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp phục vụ phát triển nông thôn mới Huyện Châu Phú tỉnh An Giang	Chủ nhiệm PGS.Ts. Võ Văn Dứt		2019			

MẪU 5: Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành đào tạo (kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của công trình công bố)

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
1	Dao D.H (2021), "Restoration of production and business in the period after the covid-19 pandemic", <i>Ky yếu hội thảo quốc tế, Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, 31/12/2021</i>	
2	Dao D.H (2021), "A review of research on customers' experience, perceived value, satisfaction in the tourism industry in post-pandemic covid-19...", <i>Kỹ yếu hội thảo quốc tế, Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, 31/12/2021</i> Dao D.H (2021), "Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng du khách về khách sạn Ninh Kiều 1", <i>Tạp chí TC khoa học kinh tế và</i>	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	<i>phát triển số 5/2021, Đại học Nam Cần thơ</i>	
3	Dao D.H (2021), “ <i>Các yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của nhân viên đối với công ty 622, Quận khu 9</i> ”, <i>Tạp chí TC khoa học kinh tế và phát triển số 11/2021, Đại học Nam Cần thơ</i>	
4	Dao D.H (2020), “ <i>The effect of emotional intelligence on turnover intention and the moderating role of perceived organizational support: Evidence from the banking industry of Vietnam. Sustainability</i> ”, https://doi.org/10.3390/su12051857 , 2020	
5	Dao D.H (2020), “ <i>Consumer-based brand equity on a consumer-packaged good industry: Case study on Vinamilk</i> ”, <i>Sustainability</i> , 2019	
6	Dao D.H (2018), “ <i>Retail market in Vietnam in the context of the network industry 4.0. In The 1st International Conference on Commerce and Distribution</i> ”, <i>Da Nang – Vietnam: Agriculture Publishing House</i> , 2018, pp. 219–230	
7	Dao D.H (2019), “ <i>Research for sharing economy business models and suggestions for mekong companies</i> ”, <i>International Workshop At Nam Can Tho University</i> , 2019, pp. 114-128	
8	Dao D.H (2019), “ <i>Factors affect the retail service quality of some of the coopmart in the region of cau long river</i> ”, <i>International Workshop At Nam Can Tho University</i> , 2019, pp. 140-149	
9	Dao D.H (2019), “ <i>The Strategy of Innovative Development of Cross-Border E-Commerce Platforms in Vietnam</i> ”, 9-10 March 2019, Japan	
10	Dao D.H (2019), “ <i>Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng và gắn kết của viên chức đối với đài phát thanh và truyền hình, TP. Cần Thơ</i> ”, <i>TC khoa học kinh tế và phát triển, Đại học Nam Cần Thơ</i> , 8-2019	
11	Dao D.H (2019), “ <i>Chiến lược phát triển kinh doanh đài phát thanh và truyền hình TP. Cần Thơ Tầm nhìn đến 2025</i> ”, <i>TC khoa học kinh tế và phát triển, Đại học Nam Cần Thơ</i> , 8-2019	
12	Dao D.H (2019), “ <i>Các yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn Đài truyền hình TP. Cần Thơ để cung cấp dịch vụ quảng cáo</i> ”, <i>TC khoa học Đại học Tây Đô</i> , 6-2019.	
13	Dao D.H (2018), “ <i>Đào tạo nguồn nhân lực cho hệ thống ngân hàng thương mại trong CM 4.0</i> ”, <i>NXB thông tin truyền thông</i> , 2018, pp. 69-79	
14	Dao D.H (2018), “ <i>Ngành học quản trị nguồn nhân lực trong bối cảnh CMCN 4.0</i> ”, <i>Tạp chí trường ĐH TC-Marketing</i> , 2018,	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	<i>pp. 48-59</i>	
15	Dao D.H (2018), “Các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ tự nguyện của các công ty khi công bố thông tin niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán”, <i>TC khoa học Kinh tế và phát triển, Đại học Nam Cần Thơ, 8-2018</i>	
16	Dao D.H (2018), “Bán hàng đa kênh cơ hội và thách thức cho DN vừa và nhỏ Việt Nam; kỹ yếu hội thảo trường đại học Tài chính- Marketing”, <i>Tạp chí trường Đại học TC-Marketing, 2018, pp. 70- 82.</i>	
17	Dao D.H (2018), “Các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên trung tâm truyền hình Việt Nam tại Cần Thơ”, <i>TC khoa học kinh tế và phát triển, Đại học Nam Cần Thơ, 2018, pp. 3-17</i>	
18	Dao D.H (2018), “Ảnh hưởng của trải nghiệm khách hàng đối với thương hiệu trong thị trường điện thoại thông minh, tại TP. Hồ Chí Minh”, <i>Hội thảo quốc tế, NXB Nông Nghiệp, 2018</i>	
19	Dao D.H (2018), “Thương mại Việt Nam : Hiện trạng và giải pháp phát triển 2030”, <i>Hội thảo quốc tế Đại học Đà Nẵng, NXB Đà Nẵng, 2018</i>	
20	Dao D.H (2018), “Cảm nhận thương hiệu điện thoại thông minh của khách hàng tại TP.HCM”, <i>Hội thảo quốc tế Đại học Đà Nẵng, NXB Đà Nẵng, 2018</i>	
21	Dao D.H (2018), “Các yếu tố ảnh hưởng đến tính hiệu quả của kiểm soát ngân sách qua kho bạc tỉnh An Giang”, <i>Tạp chí nghiên cứu khoa học và phát triển kinh tế, Đại học Tây Đô, 2018</i>	
22	Dao D.H (2018), “Hợp tác giữa các trường đại học và doanh nghiệp trong đào tạo Đại học”, <i>NXB Đại học Đà Nẵng, 2018, pp. 625-632</i>	
23	Dao D.H (2018), “Ngành bán lẻ trong cuộc CM 4.0 Tại Việt Nam”, <i>Tạp chí trường Đại học Tài chính Marketing, 2018, pp. 70-82</i>	
24	Dao D.H (2018), “Đào tạo nguồn nhân lực cho ngành ngân hàng”, <i>Tạp chí nghiên cứu khoa học và phát triển kinh tế, Đại học Tây Đô, 2018</i>	
25	Dao D.H (2017), “Nâng cao hiệu quả quản trị dự án vốn nhà nước tại TP. Cần Thơ”, 2017	
26	Dao D.H (2017), “Các yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của giao dịch viên tối với công việc, tại ACB”, <i>TC khoa học phát triển và hội nhập, Đại học kinh tế - Tài chính TP.HCM, 2017, pp. 193-200</i>	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
27	Dao D.H (2017), " <i>Quỹ bảo hiểm hưu trí</i> ", <i>Tạp chí nghiên cứu khoa học và phát triển kinh tế</i> , Đại học Tây Đô, 2017	
28	Dao D.H (2020), " <i>The Impact of Perceived Brand Globalness on Consumers' Purchase Intention and the Moderating Role of Consumer Ethnocentrism: An Evidence from Vietnam</i> ", <i>Journal of International Consumer Marketing</i> , 2020, pp. 47-68	
29	Dao D.H (2020), " <i>The Effect of Emotional Intelligence on Turnover Intention and the Moderating Role of Perceived Organizational Support: Evidence from the Banking Industry of Vietnam</i> ", <i>Sustainability</i> , 2020	
30	Dao D.H (2020), " <i>Vietnamese Consumer Attitudes towards Smartphone Advertising</i> ", <i>Journal of Asian Finance, Economics and Business</i> , 2020, pp. 195-204	
31	Dao D.H (2020), " <i>An Empirical Assessment of Organizational Commitment and Job Performance: Vietnam Small and Medium-Sized Enterprises</i> ", 2020, pp. 277-286	
32	Dao D.H (2020), " <i>A research on factors affecting the job satisfaction and organizational loyalty of medical doctors at public hospitals in Vietnam</i> ", <i>Journal of Asian Finance, Economics and Business</i> , 2020	
33	Dao D.H (2020), " <i>The Determinants of Entrepreneurial Cognitions: Start-Up Intentions of Ho Chi Minh City University Students, Vietnam</i> ", <i>Entrepreneurship and Sustainability Issues</i> , 2020	
34	Dao D.H (2020), " <i>A Model of Factors Affecting Entrepreneurial Intention among Information Technology Students in Vietnam</i> ", <i>Journal of Asian Finance, Economics and Business</i> , 2020	
35	Dao D.H (2020), " <i>Customer Satisfaction with Less than Container Load Cargo Services in HoChiMinh City, Vietnam</i> ", <i>Journal of Asian Finance, Economics and Business</i> , 2020	
36	Dao D.H (2020), " <i>The Influence of Website Quality on Consumer's E-Loyalty through The Mediating Role of E-Trust and E-Satisfaction: An Evidence from Online Shopping in Vietnam</i> ", <i>Uncertain Supply Chain Management</i> , 2020, pp. 351-370	
37	Dao D.H (2020), " <i>The impact of human resource management practices on employee engagement and moderating role of gender and marital status: An evidence from the Vietnamese banking industry</i> ", <i>Management Science Letters</i> , 2020, pp. 1633-1648	
38	Dao D.H (2020), " <i>A Model of Organizational Culture for Enhancing Organizational Commitment in Telecom Industry: Evidence from Vietnam</i> ", <i>WSEAS Transactions on Business and Economics</i> , 2020, pp. 215-224	
39	Dao D.H (2020), " <i>A Model of Factors Influencing Behavioral Intention to Use Internet Banking and the Moderating Role of</i>	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	<i>Anxiety: Evidence from Vietnam</i> ", WSFEAS Transactions on Business and Economics, 2020	
40	Dao D.H (2020), "An empirical analysis of mobile banking adoption in Vietnam", <i>Gestao E Sociedade</i> , 2020, pp. 3365-3393	
41	Dao D.H (2020), "A Model of Factors Affecting Savings Deposit Decision of Individual Customers at Vietnamese Commercial Banks", <i>Journal of Asian Finance Economics and Business</i> , 2020	
42	Dao D.H (2020), "The Effect of Heuristic and Herding Biases on Investment Decision Making and Investment Performance: A Survey on Individual Investors at The Vietnamese Stock Exchange", <i>International Journal of Management and Decision Making</i> , 2020	
43	Dao D.H (2020), "Exploring the Relationship between WeChat Usage and E-purchase Intention during the COVID-19 Pandemic among University Students in China", <i>SAGE Open</i> , 2020	
44	Dao D.H (2020), "Determinates of factors influencing job satisfaction and organizational loyalty", <i>Management Science Letters</i> , 2020	
45	Dao D.H (2020), "A Model of Factors Affecting Entrepreneurial Intention among Information Technology Students in Vietnam", <i>Journal of Asian Finance, Economics and Business</i> , 2020	
46	Dao D.H (2020), "Customer Satisfaction with Less than Container Load Cargo Services in HoChiMinh City, Vietnam", <i>Journal of Asian Finance, Economics and Business</i> , 2020	
47	Dao D.H (2020), "The impact of social support on job-related behaviors and the moderating role of locus of control: Evidence from the Vietnamese banking industry", <i>Cogent Business & Management</i> , 2020	
48	Dao D.H (2021), "The effect of social support on job performance through the mediating role of organizational commitment and innovative work behavior in The Vietnam Small and Medium-Sized Enterprises", <i>International Journal of Organizational Analysis</i> , 2021	
49	Dao D.H (2021), "The Antecedents and Consequences of Work-Family Balance among Female Faculty: A Study of Bangladesh", <i>Journal of Educational Psychology</i> , 2021	
50	Dao D.H (2021), "The effect of transformational leadership on employee work outcomes through the mediating role of public service motivation and the moderating role of power distance: An evidence from local governmental organizations in Vietnam", <i>American Review of Public Administration</i> , 2021	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
51	Dao D.H (2021), "A model of human resource management practices for employee engagement to enhancing service-oriented organizational citizenship behaviors and the moderating role of positive psychological capital: Evidence from the Vietnamese banking industry", <i>Organizational Behavior and Human Decision Processes</i> , 2021	
52	Dao D.H (2021), "How Store Image Affect New International Fashion Brand Loyalty in Hochiminh City", <i>Transportation Research Procedia</i> , 2021	
53	Dao D.H (2021), "The effect of service quality on passenger loyalty and the mediating roles of perceive value, airline image, passenger trust, and satisfaction: A Study of domestic flights with Vietnamese Low-Cost Airlines", <i>Transportation Research Procedia</i> , 2021	
54	Dao D.H (2020), "Ảnh hưởng của vốn tâm lý, tính cách cá nhân đến sự gắn kết công việc của nhân viên khách sạn tại TP. Hồ Chí Minh", <i>Tạp chí khoa học trường Đại học Trà Vinh</i> , 2020	
55	Dao D.H (2020), "Đo lường chất lượng dịch vụ tiền gửi tiết kiệm cá nhân tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam-Mười năm nhìn lại", <i>Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ</i> , 2020	
56	Dao D.H (2020), "Tác động của các yếu tố hành vi đến quyết định và hiệu quả đầu tư của nhà đầu tư cá nhân trên thị trường chứng khoán TP. Hồ Chí Minh", <i>Tạp chí Kinh tế - Kỹ Thuật</i> , 2020	
57	Dao D.H (2020), "Nâng cao sự gắn kết của nhân viên với tổ chức: nghiên cứu thực nghiệm tại công ty trách nhiệm hữu hạn Hùng Cả", <i>Tạp chí khoa học Văn Hiến</i> , 2020	
58	Dao D.H (2020), "Giáo trình Cao học Quản trị Chiến lược- Cập nhật BSC", NXB Tài chính, 2020	
59	Dao D.H (2019), "Giáo trình cao học phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh cập nhật SmartPLS", NXB Tài chính, 2019	
60	Dao D.H (2019), "The effect of transformational leadership on job performance through the mediation of job satisfaction: The case of Vietnamese state-owned organizations", <i>The Korean Association for Public Administration</i> , 2019	
61	Dao D.H (2019), "The effect of Emotional intelligence on Turnover intention through the mediation of work-life conflict: The case of commercial bankers in Vietnam", <i>Theory and Applications in the Knowledge Economy Conference</i> , 2019	
62	Dao D.H (2019), "Strategies Influencing Work-Family Balance among Female Faculty: A Study of Bangladesh", <i>NIDA International Conference for Case Studies on Development Administration</i> , Bangkok, Thailand	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
63	Dao D.H (2019), "An Integrated Model for Customer's E-Loyalty: An Evidence from Online Shopping in Vietnam", <i>Third International Workshop on Entrepreneurship in Electronic and Mobile Business (IWEMB 2019) Conference in Vestfold, Norway</i>	
64	Dao D.H, "An empirical analysis of mobile banking adoption in Can Tho city, Vietnam", <i>NCTU international conference, Can Tho, Vietnam</i>	
65	Dao D.H, "Ảnh hưởng của các yếu tố văn hóa doanh nghiệp đến sự gắn bó của nhân viên với tổ chức tại Công ty CP CMC Telecom Thành Phố Hồ Chí Minh", <i>Tạp chí Kinh tế - Kỹ thuật</i>	
66	Dao D.H (2017), "Ảnh hưởng của các yếu tố chất lượng cuộc sống nơi làm việc đến sự gắn kết với tổ chức của nhân viên ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu tại TP. HCM", <i>Tạp chí khoa học Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học, 2017</i>	
67	Dao D.H (2017), "Improving the quality of human resources in the administrative units in O Mon district", <i>International conference, Can Tho, Vietnam, 2017</i>	
68	Nguyen H.G (2017), "Rào cản trong thương mại quốc tế và giải pháp vượt qua cho các doanh nghiệp chế biến nông sản ở ĐBSCL", <i>Bài báo, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam, số 03, 2017</i>	
69	Nguyen H.G (2017), "Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để phát triển kinh tế - xã hội ĐBSCL một cách bền vững", <i>Bài báo, Tạp chí Khoa học Cần Thơ, số 04(62), 2017.</i>	
70	Nguyen H.G (2018), "Tăng cường quản lý hoạt động liên kết đào tạo nhằm góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ĐBSCL hiện nay" <i>Bài báo, Tạp chí Khoa học Cần Thơ, số 01(69), 2018</i>	
71	Nguyen H.G (2018), "Chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu – Thực trạng và giải pháp" <i>Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: Social, Ecological and Economic Transformation in VietNam: Theories and Practices, 2018</i>	
72	Nguyen H.G (2018), "Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo ĐBSCL, thực trạng và giải pháp", <i>Kỷ yếu Hội thảo, Trường Đại học Kinh tế TP HCM, NXB Thông tin và Truyền thông, ISBN: 978-604-80-3565-5</i>	
73	Nguyen H.G (2019), "Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo ĐBSCL. - Thực trạng và giải pháp", <i>Bài báo, Tạp chí Khoa học Cần Thơ số 01(67)</i>	
74	Nguyen H.G (2019), "Chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu – Thực trạng và giải pháp", <i>Bài báo, VNU Journal of Science: Policy and Management Studies, Vol. 35, No. 2 (2019) 84-95; e-ISSN</i>	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	2588-1116	
75	Nguyen H.G (2020), “Nguồn nhân lực chất lượng cao với sự nghiệp phát triển thành phố Cần Thơ theo tinh thần Nghị quyết 45-NQ/TW của Bộ Chính trị”, <i>Tạp chí Khoa học & Kinh tế phát triển Số 9/2020 ISSN 2588 1272</i>	
76	La N.T.D (2019), “Factors influencing linkage risk between farmers and enterprises in the shrimp supply chain: a case study of Bac Lieu province”, <i>International Journal of Scientific and Education Research</i> , 03(2), pp. 75-85,	
77	Nguycn Q.N (2021), “The Effect of Employees' Job Satisfaction on Customer Satisfaction and Loyalty: An Empirical Study in Vietnam”, <i>The Journal of Asian Finance, Economics and Business</i> , 8(12), pp. 253-260	
78	Nguyen Q.N (2021), “Impacts of pushing and pull factors on tourist satisfaction and return intention towards river tourism in Can Tho city, Vietnam”, <i>GeoJournal of Tourism and Geosites</i> , vol.38, No.4, pp. 1011-1016	
79	Nguycn Q.N (2021), “The role of relationship quality and loyalty between rice farmers and food companies in supply chain”, <i>The role of relationship quality and loyalty between rice farmers and food companies in supply chain</i> , pp. 851-856	
80	Nguycn Q.N (2021), “The relationships among service failure, service recovery, customer satisfaction and trust at international hospitals: A Case in Vietnam”, <i>Uncertain Supply Chain Management. Vol.9 (2021)</i> , pp. 887-896.	
81	Nguyen Q.N (2021), “Factors impacting online complaint intention and service recovery expectation: The case of e-banking service in Vietnam”, <i>International Journal of Data and Network Science. Vol.5 (2021)</i> , pp. 659-666	
82	Nguycn Q.N (2021), “The importance of website quality to brand loyalty: The case study of beauty salons in Vietnam”, <i>International Journal of Data and Network Science. Vol.5 (2021)</i> , pp. 775-784.	
83	Nguycn Q.N (2021), “The Impact of Service Recovery on Satisfaction and Word of Mouth of International Tourists Towards Homestays: An Empirical Study in Vietnam”, <i>Journal of Asian Finance, Economics and Business. Vol.8, No 8</i> , pp. 593-600.	
84	Nguyen Q.N (2020), “Creativity of Tour Guides in the Mekong Delta, Vietnam”, <i>International Journal of Progressive Sciences and Technologies. Vol.2, No.2</i> , pp. 235-238	
85	Nguycn Q.N (2020), “The impact of occupational stress on job satisfaction and job performance of banking credit officers”, <i>Management Science Letters, Vol.10, Issue 16</i> , pp. 3891-3898.	
86	Nguycn Q.N (2020), “The impacts of listening to customer satisfaction and loyalty towards banks”, <i>ESPACIOS, Vol. 41 (32)</i> , pp. 202-210	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
87	Nguyen Q.N (2020), "Permission email marketing affects customers' perception, attitude, and intention of using e-banking services in Vietnam", <i>International Journal of Advanced Trends in Computer Science and Engineering</i> , Vol. 9 (5), pp. 8988-8994.	
88	Nguyen Q.N (2020), "Factors Affecting Tourist Satisfaction with Culinary Specialties of An Giang Province", <i>Vietnam, European Academic Research</i> , Vol.8, Issue 1 , pp.359- 369.	
89	Nguyen Q.N (2020), "Factors affecting creativity of university lecturers in Vietnam", <i>ESPACIOS</i> , Vol. 41(23) Scopus Index , pp. 201- 210	
90	Nguyen Q.N (2020), "Relationships among novelty seeking, satisfaction, return intention, and willingness to recommend of foreign tourists in Vietnam", <i>Management Science Letters</i> , Vol.10 Issue 10. Scopus Index, pp. 2249- 2258	
91	Nguyen Q.N (2020), "Application of Lean Management Tool to Improve Working Efficiency of Tay Do University's Units", <i>International Journal of Business Marketing and Management</i> , Vol 5, Issue 2 , pp.49-56	
92	Nguyen Q.N (2019), "Giải pháp hoàn thiện chuỗi giá trị lúa gạo huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ", <i>Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ</i> . Tập 55, Số 1D, pp.101- 108	
93	Nguyen Q.N (2019), "Các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế của người nộp thuế thu nhập cá nhân ở TP. Cần Thơ", <i>Tạp chí Kinh tế - Kỹ thuật</i> , số 2, pp.44-53	
94	Nguyen Q.N (2019), "Analyze the relationship between foreign ownership proportion and total factor productivity of pharmaceutical firms in Vietnam", <i>International Journal of Social Science and Economic Research</i> , Vol. 4, No. 8., pp.5354-5369	
95	Nguyen Q.N (2019), "The role of employees in organizational branding: Case study of Vietnamese commercial banking system", <i>International Journal of Scientific and Education Research</i> , Vol. 3, No.3., pp.67-77	
96	Nguyen Q.N (2019), "Factors influencing the labor restructuring from agriculture to non-agriculture sectors in Can Tho city", <i>International Journal of Scientific and Education Research</i> , Vol. 3, No.2., pp.64-74	
97	Nguyen Q.N (2019), "Các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ hấp dẫn của loại hình du lịch nông thôn ở huyện Phong Điền, TP. Cần Thơ", <i>Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Nai</i> , số 14, pp.29-38	
98	Nguyen Q.N (2018), "Mối quan hệ giữa chất lượng website, ấn tượng thương hiệu và lòng trung thành ngân hàng", <i>Tạp chí</i>	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	<i>Ngân hàng, số 20,10, pp.23-29</i>	
99	Nguyen Q.N (2018), " <i>Hàm ý quản trị nâng cao hiệu quả qua công việc của nhân viên ngành du lịch ở Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang</i> ", <i>Tạp chí Khoa học Đại học Văn Hiến, tập 6 số 2, pp.79-85</i>	
100	Nguyen Q.N (2018), " <i>Agricultural commodity development: A case study of farming households in Chau Thanh A district, Hau Giang province</i> ", <i>The International Journal of Engineering and Science, Vol. 7, Issue 10, Ver IV, pp. 68-74</i>	
101	Nguyen Q.N (2018), " <i>Factors Influencing The Relationship Quality Between Shrimp Farmers And Processing Enterprises In The Mekong Delta</i> ", <i>International Journal of Business and Management Invention, Vol. 7, Issue 9, pp.45-51</i>	
102	Nguyen Q.N (2018), " <i>Factors Affecting The Collective Trademark Building Intention Of Fruit Farming Households In Phong Dien District, Can Tho City</i> ", <i>The International Journal of Engineering and Science, Vol. 7, Issue 9, pp.48-53</i>	
103	Nguyen Q.N (2018), " <i>Giải pháp tháo gỡ các điểm nghẽn trong phát triển du lịch vùng ĐBSCL</i> ", <i>Tạp chí Du lịch Việt Nam, số 05, pp. 60-61</i>	
104	Nguyen Q.N (2018), " <i>Phân tích chuỗi giá trị chôm chôm ở Phong Điền, TP. Cần Thơ</i> ", <i>Tạp chí Hội nhập và Phát triển, số 5+6, pp.64-72</i>	
105	Nguyen Q.N (2018), " <i>Khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ nuôi tôm sú ở khu vực ĐBSCL</i> ", <i>Tạp chí Kinh tế - Kỹ thuật, số 22, pp.1-8</i>	
106	Nguyen Q.N (2018), " <i>Mức giá mong đợi của du khách đối với đặc sản nhà làm ở huyện Phong Điền</i> ", <i>Tạp chí khoa học Đại học Cần Thơ, tập 56, pp.115- 125</i>	
107	Nguyen Q.N (2018), " <i>Các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu học tập từ xa ở khu vực ĐBSCL</i> ", <i>Tạp chí khoa học Đại học Cần Thơ, tập 54, pp.175- 186</i>	
108	Nguyen Q.N (2017), " <i>Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng khi tham gia nghiên cứu khoa học của giảng viên trẻ Trường Đại học Cần Thơ</i> ", <i>Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ, số 51C, pp.41-52</i>	
109	Nguyen Q.N (2017), " <i>Factors affecting the local residents' support on tourism development in Phong Dien district, Can Tho city</i> ", <i>American Journal of Theoretical and Applied Business, Volume 3, Issue 2, pp.31-35</i>	
110	Nguyen Q.N (2017), " <i>Sơ sánh hiệu quả tài chính chăn nuôi sinh thái và chăn nuôi truyền thống: trường hợp ở huyện Phong Điền, TP. Cần Thơ</i> ", <i>Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ, số 50D, pp.80-86</i>	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
111	Nguyen Q.N (2017), "Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận dự án phi chính phủ ở tỉnh Sóc Trăng", <i>Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Nai</i> , số 05, pp.31-40	
112	Nguyen Q.N (2017), "Xu hướng lựa chọn điểm mua hàng của du khách khi đến quận Ninh Kiều", <i>Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ</i> , số 48C, pp.55-63	
113	Võ Văn Dứt (2022), "The Role of R&D Intensity on the Export Intensity of Enterprises in Transition Economy: the Case of Vietnam", <i>Journal of Asian Finance, Economics and Business (WoS, Scopus, Q3)</i>	
114	Võ Văn Dứt (2022), The moderating role of subsidiary size on the association between institutional distance and subsidiary's access to complementary local assets: evidence from Vietnam., <i>Journal of Asia Business Studies (WoS, Scopus, Q2)</i>	
115	Võ Văn Dứt (2022), Internal determinants of export performance of small and medium enterprises in Vietnam, <i>International Journal of Advanced and Applied Sciences (WoS, Scopus)</i>	
116	Võ Văn Dứt (2021), The effects of labor characteristics on firm productivity: empirical evidence from Vietnam, <i>VNU Journal of Science: Economics and Business</i>	
117	Võ Văn Dứt (2021), The moderating role of R&D intensity on the association between external embeddedness and subsidiary product innovation: evidence from Vietnam., <i>Asia Pacific Business Review (WoS, Scopus, Q2)</i>	
118	Võ Văn Dứt (2021), Determinants of liquidity of commercial banks: Empirical evidence from the Vietnamese stock exchange., <i>Journal of Asian Finance, Economics and Business (WoS, Scopus, Q2, per April, 2021)</i>	
119	Võ Văn Dứt (2021), Index future trading and spot market volatility in frontier markets: Evidence from Ho Chi Minh Stock Exchange., <i>Asia-Pacific Financial Markets (Scopus, Q4) WoS, Scopus, Q2, April, 2021</i>	
120	Võ Văn Dứt (2021), Ảnh hưởng của quốc tế hóa đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội., <i>Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế</i>	
121	Võ Văn Dứt (2021), A 21-Year Review of Research on the Effect of Internationalization on Firm Financial Performance and Research Agenda, <i>VNU Journal of Science: Economics and Business</i>	
122	Võ Văn Dứt (2021), Ảnh hưởng của quy mô và thành viên hội đồng quản trị đến mức độ quốc tế hóa của các doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, <i>Tạp chí Kinh tế và Kinh doanh, Đại học quốc gia Hà Nội</i>	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
123	Võ Văn Dứt (2021), Ảnh hưởng của cấu trúc sở hữu đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam., Tạp chí Kinh tế và Phát triển	
124	Võ Văn Dứt (2020), The impact of ownership structure on listed firms' performance in Vietnam., Journal of Asian Finance, Economics and Business (WoS, Scopus, Q2)	
125	Võ Văn Dứt (2020), Ảnh hưởng của phương thức gia nhập thị trường đến việc thâm nhập tài sản địa phương của công ty đa quốc gia tại Việt Nam., Tạp chí Kinh tế và Phát triển	
126	Võ Văn Dứt (2019), The determinants of economic efficiency of two rice crops in Chau Phu District, An Giang Province, Journal of Trade Science	
127	Võ Văn Dứt (2019), Ảnh hưởng của khác biệt thể chế đến hồi lộ của các công ty đa quốc gia tại Việt Nam: vai trò của cấu trúc quyền sở hữu, Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế	
128	Võ Văn Dứt (2018), The impact of institutional distance on the choice of multinational enterprise's entry mode: Theory and empirical evidence from Vietnam, Asian Journal of Business and Accounting (WoS, Scopus, Q3)	
129	Võ Văn Dứt (2018), Mass Rapid Transit in Kuala Lumpur, Malaysia: Accessibility and Connectivity Challenges, Working paper series, Massachusetts Institute of Technology Press	
130	Võ Văn Dứt (2018), Does national institutional difference matter to access to complementary local assets of subsidiaries? The role of subsidiary size, Conference Proceedings, 1st International Conference on Contemporary Issues in Economics, Management and Business, November, 29th - 30th, 2018, Hanoi Vietnam.	
131	Võ Văn Dứt (2018), Khoảng cách quốc gia ảnh hưởng như thế nào đến thâm nhập tài sản địa phương của công ty đa quốc gia tại Việt Nam?, Tạp chí Kinh tế và Phát triển	
132	Võ Văn Dứt (2018), Tác động của khoảng cách ngôn ngữ đến việc thâm nhập tài sản địa phương của công ty đa quốc gia, Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế	
133	Võ Văn Dứt (2018), Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế của mô hình lúa hai vụ tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, Tạp chí Khoa học thương mại	
134	Võ Văn Dứt (2018), So sánh hiệu quả kinh tế của mô hình lúa hai vụ và lúa ba vụ tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, Tạp chí Khoa học Đại học quốc gia Hà Nội	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
135	Võ Văn Dứt (2018), Phân tích hiệu quả kỹ thuật của hộ trồng lúa hai vụ tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, Tạp chí Công Thương	
136	Võ Văn Dứt (2017), External linkages and product innovation: Theory and empirical evidence from subsidiaries in Vietnam, International Journal of Economics and Management (SCOPUS)	
137	Võ Văn Dứt (2017), Subsidiary decisionmaking autonomy: Review and future research frontier, Southeast Asia Review of Economics and Business	
138	Võ Văn Dứt (2017), How does institutional distance affect access to complementary local assets of multinational subsidiaries? Do subsidiary size and age really matter?, UHD-CTU annual economics and business conference proceedings - 2017, 13th January 2017, Can Tho University, Can Tho city, Vietnam (ISSN: 2472-9329 (Print) 2472-9310 (Online))	
139	Võ Văn Dứt (2017), Determinants of mandatory disclosure of listed companies in Hanoi stock exchange, UHD-CTU annual economics and business conference proceedings - 2017, 13th January 2017, Can Tho University, Can Tho city, Vietnam (ISSN: 2472-9329 (Print) 2472-9310 (Online))	
140	Võ Văn Dứt (2017), How does international experience affect the relationship between cultural difference and the export intensity of firm?, UHD-CTU annual economics and business conference proceedings - 2017, 13th January 2017, Can Tho University, Can Tho city, Vietnam (ISSN: 2472-9329 (Print) 2472-9310 (Online))	
141	Võ Văn Dứt (2017), Các yếu tố khoảng cách quốc gia ảnh hưởng như thế nào đến xuất khẩu của nền kinh tế Việt Nam?, UHD-CTU annual economics and business conference proceedings - 2017, 13th January 2017, Can Tho University, Can Tho city, Vietnam (ISSN: 2472-9329 (Print) 2472-9310 (Online))	
142	Võ Văn Dứt (2017), Tác động của khác biệt thể chế đến kết quả xuất khẩu của các doanh nghiệp Việt Nam: Vai trò của kinh nghiệm quốc tế, Tạp chí Phát triển khoa học và công nghệ (ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh)	
143	Võ Văn Dứt (2017), Ảnh hưởng của nguồn lực doanh nghiệp đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam, Tạp chí khoa học và công nghệ	
144	Võ Văn Dứt (2017), Ảnh hưởng của khoảng cách đến lượt khách quốc tế đến các quốc gia ASEAN, Tạp chí khoa học Trường ĐH Mở TP. Hồ Chí Minh	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
145	Nguyễn Văn Tạc (2018). Phân tích các yếu tố ảnh hưởng hiệu quả quy mô của nông hộ nuôi cá tra ở TP Cần Thơ. Tạp chí khoa học & Kinh tế Phát triển, Đại học Nam Cần Thơ. số 2, 67 – 78.	
146	Nguyễn Văn Tạc (2018). Bảo Hiểm Nông Nghiệp: Kinh nghiệm áp dụng ở các nước và khả năng áp dụng ở Việt Nam. Tạp chí khoa học & Kinh tế Phát triển, Đại học Nam Cần Thơ. số 3, 45 –57.	
147	Nguyễn Văn Tạc và Nguyễn Tri Khiêm (2018). Thiết kế và tính phí sản phẩm bảo hiểm cây lúa ở Đồng Bằng Sông Cửu Long. Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, số 10 (485), 79 – 88.	
148	Nguyễn Văn Tạc và Nguyễn Tri Khiêm (2019). Mức sẵn lòng trả phí bảo hiểm cho sản xuất lúa của nông hộ ở tỉnh Hậu Giang. Tạp chí Kinh tế và Phát triển, số 269, 72 – 81.	
149	Nguyễn Tri Khiêm và Lê Kiều Oanh (2019). Nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của phụ nữ nông thôn tại thành phố Cần Thơ. Tạp chí Khoa học & Kinh tế phát triển. Đại học Nam Cần Thơ, Số 7, 2019.	
150	Nguyễn Tri Khiêm và Nguyễn Minh Hiếu (2019). Nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của người lao động ở Tập đoàn Dầu khí. Tạp chí Khoa học & Kinh tế phát triển. Đại học Nam Cần Thơ, Số 5+6, 2019.	
151	Nguyễn Tri Khiêm và Nguyễn Lan Duyên (2019). Ảnh hưởng của quy mô đất đến năng suất nhân tố tổng hợp của hộ trồng lúa đồng bằng sông Cửu Long. Tạp chí Kinh tế & Phát triển. Đại học kinh tế Quốc dân, Số 265, 2019.	
152	Nguyễn Tri Khiêm và Nguyễn Lan Duyên. Ảnh hưởng của quy mô đất đến tỉ suất lợi nhuận của hộ trồng lúa đồng bằng sông Cửu Long. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, Số chuyên đề Kinh tế 55, 2019.	
153	Nguyễn Văn Tạc và Nguyễn Tri Khiêm (2020). Mức sẵn lòng trả phí bảo hiểm cho sản xuất lúa của nông hộ ở Đồng bằng sông Cửu Long. Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, số 1 (500), 86 – 96.	
154	Nguyễn Văn Tạc và Nguyễn Tri Khiêm (2020). Rice insurance premium design in the Mekong Delta. Proceedings of the first international Conference in Economics & Business. Can Tho University, ISBN: 978-604-965-310-0, 345-365.	
155	Nguyễn Văn Tạc và Nguyễn Tri Khiêm (2020). Willingness to pay for crop insurance of rice farmers in the Mckong Delta. Proccedings of the first international Conference in Economics & Business. Can Tho University, ISBN: 978-604-965-310-0, 366-382.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
156	Nguyễn Văn Tạc và Nguyễn Tri Khiêm (2021). Thiết kế và tính phí hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp. Trường hợp bảo hiểm cây lúa ở tỉnh Hậu Giang. Tạp chí Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn, số 2/2021, trang 141– 149.	
157	Đoàn Hoài Nhân và Đỗ Văn Xê (2016). Phân tích hiệu quả kỹ thuật, hiệu quả phân phối nguồn lực của hộ trồng dưa hấu tại huyện Phong Điền thành phố Cần Thơ. Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ, (42), trang 9-14	
158	Đoàn Hoài Nhân và Đỗ Văn Xê (2016). Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả canh tác của hộ trồng dưa hấu tại thành phố Cần Thơ. Tạp chí Phát triển Kinh tế, 27(3), trang 98-116	
159	Trần Hồng Minh Ngọc và Lưu Thanh Đức Hải (2019). Yếu tố cấu thành giá trị thương hiệu ảnh hưởng đến quyết định mua sắm của người tiêu dùng: Trường hợp siêu thị bán lẻ tại ĐBSCL. Tạp chí khoa học và kinh tế phát triển, Đại học Nam Cần Thơ số 05+06. Trang 227-244.	
160	Vũ Lê Duy và Trần Hồng Minh Ngọc (2019). Phân tích quyết định lựa chọn nơi mua sắm của người tiêu dùng đối với kênh phân phối bán lẻ hiện tại tại thành phố Cần Thơ. Tạp chí khoa học và kinh tế phát triển, Đại học Nam Cần Thơ số 05+06. Trang 245-254.	
161	Hà Nguyễn Tuyết Minh và Nguyễn Thị Diễm Thương (2019). Hiệu quả kỹ thuật của các NHTM Việt Nam có tham gia sáp nhập giai đoạn 2011-2016. Tạp chí khoa học và kinh tế phát triển, Đại học Nam Cần Thơ số 05+06. Trang 265-280.	
162	Trần Trung Chuyển và Huỳnh Hải Đăng (2019). Thực trạng và giải pháp thúc đẩy đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam. Tạp chí khoa học và kinh tế phát triển, Đại học Nam Cần Thơ số 05+06, trang 175-188.	
163	Ngoc Tran & Hai Luu (2018). Modelling the Influence of Customer-based Retail Supermarket Brand Equity in the Purchase Intention: The case of Mekong Delta. National Conference “Economic & Business Development in Vietnam in the Context of Globalisation”	
164	Ngoc Tran & Hai Luu (2019). Establishing the Research Model of Factors Forming the Branch Value that Affects the Customers' Purchasing Decision on Retail Supermarkets in Mekong Delta. Journal of Economics and Forecast, No.33	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
165	Duy Vu & Ngoc Tran (2019). Factors Affecting Choice of Consumers in Selecting Shopping Place in Modern Retail Distribution Channels in Can Tho city. Journal of Science and Development Economics, No.25	
166	Lý Quốc Vinh và Trần Trung Chuyển (2019). Ước lượng mức sẵn lòng chi trả và các yếu tố ảnh hưởng đến mức sẵn lòng chi trả: nghiên cứu trường hợp dịch vụ 3G của Mobiphone. Tạp chí khoa học và kinh tế phát triển, Đại học Nam Cần Thơ số 05+06. Trang 213-228.	
167	Huỳnh Minh Trường và Trần Trung Chuyển (2019). Phân tích tác động của hoạt động truyền thông đến nhận biết nhãn hàng giải độc gan Naturenz. Tạp chí khoa học và kinh tế phát triển, Đại học Nam Cần Thơ số 05+06. Trang 201-212.	
168	Vũ Lê Duy và Trần Hồng Minh Ngọc (2019). Phương pháp giảng dạy chủ động ở bậc đại học theo xu hướng phát huy tính tích cực của sinh viên. Tạp chí khoa học và kinh tế phát triển, Đại học Nam Cần Thơ số 05+06. Trang 245-261.	
169	Trần Trung Chuyển và Nguyễn Tri Khiêm (2020). Mô hình doanh nghiệp trong trường Đại học - hướng đến nâng cao chất lượng đào tạo. Kỷ yếu Hội thảo mô hình doanh nghiệp trong trường Đại học. 2020.	
170	Dư Quốc Chí (2016). Mối quan hệ giữa mức độ thỏa mãn công việc và sự gắn kết của nhân viên đối với tổ chức: Trường hợp VNPT Cần Thơ. Tạp chí Khoa học Đại học Quốc Gia Hà Nội.	
171	Nguyễn Minh Tiến và Hồ Thị Khánh Thành (2018). Giáo trình Nguyên lý kế toán. Xuất bản lần 1. Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ. TP. Cần Thơ.	
172	Nguyễn Minh Tiến và Hồ Thị Khánh Thành (2018). Giáo trình Kế toán tài chính 1. Xuất bản lần 1. Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ. TP. Cần Thơ.	
173	Tran Trung Chuyen, Nguyen Tri Khiem (2021). Assessment of the impact of the covid-19 on production and business activities of soc trang province. Recovery of production and business of enterprises in mekong delta after the covid-19 pandemic. P202-211.	

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
174	Huynh V.H.T (2018), “Xác định số lượng rầy nâu trưởng thành dựa trên đặc trưng sift bằng phương pháp cải tiến”, Tạp chí Khoa học và Kinh tế phát triển trường Đại học Nam Cần Thơ, Số 1, trang 107-117	
175	Huynh V.H.T (2020), “Sự phát triển máy tính lượng tử trong 20 năm nay”, Tạp chí Khoa học và Kinh tế phát triển trường Đại học Nam Cần Thơ, Số 12, trang 35-50	
176	Nguyễn T.N (2020), “Nghiên cứu sự phát triển của Chatbot trong 10 năm trở lại đây”, Tạp chí Khoa học và Kinh tế phát triển trường Đại học Nam Cần Thơ, Số 12, trang 51-66	
177	Huỳnh B.L (2020), “Công nghệ tấm nền màn hình 10 năm trở lại đây”, Tạp chí Khoa học và Kinh tế phát triển trường Đại học Nam Cần Thơ, Số 13, trang 19-31	
178	Bùi T.D.T (2020), “Công nghệ cảm biến trên Smartphone trong 10 năm trở lại đây”, Tạp chí Khoa học và Kinh tế phát triển trường Đại học Nam Cần Thơ, Số 13, trang 43-56	
179	Trương H.C (2020), “Nghiên cứu IoT ứng dụng xây dựng mô hình nhà thông minh trong 10 năm trở lại đây”, Tạp chí Khoa học và Kinh tế phát triển trường Đại học Nam Cần Thơ, Số 13, trang 77-91	
180	Võ V.P (2020), “Sự phát triển của trojan horse trong 10 năm trở lại đây”, Tạp chí Khoa học và Kinh tế phát triển trường Đại học Nam Cần Thơ, Số 13, trang 93-113	

Ghi chú: Công trình khoa học được liệt kê theo quy tắc sau:

- Họ tên tác giả, chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), *tên sách*, lần xuất bản, nhà xuất bản, nơi xuất bản.
- Họ và chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), *“Tên bài viết”*, *tên tập san*, số, ki/thời gian phát hành, số trang.
- Tác giả (Năm xuất bản), *tên tài liệu*, đơn vị báo trợ thông tin, ngày truy cập.
- Họ tác giả, chữ viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), *“Tiêu đề bài viết”*, *[trong] tên kỳ yếu*, địa điểm và thời gian tổ chức, nhà xuất bản, nơi xuất bản, số trang.

3. VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, THƯ VIỆN PHỤC VỤ CHO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

MẪU 6: Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành đào tạo dự kiến mô trình độ tiến sĩ của cơ sở đào tạo

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần /môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu		13,387			
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	4	2,335	Hội thảo	(1, 1)	
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	24	3,725	Lý thuyết	(1, 1)	
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	50	5,108	Lý thuyết	(1, 1)	
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	0	-			
1.5	Số phòng học đa phương tiện	13	1,638	Báo cáo, chuyên đề	(2, 1)	
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	21	580			
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	3,504			
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	64	46,555			

MẪU 7: Thư viện

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	An toàn dữ liệu - mã hóa bảo mật thông tin, an ninh cơ sở làm việc và an ninh mạng	Lê Bắc Nhường	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020	2	An toàn và bảo mật TMĐT	001980		
2	An toàn thông tin	TS. Lê Văn Phùng	Thông tin và Truyền thông, 2018	2	An toàn và bảo mật TMĐT	001980		
3	Cryptography and network Security Principles and Practices	William Stallng	Prentice Hall, 2016	1	An toàn và bảo mật TMĐT	001980		
4	Mật mã và an toàn thông tin - Lý thuyết và ứng dụng	Hồ Văn Canh, Lê Danh Cường	Thông tin và Truyền thông, 2018	2	An toàn và bảo mật TMĐT	001980		
5	Sách trắng Công nghệ thông tin Việt Nam		Thông tin và Truyền thông, 2019	2	An toàn và bảo mật TMĐT	001980		
6	Business Intelligence Guidebook: From Data Integration to Analytics	Rick Sherman	Morgan Kaufmann, 2014	1	Hệ thống thanh toán trực tuyến	001981		
7	Business Intelligence	Efraim Turban,	2014	1	Hệ thống thanh	001981		

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		Ramesh Sharda, Dursun Delen, David King			toán trực tuyến			
8	Introduction to Data Mining	Pang-Ning Tan, Michael Steinbach, Vi pin Kumar	Addison- Wesley, 2019	1	Hệ thống thanh toán trực tuyến	001981		
9	Dự báo trong kinh doanh	TS. Đinh Bá Hùng Anh	Kinh tế TP.HCM, 2016	1	Hệ thống thanh toán trực tuyến	001981		
10	Research Handbook on E-Government	Eric Welch	Edward Elgar, 2021	1	Thương mại điện tử	000847		
11	E-Government and Information Technology Management: Concepts and Best Practices	Marc Holzer, Aaron P. Manoharan, James Melilski	Melvin & Leigh, 2018	1	Thương mại điện tử	000847		
12	Tài liệu về Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam	Bộ Thông tin Truyền thông		1	Thương mại điện tử	000847		
13	Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư với quản trị nhà nước	Viện Kinh tế Việt Nam	Chính trị quốc gia Sự thật, 2019	2	Thương mại điện tử	000847		

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
14	Sách trắng Công nghệ thông tin Việt Nam			2	Thương mại điện tử	000847		
15	Giáo trình lập trình cơ sở	TS. Lê Đắc Nhường	Xây dựng, 2019	2	Cơ sở lập trình	000919		
16	Lập trình cơ bản	Lê Xuân Việt (ch.b), Dương Hoàng Huyền, Đinh Thị Hồng Huyền, Đoàn Đức Tùng	Xây dựng, 2017	2	Cơ sở lập trình	000919		
17	Giáo trình Kỹ thuật lập trình C: căn bản và nâng cao	Phạm Văn Át (ch.b), Lê Trường Thông, Nguyễn Hiếu Cường, Đỗ Văn Tuấn	Bách Khoa Hà Nội, 2017	6	Cơ sở lập trình	000919		
18	Digital Marketing: Strategy, Implementation and Practice	Chaffey, D & Ellis-Chadwick, F	Pearson UK, 2019	1	Tiếp thị trực tuyến (E-Marketing)	001587		
19	Understanding digital marketing: marketing	Ryan, D	Kogan, 2016	1	Tiếp thị trực tuyến (E-Marketing)	001587		

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	strategies for engaging the digital generation							
20	Digital Marketing - Từ chiến lược đến thực thi	Nhiều tác giả	Lao động, 2020	6	Tiếp thị trực tuyến (E-Marketing)	001587		
21	Web 2.0: Conceptual Foundations and Marketing Issues, Journal of Direct Data and Digital Marketing Practice 9(3): 231-244	Constant inidcs, E & Fountain, SJ	2008	1	Tiếp thị trực tuyến (E-Marketing)	001587		
22	Organizational Behavior	Stephen Robbins, Timothy Judge	Pearson, 2019	1	Phân tích dữ liệu kinh doanh	001982		
23	AI trong Marketing	Eric Verzuh	Lao động, 2020	1	Phân tích dữ liệu kinh doanh	001982		
24	Underpredicting Learning after Initial Experience with a Product		Journal of Consumer Research, Volume 37, Issue 5, 1 February 2011, Pages 723-736, 2011	1	Phân tích dữ liệu kinh doanh	001982		

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
25	Gam7 Book 10: Thấu hiểu và chinh phục thế hệ khách hàng mới	Rio Book	Lao động, 2019	2	Phân tích dữ liệu kinh doanh	001982		
26	The Fresh Start Effect: Temporal Landmarks Motivate Aspirational Behavior, Management Science, Vol. 60, No. 10, Pages iv-vi, 2381-2617?		2014	1	Phân tích dữ liệu kinh doanh	001982		
27	Thill Slice Impressions: I low Advertising Evaluation Depends on Exposure Duration. Journal of Marketing Research, 2015. Thin Slice Impressions: I low Advertising Evaluation Depends on Exposure Duration		Journal of Marketing Research, 2015	1	Phân tích dữ liệu kinh doanh	001982		
28	Navigating by the Stars: Investigating the Actual		Journal of Consumer Research, Volume	1	Phân tích dữ liệu kinh doanh	001982		

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	and Perceived Validity of Online User Ratings		42, Issue 6, April 2016, Pages 817-833, 2016					
29	Quản trị nguồn nhân lực	Trần Kim Dung	Tài chính, 2018	2	Hoạch định nguồn nhân lực doanh nghiệp	001983		
30	Human resource management	Gary Dossier	Pearson, 2017	1	Hoạch định nguồn nhân lực doanh nghiệp	001983		
31	Quản trị chiến lược	Fred R. David	Hồng Đức, 2017	2	Quản trị chiến lược kinh doanh điện tử	001984		
32	E-commerce 2019: Business, Technology and Society	Kenneth c. Landon, Carol Guercio Traver	Pearson, 2020	1	Quản trị chiến lược kinh doanh điện tử	001984		
33	Quản trị bán hàng	Vũ Minh Đức và tgc	Đại học Kinh tế Quốc dân, 2018	6	Quản trị bán hàng	000773		
34	Thấu hiểu khách hàng bán hàng hiệu quả	David Hoffeld	Đại học Kinh tế Quốc dân, 2017	6	Quản trị bán hàng	000773		
35	Giáo trình Quản Trị Logistics dùng cho ngành kinh tế và quản trị kinh doanh	Đặng Đình Đào	Tài Chính, 2018	6	Hệ thống quản trị chuỗi cung ứng	001985		

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
36	Quản trị chuỗi cung ứng	Huỳnh Thị Thuý Giang	ĐH Quốc gia TP. HCM, 2017	2	Hệ thống quản trị chuỗi cung ứng	001985		
37	Building the Agile Business through Digital Transformation	Neil Perkin & Peter Abraham	Kogan page, 2017	1	Thiết kế hệ thống thương mại điện tử	001986		
38	Shaping the Digital Enterprise	Heller, D. (Ed.)	Springer 2017	1	Thiết kế hệ thống thương mại điện tử	001986		
39	Investment Decision-making Using Optional Models	Gerhard Oswald & Michael Klincmcier	John Wiley & Sons, 2019	1	Thiết kế hệ thống thương mại điện tử	001986		
40	Writing the winning thesis or dissertation: A step- by-step guide.	Joyner, R. L., Rouse, w. A., & Glatthorn, A. A	Corwin press, 2018	1	Khóa luận tốt nghiệp ngành thương mại điện tử	001987		
41	Social Commerce - Marketing Technology and management	Turban, Efraim; Strauss, Judy, Lai, Linda	Springer, 2016	1	Quản trị chiến lược kinh doanh điện tử	001984		
42	Quản trị kinh doanh bán lẻ trực tuyến	TS. Trần Thị Thập	Thông tin và Truyền thông,	2	Quản trị chiến lược kinh doanh	001984		

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
			2018		điện tử			
43	Lập kế hoạch kinh doanh trên mạng xã hội	Linda Coles	Công thương, 2019	2	Quản trị chiến lược kinh doanh điện tử	001984		
44	Likeable Social Media, Third Edition: How To Delight Your Customers, Create an Irresistible Brand, & Be Generally Amazing On All Social Networks That Matter,	Dave Kerpen	McGraw-Hill, 2019	1	Quản trị chiến lược kinh doanh điện tử	001984		
45	Social media for business Lập kế hoạch kinh doanh trên mạng xã hội	Linda Coles	Wiley, 2017	1	Quản trị chiến lược kinh doanh điện tử	001984		
46	Digital Business and E-Commerce Management	Dave ChalTey	Pearson, 2019	1	Thương mại điện tử	000847		
47	Quản trị kinh doanh bán lẻ trực tuyến	TS. Trần Thị Thập	Thông tin và Truyền thông, 2018	2	Thương mại điện tử	000847		
48	Khởi sự kinh doanh	Circe Linsenman	Dân trí, 2020	1	Thương mại điện tử	000847		

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	ngành bán lẻ				tử			
49	Giáo trình Truyền thông marketing tích hợp	Trương Đình Chiến	Đại học Kinh tế quốc dân, 2019	6	Tiếp thị trực tuyến (E-Marketing)	001587		
50	Gam7 Book 11: Khuyến mại	Rio Book	Lao động, 2018	1	Tiếp thị trực tuyến (E-Marketing)	001587		
51	Harvard Business Review, BusinessWeek			1	Tiếp thị trực tuyến (E-Marketing)	001587		
52	Gam7 Book 13: Mạng xã hội		Lao động, 2019	2	Hệ thống thông tin quản lý	000615		
53	Marketing thực chiến trong thời 4.0	Harry Beckwith	1 lòng Đức 2019	2	Hệ thống thông tin quản lý	000615		
54	Network+ hướng dẫn về Mạng máy tính	Tamara Dean	Bách Khoa Hà Nội, 2019	2	Hệ thống thông tin quản lý	000615		
55	Data Communication & Computer Network	Vani Makula, Dr. D. Sunilha, Radhika Rajaju	Independently published, 2020	1	Hệ thống thông tin quản lý	000615		
56	CCNA See Labpro	Trung tâm tin	Thông tin và truyền thông,	2	Hệ thống thông	000615		

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		học VNPRO	2020		tin quản lý			
57	Marketing Research: Planning, Process, Practice	Riccardo Benzo, Marwa Gad Mohsen, Chaliid lourali	SAGE Publications, 2018	1	Quản trị bán hàng	000773		
58	Marketing research: An applied orientation	Malhotra, NK & Malhotra. NK	Pearson Education, 2016	1	Quản trị bán hàng	000773		
59	Sách trắng Công nghệ thông tin Việt Nam.			2	Phát triển ứng dụng web	001988		
60	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	Ngô Minh Vương (cb), Ngô Minh Vương	Đại học Quốc gia Tp. HCM, 2018	2	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	000985		
61	Object-Oriented Analysis and Design for Information Systems: Modeling with UML, OCL, and IFML	Kaul Sidnei Wazlawick	Morgan Kaufmann, 2014	1	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	000985		
62	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin quản lý	Trần Thành Trai	Trẻ, 1996	2	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	000985		

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
63	Phát triển hệ thống hướng đối tượng với UML 2.0 và C++	Nguyễn Văn Ba	NXB ĐH Quốc Gia Hà Nội, 2008	1	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	000985		
64	Thương mại điện tử căn bản	Trần TThị 'Thập	Thông tin và Truyền thông, 2020	2	Pháp luật thương mại điện tử	001989		
65	Pháp luật về hợp đồng trong thương mại và đầu tư: Những vấn đề pháp lý cơ bản	TS. Nguyễn Thị Dung (ch.b), TS. Đồng Ngọc Ba, TS. Đoàn Trung Kiên	Chính trị Quốc gia Sự thật, 2020	4	Pháp luật thương mại điện tử	001989		
66	Pháp luật về giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Phạm Thị Giang Thu	Chính trị Quốc gia Sự thật, 2020	2	Pháp luật thương mại điện tử	001989		
67	Sách trắng Công nghệ thông tin Việt Nam.			2	Phát triển ứng dụng web	001988		
68	Octave: A high-level interactive language	J.W. Eaton.	University of Wisconsin-Madison, 1995	1	Phát triển ứng dụng web	001988		

MẪU 8: Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu của ngành đào tạo dự kiến mở

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1.	Server Dell PowerEdge R640 (Ram 2x16G, HDD 2x600G, CPU Intel Xeon Silver 2.1G)	Hoa Kỳ, 2018	4	máy	Tất cả các học phần thực hành	Tất cả học kì	-	
2.	Phòng thực hành đa phương tiện (Công nghệ thông tin)	-	15	Phòng	Tất cả các học phần thực hành	Tất cả học kì	1 sinh viên/1 máy	
3.	Bộ máy tính Dell OptiPlex 5060 CPU Intel Core i7-8700 , Intel Ram 16GB (2x8GB) 2666MHz DDR4, I/O ports: SD 4.0 memory card reader, Monitor Dell 23" P2319H, Ubuntu Linux 16.04	Hoa Kỳ, 2018	150	máy	Tất cả các học phần thực hành	Tất cả học kì	1 sinh viên/1 máy	
4.	Intel(R) Core(TM) i3-7350K CPU @ 4.20GHz 4.20 GHz Installed RAM 4.00 GB System type 64-bit operating system, x64-based processor	Hoa Kỳ, 2017	300	máy	Tất cả các học phần thực hành	Tất cả học kì	1 sinh viên/1 máy	
5.	Intel(R) Core(TM) i3-10105 CPU @ 4.20GHz 4.20 GHz Installed RAM	Hoa Kỳ, 2020	300	máy	Tất cả các học phần	Tất cả học	1 sinh	

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
	8.00 GB System type 64-bit operating system, x64-based processor				thực hành	ki	viên/1 máy	
6.	Máy chiếu Panasonic PT-LB305	Nhật Bản, 2017	15	máy	Tất cả các học phần thực hành, lý thuyết	Tất cả học kì	-	
7.	Router Wifi Wifi 6 TP-Link Archer AX73	Việt Nam, 2020	15	máy	Tất cả các học phần thực hành	Tất cả học kì	-	
8.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ		04	Phòng	Một số học phần lý thuyết	Tất cả học kì	-	
9.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ		43	Phòng	Một số học phần lý thuyết	Tất cả học kì	-	
10.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ		34	Phòng	Một số học phần lý thuyết	Tất cả học kì	-	
11.	Số phòng học dưới 50 chỗ		0	Phòng	Một số học phần lý	Tất cả học	-	

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
					thuyết	kì		
12.	Số phòng học đa phương tiện		27	Phòng	Một số học phần lý thuyết	Tất cả học kì	-	